TRẦN THỊ MINH *** LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN *** HÀ NỘI, 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN THỊ MINH

DẤU ẤN TƯ DUY ĐỒNG DAO TRONG THƠ THIẾU NHI VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI, 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN THỊ MINH

DẤU ẤN TƯ DUY ĐỒNG DAO TRONG THƠ THIẾU NHI VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN NAY

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam
Mã số: 62 22 01 21

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học:
PGS. TS. LÃ THỊ BẮC LÝ

HÀ NỘI, 2018

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS Lã Thị Bắc Lý, cô đã tận tình hướng dẫn tôi hoàn thành luận án này.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các thầy giáo, cô giáo trong Tổ bộ môn Văn học Việt Nam, Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã giúp đỡ, động viên và tạo mọi điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

Tác giả luận án

Trần Thị Minh

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực.

Tác giả luận án

Trần Thị Minh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Mục đích nghiên cứu 4
3. Nhiệm vụ nghiên cứu 4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4
5. Phương pháp nghiên cứu 5
6. Đóng góp của luận án 6
7. Bố cục luận án 7
Chương 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 8
1.1. Lịch sử vấn đề 8
1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến tư duy đồng dao 8
1.1.2. Những nghiên cứu về mối quan hệ giữa tư duy đồng dao với thơ thiếu nhi 15
1.2. Cơ sở lí thuyết của đề tài 22
1.2.1. Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết 22
1.2.2. Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và tư duy thơ 25
Tiểu kết chương 1 27
Chương 2. KHÁI LƯỢC VỀ TƯ DUY ĐỒNG DAO VÀ THƠ THIẾU NHI 28
2.1. Tư duy đồng dao 28
2.1.1. Quan niệm về đồng dao 28
2.1.2. Quan niệm về tư duy đồng dao 32
2.1.3. Đặc điểm cơ bản của tư duy đồng dao 34
2.2. Thơ thiếu nhi 43
2.2.1. Quan niệm về thơ thiếu nhi 43
2.2.2. Đặc điểm cơ bản của thơ thiếu nhi 44
2.3. Cơ sở hình thành tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi 47
2.3.1. Cơ sở xã hội - văn hóa 48
2.3.2. Đặc điểm tâm lí tuổi thơ 51

2.3.3. Qui luật sáng tạo nghệ thuật.....55
Tiểu kết chương 2.....58
Chương 3. TƯ DUY ĐỒNG DAO NHÌN TỪ SỰ KIẾN TẠO BỨC TRANH THẾ GIỚI TRONG THƠ THIẾU NHI.....60
3.1. Thế giới kiến tạo từ quan niệm vạn vật bằng hữu.....60
3.1.1. Thế giới bè bạn thân thiện, gần gũi.....61
3.1.2. Thế giới bè bạn bình đẳng, không định kiến.....71
3.1.3. Thế giới bè bạn yêu thương, nâng đỡ, làm đẹp cho nhau.....76
3.2. Thế giới kiến tạo từ nguyên tắc ngẫu hứng, tự do.....80
3.2.1. Phi logic trong cái nhìn trực quan về thế giới.....82
3.2.2. Liên tưởng phóng túng, bất ngờ.....87
3.3. Thế giới kiến tạo từ mô hình trò chơi.....91
3.3.1. Trò chơi vận động.....93
3.3.2. Trò chơi trí tuệ.....97
3.3.3. Trò chơi từ ngữ.....100
Tiểu kết chương 3.....104
Chương 4. TƯ DUY ĐỒNG DAO NHÌN TỪ SỰ KIẾN TẠO HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT TRONG THƠ THIẾU NHI.....105
4.1. Thể thơ ngắn và trò chơi vần nhịp.....105
4.1.1. Thể hai chữ.....105
4.1.2. Thể ba chữ.....109
4.1.3. Thể bốn chữ.....113
4.2. Tái lặp những dạng thức kết cấu quen thuộc.....119
4.2.1. Kết cấu đối đáp.....120
4.2.2. Kết cấu vòng tròn.....126
4.2.3. Kết cấu trùng điệp cú pháp.....132
4.3. Vay mượn mô thức ngôn ngữ đồng dao.....137
4.3.1. Mô thức kể.....137
4.3.2. Mô thức cải dạng lời đồng dao.....141
Tiểu kết chương 4.....146

KẾT LUẬN 148
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN 151
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....152
PHỤ LỤC TÁC PHẨM KHẢO SÁT

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Trong lịch sử văn học của mỗi đất nước, văn học thiếu nhi luôn là một thành tố gắn bó, góp phần quan trọng làm nên diện mạo và thành tựu chung. Trái với quan niệm phiến diện cho rằng đây chỉ là dòng văn học "bên lề" hay "cấp thấp" so với văn học "người lớn", qua thời gian, văn học thiếu nhi đã khẳng định được sức sống cũng như vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người từ thuở ấu thơ, trở thành hành trang tinh thần cho con người trên suốt đường đời. Sự tác động của điều kiện lịch sử cụ thể và sinh thái văn hóa khiến văn học thiếu nhi mỗi dân tộc có những nét đặc sắc riêng, làm nên bức tranh phong phú của văn học thiếu nhi thế giới. Văn học thiếu nhi Việt Nam cũng cần được nhìn nhận như vậy.

Chưa đạt đến bề dày như văn học thiếu nhi của một số nước, văn học thiếu nhi Việt Nam phải đến sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 mới thực sự trở thành một bộ phận có tổ chức ở tầm vĩ mô và dần dần đạt được sự ổn định về định hướng, ngày càng phong phú về nội dung, trong đó thơ là mảng sáng tác quan trọng. Trải qua quá trình phát triển, đến nay, đội ngũ sáng tác thơ cho các em ngày càng được bổ sung, số lượng tác phẩm đã khá dồi dào, có những tác phẩm đạt đến độ kết tinh nghệ thuật, chinh phục đông đảo bạn đọc. Do bản chất hồn nhiên, giàu mộng mơ, tưởng tượng, tâm hồn các em và thơ ca có sự gần gũi tự nhiên. Thơ ca thực sự là món ăn tinh thần, là nguồn dinh dưỡng cho tâm hồn, tính cách trẻ em về nhiều mặt. Chính bởi thế, người sáng tạo văn học không thể không bận tâm đến vấn đề làm thế nào để thơ ca dễ đi vào lòng bạn đọc nhỏ tuổi, nhất là khi cuộc sống luôn luôn vận động. Vậy là cũng như thơ cho người lớn, thơ thiếu nhi buộc người viết phải không ngừng tìm hiểu, nắm bắt thị hiếu công chúng, không ngừng tự đổi mới để thơ có thể hấp dẫn hơn.

1.2. Trước 1945, văn học thiếu nhi ở nước ta đang trong giai đoạn phôi thai, trẻ em chưa có điều kiện tiếp xúc với nhiều tác phẩm văn học viết. Vì thế, các em tìm niềm vui tinh thần qua kho tàng văn học dân gian. Văn học dân gian chủ yếu do người lớn sáng tác và trước hết phục vụ chính mình nhưng trong đó có một số thể loại được thiếu nhi vô cùng yêu thích. Ra đời từ thời viễn cổ, văn học dân gian thể

hiện nhận thức ngây thơ, hồn nhiên của con người nên gần gũi với tâm lí, tư duy thiếu nhi. Các em hứng khởi tột độ khi để tâm hồn thỏa sức bay bổng trong thế giới thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, một số câu đố, đồng dao, hát ru. Trong hệ thống folklore đó, đồng dao có vị trí đặc biệt với đời sống tinh thần trẻ em, đó vừa là phương tiện vui chơi giải trí, vừa là phương tiện giáo dục, góp phần hình thành các tập tính ban đầu. Về mặt thẩm mĩ, đồng dao có mối quan hệ chặt chẽ với thơ ca dân gian và thơ ca trong văn học viết, đặt nền móng cho thơ thiếu nhi sau này.

Giới nghiên cứu ở nước ta đã bàn đến thơ thiếu nhi trên một số phương diện khác nhau như cảm hứng, đề tài, ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu… Đặc trưng thể loại, sự tương tác giữa thơ ca với các thể loại văn học khác là một quy luật phổ biến của văn học hiện đại, quy luật bao chứa trong nó cả nỗ lực vượt thoát khuôn thước truyền thống lẫn sự khôn ngoan trở về khai thác các yếu tố có sẵn nơi truyền thống để làm mới nghệ thuật thi ca. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy, thơ thiếu nhi Việt Nam mấy thập kỉ qua có sự thâm nhập của nhiều yếu tố, trong đó ảnh hưởng của đồng dao khá sâu đậm. Không chỉ mang đến cho thơ thiếu nhi cảm hứng sáng tạo vô tận, những mô thức đồng dao dân gian được tái cấu trúc còn có ý nghĩa xác lập một quan niệm văn chương mới mẻ, coi trọng tinh thần tự do và vẻ đẹp hồn nhiên, vô tư, rất thích hợp với trẻ em. Tìm hiểu mối quan hệ giữa thơ thiếu nhi với tư duy đồng dao trong những biểu hiện cụ thể sẽ giúp hiểu sâu hơn một quy luật cơ bản của nghệ thuật nói chung, của sáng tác thơ cho thiếu nhi nói riêng. Đó là quy luật giao thoa, phối kết thể loại trên hành trình nỗ lực cách tân của các nhà thơ. Nhìn từ cơ chế sáng tạo, việc xem xét một cách hệ thống dấu ấn của tư duy đồng dao đối với thơ thiếu nhi có thể giúp rút ra những bài học hữu ích cho người làm văn học sử, người nghiên cứu tâm lí học và người làm thơ.

1.3. Cuộc đời con người khởi đầu bằng tuổi thơ. Trẻ em là khởi đầu của nhân cách người lớn trong tương lai. Vì thế, tìm hiểu văn học thiếu nhi nói chung, thơ thiếu nhi nói riêng cũng chính là đi tìm câu trả lời cho câu hỏi mà bất kì người cầm bút chân chính nào cũng đều trăn trở: trẻ em cần gì ở văn học, ở thơ ca? Tác phẩm văn

học thiếu nhi phải có những phẩm chất gì để có thể lôi cuốn các em hơn, nhất là trong thời kì bùng nổ công nghệ thông tin, văn hóa nghe nhìn lấn át văn hóa đọc. Tâm lí học hiện đại đã chỉ ra, trẻ em không phải "người lớn thu nhỏ" mà chúng là những thực thể sống động, có thế giới riêng biệt, có khả năng tiếp nhận văn học độc lập, sáng tạo. Theo dõi tiến trình thơ cho thiếu nhi, có thể thấy, bên cạnh những tập thơ, bài thơ có nội dung sâu sắc và giá trị nghệ thuật cao, vẫn còn những bài mang nặng tính giáo huấn khô khan, ít chất thơ, chưa đủ sức hấp dẫn. Để tránh tình trạng thơ bị già nua, cằn cỗi, bằng sự nhạy bén, nhiều cây bút đã nhận ra thế mạnh của đồng dao, dịch chuyển từ "thơ răn dạy trẻ" sang "thơ chơi cùng trẻ". Điều này cho thấy sự vận động trong ý thức sáng tạo thơ thiếu nhi: không nên chỉ quá gò bó bởi tính giáo dục khô cứng mà xem nhẹ tính chất vui chơi, giải trí lành mạnh. Nói như Lê Ngọc Trà: "Tăng tính giải trí thực sự của nghệ thuật gắn liền với yêu cầu khắc phục lối minh họa sơ lược, coi nghệ thuật chỉ như hình thức tuyên truyền chính trị, răn dạy đạo đức. Nghệ thuật không đối lập với chính trị và đạo đức, nhưng nếu nghệ thuật chỉ là sự minh họa khô khan cho những tư tưởng chính trị và những chân lí đạo đức thì nó không thể có sức hấp dẫn, không thể đi vào hoạt động giải trí của con người, trong khi chính trong hoạt động giải trí này, ý nghĩa nhận thức, giáo dục của nghệ thuật mới có điều kiện phát huy ảnh hưởng của nó" [156, 369]. Chính vì thế, đưa thơ thiếu nhi hiện đại tìm về kho tàng đồng dao không chỉ là sự trở về với nguồn cội văn học dân tộc mà còn có ý nghĩa như một cách thức khơi dậy tình yêu thơ ca, hứng thú đọc thơ của độc giả nhỏ tuổi, đặc biệt là đối tượng độc giả trong thời đại vi tính hôm nay.

1.4. Là một giảng viên trực tiếp giảng dạy bộ môn *Văn học trẻ em* ở trường Đại học, nghiên cứu đề tài *Dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay* sẽ mang lại nhiều lợi ích cho công việc chuyên môn của bản thân tác giả luận án. Từ sự phân tích những phương diện biểu hiện cụ thể của dấu ấn tư duy đồng dao đối với thơ thiếu nhi, người viết có thêm cơ hội rèn luyện tư duy biện chứng trong nghiên cứu khoa học, bồi đắp năng lực cảm thụ, phân tích tác phẩm văn học. Hướng tiếp cận này, do thế sẽ góp phần giúp người giáo viên nâng cao nhãn quan văn học sử, tư duy và lí luận, làm điểm tựa cho các hoạt động nghiệp vụ đạt hiệu quả vững chắc hơn.

2. Mục đích nghiên cứu

Thực hiện đề tài *Dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay*, chúng tôi nhằm mục đích:

- Tìm hiểu dấu ấn tư duy đồng dao về phương diện nội dung chủ đề và hình thức nghệ thuật.

- Nghiên cứu thơ thiếu nhi trong mối quan hệ với tư duy đồng dao, xem đây như một nỗ lực tìm tòi, đổi mới của người sáng tác để tăng sức hấp dẫn cho tác phẩm đồng thời hình thành một trong những nét đặc trưng của mảng thơ này.

- Góp phần làm sáng tỏ hơn mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, nhất là văn học viết cho thiếu nhi.

- Góp phần bồi đắp tình yêu thơ ca, nâng cao thị hiếu thẩm mĩ cho bạn đọc nhỏ tuổi.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Chỉ ra những đặc trưng bản chất của thể loại đồng dao và lợi thế của nó trong đời sống văn hóa trẻ thơ.

- Xác lập quan niệm tư duy đồng dao, những đặc điểm cụ thể của tư duy đồng dao.

- Nhận diện và làm rõ dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi trên phương diện kiến tạo bức tranh thế giới.

- Nhận diện và làm rõ dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi trên phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu trọng tâm của luận án là những dấu ấn của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

4.2.1. Phạm vi nội dung

Với đề tài này, chúng tôi cố gắng đi sâu nghiên cứu những biểu hiện cụ thể của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại ở một số phương diện về nội dung - nghệ thuật như nguyên tắc kiến tạo thế giới, thể thơ, kết cấu, ngôn ngữ…

Tuy nhiên, trước khi đi vào nghiên cứu cụ thể, chúng tôi cần giải quyết một số vấn đề liên quan như: xác lập quan niệm về đồng dao/ tư duy đồng dao/ thơ thiếu nhi, đặc điểm cơ bản của tư duy đồng dao/ thơ thiếu nhi, cơ sở hình thành tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi.

4.2.2. Phạm vi tư liệu

- Tư liệu về đồng dao: Ngoài các nghiên cứu về đồng dao, chúng tôi sử dụng cuốn *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt* gồm 567 bài do tập thể tác giả Nguyễn Thúy Loan - Đặng Diệu Trang - Nguyễn Huy Hồng - Trần Hoàng biên soạn, nhà xuất bản Văn hóa thông tin ấn hành năm 1997 làm tư liệu khảo sát chính. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo thêm những bài đồng dao nằm rải rác ở những tài liệu khác.

- Tư liệu về thơ thiếu nhi: Chúng tôi khảo sát qua 63 tập thơ thiếu nhi được xuất bản từ 1945 đến nay. Trong tổng số hơn 1000 bài, chúng tôi ưu tiên chọn lựa 600 bài chịu ảnh hưởng rõ rệt của tư duy đồng dao.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp hệ thống

Phương pháp hệ thống cung cấp cho người viết cái nhìn bao quát khi nghiên cứu những biểu hiện của dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi trên những phương diện cụ thể. Qua đó, thấy được sự kế thừa và sáng tạo của thơ thiếu nhi.

Với phương pháp hệ thống, chúng tôi sử dụng các thao tác *khảo sát*, *thống kê*, *phân loại*...

5.2. Phương pháp loại hình

Phương pháp này giúp chúng tôi xác định đặc trưng của loại hình đồng dao và loại hình thơ thiếu nhi từ đó lí giải sự thẩm thấu, lai ghép, cải dạng thể loại trong nỗ lực sáng tạo của thơ thiếu nhi.

5.3. Phương pháp so sánh đối chiếu

Đồng dao và thơ thiếu nhi tuy hình thành, phát triển trong những điều kiện khác nhau nhưng gần gũi nhau về nhiều phương diện. Phương pháp so sánh giúp thấy được rõ hơn những điểm tương đồng và khác biệt của hai hệ thống nghệ thuật ngôn từ này, từ đó nắm bắt quy luật kế thừa và cách tân trong nghệ thuật.

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp so sánh những hiện tượng thơ thiếu nhi ở các giai đoạn khác nhau để thấy được mức độ ảnh hưởng của tư duy đồng dao trong mỗi thời kì.

Chúng tôi cũng đặt thơ thiếu nhi trong mối tương quan với thơ người lớn để nhận ra sự khác biệt trong khuynh hướng tiếp nhận đồng dao của hai bộ phận này.

5.4. Phương pháp liên ngành

Đề tài này cần vận dụng thêm những kiến thức tâm lí học lứa tuổi, tâm lí học sáng tạo, lí thuyết tiếp nhận để giúp lí giải thuyết phục hơn về sự sáng tạo của thơ thiếu nhi khi khai thác những ưu thế của đồng dao.

Ngoài ra, chúng tôi kết hợp các phương pháp đã nêu trên với các thao tác khoa học khác như *phân tích, miêu tả, bình giảng...*

6. Đóng góp của luận án

6.1. Về mặt khoa học

- Dự kiến đề tài nghiên cứu sẽ mở ra một hướng tiếp cận có tính khả thi về thơ ca thiếu nhi nói riêng trong mối quan hệ với văn học dân gian và những thể loại khác.

- Luận án là công trình chuyên biệt đầu tiên nghiên cứu, giới thiệu một cách ngắn gọn và hệ thống về dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại.

- Luận án đã xác lập quan niệm về tư duy đồng dao, chỉ ra và phân tích những biểu hiện cụ thể dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ viết cho thiếu nhi từ 1945 đến nay về phương diện nội dung và phương diện nghệ thuật.

- Luận án khẳng định mối quan hệ bền vững giữa văn học dân gian và văn học viết, mặt khác lí giải, đánh giá hiệu quả tư tưởng thẩm mĩ của sự kế thừa và cách tân vốn văn học truyền thống thông qua khảo sát sáng tác của một số nhà thơ thiếu nhi hiện đại.

- Góp phần làm rõ thành tựu của mảng thơ thiếu nhi đồng thời khẳng định vị trí của nó trong lịch sử phát triển của văn học Việt Nam hiện đại cũng như trong nền văn học dân tộc.

6.2. Về mặt thực tiễn

- Luận án nghiên cứu thơ thiếu nhi trong mối quan hệ với tư duy đồng dao nhằm giúp bạn đọc, đặc biệt là bạn đọc tuổi thơ tiếp xúc với vẻ đẹp của văn hóa

truyền thống và văn hóa hiện đại. Qua đó, giáo dục thế hệ trẻ ý thức coi trọng giá trị văn hóa cổ truyền của cha ông.

- Với giới sáng tác văn học, luận án có thể xem như một gợi ý nhỏ góp phần nâng cao chất lượng sáng tác thơ cho thiếu nhi: thơ không phải chỉ có nội dung lành mạnh mà còn cần hình thức thể hiện hấp dẫn, phù hợp với tâm lí tuổi thơ.

- Luận án có thể trở thành tài liệu tham khảo có ý nghĩa thiết thực phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy và nghiên cứu về văn học thiếu nhi.

7. Bố cục luận án

Ngoài những phần quy định chung (*Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình nghiên cứu của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, Tài liệu tham khảo*), luận án được trình bày thành bốn chương:

Chương 1: Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Khái lược về tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi

Chương 3: Tư duy đồng dao nhìn từ sự kiến tạo bức tranh thế giới trong thơ thiếu nhi

Chương 4: Tư duy đồng dao nhìn từ sự kiến tạo hình thức nghệ thuật trong thơ thiếu nhi

Ngoài ra, luận án còn có phần *Phụ lục* thống kê các tác phẩm luận án sử dụng nghiên cứu.

Chương 1
TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Lịch sử vấn đề

Với việc triển khai đề tài *Dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay*, chúng tôi muốn tiếp tục đi sâu, làm sáng tỏ mối quan hệ bền vững giữa văn học dân gian với văn học viết, cụ thể là mối quan hệ giữa thơ ca dân gian (đồng dao) với thơ ca hiện đại (thơ thiếu nhi). Tuy nhiên, trong phạm vi luận án, chúng tôi không trực tiếp nghiên cứu đồng dao mà xem đồng dao với phương thức tư duy của nó như một điểm tựa để làm sáng tỏ mức độ tiếp thu, sáng tạo tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại. Vì vậy, trong phần này, chúng tôi cũng xin được điểm lại lịch sử nghiên cứu vấn đề trên một số bình diện sau:

1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến tư duy đồng dao

Là viên ngọc quý thuộc hệ thống folklore, đồng dao có sức hấp dẫn đặc biệt với người tiếp nhận, nhất là trẻ em. Thời gian qua đã có một số tọa đàm về vai trò của đồng dao đối với thế hệ trẻ, tiêu biểu là tọa đàm *Đồng dao trong thế giới trẻ thơ* do TS Nguyễn Thụy Anh tổ chức tại Trung tâm văn hóa Pháp (10/ 12/ 2011). Trên lĩnh vực lí luận - phê bình, thể loại này cũng được đề cập đến từ nhiều góc độ khác nhau.

Những nghiên cứu về đồng dao dưới góc độ văn hóa dân gian đã có từ lâu và cũng khá phong phú. Tuy nhiên, trong những công trình, bài viết này, thuật ngữ tư duy đồng dao chưa được xác lập một cách cụ thể, trực tiếp mà xuất hiện gián tiếp thông qua một số nhận định khái quát của các tác giả. Chúng tôi tạm phân ra hai loại: thứ nhất là những bài có tính chất giới thiệu sách; thứ hai là những công trình nghiên cứu chuyên sâu.

1.1.1.1. Những bài viết mang tính chất giới thiệu

Trong bài "Trẻ con hát, trẻ con chơi" in trên *Tứ văn dân uyển* số 1 năm 1935, tác giả Nguyễn Văn Vĩnh đặt vấn đề tìm hiểu về những câu hát trẻ con của dân tộc bởi ông cảm nhận được: "Trong những câu hát trẻ con, đời đời truyền khẩu cho nhau, thường có cái ý vị, cái tinh thần tự nhiên, ai hiểu được thì cho là hay hơn cái ý vị, cái tinh thần của một nhà văn sĩ thêu dệt được nên trong câu văn câu thơ một người đặt ra vậy. Nhiều ngô nghê mà có lí thú, rất tối nghĩa mà khiến cho ta tưởng tượng không biết bao nhiêu sự huyền bí của đời dĩ vãng mà sử kí không chép được hết" [201, 662].

Tác giả Doãn Quốc Sỹ trong "Lời mở đầu" tập sách *Ca dao nhi đồng* (1969) có xu hướng đồng nhất đồng dao với ca dao. Ông cũng khẳng định chúng có sức hấp dẫn trẻ em: "Trẻ nhỏ Việt Nam nào mà chẳng thuộc, không ít thì nhiều, vài bài ca dao mà các em cảm thấy thích thú, ca dao đã đóng góp một phần không nhỏ vào đời sống tươi vui hồn nhiên của các em. Hầu hết trò chơi của các em đều là Ca dao" [201, 671]. Đồng thời, ông cũng đưa ra một số phương pháp sử dụng ca dao nhi đồng trong lớp học nhằm phát triển nhận thức cho các em.

Trong *Thi ca bình dân, tập IV* (1969), Nguyễn Tấn Long - Phan Canh dành một phần để giới thiệu khái quát về đồng dao. Các tác giả nhận thấy thể loại này có tác dụng rất lớn trong sinh hoạt nhi đồng, nhất là sinh hoạt vui chơi của trẻ: "Lớp người dân quê lớn tuổi đã dùng câu hát, điệu hò để giải khuây và phô diễn tình cảm chung trong lúc làm việc còn nhi đồng cũng lại dùng đồng dao để làm vui trong lúc cắt cỏ, chăn trâu và cũng dùng đồng dao tổ chức các trò chơi khi chúng họp nhau thành đoàn bên sườn núi, dưới lũy tre, trong ánh sáng đêm trăng. Cho nên đồng dao tác dụng trong sinh hoạt nhi đồng cũng chẳng kém gì ca dao tác động trong sinh hoạt người lớn" [201, 689].

Tác giả Vũ Ngọc Phan khi tìm hiểu tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam đã nhận thấy một bộ phận đặc biệt gắn với trẻ em mà ông gọi là "Hát vui chơi" (1971). Theo ông, những bài hát này khá phong phú về nội dung "giống như những bài học thường thức nhưng lại vần vè… phần nhiều ngộ nghĩnh, làm cho trẻ em thích thú, muốn nghe". Sự thích thú ấy phần nào bắt nguồn từ nhạc điệu: "Loại bài hát này có nhiều điệu mà điệu nào cũng nhịp nhàng, vui tươi" [201, 694].

Trong bài "Đồng dao với cuộc sống dân tộc Thái ở Tây Bắc" (1974), tác giả Tô Ngọc Thanh nhấn mạnh vai trò của đồng dao trong việc góp phần bồi đắp tâm hồn trẻ thơ: "Hát đồng dao, một thể loại của văn nghệ dân gian rất được chú ý, bởi đó là những nét bút đầu tiên của dân tộc viết lên trên những tâm hồn trắng tinh của trẻ thơ. Trong môi trường sinh hoạt, mỗi bài đồng dao là một thể kết hợp văn hóa - văn nghệ dân gian. Thông thường, nó gồm ba yếu tố: trò chơi - lời ca văn vẻ - làn điệu âm nhạc" [201, 696].

Từ một số bài đồng dao quen thuộc như *Con vỏi con voi, Con chim chích chòe, Chim ri là dì sáo sậu…*, tác giả Phác Văn phát hiện "Tính triết lý trong đồng dao Việt Nam" (1983). Ông cảm thấy vô cùng thích thú khi phát hiện chiều sâu triết lí ấy lại được lồng ghép trong lớp vỏ ngôn từ hồn nhiên, phóng khoáng: "Một lần nữa, tôi vô cùng khâm phục giá trị triết lý, sự phát hiện mẫn tuệ của ông cha ta trong đồng dao lại xuất hiện lên bằng những lời lẽ hết sức hồn nhiên, cứ như là chơi vậy thôi" [98, 80].

Khẳng định "Vị trí của đồng dao" (1995) trong đời sống trẻ thơ, Nghiêm Đa Văn có nhận xét thú vị về sứ mệnh của khúc hát đồng dao trong lịch sử đồng thời chỉ ra những đặc trưng cơ bản của thể loại này, đó là sự trong trẻo, ngây thơ, tươi mát, ngôn ngữ mộc mạc: "Đồng dao có cả một sứ mệnh vô cùng lớn lao. Lớn lao đến mức trí lực như Khổng Minh, Nguyễn Trãi, Đào Duy Từ không dám bỏ qua. Thánh nhân như Khổng Tử phải nhặt lấy mà san định vào Kinh thư, trí lự như Trạng Trình góp lại làm sấm truyền báo trước cho vạn thế (…). Chúng ta hãy trả lại cho đồng dao bốn ngàn tuổi thơ Bách Việt cái trong trẻo ngây thơ tươi mát, nguyên thủy của ngọn nguồn với ngôn ngữ mộc mạc, thô sơ, vụng về của sấm và cơ trời" [201, 781].

Về cơ bản, các bài viết mới chỉ dừng ở việc ghi lại những cảm nhận có tính chất cá nhân về vẻ đẹp độc đáo của đồng dao Việt Nam, chưa đặt mục đích đi sâu nghiên cứu đặc trưng, bản chất của đồng dao hay cơ chế kiến tạo tư duy đồng dao một cách hệ thống. Tuy nhiên, vấn đề này đã được bước đầu nhận diện thông qua một số nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ, sự dung hợp yếu tố học và chơi trong cùng một thể loại, đặc biệt là tính chất vui tươi, ngộ nghĩnh như các tác giả đã chỉ ra.

1.1.1.2. Những công trình mang tính chuyên sâu

Xuất phát từ lí do học thuật và lí do thực tiễn, một số nhà nghiên cứu đã đặt vấn đề tìm hiểu sâu hơn giá trị nội dung - nghệ thuật đồng dao. Các tác giả nhận thức rõ vai trò của đồng dao trong đời sống sinh hoạt nhi đồng cũng như tầm quan trọng của công tác sưu tầm, nghiên cứu đồng dao.

Tác giả Vũ Ngọc Khánh có hai bài viết tương đối công phu: "Mấy điều ghi nhận về đồng dao Việt Nam" (1974), "Thi pháp đồng dao" (1993). Bài viết thứ hai phát triển nội dung của bài viết thứ nhất ở mức độ sâu hơn. Nếu ở bài viết trước, tác giả mới chỉ bước đầu đặt vấn đề tìm hiểu phương pháp sáng tác đồng dao, ghi nhận một số đặc điểm về chức năng, cấu tạo đồng dao thì trong bài viết sau, tác giả lí

thuyết hóa thành khái niệm "thi pháp đồng dao" đồng thời mong muốn vấn đề nghiên cứu này được gia công hơn: "Phải chăng thực tế ấy cho phép đặt ra một vấn đề quả có một thi pháp trong đồng dao cổ truyền. Những bài đồng dao thường bị xem là lung tung, tản mạn, giá trị tư tưởng nghệ thuật thường bị đánh giá thấp hoặc cho là không có gì, vốn có yêu cầu riêng, phương pháp riêng mới có thể tồn tại lâu dài. Phải chăng nếu chúng ta nắm được bí quyết sáng tác đồng dao thì sáng tác mới của chúng ta dễ thành công hơn" [201, 774]. Tựu trung lại, hai bài viết của Vũ Ngọc Khánh có những phát hiện cơ bản sau:

Về phương pháp sáng tác: tác giả nhận thấy "phương pháp sáng tác của đồng dao có thể có những qui luật riêng, không giống như phương thức chung của nhiều loại thơ ca dân gian khác" [201, 716].

Về đặc trưng thể loại: tác giả cho rằng đồng dao cũng có tính truyền miệng, tính tập thể và tính dị bản như tục ngữ, ca dao nhưng tính dị bản ở đồng dao có phần phóng túng, tự do hơn: "Về đại thể, đồng dao cũng như tục ngữ, ca dao, đã được lưu hành bằng miệng, tính tập thể và tính dị bản rất rõ ràng. Mà hình như tính dị bản của đồng dao có phần phóng túng, tự do hơn một chút" [201, 716].

Về chức năng: đồng dao có tác dụng chủ yếu là thỏa mãn nhu cầu vui chơi của trẻ đồng thời tập cho trẻ một số tri thức để bước vào đời: "Phần lớn những bài đồng dao đều gắn với các trò chơi. Có lẽ đó cũng là một đặc điểm khác nữa của loại hình này. Trò chơi bổ sung cho đồng dao để chức năng thẩm mỹ của đồng dao thêm rõ. Qua trò chơi, các em được tập luyện cả về mỹ dục lẫn thể dục, trong đó lời ca, tiếng hát được dùng làm phương tiện thông tin (có khi mang cả yếu tố diễn xướng nữa)" [201, 729].

Về cấu tạo: đáng chú ý là hiện tượng câu mở đầu một bài đồng dao. Những câu mở đầu như *Nu na nu nống, Chi vi chi vít…* (đồng dao Việt), *Ống áng ơi bươn đao* (đồng dao Thái), *U xú ề xề, mế tấm hề, mế tấm be* (đồng dao Mường)… có thể đọc lên không có nghĩa nhưng "vẫn cần thiết, vẫn hay vì là sự khởi đầu để tạo nên không khí, để gây hào hứng" [201, 777]. Tác giả nhận xét đồng dao thường không tập trung vào một đề tài nhất định, khi diễn xướng thường kèm theo động tác: "Chúng tôi nghiệm thấy rằng, hình như các bài đồng dao cổ truyền ở nước ta, bài nào cũng phải kèm theo động tác. Động tác này có thể là riêng lẻ: một cử chỉ, một hành động có thể là đơn giản hay phức tạp của cá nhân hay tập thể các em. Động tác

có thể là một trò chơi có trình tự, có quy tắc của một nhóm các em có từ hai ba người trở lên. Động tác có thể có hình thức như một hoạt cảnh hay một màn diễn xướng cá nhân hoặc số đông" [201, 779].

Bài viết "Hát ru và hệ thống diễn xướng đồng dao" (1987) của Nguyễn Hữu Thu đi sâu tìm hiểu mối quan hệ giữa tiếng hát ru và hệ thống diễn xướng đồng dao: "Có thể nói, đồng dao là sự tiếp nối chức năng của tiếng hát mẹ ru con nhưng ở một cấp độ kĩ thuật cao hơn" [201, 733]. Tác giả nhấn mạnh chức năng giáo dục to lớn của đồng dao với trẻ em thông qua câu hát và trò chơi bao đời cha ông để lại: "Hệ thống diễn xướng đồng dao - tức những câu trẻ con hát, trẻ con chơi - ra đời để tiếp tục thay mẹ làm chức năng tạo nhân cách và tài năng đứa con về sau (...). Các hình thức diễn xướng đồng dao tiếp tục đóng vai trò tích cực trong vấn đề giáo dục đạo đức và phát triển thể lực, trí lực của trẻ" [201, 733]. Qua phân tích một số ví dụ tiêu biểu, tác giả cũng chỉ ra một số đặc điểm nổi bật của đồng dao như kiểu kết cấu trước cho, sau trả, kiểu bài hát "liên hoàn", "lượn vòng", kết cấu "phản hồi", kết cấu bằng nhiều thể thơ hai chữ, bốn chữ, năm chữ, tiết tấu ngắn gọn, giàu nhạc điệu... Nguyễn Hữu Thu quan niệm những yếu tố trên thuộc về hình thức nghệ thuật đồng dao, tác động đến quá trình diễn xướng đồng dao.

Phan Đăng Nhật trong "Lời đồng dao trong trò chơi cổ truyền của trẻ em" (1992) đưa ra nhận xét: "Đồng dao thực chất là ngôn ngữ có tính thơ ca, có vần, có nhịp nhưng niêm luật còn lỏng lẻo. Đó là một thứ lời nói vần, một bước trung gian từ ngôn ngữ giao tiếp đến thơ dân gian (rồi sau đó từ thơ dân gian sẽ chuyển thành thơ bác học)" [201, 763]. Phan Đăng Nhật cũng nhấn mạnh lời đồng dao luôn gắn bó chặt chẽ với trò chơi nhằm thực hiện những nhiệm vụ đa dạng: "Chúng ta có thể kết luận, lời đồng dao có những đóng góp quan trọng để thực hiện chức năng giáo dục và chức năng vui chơi với những nhiệm vụ rất đa dạng: luyện phát âm, cung cấp từ ngữ, giáo dục nhận thức, bồi dưỡng tình cảm, giữ nhịp cho thao tác chơi, thay cho hiệu lệnh kết thúc và hiệu lệnh xuất phát, chọn người đóng vai chính…" [201, 766].

Trong công trình *Đồng dao và ca dao cho trẻ em* (2007), bên cạnh phần sưu tầm, tuyển chọn phong phú, tác giả Nguyễn Nghĩa Dân dành trọn vẹn một phần nghiên cứu về đồng dao trên một số nét chính như: tính chất, chức năng, tác dụng của đồng dao, đặc điểm nội dung - thi pháp đồng dao. Đây là công trình nghiên cứu công

phu, giúp bạn đọc có cái nhìn bao quát về thể loại. Tiếp nối ý kiến của Vũ Ngọc Khánh, Nguyễn Nghĩa Dân cho rằng, đồng dao có đầy đủ các tính chất chung của văn học dân gian như tính truyền miệng, dị bản và tập thể nhưng "Vì đồng dao là của trẻ em nên đồng dao còn có tính chất vui chơi phù hợp với tâm sinh lí trẻ em" [15, 18]. Về chức năng, tác dụng của đồng dao, tác giả xác định: "Đồng dao có ba chức năng: nhận thức, thẩm mỹ và giáo dục ở mức độ phù hợp với tâm sinh lý của trẻ em" [15, 19]. Tác giả cũng trình bày cụ thể những phương diện cơ bản về mặt nội dung và thi pháp đồng dao.

Năm 2009, thêm một chuyên luận nghiên cứu tỉ mỉ về đồng dao của tác giả Triều Nguyên: *Tìm hiểu về đồng dao người Việt*. Trong chuyên luận này, Triều Nguyên đã điểm lại tình hình nghiên cứu đồng dao, đặt vấn đề xác lập quan niệm đồng dao bằng cách phân biệt đồng dao với ca dao và vè, với thơ của (hoặc cho/ về) thiếu nhi. Phần trọng tâm, tác giả đi sâu phân tích hình thức nghệ thuật đồng dao với những vấn đề cốt lõi gồm: thể thơ, vần và nhịp của đồng dao; cách sử dụng hình ảnh và các phương thức tu từ trong đồng dao; kết cấu và mô hình của đồng dao; một số kiểu văn bản đặc biệt trong đồng dao. Tác giả cũng đề xuất một tiêu chí phân loại đồng dao đồng thời có sự so sánh đồng dao Việt với đồng dao Tày, Nùng để thấy được nét tương đồng và khác biệt [113].

Tác giả Nguyễn Bích Hà trong bài "Đồng dao và trò chơi dân gian với sự phát triển tâm hồn và trí tuệ trẻ thơ" (2009) khẳng định chức năng to lớn, nhiều mặt của đồng dao trong đời sống trẻ em. Theo tác giả, đồng dao không tồn tại ngoài trò chơi mà gắn bó chặt chẽ, làm thành một bộ phận của trò chơi dân gian để thực hiện một số chức năng cơ bản như: "rèn luyện thân thể để trẻ khỏe mạnh, hoạt bát", "giúp trí tuệ trẻ phát triển", "giúp trẻ có tinh thần tập thể, dễ hòa đồng" đồng thời "giúp trẻ mở rộng và nâng cao nhận thức" [103, 51].

Chuyên luận *Thi pháp đồng dao và mối quan hệ với thơ thiếu nhi* (2015) của Chu Thị Hà Thanh tập trung nghiên cứu đồng dao dưới ánh sáng thi pháp học. Tác giả đi sâu khám phá các yếu tố tiêu biểu, điển hình của thi pháp đồng dao về thể thơ, kết cấu, ngôn ngữ. Chu Thị Hà Thanh nhấn mạnh: "Đặc trưng thi pháp đồng dao không phải được tạo thành bởi phép cộng của các yếu tố hình thức nghệ thuật riêng lẻ. Nó là sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ mộc mạc, hồn nhiên với kết cấu tản mạn,

ngẫu hứng, với thể thơ đơn giản, vần vè, với những hình ảnh thân thuộc trong đời sống hàng ngày của trẻ em. Các yếu tố ấy đan lồng vào nhau tạo nên một chỉnh thể hình thức mang tính nội dung - chúng đều nhằm mục đích đáp ứng chức năng vui chơi của trẻ. Chúng thiết lập một thế giới nghệ thuật, không khí nghệ thuật đặc trưng theo cách cảm, cách nghĩ của trẻ thơ" [149, 146].

Một số bộ giáo trình *Văn học dân gian* dùng cho các trường Đại học như: *Văn học dân gian Việt Nam, tập II* (1990) [138] của Hoàng Tiến Tựu, *Văn học dân gian Việt Nam* (2008) [28] của Nguyễn Bích Hà, *Giáo trình Văn học dân gian* (2012) [137] do Vũ Anh Tuấn chủ biên có dành một phần trong chương nghiên cứu về ca dao để giới thiệu đồng dao. Các tác giả trình bày quan niệm của mình về đồng dao, đưa ra cách phân loại đồng dao, đặt vấn đề nghiên cứu nội dung - nghệ thuật đồng dao. Hoàng Tiến Tựu nhận định: "Đồng dao có thể bắt nguồn từ các hình thức thơ ca dân gian của người lớn và được người lớn tham gia sáng tác, sử dụng nhưng chủ yếu phải phù hợp với thế giới quan, tâm sinh lí của trẻ em và do trẻ em trực tiếp lưu truyền, diễn xướng. Nhạc điệu và ngôn từ trong đồng dao đều hồn nhiên, đơn giản và thường gắn với những trò chơi, những hoạt động cụ thể của trẻ em thuộc các lứa tuổi khác nhau" [138, 143]. Nguyễn Bích Hà định nghĩa đồng dao là "Một hình thức hát và chơi, giáo dục trẻ nhẹ nhàng, bổ ích" [28, 234]. Phạm Thu Yến nhấn mạnh tính chất nguyên hợp của thể loại: "Đồng dao thể hiện rõ nét tính chất nguyên hợp về chức năng, về nghệ thuật của văn học dân gian. Lời ca gắn bó một cách hài hòa, chặt chẽ với âm nhạc, với trò chơi, thể hiện tính chất hồn nhiên, chất phác, phù hợp với nhu cầu vui chơi, với tâm sinh lý của trẻ nhỏ" [137, 200]. Tuy nhiên, các vấn đề này chưa được các tác giả tập trung làm sáng rõ.

Nhìn một cách khái quát, có thể thấy đa số tác giả hoặc khai thác đồng dao trên bình diện nội dung, hình thức diễn xướng, chức năng hoặc tìm hiểu một vài đặc điểm nghệ thuật đồng dao… Bên cạnh đó, cũng đã có những ý kiến luận bàn sâu sắc, những công trình nghiên cứu công phu với nỗ lực đi sâu khám phá sự độc đáo của thể loại đặc biệt này từ nội dung đến thi pháp. Những kết quả nghiên cứu đó, đối với chúng tôi, có ý nghĩa như những viên gạch đặt nền móng để từ đó có thể rút ra những đặc trưng thể loại phản ánh nét độc đáo của tư duy đồng dao, làm cơ sở khảo sát dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi.

1.1.2. Những nghiên cứu về mối quan hệ giữa tư duy đồng dao với thơ thiếu nhi

Trong lĩnh vực thơ ca hiện đại, việc tìm hiểu ảnh hưởng của văn học dân gian đã nhận được sự quan tâm và mang lại kết quả đáng trân trọng, tiêu biểu là những bài viết như "Thơ ca dân gian với tiến trình thơ hiện đại Việt Nam" (Nguyễn Văn Long), "Tư duy dân gian trong *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm" (Nguyễn Thị Minh Thương), "Chất dân gian trong thơ Trần Dần" (Đinh Minh Hằng), "Dấu ấn văn hóa, văn học dân gian trong thơ Vi Thùy Linh và Phan Huyền Thư" (Nguyễn Thị Hường) [104], "Từ đồng dao đến thơ hiện đại: Trường hợp Trần Dần" (Trần Ngọc Hiếu) [47]. Tuy nhiên, đối với bộ phận thơ thiếu nhi, vấn đề này dường như còn là khoảng trống. Nhận thấy vai trò quan trọng của văn học dân gian nói chung, folklore thiếu nhi nói riêng, một số nhà nghiên cứu đã bày tỏ mong muốn khai thác thế mạnh của những câu hát đồng dao nhằm làm phong phú thêm đời sống sinh hoạt trẻ thơ cũng như sáng tác thơ cho thiếu nhi.

1.1.2.1. Những nhận định khái quát

Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi nói chung đã được bàn đến gián tiếp qua một số công trình, bài viết của các tác giả: Vân Thanh, Tú Mỡ, Võ Quảng, Định Hải, Vũ Tuấn Anh, Bùi Công Hùng, Lã Thị Bắc Lý, Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký, Triều Nguyên, Chu Thị Hà Thanh... Trong bài "Thơ viết cho thiếu nhi buổi đầu những năm 60" (1963), tác giả Vân Thanh cho rằng, thơ viết cho thiếu nhi phải chạm đến được chiều sâu trong đời sống tâm hồn của chính các em. Để tăng sức hấp dẫn cho thơ, bên cạnh nội dung hiện thực, người sáng tác còn phải biết học tập ca dao, đồng dao: "Muốn cho thơ thâm nhập sâu vào đời sống của các em, đóng góp được một phần yêu cầu giáo dục trong sinh hoạt tinh thần của các em, nghiên cứu tư tưởng, tình cảm của các em trong từng lứa tuổi. Mặt khác cũng cần phải học tập ở ca dao, đồng dao dân gian nội dung lạc quan, yêu đời và sự phong phú, đa dạng của hình thức biểu hiện" [145, 590].

Chia sẻ "Mấy kinh nghiệm riêng về việc làm thơ cho các em" (1968), Tú Mỡ khẳng định tầm quan trọng của việc đưa thơ trở về với mạch nguồn dân tộc: "Chúng ta nên luôn luôn nhớ rằng: trẻ em ta là trẻ em Việt Nam. Thơ ta viết cho các em phải mang tâm hồn Việt Nam, trái tim Việt Nam. Không nên rập khuôn theo tác phẩm nước ngoài... Trong ca dao của ta có nhiều bài ru con rất hợp với trẻ em, thí dụ như bài *Con*

mèo mà trèo cây cau, bài *Cái bống là cái bống bang*, *Cái bống đi chợ cầu Nôm*... Đồng dao của ta cũng có lắm bài rất hay, ta có thể lấy làm mẫu mực" [145, 716].

Trăn trở với việc thể nghiệm những hình thức biểu đạt khi "Làm thơ cho các em" (1968), Võ Quảng nhấn mạnh: "Thơ cho các em có thể có nhiều hình thức, từ bốn năm câu cho đến mấy trăm câu, mỗi câu từ hai chữ cho đến năm mười chữ, có thể là ngũ ngôn, tứ tuyệt, lục bát, có thể là những câu dài ngắn không chừng, tất cả cái này do rung cảm của nhà thơ quy định. Nhưng điều cần chú ý là hình thức thơ cho các em nên dựa trên những hình thức vốn có của dân tộc và nhạc của thơ phải là nhạc điệu quen thuộc của xứ sở" [145, 726].

Năm 1982, tổng kết lại chặng đường "Hai mươi lăm năm thơ cho thiếu nhi", nhà thơ Định Hải nhận thấy thơ cho các em hôm nay cần nhiều hơn nữa chất hồn nhiên, vui tươi, dí dỏm; có những tập thơ được các em yêu thích bởi người sáng tác đã đắm mình trong ánh sáng diệu kì của thể loại đồng dao ra đời từ hàng nghìn năm trước: "Hơn bất cứ đối tượng nào, đối với các em, người viết phải chú ý làm sao cho thật hồn nhiên, tươi vui, nhẹ nhàng, dí dỏm (…). Tập thơ *Chim gọi mùa* của Quang Huy là một tập thơ có tính chất chủ đề, đã được bạn đọc ưa thích, chắc chắn là vì anh đã biết tìm về với đồng dao" [145, 646].

Qua tìm tòi, trải nghiệm, sau này, khi bàn về "Thơ cho thiếu nhi" (2002), Định Hải giúp bạn đọc nhận ra sự khác biệt giữa thơ cho "người lớn" và thơ cho "thiếu nhi". Theo ông, sự khác nhau căn bản là ở chỗ thơ cho thiếu nhi "rất gần với đồng dao, dân ca, văn học dân gian, rất gần với con mắt trẻ thơ, tâm hồn trẻ thơ" [145, 700].

Tuy không có nhiều sáng tác viết cho thiếu nhi nhưng nhà văn Thanh Tịnh cũng rất tâm huyết với những vần thơ dành cho tuổi nhỏ. Khi nghiên cứu "Những nét dân gian trong thơ sáng tác cho thiếu nhi" (1983), ông cho rằng, thơ ca với trẻ em có mối quan hệ gần gũi và có lẽ chẳng có gì quyến rũ các em hơn khi các em được đến với âm điệu quen thuộc của những câu hò, tiếng hát, lời vè quen thuộc: "Dựa trên cơ sở đó, chúng ta làm thơ cho thiếu nhi không nên vội vàng đi quá xa những nét dân gian, cụ thể là phong dao, ca dao, đồng dao mà các em đã quen biết. Tất nhiên, từ những nét phổ cập đó mà dần dần nâng cao" [98, 59]. Thanh Tịnh khẳng định: "thơ của tuổi thiếu nhi phải trên cơ sở của màu dân tộc, sắc dân gian" [98, 59]. Trong đó, ông đặc biệt quan tâm đến thể thơ và vần điệu: "Hình thức nên theo thể thơ của dân tộc: từ 2, 3, 4, 5 chữ rồi 6 - 8. Chứ loại thơ 7 chữ (tứ tuyệt - bát cú) hay tám chữ xem ra chưa thích hợp lắm.

Điều nên tránh là làm thơ một câu nhiều chữ quá hay thơ không vần. Vần điệu là nhạc trong thơ, đối với các em lại rất cần để dễ nhớ, dễ hiểu" [98, 59].

Trong "Bài học sáng tác rút ra từ đồng dao" (1983), tác giả Vũ Tuấn Anh cũng nhận thấy vai trò gợi mở quan trọng của đồng dao khi nhà thơ muốn có chiếc chìa khóa thần kì để mở cánh cửa bí ẩn - tâm hồn trẻ thơ: "Không thể phủ nhận rằng thơ viết cho trẻ em đang ngày càng có bước tiến rõ rệt. Trong quá trình phát triển với những tìm tòi của người viết, đồng dao gợi cho chúng ta nhiều vấn đề suy nghĩ. Đồng dao giúp ta hiểu sâu nhu cầu thưởng thức của trẻ em, cung cấp cho chúng ta chiếc chìa khóa để có thể mở rộng cánh cửa tâm hồn của những bạn đọc nhỏ tuổi" [98, 96].

Tác giả Bùi Công Hùng trong bài viết "Nhịp điệu trong thơ thiếu nhi" (1983) căn cứ vào sự khác nhau giữa nhịp thở của người lớn và trẻ em trên thực tế để đưa ra những kiến giải có ý nghĩa sâu sắc. Theo sự phân tích của ông, câu thơ của người lớn có thể dài hơn, trung bình từ sáu đến mười chữ, đọc mất độ năm giây. Nhưng trẻ em thở nhiều lần trong một phút nên chỗ ngừng nghỉ phải nhiều hơn. Qua khảo sát, tác giả thấy rằng: "Các em tầm 5, 6, 7 tuổi thích đọc loại câu thơ 2, 3, 4 chữ vì chỉ 2 giây đến 3 giây các em đã nghỉ để thở một lần. Các em tầm 11, 12, 13 tuổi thì thích hợp với loại câu thơ 5 từ vì từ độ 3 đến 4 giây các em phải nghỉ để thở một lần" [98, 55]. Mô hình câu thơ ngắn gọn như thế cũng chính là mô hình mà ta thường bắt gặp trong đồng dao, nó luôn có sức sống bền bỉ bởi: "Không phải các nhà thơ lớn tuổi hay các em không có thể, không biết sáng tạo các hình thức thơ khác cho mới lạ hơn mà chính tâm lý, sinh lý, cách tư duy thơ của các em đòi hỏi kiểu tổ chức bài thơ, nhịp thơ như vậy. Đồng dao của dân tộc ta hàng ngàn năm nay cũng gọn, ngắn thường chỉ có 4, 5 từ trong một câu" [98, 57].

Trong bài viết "Bước đầu tìm hiểu đồng dao trong hệ thống nghiên cứu thơ cho nhi đồng" (1988), Lã Thị Bắc Lý khẳng định đồng dao như "một thể loại đặc sắc của thơ cho nhi đồng" đồng thời nhấn mạnh đồng dao "đứng vào vị trí quan trọng của thơ thiếu nhi". Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất ý kiến nên chú ý dạy đồng dao và sáng tác đồng dao mới cho các em nhiều hơn nữa. Tác giả tỏ ý hoan nghênh một số "bài đồng dao cũ được cải biên với nội dung mới có ý nghĩa" như *Xỉa cá mè, Nu na nu nống...* hoặc những bài phóng tác theo đồng dao khá thành công như *Bắp cải xanh* của Phạm Hổ, *Chim gọi mùa* của Quang Huy [85].

Tìm hiểu mối quan hệ có tính quy luật "Từ những bài đồng dao đến thơ cho các em hôm nay" (1989), Trần Hòa Bình qua phân tích cái hay của một số bài đồng dao đã đề xuất khuynh hướng sáng tác nên có trong thơ thiếu nhi: "Dẫn ra vẻ đẹp của những bài đồng dao là để nói rằng: thơ cho các em, nhất là các em nhỏ rất nên có cái duyên, cái cốt cách của những bài hát trẻ con ấy" [8]. Tác giả cho rằng "sẽ là một điều khiếm khuyết nếu những người cầm bút viết cho các em hôm nay chưa quan tâm đúng mức tới phẩm chất của những bài đồng dao để từ đó sáng tạo không ngừng" [8]. Trong bài viết, Trần Hòa Bình đánh giá cao những sáng tác của Võ Quảng, Xuân Quỳnh, Nguyễn Hoàng Sơn, Trần Đăng Khoa vì đã kết hợp hài hòa các yếu tố truyền thống và hiện đại.

Chu Thị Hà Thanh có bài "Ảnh hưởng của đồng dao trong thơ thiếu nhi hiện đại" (2003) đã quan tâm đến sự vận dụng thể thơ hai, ba, bốn chữ chúng ta vẫn thường gặp trong đồng dao để sáng tác những tác phẩm phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi thiếu nhi. Tác giả bài viết nhấn mạnh: "Chúng tôi đã chứng minh được sức mạnh của đồng dao với hình thức thơ hai, ba, bốn chữ là phù hợp với tư duy, trình độ nhận thức của trẻ cũng như hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện các chức năng đối với trẻ như chức năng diễn xướng, chức năng cung cấp tri thức khoa học cho trẻ. Các nhà thơ hiện đại khi sáng tác thơ cho thiếu nhi cũng đã bắt đúng mạch tâm sinh lí của trẻ mà vận dụng triệt để ưu thế của các thể thơ hai, ba, bốn chữ này" [148]. Trong chuyên luận *Thi pháp đồng dao và mối quan hệ với thơ thiếu nhi* xuất bản năm 2015, tác giả tiếp tục nghiên cứu tính chất đồng dao của thơ thiếu nhi trên quan điểm thi pháp học lịch sử. Tác giả cho rằng với tất cả những tính chất đặc thù, đồng dao "đã nhanh chóng đứng vào vị trí quan trọng của hệ thống thơ cho nhi đồng. Các nhà thơ hiện đại đang được thừa hưởng một kho tàng kinh nghiệm quý báu từ đồng dao dân gian trong quá trình sáng tác cho thiếu nhi" [149, 194].

Hai tác giả Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký khi biên soạn chuyên đề *Hệ thống thể loại văn học cho thiếu nhi* (2007) cũng dành một phần "Tìm hiểu thể loại đồng dao". Trên cơ sở phân tích một số đặc điểm thể loại đồng dao, các tác giả đánh giá cao vai trò của thể loại này đối với hoạt động sáng tác thơ thiếu nhi: "Cùng với các thể loại khác của văn học dân gian, đồng dao trở thành vốn văn hóa của dân tộc. Cuộc sống đô thị hóa hiện nay đã thu hẹp dần diện tích sinh hoạt của đồng dao, nhưng vẻ

đẹp thẩm mỹ của nó vẫn là mẫu mực cho đời sống tinh thần của trẻ em. Chính đồng dao dân gian với cấu trúc độc đáo của nó đã trở thành bài học sáng tác thơ của nhiều nhà thơ viết cho trẻ em" [55, 65]. Trong phần viết: "Tìm hiểu thơ mang hình thức đồng dao", Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký đề xuất khái niệm "đồng dao mới". Đó là loại thơ kế thừa đồng dao dân gian, được sáng tác dành cho trẻ em hát và chơi ở vườn trẻ mẫu giáo hay trong sinh hoạt ngoại khóa ở trường tiểu học. Đồng dao mới tuy có cải biến để phù hợp với cuộc sống hiện đại "nhưng vẫn giữ được tính hồn nhiên của con trẻ như một nguyên tắc không thể thay thế" [55, 137].

Trong chuyên luận *Tìm hiểu về đồng dao người Việt* (2009), Triều Nguyên đã dành một phần của chương 5 nói về sự vận dụng đặc điểm thể loại của đồng dao vào việc làm thơ, đặc biệt là làm thơ cho thiếu nhi. Theo ông: "Vận dụng đồng dao vào việc làm thơ, tức là vận dụng các đặc điểm về thể loại của đồng dao trong việc sáng tác thơ cho/ của thiếu nhi. Đặc điểm về thể loại của đồng dao, như đã trình bày, đó là đặc điểm về thể thơ, vần nhịp, hình ảnh, kết cấu, cách tạo nghĩa, mô hình…" [113, 317].

Tìm hiểu "Đặc trưng của thơ viết cho thiếu nhi sau 1986" (2010), qua những tác phẩm tiêu biểu mang đậm hơi thở cuộc sống mới, hai tác giả Bùi Thanh Truyền - Trần Thị Quỳnh Nga nhận thấy cái hay, cái hấp dẫn của thơ thiếu nhi hôm nay nằm ở khía cạnh giao thoa với truyền thống trong đó có sự trở về của hình thức đồng dao. Sự học tập và làm mới đồng dao ấy đã khiến bạn đọc thiếu nhi được trải nghiệm những sản phẩm nghệ thuật thú vị: "Và cũng như các bài đồng dao, thơ mang dấu ấn đồng dao chứa đựng trong nó những tư duy ngộ nghĩnh và trí tuệ trẻ thơ (…). Thơ cho thiếu nhi hôm nay đã có những chuyển biến đáng kể, cả ở phương diện tiếp cận cuộc sống mới sôi động từ nhiều hướng, quan tâm một cách toàn diện mọi mặt của cuộc sống trẻ em đến một quan niệm mới mẻ về đối tượng tiếp nhận chủ yếu của bộ phận văn học này, về các phương diện biểu đạt của thơ: ngắn gọn về dung lượng, gần gũi với đời sống trẻ em, mang nhiều âm hưởng của đồng dao, sử dụng nhiều chi tiết kì ảo, hoang đường, tăng cường tính chất đối thoại, giảm rõ rệt sự phán xét và dạy bảo khô cứng" [161].

Tóm lại, những công trình, bài viết trên đã đưa ra một số nhận xét khái quát về sự có mặt của một số phương diện tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại, ghi nhận đó như là một hướng sáng tạo để tăng sức hấp dẫn cho thơ. Nhìn

chung, các tác giả đều khẳng định nếu nhà thơ có cách nhìn "trẻ" như tác giả dân gian trong đồng dao xưa thì sẽ khám phá được nét hồn nhiên trong cuộc sống trẻ thơ, mang đến cho các em cảm giác chân thật và niềm say mê, thích thú.

1.1.2.2. Những nghiên cứu từ tác phẩm cụ thể

Từ những cảm nhận tinh tế về một tập thơ hay một bài thơ thiếu nhi, nhiều nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra vai trò của đồng dao như một phương thức tư duy nghệ thuật trong sáng tác. Trên cơ sở khảo sát tài liệu, chúng tôi xin tóm lược những ý kiến tiêu biểu sau:

Bàn về "Thơ của các em" (1973), tác giả Vân Thanh nhận thấy thế giới loài vật được miêu tả trong đó thật náo động, có thể thấy rõ điều này qua bài thơ *Đám ma bác giun* của Trần Đăng Khoa. Bài thơ tái hiện lại không khí của những câu ca dao, đồng dao quen thuộc thuở nào: "Đám ma giun mà họ hàng nhà kiến đi đưa. Sao nhiều loại bà con nhà kiến đến thế: kiến con, kiến già, kiến đất, kiến cánh, kiến lửa, kiến kim, kiến càng… Đám ma kéo dài gồm toàn họ nhà kiến. Chưa hết. Đang còn kiến đen ở nhà "la đà" uống rượu và cả lũ kiến gió bay ra chia phần. Bài thơ gợi một không khí xưa, ta đã gặp đâu đó trong ca dao" [145, 1193].

Trong bài viết "Dòng suối thức" (1983) bàn về tập thơ thiếu nhi cùng tên của Quang Huy, Trần Ninh Hồ cho rằng, để sáng tác được các em yêu thích thực không phải chuyện dễ dàng. Bạn đọc nhỏ tuổi không thích đọc thơ rồi ngẫm nghĩ như người lớn. Thơ cần phải mang đến cho các em tiếng cười tươi vui, nhí nhảnh. Tiếng cười tươi vui ấy có khi được tạo ra từ chính những vần thơ mang dáng dấp đồng dao thuở nào. Mượn lời trẻ thơ, Trần Ninh Hồ bày tỏ: "Thơ phải làm cho chúng tôi *hát* được, *múa* được cơ. Hàng ngàn năm rồi, chúng tôi đã hát, múa bằng thơ - đồng - dao kia mà! Chúng tôi còn thích được cười như nắc nẻ nữa. Ở *Dòng suối thức* có những bài thơ như thế không? Có. Không nhiều đâu, vì loại thơ như thế khó lắm. Nhưng mà có…" [145, 999]. Tác giả minh chứng điều đó bằng một số bài thơ cụ thể như *Dòng suối thức, Chẳng phải chuyện đùa, Chim tu hú*… đồng thời khẳng định chính cách nói vần vè mô phỏng đồng dao đã mang đến cho tập thơ vẻ đẹp hồn nhiên mà không kém phần ý vị: "Hồn nhiên đến mức ngộ nghĩnh, hóm hỉnh mà cũng chẳng kém sâu xa, đấy là sức quyến rũ, cái mạnh đã có ở *Dòng suối thức*" [145, 1001].

Nhân đọc tập thơ *Hương cốm* (1985), Vũ Ngọc Bình đã bàn đến cái hay, cái đẹp của một số bài thơ ông tâm đắc. Theo tác giả, bài thơ *Chiếc mo cau* của Định Hải đã

"mượn lối nói đồng dao ngọt ngào, đằm thắm, ca ngợi tình thương của mẹ qua hình ảnh bàn tay đã gói bao nắm cơm - mo cau nuôi bao lứa con khôn lớn" [145, 969].

Trần Thị Thắng với bài viết "Người dẫn dắt tuổi thơ vào cổ tích" (1997) đã thể hiện một cái nhìn có chiều sâu về những tác phẩm Phạm Hổ viết cho thiếu nhi. Nói đến Phạm Hổ, trước hết người ta nghĩ đến ông với tư cách là nhà thơ - người bạn lớn của các em. Những bài thơ như *Mười quả trứng tròn, Xe chữa cháy, Chú bò tìm bạn*… đã trở thành hành trang của bạn nhỏ nhiều thế hệ bởi nó dễ nhớ, dễ thuộc, giống như "thể đồng dao ngoài dân dã, có những gắn bó thường ngày như *Mười quả trứng tròn* bỗng chốc được đưa vào thơ" [145, 1084]. Tác giả nhận định: "Tôi cho đây là nét độc đáo của tác giả Phạm Hổ khi làm thơ cho các em. Tác giả đã vận dụng vốn dân tộc: lối cổ tích, đồng dao với cả trò chơi vào các em "chơi ú tim"… những sinh hoạt hàng ngày quanh các em bỗng chốc thành thơ" [145, 1084].

Tác giả Trần Đăng Suyền với bài viết "Thế giới nghệ thuật thơ Trần Đăng Khoa thời kỳ niên thiếu" (2003) đã lí giải một trong những nhân tố tạo nên hồn thơ Trần Đăng Khoa chính là sự tiếp thu nguồn mạch văn học dân gian: "Một hồn thơ ngay từ tuổi ấu thơ đã được trực tiếp nuôi dưỡng bằng dòng sữa của văn học dân gian qua lời ru bằng những điệu chèo *Lưu Bình Dương Lễ, Quan Âm Thị Kính* của bà ngoại, qua tiếng hát ru và lời kể *Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, Hoàng Trừu, Tống Trân Cúc Hoa*, những truyện cổ tích, những câu ca dao của mẹ..." [132].

Trong công trình *Tìm hiểu về đồng dao người Việt* (2009), khi đề cập đến sự vận dụng đặc điểm về thể loại của đồng dao vào việc làm thơ, Triều Nguyên đã nhắc đến bài *Kể cho bé nghe* của Trần Đăng Khoa như một mẫu mực "có vận dụng đặc điểm của đồng dao một cách rõ ràng để sáng tác, như đã bàn" [113, 325].

Trong giáo trình *Văn học trẻ em* (2011), phần viết về tác giả Phạm Hổ, qua khảo sát những tác phẩm cụ thể như *Bắp cải xanh, Củ cà rốt, Một ông trăng, Sáo đậu lưng trâu*…, Lã Thị Bắc Lý nhận định: "Thơ Phạm Hổ viết cho các em thường theo lối nhại đồng dao (…). Chính hình thức nhại đồng dao này đã đem đến cho các em niềm vui khi tiếp xúc với tác phẩm. Nhịp điệu bài thơ vui nhộn, các em có thể vừa đọc, vừa kết hợp với vui chơi, nhảy múa. Bài thơ lúc này đóng vai trò như một bài hát, dẫn dắt các em vào thế giới của những mối quan hệ với thiên nhiên, vạn vật và con người" [88, 92].

Trong bài "Thơ viết cho thiếu nhi của Dương Thuấn - Khúc ca cao nguyên" (2011), Lã Thị Bắc Lý cũng nhấn mạnh việc vận dụng tối đa chất liệu riêng biệt của vùng quê văn hóa Tày để làm nên một thế giới thơ sinh động và độc đáo: "Anh (Dương Thuấn) khai thác nhiều mô típ dân gian quen thuộc và làm mới những huyền thoại đó bằng cái nhìn vừa lãng mạn, bay bổng lại vừa sắc sảo của mình..." [89].

"Đọc tập thơ *Giấc mơ buổi sáng* của Nguyễn Lãm Thắng" (2012), tác giả Nguyễn Văn Hòa nhận thấy Nguyễn Lãm Thắng đã vận dụng nhuần nhuyễn hình thức đồng dao nhưng vẫn thể hiện được cá tính sáng tạo rõ nét: "Anh (Nguyễn Lãm Thắng) biết kế thừa tinh hoa của những bài đồng dao vào thơ của mình với nhịp thơ có điệu thức, gần gũi với đồng dao nhưng vẫn mang hơi thở của thời đại, đem đến cho thiếu nhi một không khí mới, một sắc thái mới. Đó là ở cảm xúc và dấu ấn của cái tôi cá nhân" [39].

Trong bài *"Ra vườn nhặt nắng* và giọt sương thơ" (2016), tác giả Chu Văn Sơn thẳng thắn chỉ ra điểm hạn chế của thơ viết cho thiếu nhi: "Chả mấy bài không chềnh ềnh cái bục giáo huấn. Chưa đặt bút đã nhăm nhăm xem chỗ nào đây có thể nhét được những giáo điều (...). Thơ thế bảo sao trẻ không ngán được chứ" [128]. Từ tập *Ra vườn nhặt nắng* của Nguyễn Thế Hoàng Linh, tác giả nhấn mạnh "mĩ học của sự ngộ nghĩnh" như một tiêu chí cần phải có để thơ hấp dẫn các em hơn. Đây cũng là thế mạnh mà đồng dao xưa đã làm được: "Thơ thứ thiệt cho trẻ vốn dạng đồng dao (...). Thơ phải là cuộc chơi hồn nhiên của mĩ cảm. Lời thì thỏ thẻ. Hình thì tung tăng. Giọng thì ru rín. Ý thì ẩn nấp trốn tìm. Mỗi bài một sân chơi. Mỗi tứ một trò vui" [128].

Như vậy, với các bài viết trên, các tác giả một lần nữa đã chỉ ra một trong những nguyên tắc quan trọng khi sáng tác thơ cho thiếu nhi: sáng tác trên cơ sở tiếp thu tư duy đồng dao để thơ cho các em tràn đầy sự hồn nhiên, trong trẻo. Đồng dao đã vượt ra ngoài ý nghĩa chỉ một thể loại để trở thành phương pháp sáng tác có vai trò đặc biệt trong hệ thống thơ ca thiếu nhi.

1.2. Cơ sở lí thuyết của đề tài

1.2.1. Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết

Văn học dân gian và văn học viết (hay văn học thành văn) là hai bộ phận hợp thành nền văn học nói chung của bất kì dân tộc nào. Trong đó, văn học dân gian là bộ phận ra đời sớm hơn, giữ vai trò mở đường cho văn học viết phát triển.

Do nảy sinh trong những điều kiện khác nhau nên văn học dân gian và văn học viết tuy cùng là nghệ thuật ngôn từ nhưng lại có những khác biệt căn bản, thậm chí đối lập nhau. Văn học dân gian đặc trưng bởi tính nguyên hợp, tính truyền miệng, tính tập thể, ý thức cá nhân có thể đã manh nha nhưng còn mờ nhạt. Ngược lại, văn học viết ra đời khi các loại hình nghệ thuật đã có sự phân tách, được lưu lại cố định trên văn bản, đặc biệt đề cao cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Tuy nhiên, giữa văn học dân gian với văn học viết không chỉ có vấn đề khác biệt và tương đồng mà còn có vấn đề mối quan hệ qua lại. Đây là mối quan hệ vừa có tính tự nhiên vừa có tính qui luật, được chứng minh qua thực tiễn văn học.

Lịch sử văn học đã cho thấy: trong giai đoạn đầu mới hình thành, văn học viết thường có xu hướng dựa vào kho tàng văn học dân gian như một lẽ tự nhiên bởi đó là nơi tập hợp đầy đủ nhất những tri thức lịch sử cũng như ngôn ngữ văn học của nhân dân: "Nó nhất thiết phải tìm đến những phương tiện biểu hiện được tinh luyện ở lò sáng tác thơ ca dân gian vì đó là tất cả những gì mà nghệ thuật ngôn từ có thể có được. Trong bước đi ban đầu ấy, quan hệ của văn học với văn học dân gian căn bản có tính chất tự nhiên và bắt buộc..." [159, 55]. Trong quá trình phát triển kế tiếp, mối quan hệ này trở nên có ý thức và ngày càng bền chặt hơn. Văn học viết tiếp tục tìm thấy trong kho tàng văn học dân gian những kinh nghiệm sáng tạo nghệ thuật, những kiểu cốt truyện, những hình tượng điển hình, có thể trở thành kiểu mẫu... Mối quan hệ này được ví như "cái cối xay phải đặt ở nơi nguồn nước" (R.Gamzatôp), như "dòng sữa đầy chất dinh dưỡng của một người mẹ có sức sống dồi dào" (Nguyễn Khánh Toàn).

Như vậy, văn học dân gian vừa là cội nguồn vừa là nền tảng của văn học thành văn về nhiều phương diện: đề tài, thể loại, thi liệu, văn liệu..., như Đỗ Bình Trị đã từng khái quát: "Các nhà văn học được văn trong cổ tích và học được thơ trong ca dao" [160, 111]. Từ góc độ lí luận, vấn đề này đã được đề cập đến trong một số bài viết như "Một số vấn đề lí thuyết chung về mối quan hệ văn học dân gian - văn học viết" (Lê Kinh Khiên) [64], "Vai trò của văn học dân gian trong sự phát triển văn học dân tộc" (Đặng Văn Lung) [80], "Từ trong nguồn văn học dân gian" (Trần Hữu Thung) [155], "Mấy ý kiến về vấn đề nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học với văn học dân gian" (Đỗ Bình Trị) [158], "Mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học

viết trong lịch sử văn học dân tộc" (Nguyễn Đình Chú), "Các hình thức tương tác cơ bản giữa văn học dân gian và văn học viết" (Trần Đức Ngôn) [Xem 104]. Lê Kinh Khiên chỉ ra mức độ ảnh hưởng của văn học dân gian đối với văn học viết "có khi là sự mô phỏng bắt chước phong cách dân gian", "có khi là sự chuyển hóa nghệ thuật tinh vi cao diệu, các yếu tố dân gian chỉ là chất liệu phương tiện được nhà văn sử dụng theo cách riêng của mình" [Xem 64]. Trần Đức Ngôn khái quát bốn hình thức cơ bản biểu hiện mối quan hệ này là "hình thức nhại", "hình thức mô phỏng", "hình thức thâm nhập lẫn nhau về chất liệu văn học", "hình thức thâm nhập lẫn nhau về phong cách" [Xem 104].

Thực tế đã chứng minh nguồn mạch văn học dân gian chưa bao giờ ngừng tuôn chảy trong các sáng tác văn học viết mỗi thời kì "có khi dồi dào, mạnh mẽ, khi âm thầm, sâu lắng, chìm ẩn qua những ẩn dụ, biểu tượng, những phương thức của tư duy dân gian. Đồng thời, đội ngũ nhà văn, trí thức, những thành tựu văn học viết cũng tác động trở lại, góp phần nâng cao tính thẩm mĩ của các sáng tác dân gian trên các phương diện văn bản hóa tác phẩm, diễn xướng tác phẩm trong bối cảnh xã hội, cộng đồng…" [Xem 104]. Bởi thế, việc tìm hiểu mối quan hệ giữa hai bộ phận văn học này đã thu hút được nhiều cây bút nghiên cứu từ những góc độ khác nhau: góc độ giai đoạn văn học, góc độ thể tài, thể loại hoặc góc độ tác giả, tác phẩm. Có thể kể những công trình, bài viết tiêu biểu như *Vai trò của văn học dân gian trong văn xuôi hiện đại Việt Nam* (Võ Quang Trọng) [157], "Mối quan hệ giữa văn hóa dân gian và văn hóa chuyên nghiệp/ bác học, xét từ cội nguồn lịch sử" (Phan Đăng Nhật), "Vi Hồng và hệ thống tác phẩm được dân gian hóa" (Phạm Duy Nghĩa), "Sự xâm nhập và tái sinh của một số mô thức tự sự dân gian trong văn xuôi Việt Nam từ 1986 đến nay" (Hoàng Cẩm Giang)... [Xem 104].

Văn học dân gian còn góp phần nuôi dưỡng tâm hồn những nghệ sĩ lớn xưa nay. Nhiều tài năng văn học lớn đã tiếp thu tích cực vốn văn học dân gian để sáng tạo nên những tác phẩm văn chương ưu tú. Đó là Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu... trong văn học trung đại Việt Nam. Điển hình nhất là gương mặt thi hào Nguyễn Du. Ông đã chọn lọc những phần tinh túy nhất trong ngôn ngữ nhân dân, đặc biệt là ngôn ngữ văn học của nhân dân để sáng tạo nên ngôn ngữ *Truyện Kiều*. Trong bài thơ *Thanh minh ngẫu hứng*, ông tâm sự: "Thôn ca sơ học tang ma ngữ" (Trong tiếng ca thôn làng, học tiếng người trồng dâu,

trồng gai). Trong văn học hiện đại, xu hướng tìm về thi pháp văn học dân gian được thể hiện qua sáng tác của Hoàng Cầm, Bùi Giáng, Trần Dần, Đồng Đức Bốn, Nguyễn Duy, Phạm Công Trứ... Ở nước ngoài, những tác phẩm tiêu biểu gắn với tên tuổi Hô - me (Hi Lạp), A. Puskin, M. Gorki (Nga)... cũng chính là những minh chứng sống động cho sự kế thừa văn học dân gian và đạt đến thành công.

Tuy nhiên, trong quá trình hấp thụ tinh hoa văn học dân gian, các tác giả vừa trung thành với truyền thống nhân dân vừa có ý thức cải biên, sáng tạo vốn liếng kinh nghiệm tập thể để tích cực làm đầy, làm mới các giá trị văn học nghệ thuật, đáp ứng những thách thức có tính lịch sử cụ thể qua mọi thời đại.

Văn học dân gian ảnh hưởng đến văn học viết, ngược lại văn học viết cũng có tác động trở lại văn học dân gian. Nhiều hình tượng trong văn học viết trở thành chất liệu để nghệ sĩ dân gian sử dụng và phóng tác. Ví dụ: "*Anh xa em như bến xa thuyền/ Như Thúy Kiều xa Kim Trọng biết mấy niên cho tái hồi*" (Ca dao). Sự tác động tương hỗ như vậy tạo điều kiện cho cả hai bộ phận văn học bổ sung cho nhau, cùng song song phát triển.

Luận án của chúng tôi tập trung nghiên cứu dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay. Quan hệ giữa tư duy đồng dao với thơ thiếu nhi thực chất nằm trong quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết (như đã trình bày ở trên). Dựa trên cơ sở này, chúng tôi có điểm tựa để lí giải thuyết phục hơn thành công của các nhà thơ viết cho thiếu nhi theo hướng vừa có sự vận dụng, kế thừa một cách có ý thức các giá trị tinh hoa truyền thống, vừa cách tân một cách tự nhiên, tất yếu trong cá tính sáng tạo nghệ sĩ.

1.2.2. Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và tư duy thơ

Nhìn từ góc độ loại hình học, đồng dao (thơ ca dân gian) và thơ hiện đại đều thuộc loại hình thơ. Bởi thế, giữa tư duy đồng dao và tư duy thơ cũng có nhiều điểm chung, gần gũi.

Về tư duy thơ, tác giả Nguyễn Bá Thành có công trình nghiên cứu công phu: *Tư duy thơ và tư duy thơ Việt Nam hiện đại* [151]. Trong công trình này, tác giả đã từ một số khái niệm công cụ như tư duy/ tư duy logic/ tư duy hình tượng đi đến xác lập quan niệm về tư duy thơ/ đặc điểm cơ bản của tư duy thơ/ đặc điểm tư duy thơ trong sự soi chiếu vào thơ ca Việt Nam.

Theo Nguyễn Bá Thành, "tư duy thơ là một phương thức biểu hiện của tư duy nghệ thuật nhưng nó mang trong mình một khả năng biểu hiện phong phú nhờ khả

năng biểu hiện của ngôn ngữ thơ phong phú và đa dạng" [151, 58]. Trên cơ sở đó, tác giả xác định một số đặc điểm của tư duy thơ như sau:

- "Đặc điểm quan trọng nhất của tư duy thơ là sự thể hiện của cái tôi trữ tình, cái tôi cảm xúc, cái tôi đang tư duy" [151, 56].

- "Tư duy thơ phản ánh những tình cảm cộng đồng và tư duy thời đại. Tư duy thơ chấp nhận một khả năng tưởng tượng dường như vô tận của nhà thơ" [151, 58].

- "Khi nói tư duy thơ là chúng ta nói đến kiểu tư duy nghệ thuật ngôn từ (...). Trong thơ, sự vận động của ngôn ngữ không nhất thiết phải tuần tự mà có thể nhảy vọt. Bước nhảy vọt ấy đôi khi do liên tưởng tạo ra, mang tính ngẫu nhiên. Tư duy thơ thường được biểu hiện thành từng dòng phát ngôn trên văn bản và từng quãng ngắt hơi trong khi đọc. Như vậy, sự tồn tại của dòng thơ đã làm ảnh hưởng đến tư duy thơ, tính nhạc điệu của ngôn ngữ cũng chi phối tư duy thơ" [151, 72].

- "Tư duy thơ bị chi phối bởi một số tiêu chí có tính hình thức (...). Đó chính là các yêu cầu về liên kết vần và liên kết ý" [151, 72].

- "Tìm hiểu tư duy thơ là tìm hiểu sự vận động của hình tượng thơ. Sự vận động của hình tượng thơ vốn tuân theo sự dắt dẫn của đường dây liên tưởng" [151, 74].

- "Tư duy thơ là sự khôi phục và sáng tạo ra các biểu tượng trực quan (...), ta gọi đó là quá trình điển hình hóa nghệ thuật" [151, 76].

Như vậy, nói đến tư duy là nói đến vấn đề chủ thể sáng tạo. Từ tư duy sáng tạo của chủ thể thẩm mĩ đến những sáng tạo thẩm mĩ phải trải qua quá trình lao động nghệ thuật đầy cảm hứng, từ đó kiến tạo nên thế giới nghệ thuật phản chiếu thế giới quan, các quan niệm nhân sinh... của người nghệ sĩ.

Đối sánh các đặc điểm trên với tư duy đồng dao, ta thấy hai phương thức tư duy này có nhiều điểm song trùng (Về vấn đề tư duy đồng dao, chúng tôi sẽ triển khai cụ thể trong mục 2.1.2 và 2.1.3 của chương 2). Tư duy đồng dao và tư duy thơ đều là những phương thức tư duy gắn với thể loại văn học cụ thể. Hiểu theo nghĩa rộng, chúng đều là những dạng thức khác nhau của tư duy nghệ thuật, tư duy hình tượng, dựa trên qui luật tưởng tượng, liên tưởng, có chứa đựng yếu tố ngẫu nhiên, phi lí tính.

Tuy nhiên, đồng dao là loại hình thơ ca dân gian dành riêng cho trẻ em nên bên cạnh những nét tương đồng đó, tư duy đồng dao còn chịu sự chi phối của đặc điểm tâm lí, đặc điểm tiếp nhận văn học của lứa tuổi nhỏ. Về nội dung, tư duy đồng dao

qui định đến việc lựa chọn đề tài sáng tác phù hợp với thiếu nhi, từ đó chủ thể thẩm mĩ kiến tạo nên thế giới trẻ thơ với những sắc thái riêng, không giống thế giới của người lớn. Về nghệ thuật, tư duy đồng dao chi phối đến sự kiến tạo các hình thức thể hiện của chủ thể, sao cho trẻ dễ nhớ, dễ thuộc, các em đến với bài thơ như đến với một trò chơi ngôn từ thú vị. Thơ thiếu nhi không quá đặt nặng mục đích truyền thông điệp lộ liễu hay khuynh hướng "làm chữ", "chơi thơ". Trong luận án, chúng tôi nhìn nhận tư duy đồng dao như một kiểu tư duy mang đặc điểm riêng kết nối thơ ca dân gian với loại hình thơ thiếu nhi hiện đại. Đặt trong mối quan hệ với tư duy thơ, vấn đề này sẽ được biện giải chắc chắn hơn.

Tiểu kết chương 1

Từ việc tổng hợp, khảo sát các tài liệu, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu thơ thiếu nhi từ góc nhìn đối chiếu, liên hệ với đồng dao đã được các nhà nghiên cứu chuyên về văn học thiếu nhi cũng như chính những nhà văn, nhà thơ trực tiếp sáng tác thơ cho thiếu nhi quan tâm bàn đến. Điều có ý nghĩa là, trong xã hội hiện đại, đồng dao vẫn chưa bao giờ cũ; thậm chí khi có nhu cầu đổi mới văn học nói chung, thơ cho thiếu nhi nói riêng, ta vẫn thấy sự tham gia kiến tạo của nguồn mạch dân gian, trong đó có đồng dao là vô cùng mạnh mẽ. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng những ý kiến bàn luận đó chủ yếu hoặc dừng ở mức những nhận định khái quát, nêu ấn tượng chứ chưa có phân tích cứ liệu để làm rõ các yếu tố, mức độ ảnh hưởng của đồng dao như thế nào hoặc đi vào một bài thơ cụ thể nhưng cũng mới chỉ đưa ra vài cảm nhận về sự tương đồng ở thể thơ, sự hồn nhiên, hình ảnh ngộ nghĩnh... Đến nay, chưa có công trình nào thực sự tiếp cận thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại theo hướng tổng hợp, chỉ ra phạm vi ảnh hưởng cụ thể của đồng dao với tư cách là một phương thức tư duy độc đáo. Bởi thế, thực hiện đề tài này, chúng tôi mong muốn sẽ có những đóng góp nhất định đối với công tác nghiên cứu khoa học và giảng dạy văn chương. Những kết quả nghiên cứu quý báu của người đi trước sẽ là những gợi mở quan trọng, có tác dụng định hướng cho những vấn đề chúng tôi sẽ triển khai trong luận án.

Vấn đề nghiên cứu của luận án được dựa trên cơ sở lí thuyết về mối quan hệ giữa văn học dân gian với văn học viết, mối quan hệ giữa tư duy đồng dao với tư duy thơ. Trên cơ sở đó, người viết có thể biện giải thuyết phục hơn về sự có mặt của những mô thức tư duy đồng dao nổi bật trong thơ thiếu nhi.

Chương 2
KHÁI LƯỢC VỀ TƯ DUY ĐỒNG DAO VÀ THƠ THIẾU NHI

2.1. Tư duy đồng dao

2.1.1. Quan niệm về đồng dao

Trong những năm gần đây, khái niệm văn học dân gian thiếu nhi đang hình thành trong hoạt động nghiên cứu văn học dân gian của nhiều nước trên thế giới. Bởi như một lẽ tự nhiên, kho tàng văn học dân gian của bất kì quốc gia nào, ít nhiều đều có bộ phận sáng tác dành cho trẻ em hoặc chủ yếu hướng về tuổi nhỏ. Nếu người lớn có cả một kho tàng ca dao - dân ca để gửi gắm tâm tư, tình cảm, ước mơ, khát vọng cho một cuộc sống tốt đẹp hơn thì trẻ em cũng có riêng cho mình những bài đồng dao thể hiện một cách sinh động đời sống trẻ thơ hồn nhiên, ngộ nghĩnh. Cho đến nay, những công trình nghiên cứu về đồng dao khá nhiều nhưng xung quanh khái niệm "đồng dao" vẫn tồn tại những ý kiến khác nhau.

Quan niệm duy tâm về nguồn gốc của văn học cho rằng đồng dao là những lời sấm kí do thần linh mách bảo nhằm tiên tri về thời cuộc cho con người. Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký ghi lại: Theo sách Đông Chu Liệt Quốc, "tương truyền có một vì tinh tú trên trời sa xuống hóa thành đứa trẻ mặc áo đỏ, đứa trẻ đó hát truyền những câu ca gọi là sấm, người đời gọi là đồng dao" [55, 61]. Theo thần thoại Hy - La, "vị thần Nghệ thuật Thi ca hóa thân vào những đứa trẻ, những đứa trẻ ấy đi rao hát khắp nơi mà sinh ra đồng dao" [55, 61]. Tuy nhiên, những câu sấm truyền như thế không có nhiều. Tác giả của nó có thể là những nhà tiên tri hay những nhà nho giấu mặt, muốn phản kháng với thực tại nên mượn trẻ em làm phương tiện tuyên truyền bóng gió về tư tưởng của mình. Trong phạm vi luận án, chúng tôi không hiểu đồng dao theo nghĩa trên.

Ở Việt Nam, vấn đề nghiên cứu đồng dao đã được chú ý từ những năm trước 1945. Học giả Nguyễn Văn Vĩnh là người đi tiên phong trong lĩnh vực này. Ông không dùng thuật ngữ đồng dao mà gọi theo cách thực hành của trẻ là "trẻ con hát, trẻ con chơi". Theo ông, trẻ con trước biết hát rồi sau mới biết nói. Những "câu hát trẻ con" bao gồm trước hết là "những câu vừa hát vừa chơi", sau là đến những câu hát "không phải có cuộc chơi", thứ ba là "những câu ru trẻ ngủ" [201, 662]. Như vậy, những tác phẩm văn học dân gian được trẻ em truyền miệng, trẻ em hát, trẻ em

chơi hoặc dùng để ru trẻ ngủ đều được tác giả xếp vào chung một loại tác phẩm. Ông cũng lưu ý những câu hát này không cố định, tùy thổ ngơi từng vùng mà thay đổi đi ít nhiều.

Trong cuốn *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm giải thích "dao là hát không có chương có khúc" từ đó đưa ra định nghĩa đồng dao là "các bài hát của trẻ con" [201, 753]. Dương Quảng Hàm không chỉ rõ đồng dao thuộc thể loại văn học dân gian nào.

Trong lời mở đầu tập sách *Ca dao nhi đồng*, Doãn Quốc Sỹ cho rằng: "Hầu hết trò chơi của các em đều là ca dao". Những bài ca vui chơi đó được ông định danh là "ca dao nhi đồng" [201, 671]. Tuy nhiên, trong quá trình phân loại, tác giả lại phân chia chúng thành nhiều lĩnh vực gồm: những bài hát luân lý, những bài hát vui chơi, những câu nói ngược, con cò trong ca dao Việt Nam, những bài nói về nếp sống nông nghiệp, những tập tục xưa, câu đố, bài hát trẻ em Nam Hương. Như vậy, tuy gọi là "ca dao nhi đồng" nhưng những tác phẩm này lại thuộc về nhiều thể loại khác nhau như ca dao, câu đố, tục ngữ, những bài hát trẻ em có tên tác giả.

Nguyễn Tấn Long - Phan Canh trong *Thi ca bình dân, tập IV*, phần viết về *Đồng dao* đưa ra định nghĩa: "Đồng dao tức là ca dao nhi đồng" [201, 683]. Như vậy, theo các tác giả, thuật ngữ đồng dao dùng để chỉ một bộ phận của ca dao.

Trong *Mấy điều ghi nhận về đồng dao Việt Nam*, Vũ Ngọc Khánh đã mở ra một hướng nghiên cứu mới về bộ phận thơ ca đặc biệt này. Ông không sử dụng cụm từ "bài hát trẻ em" vì dễ gây nhầm lẫn mà đề xuất khái niệm "đồng dao" để chỉ những lời ca dân gian trẻ em, bao gồm cả những lời trong trò chơi nhưng không bao gồm những câu sấm kí. Theo tác giả, đồng dao là một thể loại văn học dân gian tương đồng với tục ngữ, ca dao [201, 713].

Trần Hòa Bình trong *Từ những bài đồng dao đến thơ cho các em hôm nay* cho rằng: "Trong kho tàng văn nghệ dân gian của dân tộc nào cũng có những bài hát dành riêng cho trẻ em (…) đó là những bài đồng dao" [8]. Như vậy, với tác giả, tác phẩm văn học dân gian nào được trẻ ca hát thì gọi là đồng dao.

Khi nghiên cứu về thể loại ca dao, trong một số giáo trình, người biên soạn cũng đặt vấn đề tìm hiểu đồng dao nhưng còn sơ lược. Chẳng hạn, Hoàng Tiến Tựu định nghĩa: "Đồng dao là thơ ca dân gian truyền miệng trẻ em" [138, 143]. Với

Hoàng Tiến Tựu, đồng dao cũng là một bộ phận của ca dao nhưng trong quá trình phân loại, ông lại mở rộng sang cả một số thể loại văn học dân gian như vè. Theo tác giả, phạm vi của đồng dao rất rộng, bao gồm cả những bài vè kể vật, kể việc (như vè chim, cá, hoa, quả…), những bài ca gọi trâu, gọi nghé và những lời sấm truyền hay sấm kí do trẻ em hát. Gắn đồng dao với chức năng sinh hoạt thực hành, tác giả Phạm Thu Yến nhận định: "Đồng dao là những câu hát dân gian truyền miệng, thường do trẻ em hát lúc vui chơi, sinh hoạt" [137, 200]. Tác giả Trần Đức Ngôn trong giáo trình *Văn học thiếu nhi Việt Nam* (viết chung với Dương Thu Hương) cho rằng đồng dao là những bài ca dao dành cho trẻ em nhưng đồng dao không thể coi là thuật ngữ khoa học, không thể được xác định như là một thể loại văn học dân gian riêng biệt. Trần Đức Ngôn quan niệm đồng dao là khái niệm có tính chất tập hợp, bao gồm những tác phẩm từ nhiều thể loại khác nhau như ca dao thiếu nhi và vè cho thiếu nhi [110, 77].

Ngoài ra, tập thể tác giả biên soạn cuốn *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt* cũng đưa ra định nghĩa: "Đồng dao là những bài hát truyền miệng của trẻ em lứa tuổi nhi đồng và thiếu niên. Vốn là những sáng tác dân gian không rõ tên tác giả, về sau từ vần điệu của loại hình này, một số người sáng tác những bài thơ cho trẻ em hát, có tên tác giả cũng được các nhà nghiên cứu gọi là đồng dao" [201, 5]. Với quan niệm đó, trong phần tuyển tác phẩm đồng dao, người biên soạn sưu tầm một số lượng lớn tác phẩm ở nhiều thể loại: vè, ca dao, một số tác phẩm thơ khuyết danh và có tên tác giả.

Trong nhan đề bài tham luận trình bày ở Hội nghị *Thông báo văn hóa dân gian* do Viện nghiên cứu văn hóa tổ chức năm 2005, Lê Đức Luận cho rằng đồng dao là một thể loại: "Bước đầu tìm hiểu thể loại đồng dao" [Xem 101]. Trong bài viết "Tìm hiểu về hệ thống đồng dao Việt Nam" [14], Nguyễn Nghĩa Dân tán thành điều này: " (...) đồng dao là thể loại văn học dân gian của trẻ em và cho trẻ em". Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký trong bài "Tìm hiểu thể loại đồng dao" cũng đưa ra định nghĩa: "Với tư cách là một thể loại văn học cho trẻ em, có thể định nghĩa đồng dao một cách bao quát nhất: Đồng dao là những bài hát dân gian dành cho trẻ em hát và chơi" [55, 62]. Các tác giả chỉ thừa nhận mà không giải thích.

Như vậy, giữa các ý kiến khác nhau về đồng dao cũng có một độ "chênh" nhất định về nội hàm thuật ngữ. Tuy nhiên, chúng đều thống nhất ở một điểm: với đồng

dao, trẻ em nhất thiết phải là đối tượng chủ yếu và đích thực của sự sáng tạo và diễn xướng. Từ các ý kiến trên, có thể khái quát ba xu hướng chính hiểu về đồng dao:

Thứ nhất, theo nghĩa rộng, đồng dao là một phức thể, bao gồm những tác phẩm văn học dân gian của thiếu nhi hoặc được sáng tác cho thiếu nhi chủ yếu thuộc các thể loại: ca dao, vè, ngụ ngôn (thơ), thậm chí có cả những lời sấm kí trong dân gian cũng được thiếu nhi truyền tụng.

Thứ hai, theo nghĩa hẹp, đồng dao là những bài hát dân gian do thiếu nhi sáng tác hoặc do người lớn sáng tác dành cho thiếu nhi. Những bài hát dân gian này thường được thiếu nhi hát trong vui chơi. Như vậy, đồng dao là một bộ phận của ca dao.

Thứ ba, một số quan niệm xác định đồng dao là một thể loại văn học độc lập, có những đặc trưng riêng về nội dung và nghệ thuật.

Trong luận án, chúng tôi thống nhất theo quan niệm thứ nhất, nhìn nhận đồng dao như một phức thể tồn tại trong kho tàng văn học dân gian. Quan niệm này giúp người tiếp nhận tránh được sự bất cập khi đồng dao được đặt đứng cạnh ca dao, vè, trong đó ranh giới giữa đồng dao và vè còn nhiều điểm chưa rõ ràng. Khảo sát cuốn *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, chúng tôi thống kê được 24/ 567 (≈ 4, 2%) đơn vị bài được gọi là vè như vè các loại hoa, vè các loại rau, vè các loại chim, vè nói ngược... Tuy nhiên, những bài này không có tính chất khẩu báo, tính chất tự thán như vè thế sự, cũng không nhằm mục đích kể chuyện nước như vè lịch sử. Về nội dung, chúng thể hiện nhận thức đơn giản của con người về thế giới tự nhiên, giống như những bài học thường thức vui vẻ giúp con người, đặc biệt là trẻ em mở rộng hiểu biết về thế giới đó. Về nghệ thuật, chúng thường sử dụng thể thơ bốn chữ, ngắt nhịp đôi, gieo vần lưng, vần chân. Đặc điểm nội dung - nghệ thuật của những bài vè kể về muôn vật như thế rất gần gũi với nhóm đồng dao về thiên nhiên đất nước. Trên thực tế, chúng đã trở thành một bộ phận của đồng dao và thuộc phạm vi khảo sát của luận án trong quá trình đối sánh với thơ thiếu nhi.

Theo chúng tôi, đồng dao là một tập hợp bao gồm các sáng tác từ một số thể loại khác nhau. Đó là hình thức thơ ca dân gian có nội dung và nghệ thuật phù hợp với trẻ em, thường được trẻ em hát trong lúc vui chơi. Đồng dao có thể do trẻ tự sáng tác hoặc do người lớn sáng tác trên cơ sở cái nhìn, thế giới quan của trẻ.

2.1.2. Quan niệm về tư duy đồng dao

Tư duy là phạm trù được nói đến nhiều trong triết học và tâm lí học. *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa: Tư duy là "giai đoạn cao của quá trình nhận thức, đi sâu vào bản chất và phát hiện ra tính quy luật của sự vật bằng những hình thức như biểu tượng, khái niệm, phán đoán và suy lí" [120, 1385]. Về bản chất, kết quả của quá trình tư duy là sự phản ánh thế giới khách quan, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Tư duy không tồn tại một cách siêu hình, tách rời hiện thực mà gắn bó chặt chẽ với hoạt động thực tiễn và ngôn ngữ của con người.

Các nhà nghiên cứu tâm lí học cho rằng có thể chia tư duy của con người thành ba bình diện khác nhau: tư duy hành động - trực quan, tư duy hình tượng - cảm tính và tư duy khái niệm - logic. Các bình diện tư duy này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, từ đó tạo ra các hình thức tư duy tương ứng là tư duy khoa học, tư duy nghệ thuật và tư duy thực tiễn hàng ngày.

Để chiếm lĩnh đối tượng của mình, trong lĩnh vực văn nghệ hình thành một kiểu tư duy đặc biệt gọi là *tư duy nghệ thuật*. Tư duy nghệ thuật được xây dựng trên cơ sở tư duy hình tượng - cảm tính. Hình thức tư duy này "cho phép nghệ sĩ cùng một lúc vừa phát hiện khách thể vừa bộc lộ thái độ của chủ thể. Mặt khác, là một sự tái hiện từ xa, tách khỏi khách thể, nó cho phép tư duy nghệ thuật có thể sử dụng hư cấu, tưởng tượng để xây dựng những hình tượng có tầm khái quát lớn lao, tác động mãnh liệt tới người đọc" [82, 266]. Nói cách khác, nghệ thuật là tư duy hình tượng như Biêlinxki từng diễn đạt một cách hình ảnh: "Nhà triết học nói bằng phép tam đoạn luận còn nhà thơ nói bằng các bức tranh" [Dẫn theo 23, 26]. Tuy nhiên, sự phản ánh trong tư duy hình tượng không phải là sự sao chép hiện thực một cách bàng quan mà mang đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ, trong đó có sự tham gia mạnh mẽ của hư cấu và tưởng tượng.

Tiếp thu ý kiến của các nhà nghiên cứu và dựa trên những luận giải của tác giả Lại Nguyên Ân trong cuốn *150 thuật ngữ văn học* [3, 356], của nhóm tác giả Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi trong *Từ điển thuật ngữ văn học* [32, 381], về vấn đề này, chúng tôi quan niệm như sau: *Tư duy nghệ thuật là một loại hình tư duy thẩm mĩ của một cộng đồng, một tác gia, được sinh ra trong điều kiện lịch sử cụ thể. Tư duy nghệ thuật bao gồm cả nội dung, phương thức chiếm lĩnh cũng như cách thức thể hiện hiện thực cuộc sống. Có thể nói, tư duy nghệ thuật gắn với chủ thể sáng*

tạo là yếu tố cốt lõi, là "xương sống" trên đó tư tưởng, quan niệm của tác phẩm được hình thành đồng thời quy định việc lựa chọn các phương tiện biểu hiện, các biện pháp nghệ thuật.

Trong thực tiễn sáng tác, tư duy nghệ thuật tồn tại dưới những dạng thức hết sức linh hoạt. Ở phương diện rộng, tư duy nghệ thuật có thể gắn với các hệ hình văn học, chẳng hạn, tư duy nghệ thuật văn học dân gian/ văn học trung đại/ văn học hiện đại/ hậu hiện đại... Tư duy nghệ thuật có thể gắn với trào lưu văn học, chẳng hạn tư duy nghệ thuật của trào lưu văn học lãng mạn/ văn học hiện thực... Ở phương diện hẹp hơn, tư duy nghệ thuật có khi gắn với một thể loại văn học nhất định, chi phối phương pháp sáng tác của thể loại đó, chẳng hạn tư duy thơ/ tư duy tiểu thuyết... Tư duy đồng dao nằm trong hệ thống tư duy nghệ thuật mang đặc trưng thể loại này.

Như vậy, tư duy đồng dao là kiểu tư duy gắn với một thể loại văn học. Đồng dao là thơ ca dân gian trẻ em nên tư duy đồng dao cũng mang một số đặc điểm gần gũi với tư duy thơ. Mặt khác, đồng dao là thể loại dành riêng cho trẻ nhỏ nên cũng có cách tư duy riêng, độc đáo. Chúng tôi quan niệm tư duy đồng dao là một loại hình đặc thù của tư duy nghệ thuật, tư duy hình tượng. Để một sáng tác đồng dao được ghi nhớ, người nghệ sĩ dân gian phải tuân theo một số qui tắc nhất định của tư duy như sự nhất quán về chủ đề, cách biểu đạt, cách kiến tạo hình ảnh... Trong phần lịch sử vấn đề đã khảo sát, có thể thấy các tác giả chưa bàn đến vấn đề này một cách trực tiếp mà chỉ gián tiếp chỉ ra một số đặc điểm liên quan đến tư duy đồng dao. Tuy nhiên, đây là đối tượng khoa học của luận án nên việc minh định cụ thể về mặt khái niệm là thao tác cần thiết. Có thể cách hiểu của chúng tôi chưa thật đầy đủ, hoàn thiện nhưng trên cơ sở tiếp thu những kiến giải của người đi trước, chúng tôi cũng mạnh dạn trình bày quan niệm riêng của mình.

Theo chúng tôi, *tư duy đồng dao là một loại hình tư duy nghệ thuật, mang đặc trưng tâm lí lứa tuổi, cách nhìn, cách cảm thụ và tái hiện thế giới của trẻ thơ. Đó là kiểu tư duy lấy cái nhìn ngộ nghĩnh, trong sáng, lấy cách giao tiếp với thế giới của trẻ thơ làm nguyên tắc cấu trúc thế giới nghệ thuật.* Tư duy đồng dao thể hiện trong sáng tác ở cả phương diện nội dung, phương thức chiếm lĩnh cũng như cách thức thể hiện cuộc sống riêng biệt. Trong trường kì lịch sử, tư duy đồng dao đã ngưng tụ lại, thẩm thấu vào tâm lí sáng tác. Phương thức tư duy này có ảnh hưởng đến văn học hiện đại

nói chung, thơ thiếu nhi nói riêng. Đặc biệt, trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại, dấu ấn của những mô thức tư duy đồng dao thể hiện khá đậm đặc trong sáng tác của nhiều tác giả. Đây cũng là qui luật kế thừa và cách tân trong sáng tạo nghệ thuật.

2.1.3. Đặc điểm cơ bản của tư duy đồng dao

Căn cứ vào đặc điểm nội dung - nghệ thuật thể loại đồng dao, chúng tôi rút ra kết luận tư duy đồng dao có những đặc điểm cơ bản như sau:

2.1.3.1. Tư duy đồng dao là tư duy trẻ thơ biểu hiện qua sáng tác. Điểm nổi bật của phương thức tư duy này là sự ngây thơ, hồn nhiên, ngộ nghĩnh. Chủ thể đồng dao là trẻ em. Chúng có nhu cầu tự làm giàu cuộc sống tinh thần, tự thể hiện, tự bộc lộ mình. Tư duy đồng dao biểu hiện cách cảm, cách nhìn, cách nghĩ và sáng tạo của trẻ thơ - một cộng đồng văn học có thể vừa tự sáng tác vừa trải nghiệm, vừa thưởng thức, lắng nghe tiếng vọng tâm hồn con trẻ. Tiếp xúc với thế giới tự nhiên, xã hội xung quanh, các em quan sát, cảm xúc và diễn đạt thành lời phóng túng, vô tư, hồn nhiên của chính mình.

Nói đến tư duy đồng dao cũng chính là nói đến cách cảm nhận và biểu hiện thế giới đặc biệt: "lấy cái khởi nguyên làm thước đo vạn vật" (Lê Lưu Oanh). Đó là cái nhìn trong trẻo, thánh thiện, không chút vẩn đục về cuộc sống xung quanh. Nó thể hiện tâm hồn vô tư của trẻ em. Đồng dao không thiên về bộc lộ tâm trạng, nỗi niềm như nhân vật trữ tình trong ca dao mà chủ yếu bày tỏ cảm nhận thế giới của trẻ thơ. Không khí chung của đồng dao là vui vẻ, hầu như không có nỗi buồn. Nội dung và ý nghĩa xã hội sâu sắc thường ít có ở đồng dao, nếu có "cũng rất nhẹ nhàng, thoáng qua như mây bay gió thoảng mà thôi" [138, 146]. Chẳng hạn, một số bài như *Kéo cưa lừa xẻ, Ba bà đi bán lợn con, Con kiến mà leo cành đa*... mang tính chất hóm hỉnh, thể hiện tư duy hồn nhiên của trẻ. Hình ảnh ông thợ về bú tí mẹ, bà bán lợn lon ton chạy đi chạy về hay con kiến leo vào leo ra rất gần gũi với cách nhìn thế giới tinh nghịch của các em nhỏ. Điều này lí giải tại sao lời đồng dao có thể nội dung rời rạc, không hướng đến một ý nghĩa cụ thể nào nhưng lại được trẻ nhớ và yêu thích.

2.1.3.2. Nếu người lớn nghiêng về tư duy suy lí, già dặn, logic chặt chẽ thì trẻ em nghiêng về tư duy trực cảm hồn nhiên, trong trẻo. Theo chúng tôi, tư duy trực cảm là cơ sở của tư duy đồng dao. Nhiều bài đồng dao không có đề tài tập trung như gặp đâu nói đó. Trẻ em vẫn thích thú vì nó hợp với trí lực của các em, không bắt các em tư

duy như người lớn. Đồng dao tiếp thu ấn tượng về ngoại vật chứ không bằng khái niệm trừu tượng. Nói cách khác, đồng dao cảm nhận thế giới chủ yếu từ trực quan, trực giác, phần lớn trình bày theo phương thức liệt kê, dừng lại ở những nét bề ngoài dễ nhớ, dễ phân biệt. Trong nhiều bài đồng dao, các sự vật, hiện tượng được kể tên một cách vui vẻ, giúp trẻ nhận biết và ghi nhớ tên sự vật, hiện tượng dễ dàng và nhẹ nhàng. Ví dụ: *"Đòn gánh có mấu/ Củ ấu có sừng/ Bánh chưng có lá/ Con cá có vây..."*. Đối với trẻ đã lớn, đòn gánh có mấu, củ ấu có sừng... là chuyện bình thường, là lẽ đương nhiên song đối với trẻ em ở độ tuổi mẫu giáo, tiểu học, nhận thức này là rất quan trọng vì nó có ý nghĩa chỉ ra đặc trưng của con vật hoặc đồ vật. Nó rất gần với sự quan sát khá "vụn vặt" và tư duy "nhảy cóc" vô cùng năng động của trẻ. Lớn thêm chút nữa, các em có thể mở rộng thêm nhận thức: *"Cái kéo cắt may/ Cái cày làm ruộng/ Cái xuổng đắp bờ/ Cái lờ thả cá/ Cái ná bắn chim..."*.

2.1.3.3. Với tư duy trực cảm hồn nhiên, đồng dao nhìn thế giới khách quan bằng cái nhìn đầy kì thú, hấp dẫn với nhiều sắc màu, dáng vẻ. Vì kinh nghiệm sống và vốn trải nghiệm còn ít ỏi, trẻ em nhìn mọi thứ như thể lần đầu tiên. Vạn vật xung quanh đều quá mới mẻ, lạ lẫm đối với chúng. Có thể nói, "năng lực ngạc nhiên" trước thế giới muôn màu muôn vẻ chính là năng lực riêng của trẻ em. Khi biết cảm nhận môi trường tự nhiên xung quanh mình, nhiều câu hỏi đến với các em: đây là cây gì, quả gì? Nó có hình dáng, màu sắc, hương vị như thế nào? Về hoa, có hàng trăm loài, loài nào cũng có màu sắc, dáng vẻ riêng: *"Vác bóng mà soi/ Là hoa bông giếng/ Hay bay hay liệng/ Là hoa chim chim/ Xuống nước mà chìm/ Là hoa bông đá..."*. Về trái, đủ cả hương vị bốn mùa, nào là đu đủ, dứa, ngô, nào là bưởi, chanh, ổi, quít… Cách tri nhận về quả/ trái cũng khá độc đáo: *"Trong ruột ọc ạch/ Là trái dừa xiêm/ Ở khắp xóm giềng/ Là trái bí rọ? Mẹ sai đi chợ/ Vốn thiệt trái dâu…"*. Về rau, đây là mùi vị "*Ăn hơi tanh tanh/ Là rau diếp cá/.../ Ăn cay như ớt/ Vốn thiệt rau răm..."*. Đây là những tên rau liên hệ với thói xấu của con người: *"Thú ở hỗn hào/ Là rau ngành ngạnh/ Trong lòng bất chính/ Vốn thiệt tâm lang..."*.

Cùng với cỏ cây, hoa trái là sinh vật trên rừng, dưới biển tựa như "bộ sưu tập" với nhiều tên quen nhưng cũng nhiều tên lạ mà các nhà nghiên cứu về sinh vật bây giờ có thể đã gặp, đã biết. Vè về cá là bản thống kê đủ loại với số lượng lên tới 188 tên. Có những tên cá ai ai cũng biết như con rô, con giếc, con chép, con tràu... nhưng cũng có

biết bao tên cái tên lạ lẫm của loài cá sông, cá biển như cá nác, cá đao, cá sà, cá chéc... Lời đồng dao không phải chỉ kể tên mà có nhiều mối liên hệ hoặc máy móc hoặc hữu cơ, có khi từ tên cá mà nghĩ đến hành xử của con người: *"Dỗ mãi không nghe/ Là con cá ngạnh/ Đi đường phải tránh/ Là con cá mương..."*. Sống động nhất là "làng chim" với âm thanh véo von: *"Hay la hay hát/ Là con bồ chao/ Hay bay bổ nhào/ Là con bói cá..."*. Các em vui chơi thì chim chóc cũng vui chơi, các em tập đánh trận thì cũng hình dung chim tụ hội lại thành quân ngũ chỉnh tề xung trận: *"Tùng, tùng, tùng.../ Đánh ba tiếng trống/ Sắp quân cho chỉnh/ Phượng hoàng thống lĩnh/ Bạch hạc diệp đồng/ Bên phải thời chim/ Bên trái thời sếu..."*.

2.1.3.4. Gắn bó với thiên nhiên, tạo vật, đồng dao thể hiện nhãn quan bè bạn thân thiện, sẻ chia khi hướng về thế giới xung quanh. Với tâm hồn trong sáng và trí tuệ non nớt đang ở giai đoạn đầu của việc nhận thức thế giới, các em có khả năng kì lạ trong việc nhập thân vào mọi đối tượng miêu tả đến mức như đang cùng sống, cùng cảm thông với chúng. Xuất phát từ quan niệm vạn vật bằng hữu, cây cối, hoa lá, loài vật hay các hiện tượng tự nhiên bỗng thành bạn bè, cùng hát, cùng vui với các em. Hoa nhọ nồi hay ăn vụng. Hoa vòng xoay hay múa. Quả khế hay nói cạnh nói khóe. Quả hồng biết nói ngọt xớt. Nhìn con chích chòe đang hót, các em hát: *"Chích chòe chích chòe/ Mày hót tao nghe/ Mày ru tao ngủ/ Tao ngủ cho say!..."*. Bắt được con cào cào, các em muốn sai khiến nó: *"Cào cào giã gạo tao xem/ Tao may áo đỏ, áo đen cho mày"*. Ngay cả trăng, sao dù cao vời vợi nhưng vẫn có những sợi dây vô hình gắn bó với sinh hoạt của những đứa trẻ dưới mặt đất. Các em gọi ông sao xuống chơi cho "có bầu có bạn" rồi rủ ông sao đi ẵm em, đánh cá, vo gạo, múc nước, ăn cơm. Bất ngờ hơn, các em nghe được cả tiếng ông sao ăn khoai "nhai tóp tép", ông cũng biết "ghép với rau". Ông trăng cũng vậy, ông cũng được mời xuống, cùng tham gia vào hoạt động của các em một cách vui vẻ:*"Ông trẳng ông trăng/ Xuống chơi với tôi/ Có bầu có bạn..."*. Vũ trụ huyền bí, cao siêu, nhiều điều bí ẩn, khó lí giải ngay đối với người lớn nhưng với trẻ thơ lại rất giản dị, thân tình, gần gũi.

2.1.3.5. Là thể loại chủ yếu hướng về tuổi nhỏ, đồng dao gắn với trò chơi, thỏa mãn nhu cầu vui chơi và tổ chức trò chơi cho trẻ. Không chỉ là một yếu tố của trò chơi, bản thân đồng dao cũng là trò chơi. Trẻ em sống trong xã hội xưa không có nhiều hình thức giải trí như bây giờ. Đồng dao sinh ra trước hết để phục vụ nhu cầu vui

chơi ca hát, nhu cầu thư giãn của trẻ, ví dụ như các bài *Chuyền thẻ*, *Nu na nu nống*, *Chồng nụ chồng hoa*... Mặt khác, đồng dao gắn với trò chơi còn giúp trẻ có tính kỉ luật, tinh thần tập thể, dễ hòa đồng. Đó cũng là cơ hội để trẻ giao lưu, chia sẻ niềm vui và kinh nghiệm. Đây chính là sự khác biệt giữa đồng dao - trò chơi dân gian với nhiều trò chơi hiện nay của trẻ.

Như vậy, chơi đùa, vui hát được xem như là chức năng chính của đồng dao bên cạnh những chức năng không thể phủ nhận khác như chức năng nhận thức, chức năng giáo dục. Trong cuốn *Sáng tác thơ ca dân gian Nga, tập I* [107], A. V. Nôvicôva định nghĩa đồng dao là những bài ca nhi đồng, được xếp vào nhóm folklore thiếu nhi, có sự gắn bó mật thiết với hoạt động trò chơi của trẻ nhỏ. Do đặc trưng bởi tính nguyên hợp của văn học dân gian, đồng dao và trò chơi không tồn tại tách biệt mà phối hợp với nhau, hòa lẫn trong nhau, khó tách bạch rạch ròi. Khảo sát phần *Trò chơi trẻ em* ở cuốn *Đồng dao và trò chơi người Việt*, chúng tôi thống kê được 47/ 106 trò chơi có lời đồng dao, chiếm 44, 1%. Trong đó nhóm *Trò chơi vận động* có 35/ 37 trò chơi (≈ 61%) có lời đồng dao. Nhóm *Trò chơi khéo léo* có 4/ 33 trò chơi (≈ 14%) có lời đồng dao. Nhóm *Trò chơi trí tuệ* có 8/ 16 (≈ 5%) trò chơi có lời đồng dao. Đồng dao gắn bó mật thiết với trò chơi, tạo hưng phấn cho cuộc chơi. Nếu thiếu lời đồng dao, trò chơi khó có thể tiến hành được.

Không chỉ gắn với trò chơi, bản thân đồng dao với tính chất là "lời nói vần" thực ra cũng là một trò chơi ngôn ngữ: trò chơi gieo vần, tạo nhịp. Lã Nguyên cho rằng "đồng dao là hình thức thể loại tiêu biểu của kiểu tư duy ngôn ngữ. Nó có khuynh hướng làm rỗng nghĩa của lời nói để biến ngôn từ thành trò diễn... Ý nghĩa tổng thể của văn bản bị đập vụn, tháo rời, phân mảnh. Logic cú pháp của văn bản là logic của thanh điệu, vần điệu, nhịp điệu" [Dẫn theo 48, 138]. Chính vì thế, nhiều bài đồng dao có nội dung tản mạn, cảm giác như đang sắp vần bẻ chữ, có những bài diễn xướng không gắn với trò chơi nhưng nhờ sự nâng đỡ của vần, nhịp nên đọc lên vẫn vui và hóm "được các em từ xưa đến nay thích thú, hơn cả những bài có nội dung tròn trĩnh" [201, 719]. Nhìn từ góc độ này, phải chăng tính trò chơi của đồng dao đã thể hiện một yêu cầu tự do trong nghệ thuật, trong tư duy sáng tác?

2.1.3.6. Để đáp ứng chức năng vui chơi và phù hợp với tâm lí trẻ em, đồng dao tái hiện cuộc sống và thế giới bằng cách nói vần vè, giản dị, không cầu kì, hoa mĩ. Tư duy đồng

dao mang tính ngẫu hứng, bất định, linh hoạt, tự do. Lời đồng dao phần lớn ngẫu nhiên tản mạn được thể hiện dưới dạng thức câu ngắn, nhịp điệu nhanh, vui nhộn, tự nhiên. Thể thơ đồng dao chủ yếu là thể hai chữ, ba chữ, bốn chữ giúp các em dễ nhớ, dễ thuộc. Ngôn ngữ đồng dao mộc mạc như lời nói của trẻ em hàng ngày. Đồng dao ít sử dụng thủ pháp ẩn dụ, tượng trưng khó hiểu. Đồng dao thường có kết cấu vòng tròn khép kín để trẻ em có thể dễ dàng kéo dài trò chơi mà không gặp trở ngại.

2.1.3.7. Bằng cảm quan hồn nhiên, ngây thơ, đồng dao tái hiện thế giới và cuộc sống thông qua quan sát, tưởng tượng, liên tưởng phong phú. Thực chất, tưởng tượng, liên tưởng là những phẩm chất không thể thiếu trong quá trình sáng tạo nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng. Tuy nhiên, do tính đặc thù về đối tượng hướng đến nên tưởng tượng, liên tưởng đồng dao có những điểm đặc biệt.

** Tưởng tượng đồng dao*

Nhận thức của con người không phải chỉ phản ánh những sự vật, hiện tượng đang trực tiếp tác động và đã tác động trước đây mà còn phản ánh những cái mình chưa hề trải qua. Đó là một hoạt động tâm lí đặc biệt gọi là tưởng tượng. Như một cơ chế tinh thần đặc thù, thao tác tưởng tượng đã góp phần chuyển cảm xúc, tư tưởng sang những hình tượng nghệ thuật sinh động.

Tác giả Hoàng Phê định nghĩa tưởng tượng là "tạo ra trong trí hình ảnh những cái không có ở trước mắt hoặc chưa hề có" [120, 1399]. Giáo sư Nguyễn Lân cho rằng tưởng tượng hướng đến "xây dựng những hình ảnh mới trên cơ sở kinh nghiệm của cá nhân và thực tiễn của đời sống" [73, 756]. Có thể phân loại tưởng tượng như sau:

- Dựa theo tính chất chung, có tưởng tượng không có chủ định và tưởng tượng có chủ định. Tưởng tượng có chủ định gồm tưởng tượng tái hiện và tưởng tượng sáng tạo.

- Dựa theo các quá trình tâm lí, có tưởng tượng hồi ức, tưởng tượng liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo và ảo tưởng.

Như vậy, tưởng tượng là phẩm chất quí giá của trí tuệ con người bởi tư duy không có tưởng tượng thì không thể khai hoa kết quả. Phẩm chất này đặc biệt giàu có ở trẻ em. Các nhà tâm lí học đã chứng minh đây là nét nổi bật trong tâm lí trẻ, góp phần tích cực vào hoạt động tư duy và nhận thức của trẻ ngay từ thuở ban đầu. Tuổi thơ hồn nhiên, ngây thơ, tâm hồn trong sáng, dạt dào cảm xúc và trí tưởng tượng thì

tuyệt vời phong phú, bay bổng. Các em có xu hướng đồng nhất mình với thế giới, có khả năng nhập thân vào đối tượng miêu tả đến mức xem chúng cũng là một thực thể sống như chính bản thân mình. Có thể nói, khả năng tưởng tượng của các em là vô tận. Với đồng dao, tưởng tượng cũng là nhân tố quan trọng tham gia kiến tạo nên thế giới vạn vật sinh động. Vũ Ngọc Khánh từng nhấn mạnh, vấn đề cơ bản trong đồng dao là "yếu tố tưởng tượng của trẻ. Với các em, mọi vật đều như có tri giác, các em nói chuyện với cỏ cây hoa lá, các đồ vật loài vật chung quanh mình và hình dung rất hồn nhiên, chân thực rằng đó là những cuộc đối thoại cảm thông cụ thể" [201, 775].

Tưởng tượng đồng dao là tưởng tượng "nhân linh hóa" hồn nhiên, sáng tạo, gần gũi với tâm lí trẻ em. Đồng dao đã cấp cho mọi đối tượng hành động, cảm xúc, hồn nhiên kéo chúng vào hiện thực cuộc sống hàng ngày. Điều này hoàn toàn phù hợp với cách cảm nhận thế giới "vạn vật bằng hữu" và lòng tin ngây thơ của trẻ khi hướng về thế giới khách quan. Các em tin rằng hết thảy vạn vật đều có thể trò chuyện, giao cảm, hòa đồng... Trẻ hòa nhập với thiên nhiên, lắng nghe tiếng gọi của cỏ cây, hoa lá. Các em tin có ông Trời, bà Trời, ông Trăng, ông Sao, ông Sấm, ông Sét... Các em có thể trò chuyện cùng với trăng, sao, mời trăng, sao xuống cùng ở, cùng chơi. Ông Trăng, bà Trời cũng như con người, có thể kết hôn: *"Ông Trăng mà lấy bà Trời/ Tháng năm đi cưới, tháng mười đi cheo..."*. Ông Sấm, ông Sét hung dữ: *"Ông sấm ông sét/ Ông hét đùng đùng/ Ông nổ lung tung/ Vỡ vung vỡ nồi..."*. Loài vật được các em gọi bằng những cái tên ngộ nghĩnh: sên sển sền sên, con mẻo con meo, con gả con ga, con hổ con hô, con vỏi con voi... Với các em, con sên biết "lên công chúa", con công "hay múa", con rùa "đội nhà đi chơi", con bống biết "khéo sảy khéo sàng", con trâu, con nghé biết vâng lời mẹ: *"Mẹ gọi tiếng trước/ Cất cổ chạy mau/ Mẹ gọi tiếng sau/ Cất đầu mà chạy..."*.

Tưởng tượng đồng dao dẫn dắt trẻ thơ tạo ra thế giới hòa nhập riêng, các em có thể đóng vai này, vai khác đầy thích thú. Hình thức này chúng ta có thể bắt gặp trong những bài đồng dao gắn với trò chơi vận động (dung dăng dung dẻ...), trò chơi mô phỏng (đi chợ, làm nhà...), trò chơi sáng tạo (xếp thuyền, đánh trận...). Chẳng hạn, khi trẻ hát *"Ếp nhong nhong/ Ngựa ông đã về/ Cắt cỏ Bồ Đề/ Cho ngựa ông ăn"* chính là trẻ đang tưởng tượng mình trong tư cách một vị tướng cưỡi ngựa đánh thắng giặc trở về.

Có thể khẳng định rằng trí tưởng tượng là một hoạt động tinh thần vô cùng quan trọng ở trẻ em. Pau - tôp - xki từng nhận xét: "Trí tưởng tượng là cội nguồn

sáng tạo của nghệ thuật...” [115, 221]. Đồng dao với tác động mạnh mẽ của yếu tố tưởng tượng cũng không nằm ngoài qui luật ấy.

** Liên tưởng đồng dao*

Gắn liền với tưởng tượng là liên tưởng. Tưởng tượng tạo cơ sở cho liên tưởng. Thực tế, có khi xảy ra hiện tượng: giữa hai sự vật tưởng chừng không liên quan gì đến nhau nhưng trong tâm trí con người bất chợt một lúc bỗng xuất hiện một mối liên hệ để chúng đột nhiên trở nên gần gũi. Mối liên hệ này có được chính là nhờ một thao tác tư duy, một năng khiếu tinh thần trong hoạt động nhận thức, một hiện tượng tâm lí: sự liên tưởng.

Theo các nhà tâm lí học, “liên tưởng là mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lí, trong đó có sự tích cực hóa của một biểu tượng này kéo theo sự xuất hiện của nhiều biểu tượng khác” [18, 140]. Trong *Từ điển Tiếng Việt*, liên tưởng được giải thích là “nghĩ tới sự việc, hiện tượng nào đó có liên quan nhân sự việc, hiện tượng đang diễn ra” [120, 735]. Không chỉ đóng vai trò là một trong những hoạt động tâm lí thông thường ở con người, liên tưởng còn được đề cao trong ngôn ngữ học và có vai trò đặc biệt quan trọng trong tư duy sáng tạo của nghệ sĩ. Lê Lưu Oanh cho rằng liên tưởng là “một năng lực tư duy nghệ thuật”, “một quy luật của sáng tạo” [114, 132].

Nếu tưởng tượng gắn với mĩ cảm sáng tạo ra những biểu tượng mới thì liên tưởng là hoạt động liên kết các sự kiện thẩm mĩ, nối các hình ảnh, sự vật ở xa nhau, khác nhau, thậm chí đối lập nhau xích lại gần nhau, đan cài vào nhau tạo thành một nhận thức mới về thế giới. Có thể có những loại liên tưởng sau: liên tưởng kí ức, liên tưởng gần giống, liên tưởng giống nhau, liên tưởng đối lập, liên tưởng trực tiếp, liên tưởng gián tiếp.

Liên tưởng đồng dao là liên tưởng kiểu trẻ em, xuất phát từ nhận thức và tâm lí trẻ em. Liên tưởng đồng dao mang đậm sự tự do, phóng khoáng, đầy ngẫu hứng, làm nên sự “lạ hóa”. Đặc điểm này thể hiện rõ trên phương diện tạo lập hình ảnh. Trong sáng tác văn học, người viết thường tránh đưa ra một hình ảnh biệt lập, không có sự nối kết với chi tiết khác thì trong đồng dao, các hình ảnh đặt cạnh nhau quan hệ khá lỏng lẻo. Tuy chúng cùng đặt chung trong một chuỗi ngôn từ nhưng mỗi hình ảnh có khả năng tách riêng, tồn tại độc lập. Ví dụ lời đồng dao:

- “*Chồng lộng chồng cà/ Mày xoa hoa khế/ Khế ngâm, khế chua/ Cột đình cột chùa/ Nhà vua mới làm/ Cây cam, cây quít/ Cây mít, cây hồng...*” *(1)*.

- "*Nu na nu nống/ Cái cống nằm trong/ Con ong nằm ngoài/ Củ khoai chấm mật/ Phật ngồi phật khóc/ Con cóc nhảy ra/ Con gà tú hụ...*" *(2)*.

Tách một hình ảnh bất kì, ví dụ *Cột đình cột chùa*, khó có thể tìm thấy mối quan hệ giữa hình ảnh này với các hình ảnh đứng bên cạnh như *Khế ngâm, khế chua* hay *Cây cam, cây quít* cũng như với các hình ảnh, chi tiết khác (1) hoặc *Củ khoai chấm mật* chẳng có quan hệ gì đến *cái cống, con ong, Phật ngồi Phật khóc* và các hình ảnh, chi tiết trong bài (2). Qua đó, có thể thấy rằng liên tưởng ngẫu hứng khiến hình ảnh trong đồng dao có tính "độc diễn" (chữ dùng của Triều Nguyên). Chính tính chất "độc diễn" này đã tạo nên sự vô tư, trong sáng cho đồng dao, phản ánh tư duy "nhảy cóc" tự do, phóng khoáng của trẻ.

Liên tưởng đồng dao dựa trên cơ chế liên tưởng về mặt âm thanh, bất chấp quan hệ ý nghĩa để tạo nên cấu trúc độc đáo. Logic của đồng dao khước từ mọi sự can thiệp của lí trí. Ví dụ:

- *"Chặt cây d**ừa**/ Ch**ừa** cây m**ận**/ Cây bần th**ận**/ Cây bí **đao**/ Cây nào **cao**/ Cây nào thấp.../ Mồng tơi chín **đỏ**/ Con **thỏ** nhảy qua..."*

- *"Nghiến ngu ng**a**/ Ng**à** ngu ngh**iện**/ Chồng thầy k**iện**/ Vợ thuyền ch**ài**/ Ng**ài** đánh trống/ Ngài đánh ph**ách**/ Q**uách** cu lơ/ Cu lơ ông xã..."*

Thật khó để đi tìm cái lí cho sự xuất hiện của các câu hát trong một bài đồng dao trên. Lời đồng dao dường như không nương vào nghĩa mà nương vào vần. Từ "chặt cây dừa" nảy sinh "chừa cây mận", từ "mồng tơi chín đỏ" kéo theo "con thỏ nhảy qua".... Hay những câu *"Nghiến ngu nga/ Ngà ngu nghiện"* thoạt nghe không có nghĩa nhưng lại là những câu dẫn vần vè, tạo cảm giác vui vẻ, nhằm gây hứng thú cho trẻ em.

Ở một số nhóm đồng dao, có thể tìm thấy giữa các hình ảnh có quan hệ liên tưởng cùng trường sự vật. Tiêu biểu như nhóm đồng dao dưới dạng vè sự vật, cung cấp kiến thức về các loài cá, các loại chim, các loại quả... Sự liên tưởng này mang đến cái nhìn mới lạ về thế giới tự nhiên quen thuộc kết hợp với cách thức liệt kê sóng đôi, phù hợp với tư duy nhận thức còn giản đơn của trẻ. Ví dụ:

- "*Nghe vẻ nghe ve/ Vè các loài cá/ Cá kình, cá ngạc/ Cá nác, cá dưa/ Cá voi, cá ngựa/ Cá rựa, cá đao...*"-> trường các loại cá.

- "*Ve vẻ vè ve/ Nghe vè cây trái/ Đậu ở trên mây/ Là trái đậu rồng/ Có con thật đông/ Là trái đu đủ/ Chặt ra nhiều mủ/ Là trái mít ướt..*"-> trường các loại trái.

- "*Hay nghịch hay tếu/ Là chú chìa vôi/ Hay chao đớp mồi/ Là con chèo bẻo/ Tính hay mách lẻo/ Bác khách trước nhà..*"-> trường các loại chim.

Trong đồng dao còn xuất hiện một dạng liên tưởng khá thú vị là liên tưởng ngược, có nội dung đánh tráo đặc điểm về hoạt động, tính chất của hai sự vật cạnh nhau. Những bài đồng dao nói ngược có tính chất thử thách sự nhanh nhạy của trí tuệ, muốn hiểu đúng sự vật thì phải nhận thức ngược lại. Liên tưởng ngược không chỉ tạo hiệu quả thẩm mĩ khiến người tiếp nhận cảm thấy thích thú, sảng khoái mà còn là một hướng kích thích trí tuệ rất cần cho trẻ, nhất là trẻ ở độ tuổi thiếu niên. Ví dụ:

- "*...Cứng như xôi/ Mềm như đá/ Thơm như cá/ Tanh như hương/ Tối như gương/ Sáng như mực/ Mùa đông nóng nực/ Mùa hè rét run...*".

- "*...Thẳng như lưng tôm/ Cong như cán cuốc/ Thơm nhất là cú/ Hôi nhất là hương/ Đặc như ống bương/ Rỗng như ruột gỗ...*".

Bên cạnh liên tưởng ngược, đồng dao cũng sử dụng liên tưởng tương đồng, hai hình ảnh đặt cạnh nhau được nối bằng từ so sánh "như". Có khi liên tưởng dựa trên hai hình ảnh gần gũi nhau, tương đồng nhau về tính chất:

- *"...Gặp mụ bán dầu/ Dầu thơm bông lí/ Gặp mụ bán bí/ Bí chẻ hai gianh/ Gặp mụ bán chanh/* ***Chanh chua như giấm****..."*

- *"Thả đỉa ba ba/ Chớ bắt đàn bà/ Phải tội đàn ông/* ***Cơm trắng như bông/ Gạo tiền như nước****..."*

Có khi hai sự vật cách xa nhau được sắp xếp trong quan hệ liên tưởng tương đồng một cách hợp lí:

- *"Nghé ạ...nghé ơ/* ***Nghé như ổi chín/ Như mây chín chùm/ Như chum đựng nước/ Như lược chải đầu/ Lông trơn như dầu****..."*

- *"Ve vẻ vè ve/ Vè các thứ bánh/* ***Tròn như mặt trăng****/ Đó là bánh xèo /.../* ***Lóng lánh như sao****/ Là bánh bột báng..."*

- *"Nu na nu nống/ Hồ rộng sông dài/ Chân ai rửa khéo/* ***Trắng trẻo như tiên****..."*

Như vậy, liên tưởng đồng dao là một thao tác tư duy phổ biến trong quá trình nhận thức được biểu hiện dưới các hình thức thật đa dạng, tạo nên những kết hợp hình ảnh mới mẻ. Dù theo hình thức nào, cũng có thể thấy rằng liên tưởng đồng dao mang đậm tính tự do, ngẫu hứng, mối liên hệ nhiều khi tưởng xa xôi, mơ hồ, không có cơ sở

nhưng thực chất lại chân thật, hợp lí với logic tư duy của trẻ. Nó thể hiện cách cảm nhận vạn vật và con người hồn nhiên, nhí nhảnh, vô tư, đúng với tâm lí trẻ thơ.

Tóm lại, tư duy đồng dao là phương thức tư duy gắn với một thể loại văn học, phản chiếu tâm hồn và trí tuệ thơ ngây tuổi nhỏ. Đồng dao là hình thức thơ ca đầu tiên dành cho trẻ nên tư duy đồng dao có nhiều nét gần gũi với tư duy thơ hiện đại. Trẻ em - trong tư thế người nghệ sĩ đồng quê trong đồng dao chính là tiền thân của những nhà thơ trẻ em sau này.

2.2. Thơ thiếu nhi

2.2.1. Quan niệm về thơ thiếu nhi

Thơ là loại hình văn học trữ tình "phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu" [102, 1685].

Thơ thiếu nhi là một bộ phận của thơ ca hiện đại nói chung, mang đầy đủ những đặc trưng cơ bản của thơ ca nhưng hướng đến đối tượng phục vụ chủ yếu là bạn đọc tuổi thơ nên cũng có những đặc trưng riêng, đòi hỏi một cách thể hiện riêng biệt, phù hợp với tâm sinh lí cũng như mức độ nhận thức, khả năng tiếp nhận của lứa tuổi này. Trong tác phẩm, trẻ em có thể đóng vai trò trung tâm, là đối tượng để nhà thơ gửi gắm tình cảm, là nguyên nhân trực tiếp khơi dậy nguồn tình cảm của tác giả; nhưng cũng có trường hợp trẻ em xuất hiện với tư cách là nhân vật trữ tình, trực tiếp thổ lộ suy nghĩ, cảm xúc, tâm trạng.

Theo chúng tôi, thơ thiếu nhi là thơ viết cho thiếu nhi, viết về thiếu nhi và vì thiếu nhi. Đó là những tác phẩm thơ do các em viết hoặc do người lớn viết cho các em từ điểm nhìn trẻ thơ, khai thác đề tài trong chính cuộc sống sinh hoạt, vui chơi của các em. Thơ thiếu nhi phải có nội dung - nghệ thuật gần gũi, quen thuộc với vốn trải nghiệm của trẻ, được các em thích thú, say mê và có tác dụng hoàn thiện đạo đức, tâm hồn cho trẻ.

Thơ thiếu nhi có thể do người lớn sáng tác, ví dụ các tập thơ *Gà mái hoa*, *Anh đom đóm*, *Măng tre*... (Võ Quảng); *Chú bò tìm bạn*, *Bạn trong vườn*, *Những người bạn nhỏ*... (Phạm Hổ) hoặc cũng có thể do trẻ em tự sáng tác như *Góc sân và khoảng trời* (Trần Đăng Khoa), *Ông mặt trời (*Ngô Thị Bích Hiền), *Gửi gió về cho nội* (Khánh Chi), *Cái chuông vú* (Hoàng Dạ Thi) và nhiều tập thơ khác như *Cánh*

buồm tuổi thơ, Em kể chuyện này, Bông hồng đỏ, Cánh võng... Dù chủ thể sáng tác là ai thì cũng đều hướng đến mục đích chính là phản ánh sinh động thế giới tự nhiên xung quanh trẻ, phản ánh đời sống sinh hoạt, lao động, học tập, vui chơi cũng như đời sống tâm lí, tình cảm, mơ ước của trẻ qua các thời đại bằng chính nhãn quan trẻ thơ. Khó có thể hình dung sự phát triển của trẻ lại vắng bóng những bài thơ hay cũng như người làm thơ lại thiếu đi nét trong trẻo, mơ mộng của tâm hồn. Cùng với các thể loại khác của văn học viết thiếu nhi, thơ thiếu nhi từ lâu đã trở thành món quà trân quí mà các tác giả dành tặng cho tuổi nhỏ.

2.2.2. Đặc điểm cơ bản của thơ thiếu nhi

Thơ thiếu nhi vừa là một bộ phận của thơ ca dân tộc vừa là một bộ phận của văn học thiếu nhi. Vì vậy, nó vừa mang những đặc điểm cơ bản của thơ nói chung lại vừa có "tính đặc thù" riêng được nhấn mạnh: "Tính đặc thù của văn học thiếu nhi là ở chỗ nó chiếu cố đến đặc điểm của độc giả thiếu nhi và chiếu cố đến tính chất đặc thù về tâm lí nhi đồng" [145, 36]. Về vấn đề này, đã có nhiều nhà lí luận phê bình cũng như những người cầm bút trực tiếp sáng tác quan tâm bàn đến. Song tất cả mới dừng lại ở các bài viết lẻ tẻ, trong đó người viết chưa đưa ra những kết luận mang tính khái quát mà chỉ nêu nhận xét về một số đặc điểm nội dung - nghệ thuật của thơ thiếu nhi. Mỗi người bằng vốn sống và sự am hiểu của mình đưa ra một cách kiến giải. Có bài viết nhấn mạnh tính chất vui tươi, dí dỏm như những phẩm chất đặc biệt trong thơ như: "Mấy kinh nghiệm riêng về việc làm thơ cho các em" (Tú Mỡ), "Xung quanh việc làm thơ cho các em" (Quang Huy)... [145]. Thơ cần mang đến cho các em tiếng cười sảng khoái nhưng đó phải là tiếng cười lành mạnh, có ý nghĩa. Có bài viết khai thác sâu về một đặc tính nào đó mà thơ cần phải có để tạo sự hấp dẫn như nhịp điệu, vần điệu, tưởng tượng, chất liệu xây dựng tác phẩm, tiêu biểu như: "Bàn về câu chuyện làm thơ cho thiếu nhi" (Phong Lê), "Nhịp điệu trong thơ thiếu nhi" (Bùi Công Hùng), "Thơ cho những người thợ của tương lai" (Vân Long), "Nàng tiên trên mặt đất" (Chế Lan Viên)…[145]. Có bài viết nhấn mạnh chức năng giáo dục tự nhiên trong thơ viết cho các em như: "Làm thơ cho các em" (Hoàng Trung Thông), "Làm thơ cho các em" (Võ Quảng), "Thơ cho tuổi thơ" (Vũ Quần Phương), "Mở rộng đề tài về thơ ca cho lứa tuổi thiếu niên" (Vũ Đức Phúc)... [145]. Các tác giả quan niệm thơ phải nói "những điều tốt lành", hướng các em đến cái đẹp, cái thiện

từ xúc cảm chân thành chứ không phải từ lí trí giá lạnh, bằng những hình tượng sinh động chứ không phải bằng những khái niệm trừu tượng. Những đặc điểm nói trên được nhà nghiên cứu Vân Thanh hệ thống và phát triển trong bài viết "Vấn đề của thơ cho thiếu nhi" [145, 802]. Theo tác giả, thơ thiếu nhi phải có chất vui, chất ngộ và lạ đồng thời có chất truyện, chất kịch để thơ có thể hát lên được, thơ cũng có thể trở thành trò chơi. Để đạt được những yêu cầu đó, người viết phải thực sự hiểu các em, tìm được cánh cửa đi vào tâm hồn các em. Sáng tác thơ cho thiếu nhi, tưởng dễ mà không dễ, bởi "làm thơ cho lứa tuổi giàu bản năng nhưng lại không thể viết một cách bản năng, dễ dãi. Ngoài lòng nhiệt tình, say mê còn đòi hỏi phải nắm được đặc điểm tâm lí lứa tuổi để lựa chọn cách viết cho phù hợp" [88, 92].

Trên cơ sở khảo sát 63 tập thơ thiếu nhi đồng thời kế thừa kết quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, luận án xác định một số đặc điểm cơ bản của thơ thiếu nhi cụ thể như sau:

2.2.2.1. Trước hết, thơ thiếu nhi là tấm gương phản ánh chân thực cuộc sống và các hoạt động vui chơi của trẻ thơ. Người sáng tác cần lựa chọn đề tài, chủ đề phù hợp, xuất phát từ điểm nhìn trẻ thơ để khắc họa sinh động những sự vật, sự việc, hiện tượng tồn tại xung quanh cuộc sống của các em, gắn bó với tuổi thơ hồn nhiên của các em. Qua đó, trẻ không chỉ có thêm những hiểu biết nhiều mặt trong chiều rộng và chiều dài cuộc sống mà còn được mở rộng trí tưởng tượng, thêm phong phú tâm hồn và nâng cao thị hiếu thẩm mĩ.

2.2.2.2. Thơ thiếu nhi đậm chất hồn nhiên, ngây thơ như một đặc trưng thẩm mĩ không thể thiếu. Hồn nhiên, ngây thơ vốn là bản tính của trẻ thơ. Người cầm bút sáng tác cho các em phải học được sự hồn nhiên, ngây thơ ấy thì tác phẩm mới hi vọng đem lại sự thành công. Tất nhiên, không phải sự hồn nhiên theo kiểu "cưa sừng làm nghé" mà phải thực sự hiểu để có thể hóa thân sống cùng con trẻ. Đây cũng chính là điểm khác biệt khiến tác phẩm có được trẻ em ưa thích hay không. Ví dụ: *Chú bò tìm bạn* (Phạm Hổ), *Một chú chó vàng* (Võ Quảng), *Buổi sáng nhà em* (Trần Đăng Khoa)...

2.2.2.3. Thơ thiếu nhi mang đến cho trẻ em cảm giác vui tươi, dí dỏm, ngộ nghĩnh, gần với trò chơi. Trẻ em thích tìm hiểu, khám phá, thích chạy nhảy, nô đùa, các em gửi niềm vui từ tâm hồn mình vào thế giới. Bởi thế, thơ viết cho các em cần thiết phải có cái mới lạ, cái vui, cái nghịch ngợm. Nhưng đó không phải cái vui, tếu do người

viết tự bịa ra mà phải là kết quả của quá trình thâm nhập vào thế giới của các em để phản ánh hiện thực theo cách nhìn, cách nghĩ của trẻ. Về vấn đề này, Quang Huy cũng cho rằng: "Niềm vui, như là một lẽ để sống của các em (...). Thơ cho thiếu nhi, bao giờ cũng phải vui tươi, ngộ nghĩnh. Đằng sau những câu thơ phải giấu những nụ cười. Các em không phải là những ông cụ non, không chấp nhận những bài thơ khô khan, nghiêm nghị quá mức..." [145, 737]. Ví dụ: *Chồng nụ chồng hoa* (Định Hải), *Hay hát đồng dao* (Nguyễn Lãm Thắng), *Biển* (Nguyễn Thế Hoàng Linh)...

2.2.2.4. Thơ thiếu nhi giàu trí tưởng tượng bay bổng và sức liên tưởng bất ngờ, khơi mở trong các em những khoái cảm thẩm mĩ mới mẻ. Một nét đặc trưng của tâm lí trẻ thơ là giàu mơ mộng, tưởng tượng, liên tưởng. Đây là yếu tố góp phần tích cực vào hoạt động tư duy và nhận thức của trẻ "những người chưa quen với những chuyện tầm thường của cuộc sống, chưa được những kinh nghiệm cay đắng làm cho khôn ngoan và rất dễ tin vào đủ chuyện có thật" [2, 260]. Vì vậy, thơ thiếu nhi thường tạo lập những hình ảnh đặc sắc nhờ so sánh, liên tưởng bất ngờ, chắp cánh cho ước mơ và tưởng tượng của các em. Ví dụ: *Hươu cao cổ* (Định Hải), *Trăng ơi từ đâu đến*, *Thả diều* (Trần Đăng Khoa), *Cái chuông vú* (Hoàng Dạ Thi), *Đồng dao trông trăng* (Vi Thùy Linh),...

2.2.2.5. Thơ thiếu nhi có ngôn ngữ chọn lọc, trong sáng, dễ hiểu đồng thời giàu vần điệu, nhạc điệu. Ngôn ngữ trong thơ thiếu nhi phải là lời ăn tiếng nói của các em nên cần trong sáng, dễ hiểu. Đặc biệt là có nhiều từ tượng hình, tượng thanh, nhiều động từ, tính từ miêu tả... tạo nên sắc thái vui tươi, khêu gợi, kích thích trí tưởng tượng, sáng tạo của trẻ. Mọi sự diễn đạt cầu kì, nặng về lí trí, suy tư đều không phù hợp. Võ Quảng đã đưa ra một dẫn chứng rất dí dỏm: "Đối với các em ta không thể nói: Tôi bước giữa lòng mẹ hiền sáng ngợp mà chỉ có thể nói: Tôi lớn lên, mẹ hiền yêu tôi" [145, 723]. Bên cạnh đó, những hình ảnh đẹp, rực rỡ cùng vần điệu, nhạc điệu vui tươi làm cho tác phẩm thêm sinh động, có sức hấp dẫn, giúp các em dễ thuộc, dễ nhớ. Ví dụ: *Bắp cải xanh* (Phạm Hổ), *Bó hoa tặng cô* (Ngô Quân Miện), *Hoa kết trái* (Thu Hà), *Trái chín* (Đặng Hấn)...

2.2.2.6. Ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng mà sâu lắng cũng là đặc điểm quan trọng của thơ thiếu nhi. Không tự đặt cho mình nhiệm vụ xây dựng hoặc phổ biến trực tiếp những nguyên tắc đạo đức, nhưng xét tới hiệu quả cuối cùng của nó, thơ thiếu nhi lại có tác dụng rất lớn trong việc xây dựng nhân cách, giáo dục trí tuệ và bồi dưỡng

tình cảm cho trẻ ngay từ thuở ấu thơ. Nhưng phải giáo dục như thế nào để những bài học bằng thơ ấy thấm nhuần trong tâm hồn trẻ một cách tự nhiên chứ không phải những lời rao giảng đạo đức khiên cưỡng? Một nhà văn nước ngoài đã nói: "Ta kính trọng nhà văn cho thiếu nhi hơn nhà văn cho người lớn. Nghề họ khó hơn nhiều". Khó bởi giáo dục thiếu nhi bằng nghệ thuật là vấn đề lớn, vừa là công tác nghệ thuật vừa là công tác khoa học. Ở phương diện này, thơ thiếu nhi vừa như bộ bách khoa thư giúp các em nhận thức cuộc sống vừa như một "thứ khí giới thanh cao và đắc lực" giúp các em biết cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, xã hội và tâm hồn con người. Hướng đến đối tượng bạn đọc nhỏ tuổi nên mỗi tác phẩm thơ phải mang đến cho trẻ một ý nghĩa giáo dục cụ thể, rõ ràng, tư tưởng chủ đề phải trong sáng qua đó các em biết phân biệt cái hay, cái dở, cái cao quý, cái thấp hèn trong cuộc sống. Thơ viết cho các em phải khơi sâu vào tính thiện, những lời nói hay, những việc làm tốt, ca ngợi cái tốt đẹp. Thái độ yêu ghét của tác giả trong tác phẩm phải thật minh bạch: "Bằng cảm giác vô tư và thật công bằng, các em luôn luôn rạch ròi giữa hai mặt: xấu - tốt, yêu - ghét, vui - buồn, thích - chán, nhớ - quên... đâu ra đấy" [145, 324]. Song để chức năng giáo dục được thực hiện có hiệu quả, nhà thơ không thể nói với các em bằng những lời thuyết giáo khô khan mà phải bằng hình tượng nghệ thuật, bằng ngôn ngữ giản dị, trong sáng, đưa các bài học đến một cách tự nhiên thông qua sự thích thú của bạn đọc nhỏ tuổi. X. Mác - sắc có nhận xét rất xác đáng: "Các em không sợ một bài học luân lý được nói rõ ngay ra. Các em chỉ sợ một cùi dìa nước đường rót ra một cách lừa bịp để làm dịu một món thuốc toàn những câu dạy đời đắng không nuốt được" [94, 26]. Sâu sắc mà không ồn ào, dạy mà như không dạy, đó chính là biện pháp giáo dục độc đáo của thơ ca. Ví dụ: *Ngỗng và vịt, Bồ Câu và Ngan* (Phạm Hổ), *Ai dậy sớm* (Võ Quảng), *Lời chào đi trước* (Nguyễn Hoàng Sơn)...

Ngoài ra, thơ thiếu nhi có thể còn có những đặc điểm khác về nội dung đề tài, phương thức phản ánh... nhưng chúng tôi cho rằng các đặc điểm trên là những đặc điểm cơ bản tạo nên đặc trưng cho mảng thơ này.

2.3. Cơ sở hình thành tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi

Theo chúng tôi, mối quan hệ giữa tư duy đồng dao với thơ thiếu nhi hiện đại không chỉ là mối quan hệ có tính tự nhiên trong thực tiễn sáng tạo nghệ thuật mà còn được xây dựng trên những nền móng cơ sở vững chắc.

2.3.1. Cơ sở xã hội - văn hóa

Ở Việt Nam, trước 1945, văn học thiếu nhi chưa thực sự hình thành. Ngoài một số tác phẩm mang tính chất sách giáo khoa như *Tam tự kinh*, *Minh tâm bảo giám* để giáo huấn lễ giáo, đạo đức phong kiến cho thiếu nhi, trẻ em chủ yếu tiếp xúc với văn học dân gian. Từ thuở còn nằm nôi, các em đã được nghe tiếng hát ru của bà, của mẹ. Lớn hơn, những đứa trẻ gắn bó với nhau qua những trò chơi trong sinh hoạt cộng đồng. Gắn liền với trò chơi là những bài hát đồng dao nhằm tăng sự hào hứng, phấn khởi. Các em vui chơi, diễn xướng đồng dao trong sinh hoạt gia đình, trong công việc lao động hay trong môi trường thiên nhiên khoáng đạt. Vào những ngày công việc nhà nông tạm thời nhàn rỗi hay những đêm trăng sáng, trên sân đình, ngoài bờ đê, trẻ em từ các thôn xóm tụ họp, hò hát, vui chơi. Tốp này có thể ngồi chụm vào nhau say sưa với đủ trò: *Chồng lộng chồng cà*, *Thả đỉa ba ba*, *Rồng rắn lên mây*..., tốp kia nắm tay nhau giàn hàng, vừa đi vừa hát vang những bài đồng dao ngộ nghĩnh: *Ông giẳng ông giăng*, *Ông sảo ông sao*, *Xúc xắc xúc xẻ*... Chúng vừa chạy nhảy vừa ca hát vui chơi hồn nhiên, thích thú, quên đói rét, mệt nhọc. Môi trường diễn xướng ấy vừa tạo sự hòa đồng, kéo những đứa trẻ lại gần nhau trong không khí thấm đẫm phong vị văn hóa dân gian vừa góp phần hình thành một tập quán đẹp trong sinh hoạt vui chơi của thiếu niên nhi đồng. Không chỉ đáp ứng nhu cầu vui chơi ca hát, đồng dao cũng chính là những bài học sơ khai dành cho trẻ.

Như vậy, đồng dao là thể loại gắn liền với trẻ thơ, đi sâu vào tâm thức người Việt từ thuở xa xưa. Khi văn học viết cho trẻ em hình thành, đặc biệt ở lĩnh vực thơ ca, bản thân người sáng tác đã có ý thức tiếp nhận đồng dao, ý thức này càng về sau càng rõ nét. Từ *Bài hát trẻ con* (1936) của Nam Hương, *Nhi đồng lạc viên* (1936) của Nguyễn Văn Ngọc đến những tập thơ ra đời sau 1945 như *Mấy vần tươi sáng* (1952, khuyết danh), *Chú bò tìm bạn* (1956, Phạm Hổ), *Thấy cái hoa nở* (1962, Võ Quảng), *Góc sân và khoảng trời* (1968), *Thi ca bình dân* (1969), *Chồng nụ chồng hoa* (1970, Định Hải), *Trâu lá đa* (1975, Lữ Huy Nguyên), *Chim gọi mùa* (1977, Quang Huy), *Bầu trời trong quả trứng* (1996, Xuân Quỳnh), *Giấc mơ buổi sáng* (2012, Nguyễn Lãm Thắng), *Ra vườn nhặt nắng* (2016, Nguyễn Thế Hoàng Linh)... đều mang dấu ấn tư duy đồng dao ở các mức độ đậm nhạt khác nhau. Có thể nói, sự

tìm đến kinh nghiệm đồng dao trước hết xuất phát từ nhu cầu tự thân của thơ thiếu nhi để nó thực sự trở thành món ăn tinh thần hấp dẫn với trẻ em.

Tuy nhiên, trong một số giai đoạn, do điều kiện lịch sử đặc biệt, đất nước bị chia cắt bởi chiến tranh, trẻ em nước ta khi đó sớm phải chia sẻ lo toan với cộng đồng xã hội. Quan niệm trẻ em bị lí tưởng hóa dẫn đến văn chương viết cho các em nghiêng nhiều về cái cao cả, lí tính. Thơ thiếu nhi đôi khi bị gò ép bởi chức năng giáo dục có phần lộ liễu. Trong bài *Thơ cho tuổi thơ*, Vũ Quần Phương nhận xét: "Nói chung, người cầm bút thời này đều thích giáo dục người đọc, lúc nào cũng nhăm nhăm sứ mệnh dạy dỗ. Đối với những người bé tuổi hơn mình thì quyền dạy dỗ ấy càng được đảm bảo. Trong thơ viết cho các em hôm nay tôi có cảm giác chúng ta dùng quyền hành này hơi nhiều và đôi khi cũng thiếu tế nhị. Trẻ em đọc thơ đôi lúc cũng phải nhẫn nhục như nghe giảng đạo đức hoặc nghe bố mẹ mắng mỏ. Cái hứng thú thưởng thức văn chương không còn mấy" [145, 820]. Chẳng hạn: *"Gà giò vào điếm xem tranh/ Nó mải mê ngắm màu xanh sắc hồng/ Nhưng vì biết trọng của công/ Xem đi xem lại mà không mó vào"* (Gà xem tranh - Trích *Thơ ca mẫu giáo* [145, 623] hay ngô nghê kiểu*"Cảm ơn các bác các anh/ Lưng vai rắn khỏe như cành với cây"* [Dẫn theo 145, 699].

Thời kì mở cửa, tốc độ đô thị hóa, hiện đại hóa cùng văn hóa truyền thông, ngoại nhập vừa thu hẹp sân chơi truyền thống của các em vừa mở ra những trò chơi mới lạ. Nhiều hình thức giải trí ra đời kèm theo cả mặt lợi và mặt hại. Văn hóa nghe - nhìn đang xâm nhập vào từng ngõ ngách. Trẻ ở nông thôn cũng đang dần dần bắt theo nhịp sống nơi thành thị, dần xa với bài hát đồng dao và trò chơi dân gian lành mạnh. Sự đô thị hóa, hiện đại hóa và tốc độ phát triển của nền kinh tế thị trường đã và đang lấn át hình ảnh thân quen của làng quê Việt Nam, khiến trẻ em xa lạ với những truyền thống trước đây vốn là máu thịt quê hương. Thêm vào đó, một khuynh hướng của nhiều bậc cha mẹ hiện nay muốn con mình trở thành "thần đồng" từ tấm bé khiến các em chịu thêm áp lực học hành. Quyền vui chơi của các em do đó mà bị thu hẹp lại. Một khi sân chơi của trẻ không còn nhiều thì sức sống của đồng dao cũng bị mờ nhạt đi.

Thực tế cho thấy, trẻ em hôm nay được hưởng thêm những phương tiện kĩ thuật hiện đại, các em thông minh hơn, già dặn hơn, thực tế hơn. Tỉ lệ thuận với sự

hiểu biết của trẻ, văn học thiếu nhi mang tính "trí tuệ", tính "luận bàn" với trẻ em rõ hơn. Nhìn trên cả xu hướng chung, điều ấy cũng là tự nhiên. Nhưng thơ viết cho các em có xu hướng "già" đi, mất đi nhiều sự hồn nhiên nên có. Đối diện với sự cạnh tranh của truyền thông đại chúng, giới sáng tác nhận thấy cần phải tăng cường chất cảm xúc, sự trong sáng, hồn nhiên để thơ "là bàn tay lôi cuốn và nâng đỡ các em" (Chế Lan Viên). Trong nhiều kinh nghiệm cũ được kích hoạt, kinh nghiệm về đồng dao mang đến cho họ bài học sáng tác quí báu. Các nhà thơ thiếu nhi hiện đại tìm về với nguồn mạch đồng dao tươi mát như một con đường đưa thơ trở về với bản thể nguyên sơ, hồn nhiên, trong sáng của con người. Đồng dao mê hoặc trẻ em vì giữa tư duy đồng dao với tư duy trẻ em có nhiều điểm song trùng. Cách thức kế thừa, khai thác đồng dao không chỉ thử thách bộc lộ tài năng, cá tính của người cầm bút mà còn cho thấy sự vận động của quan niệm văn chương, quan niệm con người ở mỗi thời đại, mỗi cộng đồng.

Dẫn ra một vài ví dụ như trên không phải để xem nhẹ hay bỏ qua chức năng giáo dục của thơ thiếu nhi mà để thấy rõ hơn rằng: thơ viết cho các em rõ ràng không phải chỉ dạy dỗ khô cứng, sống sượng mà còn phải "như các trò chơi, luôn luôn hoạt bát" [145, 301]. Từ đó đặt ra vấn đề cần có những nỗ lực kiếm tìm, làm mới thi ca. Trong những khuynh hướng đổi mới ấy, có người theo đuổi cái mới lạ đến từ những "kênh" văn hóa khác, có người quyết định tìm về truyền thống để làm giàu ngòi bút của mình. Việc lựa chọn kinh nghiệm của đồng dao có lẽ trước hết được thôi thúc bởi khát vọng đem lại cho con trẻ nhiều niềm vui phóng khoáng, tự do, vô tư bằng thơ ca.

M. Gorki từng nói: "Một nhà văn mà không có những hiểu biết về văn chương truyền miệng là nhà văn tồi" [Dẫn theo 172, 112]. Sự tái sinh mô thức đồng dao hay một số khía cạnh nghệ thuật đồng dao là một hiện tượng đang phổ biến trong văn hóa, văn học hiện đại, đặc biệt là trong thơ thiếu nhi và được thể nghiệm thành công qua sáng tác của các nhà thơ từ Phạm Hổ, Võ Quảng, Nhược Thủy, Xuân Quỳnh, Định Hải, Lữ Huy Nguyên, Trần Đăng Khoa... đến Ngô Thị Bích Hiền, Hoài Khánh, Nguyễn Lãm Thắng, Vi Thùy Linh, Nguyễn Thế Hoàng Linh... Do tính chất hồn nhiên, phóng túng, tự do của đồng dao mà kinh nghiệm này thuộc về một dòng mạch văn chương thời kì đổi mới: quan niệm văn chương như "trò chơi". Nó thể hiện khát vọng tự do sáng tạo, vượt thoát khỏi những khung khổ chật chội của thứ

văn học trang nghiêm, trịnh trọng, của xu hướng lí tưởng hóa con người, căn bệnh duy ý chí... Mặt khác, tính trò chơi của đồng dao rất phù hợp với tâm lí, nhu cầu phát triển thể chất và tâm hồn trẻ, như Vưgôtxki đã chỉ ra: "Có hai điều đáng ngạc nhiên trong nghệ thuật trẻ em: thứ nhất, đấy là sự có mặt sớm của một xu hướng chuyên biệt mà nghệ thuật đòi hỏi và rõ ràng là xu hướng này sẽ chỉ ra sự gần gũi về tâm lí giữa nghệ thuật và trò chơi đối với trẻ em" [171, 344]. Theo đó, con người được thỏa mãn nhu cầu tìm lại bản nguyên, những niềm vui trong trẻo, vô vụ lợi tuổi ấu thơ, tìm được niềm vui sống từ tiếng cười đùa vui, tìm được tình yêu nghệ thuật qua trò chơi với ngôn từ. Điều này cho thấy sự vận động tư duy văn học thiếu nhi nói chung, thơ thiếu nhi nói riêng luôn phản chiếu sự vận động của quan niệm về con người và không tách rời xu hướng phát triển chung của văn học dân tộc.

2.3.2. Đặc điểm tâm lí tuổi thơ

Coocnây Trucôpxki - tác giả của nhiều tác phẩm thơ được trẻ em yêu thích đã đúc kết bí quyết làm thơ hay cho các em dựa trên hai nguyên tắc lớn "một là học tập vốn cổ, hai là học tập các em" [145, 769]. Học tập "vốn cổ" của nhân dân bởi đó là kho tàng kinh nghiệm nghệ thuật phong phú đã được cha ông đúc kết trong chiều dài lịch sử. Học tập "các em" bởi trẻ em vừa là đối tượng phản ánh vừa là đối tượng tiếp nhận thơ thiếu nhi hướng tới, phải viết những điều các em thích thú, quan tâm, có thể tiếp nhận được. Khi nào nhà thơ có được cái nhìn trẻ thơ, am hiểu tâm lí trẻ thơ mới có thể sáng tác những tác phẩm thơ được các em yêu thích. Điều này chứng tỏ tâm lí học trẻ em với tâm lí sáng tạo nghệ thuật có quan hệ tương hỗ. Tuy nhiên, vấn đề này không phải lúc nào cũng được nhìn nhận đúng đắn.

Trước đây, từng tồn tại quan niệm cho rằng trẻ em là bản sao thu nhỏ của người lớn. Chúng là đối tượng bé nhỏ, yếu đuối, dễ nắm bắt, cần được uốn nắn, thậm chí "qui phục" theo chuẩn mực của người lớn: "Từ lâu trẻ em vẫn được coi như một người lớn thu nhỏ lại, một người lớn bé bỏng với một cơ cấu bị rút nhỏ lại, mà ta phải làm cho nó lớn lên một cách đồng bộ. Vì yếu đuối và ngu dại, nó cần quy phục sức mạnh toàn năng của các huynh trưởng. Họ nghiêng mình xuống và ban ơn cho nó (...) để dẫn nó tới trình độ hoàn thiện của họ..." [97, 32]. Cách hiểu lệch lạc này dẫn đến "văn học cho trẻ nhỏ mải mê với chủ nghĩa giáo dục thực dụng, dường như không còn độc lập, tự do sáng tạo nữa. Nó, về bản chất, là giáo huấn" [97, 30].

Từ cuối thế kỉ XIX, đặc biệt trong thế kỉ XX, khoa học nghiên cứu tâm lý trẻ em trên thế giới phát triển rất mạnh với những công trình dày dặn, công phu của Ellenkey (Thụy Điển), J. Piaget (Thụy Sỹ), L.Vưgôtxki (Nga), Phrơt (Áo)... Trong tác phẩm có tính chất dự báo Thế kỉ của trẻ em (1900), Ellenkey cho rằng trẻ em trước kia có vị trí ngoài xã hội, thế kỉ XX phải đặt trẻ em vào vị trí trung tâm, trẻ em phải có vai trò tích cực, phải được nhìn nhận một cách độ lượng. J. Piaget đưa ra thuyết "tự kỉ trung tâm" khẳng định ý thức tự chủ của trẻ em, đặc biệt ở lứa tuổi mầm non. Trẻ luôn lấy mình làm trung tâm để nhìn nhận, giao tiếp với thế giới. Ở Việt Nam, có những công trình nghiên cứu giá trị của Nguyễn Khắc Viện, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Ánh Tuyết... như: *Ngây thơ - Một số suy nghĩ về tâm lý và giáo dục trẻ em*, *Lòng con trẻ: Tâm lý học trẻ em*, *Tâm lý trẻ em hiểu theo phân tâm học*... (Nguyễn Khắc Viện), *Một số vấn đề tâm lý học*, *Tâm lý học Vưgôtxki*... (Phạm Minh Hạc), *Điều cần biết về sự phát triển của trẻ thơ*, *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến sáu tuổi)* (Nguyễn Ánh Tuyết chủ biên)... Những thành tựu này có tác động rất lớn đến văn học thiếu nhi, khắc phục một số quan niệm lệch lạc trước đây.

Tâm lý học hiện đại khẳng định trẻ em cần được nhìn nhận như một thực thể sống động, có thế giới riêng biệt: "Trẻ em không phải là trẻ con. Bởi trẻ con thì vụng dại, ngờ nghệch. Trẻ em là một lớp người. Đã là một lớp người thì đấy là một tổng thể hoàn chỉnh. Đấy là giọt nước thu nhỏ của vũ trụ một cách kì ảo và tuyệt vời. Chỉ có người lớn chưa hiểu trẻ em - và sự thiếu sót đó đáng bị phê phán, không thể kết tội trẻ em không hiểu người lớn" [145, 382]. Rõ ràng, trẻ em không phải là một "người lớn thu nhỏ" để người lớn hoàn toàn chi phối, dạy dỗ và "nhào nặn" thành một sản phẩm hoàn hảo theo kì vọng của họ. Tâm hồn trẻ em chứa đựng một thế giới bí ẩn, kì lạ mà người lớn cần chiêm ngắm, khám phá. Bởi thế, người viết cho thiếu nhi không chỉ mang thiên chức của một nghệ sĩ mà còn phải có thêm thiên chức của nhà tâm lý, nhà sư phạm. Nói cách khác, đó là sự thấu hiểu đối tượng hướng đến của nghệ thuật. Hiểu để có khả năng đi sâu khám phá thế giới nội tâm, phát hiện những hứng thú chân thật. Hiểu để viết cho phù hợp với nhu cầu, trình độ nhận thức và sở thích của các em. Thoát li tâm sinh lí trẻ, không thâm nhập vào cuộc sống vui chơi, sinh hoạt học tập của trẻ sẽ khó thành công trong sáng tác văn học cho các em nói chung và thơ cho các em nói riêng. Ngược lại, người viết càng

nắm được đặc điểm tâm sinh lí các em, am hiểu sâu sắc từng lứa tuổi thì càng có cơ hội cho tác phẩm của họ trở thành tác phẩm hay. Điều này đòi hỏi mỗi tác phẩm cần phải có sự kết hợp hài hòa trên cơ sở hòa giải giữa cảm quan người lớn với cảm quan tuổi thơ, "đừng nên bắt trẻ con làm đồng niên với mình quá sớm" (Phan Quế). Về vấn đề này, Thạch Lam cũng từng tâm niệm: "Người ta chớ lầm tưởng là viết cho trẻ con thì viết thế nào cũng được. Chúng ta chớ quên là trẻ con có lí luận và trí quan sát riêng của nó, nhiều khi xác đáng và tinh tường hơn của người nhớn. Trẻ con nhìn đời bằng con mắt mới và trí xét đoán trong sạch, chưa bị những tập quán làm mờ. Hơn các nhà văn khác, các nhà văn chuyên viết cho trẻ cần phải yêu mến câu chuyện mình viết và kính trọng những độc giả ít tuổi của mình. Nếu cứ muốn giữ địa vị mình, giữ địa vị "người lớn" để dẫn trẻ đi tìm hiểu cuộc đời, để gây dựng trí xét đoán, làm nảy nở tình cảm của trẻ thì nhà văn ít khi được thành công. Viết cho trẻ đọc, trước hết là đứng thay vào chỗ trẻ, là tự làm mình trẻ lại, tìm lại cái trí tò mò tỉ mỉ, cái lí luận thẳng thắn và nhất là cái độc lập tự do lạ lùng của trí não trẻ con" [68, 310]. Khi nhận định như thế nghĩa là giới sáng tác cũng đã thấy chỗ hạn chế của thứ văn chương không phản ánh đúng bản chất hồn nhiên của trẻ thơ, áp đặt chân lí của người lớn nên trẻ thấy không hấp dẫn.

Từ phát hiện của tâm lí học, soi vào đồng dao và thơ thiếu nhi, có thể thấy rằng: tuy có những khác biệt nhất định về vấn đề tác giả, về phương thức lưu truyền, diễn xướng nhưng đồng dao và thơ thiếu nhi có chung một điểm tựa: cùng hướng về đối tượng trẻ em, cùng dựa trên nền tảng tâm lí trẻ em để sáng tác. Đối tượng thẩm mĩ đặc biệt này có nhu cầu, sở thích, đặc trưng tâm lí riêng qui định việc lựa chọn nội dung phản ánh cũng như hình thức nghệ thuật để cấu trúc tác phẩm.

Khác với một số thể loại văn học dân gian như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn... do người lớn sáng tác nhưng công chúng thưởng thức có thể là người lớn, có thể là trẻ em thì với đồng dao, kể cả do người lớn tham gia sáng tác vẫn luôn phải lấy trẻ em làm đối tượng hướng đến. Điều đó có nghĩa là, sáng tác làm sao để các em có thể cảm nhận được, hiểu được và thích thú. Yêu cầu đặt ra là tác phẩm phải gần hoặc trùng hoặc giống hoặc thích hợp với nhãn quan của trẻ. Để gia nhập vào thế giới đồng dao, tác giả - người lớn đã học cách tư duy trẻ thơ, nắm bắt tâm lí trẻ thơ để sáng tác.

Đồng dao được trẻ nhỏ yêu thích bởi cái đẹp trong đồng dao luôn gắn liền với cảm nghĩ, cách nói, cách hát, cách diễn xướng, cách chơi của thiếu nhi. Nhà thơ hiện đại vận dụng tư duy đồng dao vào sáng tác thơ cũng phải làm toát lên được cái đẹp đó. Người nghệ sĩ dân gian trong đồng dao với nhà thơ hiện đại hôm nay tuy cách xa về khoảng cách thời gian nhưng giữa họ có điểm gặp gỡ, đó là cách nhìn thế giới bằng "cặp mắt xanh non", "cặp mắt biếc rờn". Nói cách khác, đó là khả năng "nhập vai" trẻ em, cảm nhận thiên nhiên và cuộc sống con người bằng con mắt hồn nhiên của trẻ. Nếu không làm được điều này thì nhà thơ dễ rơi vào tình trạng "cưa sừng làm nghé" hoặc trường hợp khác là để lẫn thơ người lớn vào thơ cho trẻ thơ. Nghĩa là, phải tránh cách suy nghĩ theo lí trí và tình cảm của người lớn khi sáng tác, bởi trong sáng, hồn nhiên là bản tính của trẻ thơ ở mọi thời. Phải chăng đó chính là *Đồng tâm thuyết* mà Lý Chất - nhà văn, nhà tư tưởng đời Minh từng khởi xướng: "Kìa trái tim trẻ thơ là trái tim ngây thơ chân thực vậy... Nếu để mất trái tim trẻ thơ, tức là để mất trái tim chân thực và mất luôn cả người chân thực... Những áng văn chương hay nhất trong thiên hạ chưa bao giờ lại không nảy sinh từ trái tim trẻ thơ cả" [150, 113].

Xuất phát từ đặc điểm tâm lí tuổi thơ, chúng tôi nhận thấy sự vận dụng đồng dao trong sáng tác thơ cho thiếu nhi và thơ cho người lớn hoàn toàn không giống nhau. Với thơ cho người lớn, tiêu biểu là trường hợp Trần Dần, Bùi Giáng, Nguyễn Trọng Tạo, Trần Nguyễn Anh... các tác giả chủ yếu mượn hình thức đồng dao để làm lại văn bản, biến thơ thành trò chơi nhằm mục đích chống lại bệnh công thức, giáo điều, bệnh thánh hóa thi ca, "đưa thơ vào sâu trong các vùng mờ của tiềm thức, vô thức, những giấc mơ, mộng mị, hư ảo" [79, 297]. Chẳng hạn, trong *Mùa sạch* - thi phẩm độc đáo của Trần Dần có nhiều đoạn gợi liên tưởng đến kiểu cấu trúc ngôn ngữ đồng dao: *"Chim sạch thông thênh trời sạch/ Mây mùa thành thạch/ Tôi đi trên đường sạch/ Ngôi sao quê sáng bạch/ Ao nhà con cá thạch/ Tôi về một mạch/ Tôi về tôi tắm sạch ao ta"*. Hay *Đồng dao cho người lớn* của Nguyễn Trọng Tạo tiếp nối thể vãn bốn của đồng dao để làm mới trong thể tám chữ, âm điệu chơi vơi nghe như rời rạc, không diễn đạt một nội dung gì cụ thể: *"Có cánh rừng chết vẫn xanh trong tôi/ Có con người sống mà như qua đời/ Có câu trả lời biến thành câu hỏi/ Có kẻ ngoại tình ngỡ là tiệc cưới..."*. Ngược lại, với thơ thiếu nhi, khai thác đồng dao chủ yếu

nhằm mục đích tôn vinh cái đẹp hồn nhiên, tươi non, tinh khiết, giúp các em giải tỏa áp lực lao động, học hành. Các em sẽ không bị hoang mang bởi giọng triết lí sâu sắc, không chán ngấy bởi những bài học giáo dục trịnh trọng mà được đánh thức niềm vui chơi giỡn, trí tưởng tượng phóng túng và những liên tưởng bất ngờ. Về mặt này, đồng dao đã cho chúng ta hiểu sâu hơn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của trẻ cũng như trao cho người nghệ sĩ chiếc chìa khóa để có thể mở rộng cánh cửa tâm hồn của những bạn đọc nhỏ tuổi.

2.3.3. Qui luật sáng tạo nghệ thuật

Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi nằm trong mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết - mối quan hệ tự nhiên, đã trở thành qui luật của bất kì nền văn học dân tộc nào. Trần Đức Ngôn khẳng định: "Sự tiếp nhận văn học dân gian của văn học viết được xem như là qui luật của lịch sử văn học" [104].

Văn học dân gian là một trong hai bộ phận hợp thành nền văn học dân tộc. Hơn nữa, văn học dân gian ra đời sớm hơn văn học viết, đó là bộ phận mở đường, đặt nền móng cho văn học viết sau này. Vì thế, để có cái nhìn thấu đáo về bản chất của nền văn học dân tộc, chúng ta không thể không xét đến vai trò quan trọng của văn học dân gian đối với sự hình thành, phát triển của văn học viết và ngược lại. Trong lịch sử, văn học dân gian và văn học viết vừa tồn tại độc lập vừa nương tựa vào nhau, vừa "đối lập" vừa dung hòa về các mặt khuynh hướng tư tưởng, quan niệm thẩm mĩ, đề tài, thể loại, chịu sự qui định của những qui luật chung về hoạt động sáng tạo để cuối cùng tạo nên bức tranh hài hòa của một nền nghệ thuật ngôn từ.

Đối chiếu với đồng dao và thơ thiếu nhi, chúng tôi nhận thấy đây là hai hình thái nghệ thuật ngôn từ độc lập, hình thành, tồn tại và phát triển trong những điều kiện không giống nhau. V.A. Prôp đã xác định: "Một trong những sự khác nhau quan trọng nhất là tác phẩm văn học nhất thiết bao giờ cũng có tác giả. Tác phẩm folklore thì không có tác giả và đó cũng là một trong những đặc trưng của folklore" [Dẫn theo 108, 19]. Đồng dao cũng không nằm ngoài đặc điểm này. Do không có tác giả cụ thể, cũng là tính cộng đồng về mặt sáng tạo, nhận thức thẩm mĩ nên trong đồng dao, khó có thể tìm thấy sự sáng tạo cá nhân. Trong khi đó, ở văn học viết nói chung, thơ thiếu nhi nói riêng, dấu vết cá nhân rất rõ, cá tính sáng tạo là yếu tố quyết định nhất tạo nên sự thành công của tác phẩm. Mặt khác, đồng dao gắn với diễn xướng, gắn với trò chơi. Đến thơ

thiếu nhi, chức năng nguyên thủy này ít nhiều bị mờ đi, chỉ âm hưởng phấn chấn, khả năng tạo hưng phấn, tính chất vui đùa cho người đọc vẫn được bảo lưu nguyên vẹn.

Tuy tồn tại những khác biệt nhất định như vậy, nhưng hai bộ phận này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, có sự tác động lẫn nhau. Đồng dao và thơ thiếu nhi đều thuộc về loại hình thơ ca nên giữa chúng có những nét gần gũi về bản chất thể loại, phương pháp phản ánh, tư duy nghệ thuật, chức năng tư tưởng thẩm mĩ. Mặt khác, đồng dao và thơ thiếu nhi cùng hướng đến một đối tượng, đó là trẻ em. Vì vậy, chúng còn chịu sự qui định của các yếu tố tâm sinh lí, đặc điểm tư duy, nhận thức, khả năng cảm thụ và tiếp nhận văn học của lứa tuổi thiếu nhi. Về mặt này, có thể thấy, tư duy đồng dao có nhiều điểm trùng khít với tư duy trẻ em như Vavilôp đã chỉ ra: "có nhiều điểm giống nhau giữa cảm nghĩ của trẻ em, của người nguyên thủy và của thi sĩ" [Dẫn theo 201, 756]. Vận dụng đồng dao, nắm, hiểu được những đặc điểm đó sẽ giúp các nhà thơ hiện đại sáng tác được những bài thơ đi vào đời sống tinh thần trẻ em, được các em yêu thích. Tất nhiên, việc học tập đó thành công đến đâu còn phụ thuộc vào mức độ sáng tạo, năng lực cách tân, tức là bản lĩnh và tài năng của mỗi người. Những nhà thơ viết cho thiếu nhi thành công phần lớn đều là những người biết tìm về truyền thống văn học dân gian nói chung, đồng dao nói riêng để tiếp thu và sáng tạo. Bởi thế, có thể khẳng định, mối quan hệ giữa thơ thiếu nhi với tư duy đồng dao cũng là qui luật tất yếu, từ đó có thể xem xét, đánh giá mức độ tiếp thu, ảnh hưởng tư duy đồng dao trong sáng tác thơ thiếu nhi.

Kế thừa, học tập kinh nghiệm của đồng dao, các nhà thơ hiện đại đã lựa chọn từ kiểu tư duy dân dã này những hình thức thể hiện phù hợp với nội dung tác phẩm. Trong quá trình sáng tạo, có người sử dụng triệt để hình thức câu thơ ngắn, nhịp điệu vui nhộn như Phạm Hổ, Xuân Tửu, Nhược Thủy... Có người mượn thể thơ, kết cấu đồng dao lồng ghép trong đó những hình ảnh mới của cuộc sống hiện đại hôm nay như Võ Quảng, Thái Hoàng Linh, Nguyễn Lãm Thắng... Có người khai thác mô hình trò chơi để tổ chức nên những trò chơi bằng ngôn từ cho trẻ như Lữ Huy Nguyên, Quang Huy, Định Hải, Dương Thuấn... Có người dựa trên cơ chế tưởng tượng, liên tưởng của đồng dao đưa ra những kiến giải bất ngờ như Nguyễn Thế Hoàng Linh, Vi Thùy Linh... Tuy cùng chịu ảnh hưởng của các mô thức đồng dao nhưng mỗi tác giả lại có cách thể hiện riêng, hấp dẫn. Vì thế, mối quan hệ giữa tư

duy đồng dao với thơ thiếu nhi không chỉ là quy luật kế thừa - tiếp biến trong sáng tạo nghệ thuật mà còn phản ánh quy luật giao thoa thể loại trong văn học hiện đại. Các thể loại có thể không tồn tại ở trạng thái đơn nhất mà ít nhiều đều có sự cải dạng như Kun - đê - ra từng nói: thời hiện đại, mỗi tác phẩm đều tự làm ra đặc điểm thể loại của mình.

Nhìn từ góc độ rộng, phương thức sáng tạo nghệ thuật này không chỉ in bóng trong thơ ca mà còn trong nhiều áng văn xuôi viết cho thiếu nhi. Những tác phẩm như *Kính vạn hoa*, *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*, *Lá nằm trong lá*, *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*… (Nguyễn Nhật Ánh), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, *Một thiên nằm mộng*… (Nguyễn Ngọc Thuần), *Khúc đồng dao lấm láp* (Kao Sơn)… tạo được ấn tượng chính một phần nhờ chất thơ, chất đồng dao đậm đà trong đó. Qua trang viết, các tác giả muốn khơi gợi ở bạn đọc cảm xúc hồn nhiên, tự do, khát vọng tìm về thiên đường tuổi thơ đã mất đồng thời bồi đắp những tình cảm tốt đẹp, thánh thiện mà con người ta luôn cố gắng hướng tới. Đó là tình yêu cuộc sống, là sự yêu thương, độ lượng với mọi người và với chính mình, là sống giản dị và trọn vẹn với tất cả những cái xấu, cái tốt đang diễn ra xung quanh hàng ngày, hàng giờ. Đó cũng chính là cái nhìn lạc quan giữa cõi đời phức tạp, cái nhìn đậm chất trẻ thơ ta từng bắt gặp trong đồng dao xưa. Như Nguyễn Nhật Ánh quan niệm: "Trong thế giới của tuổi hoa niên, tôi nghĩ không có cái ác được đẩy đến tận cùng như trong thế giới của người lớn, nếu có cũng chỉ là trường hợp cá biệt…" [175]. Đây là bằng chứng về sức sống mãnh liệt của văn hóa dân gian trong văn hóa, văn học hiện đại, qua đó thể hiện khát vọng tự do, nhu cầu khai phóng trí tưởng tượng, sự quay về với bản thể nguyên sơ của con người. Với một số tác giả, việc kế thừa, sáng tạo mô thức tư duy đồng dao đưa vào tác phẩm còn góp phần hình thành một nét phong cách riêng.

Tóm lại, với tư cách là hình thức thơ ca đầu tiên dành cho trẻ, đồng dao thực sự là "cuốn bách khoa của những tri thức nghệ thuật thơ ca" (M.Gorki) của nhân dân, để lại nhiều bài học sáng tác quí báu cho thơ thiếu nhi hiện đại. Mối quan hệ giữa thơ thiếu nhi với tư duy đồng dao phản ánh quá trình giao lưu tự nhiên qua đó mỗi cá nhân chắt lọc, kế thừa, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm của tập thể để làm mới cho sáng tác của chính mình. Đặt trong mối tương quan đó, hai bộ phận thơ ca này có thể bổ sung cho nhau, xâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển.

Tiểu kết chương 2

Văn học dân gian thiếu nhi của người Việt phát triển khá sớm và tập trung ở hai lĩnh vực: truyện kể (truyện dân gian trẻ em) và thơ ca (đồng dao). Cho đến nay, dù còn tồn tại nhiều quan niệm khác nhau về đồng dao nhưng không ai có thể phủ nhận vị trí quan trọng của thể loại này trong hệ thống folklore nhi đồng. Đồng dao ra đời trước hết để đáp ứng nhu cầu hát và chơi của trẻ. Song không đơn thuần chỉ là thể loại của văn học dân gian, đồng dao còn phản ánh một hình thái tư duy độc đáo trong sáng tác văn chương. Tư duy đồng dao được hình thành trên cảm quan đậm chất trẻ thơ, khúc xạ qua lăng kính trẻ thơ, cho chúng ta nhận diện rõ hơn về khuynh hướng sáng tạo nghệ thuật đề cao tinh thần tự do, vẻ đẹp hồn nhiên của con người. Mặt khác, có thể nói, tư duy đồng dao đã góp phần định hình rõ hơn một dạng thức mĩ học rất cần thiết trong thực tiễn sáng tác thơ cho các em: mĩ học ấu nhi.

Thơ thiếu nhi vừa là bộ phận của văn học dân tộc vừa là bộ phận của văn học thiếu nhi. Đó là những sản phẩm nghệ thuật ngôn từ do người lớn hoặc chính thiếu nhi sáng tác nhằm thể hiện một cách sinh động cuộc sống cũng như mơ ước, khát vọng của trẻ thơ. Cũng như thơ cho người lớn, thơ thiếu nhi là loại hình văn học có nguyên tắc thẩm mĩ, có đặc trưng thẩm mĩ riêng. Để thuyết phục bạn đọc, bên cạnh việc lựa chọn đề tài, nội dung phản ánh phù hợp, người sáng tác cần chú ý đến đặc điểm thế giới quan, tâm lý, tình cảm, năng lực tư duy của trẻ. Thơ phải vừa khơi mở những khoái cảm, rung động tích cực vừa mang đến cho các em những phút giây thư giãn của tâm hồn.

Thơ thiếu nhi Việt Nam hình thành và phát triển qua hai giai đoạn: trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Qua mỗi chặng đường, thơ thiếu nhi đã có những nỗ lực tìm tòi, hướng đến đổi mới cả nội dung lẫn hình thức biểu hiện theo khuynh hướng phát triển chung của văn học hiện đại và yêu cầu khắt khe của thực tiễn sáng tạo nghệ thuật: "Cuộc đời người cầm bút không lúc nào ngưng đọng. Một là anh đổi mới thì anh trẻ mãi, sống mãi. Hai là anh ngừng lại và anh đi vào cõi hư vô" [92, 17]. Trên con đường đổi mới ấy, nhiều nhà thơ quay trở về học tập kinh nghiệm từ vốn văn học dân gian truyền thống và nhận ra ưu thế của đồng dao. Điều đó không chỉ có ý nghĩa ở giai đoạn hiện nay, khi các phương tiện nghe nhìn, trò chơi điện tử đang lấn át, mà kể cả ở giai đoạn trước, khi chúng ta quá nhấn mạnh

đến tính chất giáo dục của thơ thiếu nhi. Đồng dao và thơ thiếu nhi tuy thuộc hai hệ thống khác nhau nhưng chúng cùng chung đối tượng phục vụ và mục đích sáng tác. Mối quan hệ giữa thơ thiếu nhi và tư duy đồng dao vừa là một quy luật tự nhiên vừa được xây dựng trên những điều kiện cụ thể: cơ sở văn hóa xã hội, đặc điểm tâm lí tuổi thơ, qui luật sáng tạo nghệ thuật. Có thể thấy, tư duy trẻ em là kiểu tư duy "nguyên hợp", gần gũi với thể loại văn học đặc biệt này. Mặt khác, đồng dao phản ánh một trong những điểm đặc thù của tư duy thiếu nhi, đó là tính hồn nhiên, thích tìm hiểu, khám phá, thích trò chơi. Từ đồng dao, người sáng tác nhận thấy thơ cho các em cũng có thể trở thành một "trò chơi" vui vẻ, đáp ứng nhu cầu giải trí, thư giãn, không bị câu thúc bởi tính giáo huấn khô khan, gượng ép. Nhìn trên cả quá trình, vấn đề này đồng thời thể hiện một nhận thức có chiều sâu về quan niệm con người, tô đậm tinh thần nhân văn mới: con người được hoàn nguyên, thành thật, tự nhiên với chính bản ngã của mình.

Chương 3
TƯ DUY ĐỒNG DAO NHÌN TỪ SỰ KIẾN TẠO BỨC TRANH THẾ GIỚI TRONG THƠ THIẾU NHI

Với trí tưởng tượng phóng khoáng, đồng dao mô tả cuộc sống muôn màu muôn vẻ bằng đôi mắt trẻ thơ hồn nhiên, sinh động. Qua đồng dao, các em vừa vui vừa học vừa khám phá thế giới tự nhiên và con người một cách ngộ nghĩnh, đầy chất thơ vừa trau dồi tri thức đời sống. Thơ thiếu nhi hiện đại chủ yếu do người lớn sáng tác. Điều này đòi hỏi tác giả phải thực sự "hóa thân", "nhập vai" trong thế giới riêng của trẻ đồng thời dựa trên những nguyên tắc tư duy nhất định để kiến tạo nên bức tranh thế giới đa sắc. Đó là *thế giới kiến tạo từ quan niệm vạn vật bằng hữu, thế giới kiến tạo từ nguyên tắc ngẫu hứng, tự do, thế giới kiến tạo từ mô hình trò chơi*.

3.1. Thế giới kiến tạo từ quan niệm vạn vật bằng hữu

Về phương diện tâm lý nghệ thuật, tư duy trẻ em có nét gần gũi với tư duy thần thoại. Tư duy thần thoại được thể hiện trong sự chưa phân tách giữa chủ thể và khách thể. Tác giả Vũ Anh Tuấn cho rằng: "Đặc trưng nguyên hợp của thần thoại là hệ quả của một trình độ tư duy đặc trưng của con người trong tư cách chủ thể sáng tạo văn hóa nguyên thủy. Dạng thức tư duy này được người đời sau định danh là tư duy thần thoại (...). Tựu trung lại, đó là một kiểu tư duy tổng thể, một mặt phản ánh quan niệm "vạn vật hữu linh" (...), mặt khác nó cũng phản ánh một kiểu nhận thức thực tại còn rất sai lệch, huyễn hoặc và điều này là có thật" [137, 53]. Quan niệm "vạn vật hữu linh" khiến người nguyên thủy hình dung các hiện tượng tự nhiên như con người, cho rằng chúng có tâm hồn, lí trí, tình cảm giống con người. Đó là biểu hiện của tư duy thơ ngây, xuất phát từ trình độ nhận thức còn hạn chế của người cổ đại.

Nếu quan niệm "vạn vật hữu linh" là đặc điểm nổi bật của tư duy thần thoại thì quan niệm "vạn vật bằng hữu" là một trong những đặc điểm quan trọng của tư duy đồng dao. Tựa như cái nhìn của người nguyên thủy, trẻ em chưa có sự phân biệt chủ thể - khách thể, ta - thế giới bên ngoài rành mạch như người lớn. Theo đó, thế giới tự nhiên khúc xạ qua tâm hồn thơ ngây của các em dường như cũng có những thuộc tính của thế giới con người. Với trẻ thơ, không tồn tại ranh giới phân chia giữa thế giới của ta - ngoại vật. Trong con mắt quan sát, trí tưởng tượng dồi dào của các em, vạn vật không chỉ sống động, có hồn (vạn vật hữu linh) mà tất cả đều trở nên gần

gũi, có thể trở thành bầu bạn, trò chuyện với nhau (vạn vật bằng hữu). Vấn đề này chúng tôi đã đề cập đến ở chương hai, khi khát quát các đặc điểm của tư duy đồng dao và tường minh qua ví dụ cụ thể.

Trong thơ thiếu nhi hiện đại, quan niệm vạn vật bằng hữu cũng đóng vai trò quán xuyến, chi phối đến việc xây dựng bức tranh thế giới, cụ thể là: *thế giới bè bạn thân thiện, gần gũi*; *thế giới bè bạn bình đẳng, không định kiến*; *thế giới bè bạn yêu thương, nâng đỡ, làm đẹp cho nhau*.

3.1.1. Thế giới bè bạn thân thiện, gần gũi

Nhà tâm lý học Vưgôtxki (Nga) và Piaget (Thụy Sỹ) khi nghiên cứu tâm lý trẻ em đều lưu ý rằng tuy trong tư duy của trẻ chưa có logic của ý tưởng nhưng đã có logic của hành động thống trị. Piaget gọi đó là thuyết "tự kỉ trung tâm", trẻ luôn lấy mình làm trung tâm để nhìn nhận, giao tiếp với thế giới. Với trí tưởng tượng phong phú và cái nhìn dân chủ, chúng tự tạo cho mình một thế giới riêng trong đó vạn vật được nhìn nhận như những người bạn, từ cây cỏ, loài vật, đồ vật gần gũi hàng ngày đến vũ trụ rộng lớn, tất cả dường như không có khoảng cách, đều có thể thành bè bạn của trẻ thơ.

Trước hết là tình bạn trong thế giới cỏ cây, hoa lá phong phú, đa dạng. Xuất phát từ nền kinh tế nông nghiệp nên trẻ em nước ta, nhất là trẻ em nông thôn rất gần gũi với thiên nhiên. Trong đồng dao, dường như không có sự cách biệt giữa thiên nhiên với trẻ em, ngược lại giữa chúng luôn có mối giao hòa thân thiết. Qua đôi mắt trẻ thơ, thiên nhiên của các em trước hết là chị Lúa, chị Ngô, cô Đậu nành, anh Dưa chuột... Các loài hoa, trái phong phú, đa dạng chen nhau, đứng cạnh nhau mang đến ấn tượng về thế giới bè bạn đông đúc, vui tươi.

Nếu đồng dao có những bài vè hoa, vè quả, vè rau thì thơ thiếu nhi cũng xây dựng cho mình một khu vườn bách thảo trong đó cỏ cây, hoa trái được miêu tả chân thực, sinh động, nhiều màu sắc, dáng hình, nhiều hương vị hấp dẫn. Chúng bao gồm nhiều loại, đến từ những không gian, vùng miền khác nhau. Đó là biết bao cây cối dâng hoa thơm quả ngọt và sắc màu xanh tươi cho cuộc sống. Có những loại cây quen thuộc, trẻ vẫn thấy hàng ngày như *Mít, Dứa, Lựu, Na, Sầu riêng, Củ cà rốt, Bắp cải xanh* (Phạm Hổ), *Cây hoa quỳ vườn em* (Trần Mạnh Hảo), *Hoa giấy, Trái chín* (Đặng Hấn), *Hoa đại mùa hè, Hoa mười giờ* (Trần Thanh Địch), *Cây cau, Cây gòn, Cây ngô,*

Cây xoan (Nguyễn Lãm Thắng)... Có những loại cây được các tác giả gọi tên một cách hình tượng, trở nên lạ lẫm, kích thích trí tò mò của các em như *Mặt trời xanh của tôi* (Nguyễn Viết Bình), *Cây bè bạn* (Trần Mạnh Hảo), *Cây nhóm lửa* (Nguyễn Thái Dương), *Hoa học thầm* (Hoàng Tá), *Trứng treo, trứng nằm* (Lê Hồng Thiện)... Mỗi bài thơ như một cánh cửa mở sẵn đưa các em đến với thiên nhiên kì thú.

Về mảng này, sẽ thật thiếu sót nếu không nhắc đến thơ Phạm Hổ. Là nhà thơ của tình bạn, ông quan niệm thiên nhiên, cây cối cũng là bạn của con người và gọi chúng bằng cái tên thật đáng yêu: *Bạn trong vườn*. Tác giả say sưa kể về các loại cây, quả với niềm say mê thú vị, tái hiện không gian vườn tược thân thuộc, gắn bó với tuổi thơ của mỗi người. Trong khu vườn tình bạn ấy có "bạn" hàng rào đứng xung quanh làm nhiệm vụ bảo vệ, khi cánh cửa vườn mở ra hứa hẹn bao điều lí thú: *"Bạn trong vườn đợi sẵn/ Nóng ruột chờ các em/ Chúc sau cuộc gặp mặt/ Bè bạn quý nhau hơn"* (Bài thơ hàng rào).

Phạm Hổ dẫn dắt các em vào từng vườn quả. Bằng nhãn quan bè bạn, những loại cây, quả không còn vô tri vô giác mà được thổi vào đó một linh hồn, thức dậy trò chuyện cùng nhau, thủ thỉ cùng với trẻ. Đây là quả thị với niềm ước mong đi chơi cùng các bạn nhỏ: *"Người qua nhìn lên/ Thị thơm nhìn xuống/ Thị muốn theo về/ Chơi cùng trẻ xóm"* (Thị). Những bông hoa khế cũng điệu đà "rủ nhau" cùng tắm gội:*"Hoa từ cành cao/ Rủ nhau xuống giếng/ Tắm xong hoa tím/ Theo gầu nước lên"* (Khế). Đây là trái ổi chín đầy hấp dẫn: *"Ổi tặng bạn/ Quả ổi ngon/ Đã chín trắng/ Lại mập tròn"* (Ổi). Kia là cây sung: *"Sung già nhất vườn/ Lá như bỏng nổ/ Chi chít đầy cành/ Quả xanh quả đỏ" (*Sung).

Bạn trong vườn không chỉ là những loại hoa thơm trái ngọt mà còn là những loại rau củ rất bình thường, giản dị - những thứ ít khi có mặt trong thơ, ấy vậy mà qua con mắt Phạm Hổ, chúng hiện lên thật ngọt ngào, hấp dẫn. Củ cà rốt tinh nghịch như cậu bé nhảy điệu chân sáo tự giới thiệu về mình: *"Lá xanh/ Củ đỏ/ Lớn nhỏ/ Bên nhau/ Đất đội/ Ngập đầu/ Nhảy lên/ Đẹp thật/ Tên em/ Cà rốt/ Củ đỏ/ Lá xanh"* (Củ cà rốt). *Bắp cải xanh* thì như một cô bé dịu dàng, ngoan ngoãn khoác trên mình màu xanh mát mắt ôm ấp búp cải non đang cuộn mình, cuốn bó với nhau ngủ ngon: *"Bắp cải xanh/ Xanh mát mắt/ Lá cải sắp/ Sắp vòng tròn/ Búp cải non/ Nằm ngủ giữa"* (Bắp cải xanh). Rau bí giản dị khoe sắc mời gọi những người bạn

bướm ong: *"Hoa cái, hoa đực/ Vàng rực nở cùng/ Bướm, ong, ong, bướm/ Kéo về thật đông"* (Bí bò mặt đất). Thậm chí cả rau muống, rau lang qua cái nhìn của Phạm Hổ cũng trở thành những người bạn thật duyên dáng: *"Cô Lang, cô Muống/ Rủ nhau cùng bò/ Xem ai tới trước/ Ôm được gốc ngô/ Có Cải phất cờ/ Có Khuyên hót giục/ Cả Muống, cả Lang/ Cùng về một lượt"* (Rau lang, rau muống).

Chân thực mà sinh động là những gì mà Phạm Hổ dành tặng *Bạn trong vườn*. Phần lớn các bài thơ được sáng tác bằng thể thơ ngắn của đồng dao nên dễ thuộc, dễ nhớ. Tới đây, các em không chỉ được hòa mình vào những vườn hoa, vườn quả ngát hương mà còn cảm nhận được vẻ đẹp của tình bạn giản dị trong đời sống muôn màu.

Cỏ cây, hoa lá bầu bạn với các em, mang đến cho các em cái nhìn mới mẻ cũng như niềm vui khám phá thế giới kì diệu xung quanh. Trong *Trái chín*, Đặng Hấn dẫn các em đi tham quan vườn hoa trái phong phú đủ đặc sản ba miền:*"Cô bạn thanh long/ Chín màu hồng phấn/ Tàn nhang lấm chấm/ Chín trái chuối tiêu/ Trái cóc, trái điều/ Chín màu cỏ úa..."*. Từng loại quả lần lượt hiện ra với vẻ đẹp khi chín rất riêng. Cách miêu tả thể hiện sự quan sát tinh tường nhưng rất đỗi hồn nhiên của tác giả. Lời thơ hóm hỉnh, dễ thương, phù hợp với lứa tuổi, tâm sinh lí trẻ em nên không còn sự khô khan của cách kể liệt kê đơn thuần.

Với cái nhìn ngộ nghĩnh, thế giới thực vật vốn tĩnh khi đi vào đồng dao đều trở nên có tri giác và cùng hoạt động theo tưởng tưởng của trẻ thơ. Trong thơ thiếu nhi, thiên nhiên cũng thường được thể hiện ở trạng thái động như vậy. Điều này phù hợp với tâm lí trẻ nhỏ, thích những cái sinh động hơn là sự vật tĩnh. Cảnh khu vườn nhà quen thuộc, hoa trái chen nhau có thể không xa lạ với nhiều người nhưng trong mắt nhìn ngơ ngác của các em đã mở ra những cảnh tượng mới: "*Xoài "bế" em trên cao/ Mít "gùi" em dưới gốc/ Quả chẳng giống tí nào/ Xoài trơn, mít gai góc"* (Bạn trong vườn xanh - Nguyễn Lãm Thắng).

Nguyễn Lãm Thắng nhìn thấy cây cối cũng có hoạt động và mối quan hệ họ hàng như con người: *"Đụng vào là ngủ/ Ấy em Ngủ Ngày/ Bạn của thợ may/ Đúng là chị Vải/ Thân mềm không trái/ Là ả Mía xanh/ Đẻ trứng trên cành/ Là cây Trứng cá/ Suốt ngày khâu vá/ Là thím Cỏ may..."* (Đồng dao cây). Tác giả đã thiết lập được mối quan hệ giữa tên gọi của cây và đặc tính được nói đến, rất gần với tư duy

dẫn dắt của đồng dao: *"Hỏi Hán sang Hồ/ Là nàng hoa sứ/ Gìn lòng nắm giữ/ Là hoa từ bi..."*. Mỗi tên cây đều gợi nên sự gần gũi, hòa đồng dù đó là loài quen hay lạ. Với cách này, trẻ em được kích thích trí tưởng tượng, thỏa sức có những liên hệ kì lạ hoặc liên tưởng xa hơn nữa.

Tình bạn trong thế giới loài vật ngộ nghĩnh, đáng yêu được các tác giả thể hiện qua những vần thơ hồn nhiên, dí dỏm. Điều kiện khí hậu nhiệt đới khiến thiên nhiên nước ta tươi đẹp, sinh vật phong phú. Sống hòa đồng với thiên nhiên, trẻ em các vùng miền dẫn dắt từ chim chóc, muông thú đến các sinh vật của ao hồ, sông biển vào đồng dao, kết bạn, vui hát với chúng. Những bài vè cá, vè chim... truyền miệng qua không gian, thời gian để ngày nay, đâu đâu trên đất nước ta, các em cũng có thể có cả "bộ sưu tập" sinh động về chim trời, cá biển.

Nối tiếp đồng dao, thơ viết cho các em ngoài thế giới thiên nhiên, cỏ cây hoa lá quyến rũ còn có cả một thế giới động vật phong phú, nói như nhà thơ Ngô Quân Miện, đó quả là "một vườn bách thú". Khu vườn ấy là nơi tụ hội của những con vật đến từ những không gian, môi trường khác nhau: từ vật nuôi trong gia đình (chó, mèo, trâu, bò, lợn, gà...) đến những con vật sống trong rừng (hươu, nai, hổ, voi, cáo, khỉ...), những loài chim trời (vàng anh, vẹt, sẻ, bồ câu...) và cả những con vật sống dưới nước (cá, chẫu chàng, ếch nhái...). Chúng nhộn nhịp, ríu rít như một xã hội trẻ con luôn luôn náo động, đầy ắp tiếng nói, tiếng cười, tiếng hát. Các em gặp trong đó những người bạn đáng yêu như *Chú bò tìm bạn*, *Sáo đậu lưng trâu*, *Chơi ú tim*, *Gấu đen*, *Ngỗng và vịt*... (Phạm Hổ), *Chú chẫu chàng*, *Những nghệ sĩ*... (Võ Quảng), *Mè hoa lượn sóng* (Thạch Quỳ), *Con chó và con mèo*, *Gọi bạn* (Định Hải)... Điều này cho thấy người sáng tác đặc biệt am hiểu tâm lý trẻ, biết chúng luôn có khát vọng khám phá thế giới rất lớn. Các em muốn giao hòa cùng muôn loài. Đây là nhu cầu thiết thực, là đôi cánh chắp thêm cho trẻ trên con đường đi đến tương lai.

Những bài thơ nhỏ xinh mở ra trước trẻ một thế giới mới cần khám phá, chiếm lĩnh. Đó là thế giới của "những người bạn nhỏ" với những câu chuyện vừa gần gũi vừa mới lạ, hấp dẫn để rồi bạn đọc thích thú khi gặp lại tuổi thơ của chính mình. Đặc biệt, những con vật không đứng riêng lẻ mà có bạn có bầy, gắn bó nhau bởi tình bằng hữu. *Sáo đậu lưng trâu* (Phạm Hổ) là bức tranh tình bạn đẹp như thế: "*Thách anh trâu đấy/ Đánh được sáo đen!/ Anh quật đuôi lên/ Sáo sà xuống đất/ Anh quay sừng húc/ Sáo lại lên lưng/ Sáo mổ tứ tung/ Là anh thua nhé!"*.

Bài thơ khắc họa hình ảnh chim sáo tinh nghịch, nhanh nhẹn, đáng mến và chú trâu hiền lành trong những trò chơi thú vị. Hai con vật đối lập nhau về hình dáng nhưng chơi với nhau như những người bạn thân một phần vì trò chơi của chúng chẳng bao giờ phân thắng bại.

Sự gần gũi với loài vật cùng sự quan sát tỉ mỉ còn giúp nhà thơ phát hiện ra tình cảm gắn bó giữa mèo và tro bếp - điều có lẽ ít ai để ý đến: *"Tro bếp làm đệm/ Mèo ta khoanh tròn/ Cả hai cùng ấm/ Cùng ngủ thật ngon"* (Mèo và tro bếp - Phạm Hổ).

Giữa chó và mèo có phải chỉ là sự gầm gừ đuổi bắt không ngừng như trong câu thành ngữ "Cắn nhau như chó với mèo". Trong suy nghĩ của trẻ nhỏ không có sự bất đồng ấy, ngược lại chúng là những người bạn vô cùng thân thiết:*"Con chó và con mèo/ Hai đứa rất thân nhau/ Khi ra sân vào bếp/ Lúc tha thẩn bờ ao"* (Con chó và con mèo - Định Hải).

Chó và Mèo nào có ghét nhau, chúng cùng chơi ú tim đầy hào hứng. Chó trốn Mèo nên nấp vào khe tủ, Mèo bất ngờ phát hiện ra cái đuôi Chó đang phe phẩy dưới chân tủ đó. Ai khó tính lắm khi đọc bài thơ cũng phải bật cười vì sự ngộ nghĩnh trẻ thơ của các con vật:*"Chó vẫn thú vị lắm/ Cứ nhe răng ra cười/ "Không! Mình nấp giỏi thật/ Lỗi chỉ tại cái đuôi"* (Chơi ú tim - Phạm Hổ). Cái lí lẽ thoạt nghe có vẻ vô lý nhưng thực ra lại hoàn toàn có lý bởi nó phù hợp với logic ngây thơ, đúng với tâm lí dễ tin, dễ hồ hởi trước mọi điều của trẻ. Nếu không yêu trẻ, không giữ cho mình cách nhìn của trẻ, có lẽ khó có thể tái hiện lại trò chơi thú vị cùng lí lẽ trẻ thơ đáng yêu đến vậy.

Trong *Phải chung màu lại*, Võ Quảng đưa các em đến cuộc nói chuyện rôm rả của các loài chim bàn câu chuyện vẽ tranh sao cho bức tranh phải muôn màu, muôn sắc. Nhưng mỗi loài chỉ có một màu đơn sắc, làm sao có thể vẽ được bức tranh như vậy? Cuối cùng ý kiến của Bách Thanh được tất cả hò reo tán thành đồng ý: *"Chợt đâu dìu dặt/ Tiếng anh Bách Thanh:/ "Muốn vẽ nên tranh/ Phải chung màu lại"/ Tiếng reo: "Phải, phải!"/ Vang cả núi rừng/ Các chim vui mừng/ Pha chung màu sắc"*. Tiếng reo mừng của bầy chim cũng là tiếng reo vui của tình bạn. Nếu có tình bạn đoàn kết, chung tay hợp sức thì mọi chuyện sẽ trở nên dễ dàng và tốt đẹp.

Xuất phát từ thế giới quan vạn vật bằng hữu, những đồ vật nhỏ bé cũng được nhân cách hóa trở thành "những người bạn im lặng" mà tốt bụng. So với thế giới

thiên nhiên và loài vật, đồ vật xuất hiện trong đồng dao ít hơn, chủ yếu là những công cụ sản xuất gắn với công việc nhà nông hoặc góp mặt trong đời sống mỗi gia đình nơi thôn dã ngày xưa như kéo, cày, thuổng, lờ, ná, rá vo gạo, bình vôi, thìa ốc, đòn gánh... Những đồ vật này phần lớn được nói đến theo phương thức liệt kê, ví dụ: *"Cái kéo thợ may/ Cái cày làm ruộng/ Cái thuổng đắp bờ/ Cái lờ thả cá/ Cái ná bắn chim..."*. Có khi kể đan xen tả nhưng thành phần miêu tả không nhiều, ví dụ: *"Đầu trọc lông lốc/ Là cái bình vôi/ Cái miệng loe môi/ Là cái thìa ốc..."*. Đến thơ thiếu nhi hiện đại, viết về đồ vật trở thành mảng sáng tác phong phú. Với cái nhìn hóm hỉnh của đồng dao xưa, thơ viết cho các em đã tái hiện cả một thế giới đồ vật vừa gần gũi vừa mới mẻ, gắn với đời sống con người thời hiện đại. Đặc biệt, thành phần miêu tả phối hợp các biện pháp tu từ được gia tăng... góp phần tạo nên sự hấp dẫn.

Viết về những người bạn đồ vật, các tác giả không chỉ dừng lại ở việc nhận biết hay gọi tên đơn thuần mà còn hiểu rõ đặc điểm, tính cách riêng của từng người bạn. Bạn thước chăm chỉ (*Thước* - Phạm Hổ), bạn chổi điệu đà (*Chổi* - Phạm Hổ), bạn dao và kéo biết yêu ông đá mài (*Dao và kéo* - Phạm Hổ), cầu chì biết bắc cầu cho điện qua (*Cầu chì* - Phạm Hổ)...

Từ thực tế "cái rế nó bế cái nồi", Phạm Hổ đã tạo nên một câu chuyện về tình bạn: *"Ôm lấy nồi lấy chảo/ Rế như cái đài hoa/ Chảo, nồi đang bận nấu/ Rế ngồi bên đợi chờ"* (Rế). *Đinh* được miêu tả đầy yêu mến từ hình dáng đến công dụng: *"Chân nhọn đầu tà/ Thân hình thẳng tuột/ Chôn mình vào cột/ Chôn mình vào tường/ Cho chị treo gương/ Cho em treo ảnh"* (Đinh - Phạm Hổ). Nếu chỉ dừng lại ở tả thực, cái đinh mới hiện lên là một đồ vật với những đặc điểm vốn có của nó. Ba câu cuối bài thơ, tác giả thực sự nhìn thấy ở đinh cảm xúc như một con người: *"Xong rồi, hóm hỉnh/ Đinh ta tươi tỉnh/ Nhô đầu nhìn quanh"* (Đinh - Phạm Hổ). Đinh giống như một cậu bé tinh nghịch, hóm hỉnh và tốt bụng, sẵn sàng hi sinh vì người khác.

Và một người bạn đặc biệt nữa là xe chữa cháy: *"Mình đỏ như lửa/ Bụng chứa nước đầy/ Tôi chạy như bay/ Hét vang đường phố* (Xe chữa cháy - Phạm Hổ). Phạm Hổ để cho người bạn này xuất hiện thật ấn tượng. Xe chữa cháy tự giới thiệu về mình: mình đỏ rực, bụng chứa đầy nước, chạy nhanh như bay, đặc biệt là tiếng hét "vang đường phố" có thể khiến mọi người e sợ. Nhưng khi biết nhiệm vụ của xe chữa cháy, nhất là tinh thần nhiệt tình với công việc của cậu thì ai cũng quý mến

người bạn "ồn ào" này: "*Nhà nào bốc lửa/ Tôi dập liền tay/ Ai gọi chữa cháy/ Có ngay! Có ngay!"* (Xe chữa cháy - Phạm Hổ).

Bài thơ *Nhịp võng đưa* (Nguyễn Lãm Thắng) với các câu thơ hòa âm êm nhẹ, khe khẽ, hiền hòa hiện ra như một khúc đồng dao dễ hát và dễ thuộc. Trong cảm nhận của tác giả, cái võng không chỉ là thứ vật dụng thân thương mà còn là người bạn, người chị, người mẹ nâng niu giữ nhịp đưa bé vào giấc ngủ sâu, đến những chân trời mơ ước: *"Hoa nắng trong veo/ Xiên qua cành lá/ Võng em đưa đều/ Tuổi thơ đẹp quá!/.../ Nâng bao mơ ước/ Võng đưa, võng đưa"*. Nhà thơ đã thay bé mà hát ca cái võng - cái thế giới vật dụng đầu tiên, nơi bất cứ đứa trẻ nào cũng đã một lần ngủ lành trong đó.

Với cái nhìn dí dỏm, Nguyễn Lãm Thắng còn giúp các em cảm nhận tình bạn thân thiết giữa chìa khóa và ổ khóa. Mỗi lần chìa bôn ba theo chủ cả tháng dài, khoá ở nhà nhớ bạn "xót xa". Chìa về, khóa vui rạng rỡ: "*Ôm chầm lấy chìa/ Lay lay... cửa mở*" (Đôi bạn).

Bằng tưởng tượng phóng khoáng, trẻ em không chỉ kết bạn với thế giới gần gũi hàng ngày mà còn tìm đến một thế giới xa rộng hơn, bao gồm cả các hiện tượng bí ẩn trong vũ trụ. Trong đồng dao, từ mây, gió đến các vì sao xa xôi hay mặt trăng sáng tỏ đều được các em mô tả, gọi tên: *Gọi trăng, Gọi nắng, Hỡi trăng sao, Xin mưa, Gọi mưa, Gọi gió, Ông giẳng ông giăng, Đếm sao*... Đồng dao có rất nhiều bài phản ánh về các hiện tượng này, thể hiện cảm quan vũ trụ đơn giản, hồn nhiên của trẻ. Gần gũi, hấp dẫn nhất với các em có lẽ là trăng, sao.

Nếu trong ca dao, trăng, sao thường mang nặng nỗi niềm tâm trạng: *"Hôm qua ra đứng bờ ao/ Trông cá cá lặn trông sao sao mờ"* hay "*Trăng bao nhiêu tuổi trăng già/ Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non"*... thì trong câu hát đồng dao, hình ảnh trăng sao qua tư duy trẻ thơ lại trở thành người bạn thân thiết với các em. Trăng, sao dù cao vời vợi nhưng vẫn có những sợi dây vô hình gắn bó với sinh hoạt của trẻ thơ. Các em có thể mời trăng, sao xuống chơi cho "có bầu có bạn": *"Ông sảo, ông sao/ Ông vào cửa sổ/ Ông ở với tôi/ Ông ngồi lên chiếu*". Các ông sao có thể vào ngay "cửa sổ" và "ngồi lên chiếu" tự nhiên như bạn cố tri. Ông sao cũng chỉ là trẻ nhỏ, cần ăn no chóng lớn: "*Tôi biếu củ khoai/ Ông nhai tóp tép/ Ông ghép với rau/ Ăn mau chóng lớn..."*. Đó là cách đối đãi thân tình giữa những đứa trẻ với nhau, cảm giác như không còn chút gì cách biệt.

Thơ thiếu nhi hiện đại cũng có nhiều tác phẩm được gợi cảm hứng từ hai hình ảnh trong không gian vũ trụ này. Học tập cách nhìn thế giới bằng nhãn quan bè bạn thân thiện, sẻ chia của tư duy đồng dao, các tác giả đã thổi linh hồn vào trăng, sao để chúng có thể làm bạn, hòa nhập với sinh hoạt vui chơi cùng các em. Có thể dẫn ra những bài thơ tiêu biểu như *Ông sao* (Thi ca bình dân), *Ngàn sao làm việc*, *Mời xuống đây chơi* (Võ Quảng), *Trăng sáng* (Nhược Thủy), *Sao* (Quang Huy), *Trăng sáng sân nhà em*, *Trăng ơi từ đâu đến*, *Trông trăng*, *Trăng tròn*... (Trần Đăng Khoa), *Ông trăng qua núi*, *Trăng Mã Pì Lèng* (Dương Thuấn), *Trăng*, *Ông trăng* (Ngô Thị Bích Hiền), *Ông trăng ơi!* (Nguyễn Lãm Thắng), *Trăng khuyết*, *Trăng thương* (Phan Tuy An)...

Các em từng gặp trong đồng dao những ông sao mà tính nết không khác gì trẻ nhỏ, cũng có lúc làm biếng, bị mẹ đánh đòn: "*Ông khóc ông cười/ Ông lười đi trâu/ Mẹ ông đánh đau/ Ông ngồi ông khóc"*. Thơ thiếu nhi cũng xuất hiện ông sao hay vòi quà bánh, giận hờn, khóc lóc:*"Ông sảo ông sao/ Bụng đói như cào/ Đòi ăn bánh đúc/ Cùi dừa bún ốc/ Đòi ổi đòi ngô/ Chẳng có ai cho/ Ông ngồi ông khóc"* (Ông sao - Thi ca bình dân [201, 641).

Bên cạnh hình ảnh sao, hình ảnh trăng trong đồng dao cũng được khắc họa với vẻ đẹp tươi sáng, trong trẻo, dịu dàng. Có lẽ các em quan sát thấy trăng treo ngay trên đầu, rất gần về khoảng cách nên càng gần gũi, thân thiết về tình cảm. Các em yêu quý trăng như người bạn của mình và cất tiếng gọi trăng rất hồn nhiên: *"Ông trẳng ông trăng/ Xuống chơi với tôi/ Có bầu có bạn/ Có ván cơm xôi/ Có nồi cơm nếp/ Có nệp bánh chưng..."* hay *"Ông trăng ông xuống/ Chơi với cậu tôi/ Cậu tôi cho mõ/ Xuống chơi nồi chõ/ Nồi chõ cho vung..."*.

Trong thơ thiếu nhi, vầng trăng hiện lên cũng với dáng vẻ thân thương ấy. Để lại ấn tượng sâu đậm nhất là trăng trung thu gắn với những kỉ niệm của tuổi ấu thơ. Trăng vừa bình dị vừa quyến rũ, ban phát vẻ đẹp cho cảnh vật khiến tất cả đều phải trầm trồ, ngợi ca, chiêm ngưỡng. Trăng gần gũi với tuổi thơ nên được các bạn nhỏ mời xuống rước đèn:*"Tất cả gọi: Trăng đẹp!/ Mời xuống đây chơi/ Trăng Trung Thu nhận lời/ Xuống tham gia rước đuốc/ Đèn Ông Trăng nhịp bước/ Đèn Ông Sao bước theo/ Tất cả nổi mừng reo/ Lượn giữa trời trăng sáng"* (Mời xuống đây chơi - Võ Quảng). Trăng cũng như trẻ thơ, muốn cùng các em dạo chơi trong thế giới thần tiên: "*Em đi trăng theo bước/ Như muốn cùng đi chơi*" (Trăng sáng - Nhược Thủy).

Với những em nhỏ sống ở vùng cao, gần với thiên nhiên hùng vĩ, trăng như người bạn tri kỉ lâu năm, không quản ngại mỗi tháng băng qua núi về thăm bản làng một lần. Trăng về mang theo ánh sáng rực rỡ, huyền ảo phủ lên núi non trùng điệp, tô điểm thêm cho những rừng đào, rừng mơ, rải ánh vàng lên suối. Trăng về mang theo cả sự náo nức chờ trông của bầy trẻ mong đến tết trung thu: "*Ông chưa bao giờ sai hẹn/ Tháng nào cũng đến một lần/ Trung thu nhớ bầy trẻ nhỏ/ Đêm rằm ông lại tới thăm*" (Ông trăng qua núi - Dương Thuấn). Trăng treo trên đỉnh Mã Pì Lèng huyền thoại nhưng không xa xôi mà vô cùng thân thiện, hòa nhập với cuộc sống trẻ thơ: "*Một bàn tay vẫy/ Đụng tới trăng rồi/ Bạn mời trăng xuống/ Trăng đến từng nhà/ Trăng đi vào lớp/ Cùng hát bài ca...*" (Trăng Mã Pì Lèng - Dương Thuấn).

Trước trăng, các em muốn xóa nhòa khoảng cách, mời gọi trăng xuống cùng vui chơi ca hát bằng tấm lòng trong trắng và thành thực: *"Ông trăng ơi!/ Xuống đây chơi/ Cùng với bé/ Đừng lặng lẽ/ Trên trời cao/ Xuống đây nào/ Cùng múa hát!/ Ông trăng ơi/ Xuống đây chơi/ Đêm sáng quá!/ Đừng vội vã/ Nấp vào mây/ Hãy xuống đây/ Cùng phá cỗ"* (Ông trăng ơi - Nguyễn Lãm Thắng). Lời thơ giản dị như khúc đồng dao cất lên trong đêm rằm tháng Tám vừa cho thấy niềm vui hân hoan của tuổi thơ vừa biểu hiện nét độc đáo có lẽ chỉ có trong tư duy trẻ nhỏ. Đó là khuynh hướng nhất thể hóa thế giới, đồng nhất thế giới ta - ngoại vật một cách hồn nhiên.

Trong thơ do chính thiếu nhi sáng tác, trăng cũng đóng vai trò là một khách thể thẩm mĩ đặc biệt. Trong số các em nhỏ làm thơ, Trần Đăng Khoa viết về trăng nhiều hơn cả. Điều này có lẽ một phần bắt nguồn từ hoàn cảnh hiện thực của những năm tháng lúc bấy giờ: nông thôn Việt Nam nhiều vùng dân cư còn khó khăn, phải thắp sáng bằng đèn dầu. Chính vì lẽ đó mà vầng trăng được xem là "người khách đặc biệt" của thôn quê và cũng là của thơ Khoa. Có thể kể những bài thơ như *Trông trăng*, *Trăng sáng sân nhà em*, *Trăng ơi từ đâu đến*, *Tiếng đàn bầu và đêm trăng*, *Trăng tròn*, *Hương nhãn*, *Cái sân*, *Thôn xóm vào mùa*, *Nửa đêm tỉnh giấc*, *Nghe thầy đọc thơ*... Mỗi bài thơ khám phá vẻ đẹp đa dạng của ánh trăng ở một khía cạnh riêng. Vốn là một hình ảnh quen thuộc của thiên nhiên, vậy mà qua thơ Khoa, người đọc nhận ra nó luôn luôn vận động, luôn luôn mới. Có khi ánh trăng xuất hiện như một hiện tượng bình thường, soi sáng cho các em chơi những trò chơi dân gian: "*Những hôm có trăng mọc/ Em chơi cho đến khuya/ Thường là xỉa cá mè/ Hay làm mèo đuổi*

chuột" (Cái sân). Có khi trăng là một sinh thể với niềm vui hồn nhiên như trẻ nhỏ: "*Ông nhìn đàn em bé/ Muốn khoe có mặt tròn*" (Trông trăng).

Đó là vầng trăng rằm tròn vành vạnh, sáng trong, ngộ nghĩnh đến nhảy múa cùng trẻ thơ, tạo thành bức tranh đẹp về tình bạn hòa hợp giữa con người với thế giới tự nhiên: "*Em chạy nhảy tung tăng/ Múa hát quanh ông trăng/ Em nhảy, trăng cũng nhảy/ Mái nhà ướt ánh vàng*" (Trông trăng). Trăng không còn là một bí ẩn của vũ trụ huyền bí cao siêu mà thân thiện, gần gũi như người bạn muốn cùng các em thực hiện cuộc hành trình đi khắp thế gian: "*Trăng thập thò ngoài cửa/ Muốn rủ em đi chơi*" (Trông trăng).

Vì yêu quí trăng nên cánh cửa tâm hồn thi sĩ không bao giờ khép, liên tưởng của thi sĩ mở rộng đến không cùng, thu về biết bao hình ảnh mới lạ. Từ trăng lên, trăng tỏ đến trăng nhoẻn cười, trăng múa, trăng nhảy, trăng thở, trăng vỡ: *"Nghe trăng thở động tàu dừa"* (Nghe thầy đọc thơ), *"Chuột chạy giàn bí đỏ/ Loáng vỡ ánh trăng vàng"* (Nửa đêm tỉnh giấc). Rồi "*Trăng như cái mâm con*" (Trông trăng), *"Trăng hồng như quả chín"*, *"Trăng tròn như mắt cá"*, *"Trăng bay như quả bóng"*... (Trăng ơi... từ đâu đến). Khi thì trăng làm bạn với cây dừa:*"Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng"* (Cây dừa), khi thì như em nhỏ được dắt đi chơi:*"Ai dắt ông trăng vàng/ Thả chơi trong lùm nhãn"* (Hương nhãn).

Trăng luôn được nhìn nhận và miêu tả trong trạng thái động. Nó mang tính hiếu động của trẻ thơ, sự sinh động của liên tưởng, tưởng tượng. Thấm đẫm trong mỗi ý thơ là chất đồng dao sâu lắng, thể hiện qua cái nhìn gần gũi, hồn nhiên, cách xưng hô thân mật bạn bè ("Ơi ông trăng", "trăng ơi"...). Tuy nhiên, hình ảnh trăng trong thơ Trần Đăng Khoa còn mang những nét đặc sắc, mới mẻ, hiện đại trong cách miêu tả. Đó là những phát hiện táo bạo, mới mẻ, khi đậm dấu ấn trẻ con (*Trăng nở vàng như xôi)*, khi lắng sâu trong tâm hồn nghệ sĩ (*Nghe trăng thở động tàu dừa)*... Người đọc bắt gặp ở đây một nhãn quan tạo hình mới với cái nhìn hướng ngoại "cho phép phản ánh thế giới cảm tính của con người một cách cụ thể, sắc bén chưa từng có" [129, 118].

Vui chơi dưới ánh trăng sáng, trăng trong, Ngô Thị Bích Hiền nhìn trăng mà liên tưởng tới nhiều hình ảnh khác nhau: *Giống chiếc thuyền trôi/ Giống chiếc diều căng/ Giống chiếc lưỡi liềm/ Tròn như quả bóng* (Trăng). Trăng tỏa ánh sáng giúp bà con thôn xóm rộn rã đập lúa, các em thiếu nhi thì nắm tay nhau ca hát dưới trăng: *"Ông trăng của em/ Là ông trăng vàng/ Ông trăng xóm làng/ Là ông trăng sáng"*

(Trăng). Trăng không chỉ đẹp mà trăng còn thật có ích, xứng đáng được mến yêu. Vì thế, lời mời gọi của các em cất lên nghe thật thiết tha:*"Ông trăng ơi!/ Mời ông xuống chơi/ Phá cỗ"* (Trăng). Người bạn thiên nhiên và các em nhỏ như hòa đồng cùng nhịp vui chơi, sẻ chia niềm vui giản dị.

Phan Tuy An - em nhỏ làm thơ quê gốc ở Tuy An, Phú Yên cũng có những cảm nhận thật độc đáo về vầng trăng quê hương. *Trăng khuyết*, *Trăng thương*, *Thuyền trăng* là bộ ba bài thơ thể hiện được những góc nhìn mới mẻ về thiên nhiên của trẻ em hôm nay. Với người lớn, trăng tròn, trăng khuyết có thể chỉ là những hiện tượng rất bình thường nhưng với trẻ em, các em lại tưởng tượng trong hiện tượng trăng khuyết ẩn chứa một lí do ngộ nghĩnh. Trăng cũng như các em, có khi chưa ngoan, chưa vâng lời, mê mải rong chơi: *"Mặt trăng rong chơi/ Không nghe ông trời/ Đang mập thành ốm/ Lõm một bên rồi"* (Trăng khuyết).

Nhưng không phải lúc nào trăng cũng "lười" thế đâu nhé. Có lúc mặt trăng lại hiện lên đẹp đẽ, đáng yêu. Trăng giống như nàng tiên trong truyện cổ, đầy phép biến hóa và luôn sẵn lòng giúp đỡ giúp đỡ mọi người:*"Các bạn nhà nghèo/ Không tiền mua bóng/ Trăng biến hình tròn/ Cho các bạn đá/ Còn ở ngoài đồng/ Các bác nông dân/ Gặt mệt trăng thương/ Trăng biến lưỡi liềm/ Gặt hộ các bác"* (Trăng thương). Có thể nói, sự trong sáng của tâm hồn trẻ thơ như một hạt nhân đã tìm được sự hòa điệu với sức liên tưởng nghệ thuật đưa người đọc đến những phát hiện bất ngờ. Hình ảnh trăng, sao mộc mạc, bình dị từ câu hát đồng dao đã đến với các bạn nhỏ hôm nay bằng cái nhìn mới mẻ và sự sáng tạo riêng độc đáo của mỗi nhà thơ.

Như vậy, nhãn quan vạn vật bằng hữu - một phương diện của tư duy đồng dao đã được các nhà thơ thiếu nhi vận dụng để sáng tạo nên thế giới hồn nhiên, trong sáng trong thơ viết cho các em. Dưới nhãn quan ấy, mọi ranh giới đều bị xóa bỏ, chỉ còn lại một thế giới duy nhất: thế giới của bạn bè.

3.1.2. Thế giới bè bạn bình đẳng, không định kiến

Như mục 2.1.3 đã phân tích, trong đồng dao tất cả vạn vật đều trở nên sống động, đều bình đẳng và trở thành bè bạn của các em, tất cả đều đáng yêu, đáng quý từ cỏ cây, hoa trái đến loài vật, đồ vật, thậm chí cả trăng, sao. Tính bình đẳng thể hiện trong đồng dao cũng phản chiếu một đặc điểm của tư duy trẻ thơ. Khác với người lớn, khi trải qua nhiều sóng gió cuộc đời, trẻ em hồn nhiên, trong sáng nên

tâm hồn các em không tồn tại định kiến hay ý muốn phán xét điều gì. Con người chỉ có định kiến khi họ trải nghiệm quá nhiều hay chứng kiến nhiều mặt trái còn trẻ nhỏ thì không như vậy. Chính vì thế, thế giới được tạo lập trong văn học thiếu nhi nói chung, thơ thiếu nhi nói riêng không có sự phân biệt hay phân lập thành các phạm trù gay gắt mà hoàn toàn bình đẳng theo nguyên tắc ứng xử dựa trên tinh thần nhân ái, sự trân trọng, bao dung. Có thể nói đó là một hành tinh ấu nhi, "chỉ xây cất bằng vật liệu nhẹ" mà thôi [128].

Không bị đóng khung trong những định kiến cứng nhắc nên trẻ đối xử với vạn vật rất công bằng, nhìn vạn vật với tình cảm yêu mến. Các em có thể vui cùng *Hội Chuột* (Thi ca bình dân), *May áo cho mèo* (Phùng Ngọc Hùng), *Viết thư cho mèo*, *Đan áo cho búp bê* (Định Hải), chia sẻ vất vả với *Anh bù nhìn*, *Bác chổi chà* (Nguyễn Lãm Thắng), làm bạn với *Con cóc* (Nguyễn Lãm Thắng)... Trong suy nghĩ của những đứa trẻ, chúng không phải là loài vật, đồ vật vô tri mà cũng như những em nhỏ cần bàn tay chăm sóc, vỗ về. Các em yêu búp bê bởi búp bê không bao giờ quấy khóc, lại biết giữ sạch tay. Thương búp bê trong mùa đông lạnh nên "*Chúng em góp len đỏ*/ *Đan áo tặng búp bê*" (Đan áo cho búp bê - Định Hải). Các em không tin bù nhìn rơm vô tích sự bởi thương bù nhìn không quản nắng mưa giúp người đứng canh trên đồng ruộng: "*Ai bảo anh bù nhìn*/ *Là đồ vô tích sự*/ *Em không tin không tin*/ *Còn thương anh nữa chứ*" (Anh bù nhìn - Nguyễn Lãm Thắng). Các em thương cả bác chổi chà đã già nhưng vẫn làm việc cần mẫn: "*Quét rác hết*/ *Mới nghỉ ngơi*/ *Chổi chà ơi!*/ *Thương bác lắm!*" (Bác chổi chà - Nguyễn Lãm Thắng).

Với người lớn, có thể những con vật nhỏ bé như chuột, cóc bị coi là loài bẩn thỉu, hôi hám, không đáng lưu tâm nhưng với cái nhìn hóm hỉnh kiểu trẻ thơ, những loài vật ấy lại được miêu tả rất sống động, đáng yêu. Những chú chuột cũng như các em, thích vui chơi nên tưng bừng mở hội: *"Làng chuột mở hội/ Chuột múa sư tử/ Chuột đi rước đèn/ Thổi kèn đánh trống/ Đây, đám đánh vật/ Kia, chỗ đánh đu/ Ông Mèo tới xem/ Chuột biếu con cá"* (Hội Chuột, Trích *Thi ca bình dân* [201, 639]). Các em yêu quý cóc bởi người bạn đó rất có ích và xưng hô với cóc như với một người bạn thân tình: *"Trời đang nắng trưa/ Bỗng dưng tối mịt/ Mưa đâu rối rít/ Khắp ngả kéo về/ Ai nấy hả hê/ Đồng không thiếu nước!/ Đất trời quạt mát/ Lúa tốt bời bời/ Con Cóc mày ơi/ Báo mưa giỏi thật!"* (Báo mưa - Võ Quảng). Chú cóc

hiện lên như một người bạn hiền lành, dễ mến: *"Bốn chân nho nhỏ/ Khiêng cái bụng to/ Áo sồi loang lổ/ Cóc ngồi hiền khô"* (Con cóc - Nguyễn Lãm Thắng).

Trên tinh thần bình đẳng, tâm hồn trẻ em còn mở rộng khoan dung đón nhận và kết bạn với cả những hiện tượng ngỡ rất "khó yêu" bằng "lòng yêu mới". Có thể kể đến những bài thơ tiêu biểu như *Bốn người* (Võ Quảng), *Bạn có biết mùa hè*, *Cộng trừ*, *Facebook*, *Tắc đường*... (Nguyễn Thế Hoàng Linh).

Trong suy nghĩ của nhiều người, mùa đông thường mang đến cảm giác lạnh lẽo, bị đối xử "thiên vị" hơn mùa xuân, mùa hạ, mùa thu. Võ Quảng đã giúp bạn đọc nhận ra không có mùa nào xấu, mỗi mùa đều có những đặc trưng, những vẻ đẹp riêng. Bốn mùa như bốn người chăm chỉ, đầy trách nhiệm để gìn giữ cho đất nước luôn luôn mới mẻ: "*Thay ca đổi kíp/ Đổi mới non sông/ Xuân, Hạ, Thu, Đông/ Mỗi người một vẻ*" (Bốn người - Võ Quảng).

Nguyễn Thế Hoàng Linh cũng có cách nhìn tương tự như vậy trong tập *Ra vườn nhặt nắng*. Bằng nhãn quan bè bạn của đồng dao, Nguyễn Thế Hoàng Linh đã sáng tạo nên thế giới tuổi thơ trong vắt dành tặng bạn đọc. Mỗi bài thơ mang đến một niềm vui phát hiện bất ngờ. Bao trùm lên tất cả là tinh thần khoan dung "rải nắng khắp cả tập thơ khiến đâu đâu cũng gặp ánh sáng của độ lượng, khoan hòa, thân ái" [128]. Mùa hè kèm theo nắng nóng dễ làm mọi người khó chịu, bị xem là "đáng ghét" thì trong thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh, nóng cũng rất thích và mùa hè là người bạn tốt mang nhiều niềm vui đến cho trẻ thơ: *"Bạn có biết mùa hè/ Thích nhất là cái nóng/ Nó làm đổ mồ hôi/ Và làn da căng bóng/ Mùa hè làm cho sóng/ Dát vàng giữa biển xanh/ Mùa hè làm cho canh/ Ăn mát ơi là mát/ Mùa hè làm tiếng hát/ Hào hứng, khỏe mạnh hơn/ Mùa hè sẽ cô đơn/ Nếu như ta sợ nó/ Mùa hè như chó nhỏ/ Tung tăng ở quanh ta/ Bạn là mùa hè à?/ Quệt mồ hôi, chào bạn"* (Bạn có biết mùa hè). Mê facebook bình thường bị xem là điều dở nhưng Nguyễn Thế Hoàng Linh lại nhìn thấy mặt tích cực, đáng yêu: *"Bà hay vào facebook/ Bố mẹ cũng hay vào/ Cô chú và các bác/ Cũng chả thiếu người nào/ Em giận mọi người lắm/ Ít thời gian cho em/ Mà lại yêu facebook/ Hơn trẻ nhỏ yêu kem/ Nhưng bé ơi đâu biết/ Mình được mọi người yêu/ Hàng ngày ảnh của bé/ Thu về like rất nhiều"* (Facebook). Hiệu lệnh giơ tay cũng không còn đáng chán mà trở thành bài thể dục vui vẻ: "*Ai đã từng 9 tuổi/ Thì xin mời giơ tay/ Ai đã từng 6 tuổi/ Giơ tay cũng được*

này/ Ai đã từng 6 tuổi/ Cũng xin mời giơ tay/ Giơ tay là thể dục/ Như với cánh chim bay" (Ai đã từng). Ngón tay cái làm phép tính cộng trừ sai nhưng các ngón khác vẫn không trách giận: *"Ngón cái thi thoảng cộng sai/ Nhưng các ngón khác chẳng ai trách gì"* (Cộng trừ). Thậm chí hiện tượng tắc đường cũng được nhìn bằng con mắt vui vẻ bởi suy nghĩ thơ ngây: "*Ở nhà mẹ đang đợi/ Chắc sốt ruột lắm đây/ Bé nghĩ những lúc đó/ Mẹ nên ngắm hàng cây*" (Tắc đường). Những câu thơ không cầu kì, hoa mĩ mà tự nhiên, thiết thực. "Đó không phải lối nói ngược với thói thường để độc đáo, lập dị. Cũng không phải thỏa hiệp với khuyết nhược để xuê xoa. Mà là tìm ra ở đó những nét đáng yêu khác. Nghĩa là tiếp cận cuộc đời này trên một quan niệm về giá trị khác. Không lấy việc giáo huấn trẻ tuân theo những giáo điều cứng nhắc làm trọng. Mà nâng niu niềm khoan dung hồn hậu mới là trọng" [128]. Đặt trong yêu cầu của nghệ thuật giáo dục cho thiếu nhi, hoàn toàn có thể khẳng định, đó là những bài thơ có giá trị, thể hiện tinh thần thật nhân văn: nếu chúng ta mở rộng lòng mình sẽ có thêm nhiều người bạn mới và đón nhận nhiều niềm vui trong cuộc sống.

Đặt bản thân mình bình đẳng với vạn vật, trẻ em còn có thể tâm tình, trò chuyện, chia sẻ với những đối tượng không phải là người. Đây là hình thức phổ biến trong đồng dao. Trẻ em thích sự vận động, hoạt bát, vui tươi, thích giao tiếp đối thoại hơn độc thoại. Trẻ thơ có thể nói chuyện với loài vật, đồ vật, cây cối, vỗ về chúng bằng cách nói đầy biểu cảm: con gả con gà, ông giẳng ông giăng, ông sảo ông sao, nghé ọ nghé ơi, nghé ơi nghé à... Đặc biệt, trong thơ ca dân gian nói chung, đồng dao nói riêng thường xuyên sử dụng cặp đại từ nhân xưng mày - tao. Ví dụ: *"Con mèo, con mẻo, con meo/ Ai dạy mày trèo, chẳng dạy em tao..."*, *"Con chim chích chòe/ Mày ngồi đầu hè/ Mày nhá gạo rang..."*, *"Cái cáo mặc áo em tao/ Làm tổ cây cà/ Làm nhà cây chanh..."*. Đây là cách xưng hô thân mật của trẻ em, chưa có sự uốn nắn và "kiểm duyệt" của người lớn, biểu hiện tính dân chủ trong tư duy trẻ thơ.

Hình thức trò chuyện thân mật như trên được nhiều nhà thơ thiếu nhi tiếp thu, vận dụng nhuần nhụy, tự nhiên. Những bài thơ như *Cái nụ* (Định Hải), *Đánh thức trâu*, *Đánh tam cúc*, *Sao không về Vàng ơi*, *Con trâu đen lông mượt*, *Hỏi đường*, *Hương nhãn*... (Trần Đăng Khoa), *Khuyên bạn mèo ốm* (Nguyễn Lãm Thắng), *Nói với cái u*, *Trò chuyện cùng mèo con*, *Dặn mèo* (Đỗ Nhật Nam) tiêu biểu cho cách thức thể hiện này. Những sự vật, hiện tượng vốn im lặng, vô tri vô giác nhưng nhờ

lối trò chuyện thủ thỉ tâm tình bỗng trở nên gần gũi, thân thiết. Nụ hoa qua con mắt giàu tưởng tượng như những em bé xinh xắn, đáng yêu, biết vâng lời: *"Cái nụ! Cái nụ/ Em ngủ đi mà/ Sáng mai dậy sớm/ Nở xòe bông hoa*" (Cái nụ - Định Hải). Nụ hoa thật đẹp và dễ thương. Nụ hoa cũng cần ngủ như các em bé để sớm mai thức dậy "nở xòe" thành những bông hoa đẹp rực rỡ, tỏa hương thơm bát ngát.

Lối nói trò chuyện tâm tình cũng được Trần Đăng Khoa, Đỗ Nhật Nam sử dụng thành công trong nhiều bài thơ. Khảo sát sáng tác của hai tác giả này, chúng tôi nhận thấy quan niệm bạn bè bình đẳng, dân chủ còn được thể hiện qua khía cạnh độc đáo, đó là cách sử dụng thường xuyên cặp đại từ xưng hô ngôi thứ nhất mày - tao kiểu đồng dao - điều ít thấy trong thơ ca bác học. Bởi thế cách xưng hô mày - tao của Trần Đăng Khoa, Đỗ Nhật Nam vừa có nét tươi tắn, hồn nhiên vừa bổ sung thêm một kiểu xưng hô đời thường để thơ ca gần gũi các em hơn.

Với *Góc sân và khoảng trời*, bạn đọc nhận thấy trong cảm nhận của Khoa, vạn vật xung quanh đều có thể được thi sĩ nhỏ tuổi trò chuyện, giao cảm, dốc bầu tâm sự. Khoa có thể kết bạn với một chú chó vàng (*Sao không về Vàng ơi?*), chuyện trò thân thiết với người bạn của nhà nông (*Con trâu đen lông mượt*) hay với cây trầu (*Đánh thức trầu*). Con mèo mướp là bạn cùng bé Giang chơi tam cúc (*Đánh tam cúc*). Khi thì Khoa trò chuyện và lắng nghe tâm sự của con đường (*Hỏi đường*), lúc thì nhẹ nhàng xin hái lá trầu trong đêm (*Đánh thức trầu*).

Đánh thức trầu là bài thơ đặc biệt, khúc xạ tín ngưỡng dân gian: phải chăm sóc, chiều chuộng cây trầu. Khi trầu đã ngủ, không được hái vì sợ trầu lụi, sẽ mất đi sự may mắn, sung túc. Muốn hái phải thức nó dậy. Vậy mà cậu bé trong bài thơ bị đặt vào tình huống: buổi tối bà đến thăm nhà và bà muốn có mấy lá trầu. Trước hoàn cảnh khó xử ấy, cậu bé đã nhẹ nhàng thực hiện một nghi lễ xin hái lá trầu trong đêm. Lời thơ như tiếng chuyện trò thủ thỉ : "*Đã ngủ rồi hả trầu/ Tao đã đi ngủ đâu/ Mà trầu mày đã ngủ*". Đây không phải là cách giao đãi của con người với loài cây vô tri mà là mối quan hệ tình nghĩa giữa hai người bạn ngang hàng, bình đẳng. Cây trầu cũng biết cảm giác, "nghe" được tiếng tâm tình của con người: "*Lá nào muốn cho tao/ Thì mày chìa ra nhé/ Tay tao hái rất nhẹ/ Không làm mày đau đâu*". Dịu dàng nâng niu từng lá trầu bé bỏng, hái một lá cũng sợ trầu đau, đây cũng là cách con người đối xử với con người.

Tư duy hồn nhiên ấy một lần nữa ta lại bắt gặp trong thơ Đỗ Nhật Nam. Thơ Nam có thể coi là tiếng thơ đại diện cho thiếu nhi thời vi tính. Chủ thể trữ tình hiện lên qua mỗi bài thơ rất tự tin, hiện đại. Trong thế giới của em, tất cả sự vật, con vật đều được thổi vào đó một linh hồn, có thể tạo ra những mẩu đối thoại đáng yêu. Cuộc trò chuyện giữa Nam và cái u trên trán bố vừa dí dỏm vừa sâu lắng bởi tình cảm của một người con hiếu thảo. Nam dặn dò cái u vì sợ nó làm đau bố: "*Đừng có mà làm khó/ Đừng có mà làm đau/ Đừng có mà lớn mau/ Nằm yên thôi, nhớ nhé!*" (Nói với cái u). Chú mèo con hiện lên trên trang thơ của Nam như một người bạn nhỏ có cảm xúc, biết yêu ghét, ai oán, gắn bó nhiều kỉ niệm nghịch ngợm của tuổi thơ: "*Khi tao chưa đi xa/ Mày ghét tao nhiều nhất/ Tao hay đi chân đất/ Tương bóng vào đầu mày/ Mày kêu: Oái ngoeo ngoeo/ Nhìn tao đầy ai oán/ Mặc kệ mày chán nản/ Tao cứ chơi ầm ầm*" (Trò chuyện cùng mèo con). Trêu chòng, tếu táo là vậy nhưng khi đi học xa nhà, Nam ân cần dặn dò bạn ở nhà thay mình an ủi mẹ, làm mẹ vui: "*Mèo ơi nhớ chưa nào/ Tao giao cho mày đó/ Đừng làm mẹ nhăn nhó/ Rơi nước mắt hàng ngày/ Mày phải biết tỏ bày/ Phải làm trò lí lắc/ Làm cho mẹ nín khóc/ Và mẹ sẽ cười hiền*" (Dặn mèo).

Nhìn chung, thế giới bạn bè bình đẳng, không định kiến được xây dựng trong thơ thiếu nhi đã góp phần hình thành trong tâm hồn trẻ những cảm xúc phong phú, hướng các em đến lối sống hòa đồng, nhân ái, bao dung. Vấn đề tưởng như trừu tượng nhưng được các tác giả diễn đạt giản dị, gần với phong vị đồng dao nên dễ hiểu, phù hợp với tâm lí tuổi thơ.

3.1.3. Thế giới bè bạn yêu thương, nâng đỡ, làm đẹp cho nhau

Trong đồng dao, thế giới vạn vật được tái hiện ít khi trong trạng thái đơn lẻ mà luôn đông đúc, quây quần. Tất cả đứng bên nhau trong mối tương giao gần gũi.

Từ tư duy đồng dao phóng chiếu vào thơ thiếu nhi, chúng tôi nhận thấy thế giới bè bạn được tái hiện trong thơ thiếu nhi không chỉ mang vẻ đẹp thân thiện, bình đẳng mà còn rất mực vô tư, trong sáng, được dệt nên từ những tình cảm yêu thương. Tình bằng hữu không chỉ thể hiện trong tương quan giữa vạn vật với vạn vật mà còn được hiểu là tình cảm yêu thương, chia sẻ giữa vạn vật với con người và ngược lại.

Lấy cảm hứng từ vẻ đẹp đôi bàn tay con trẻ, bài thơ *Hai bàn tay em* của Huy Cận mang hơi thở đồng dao, vang lên như khúc ca mượt mà, thánh thót. Đôi bàn tay

xinh xắn tựa "hoa đầu cành" luôn đồng hành cùng bé trong mọi khoảnh khắc thời gian, mọi công việc. Thế nhưng đôi bàn tay không phải lúc nào cũng hòa thuận, nhiều khi chúng cũng hờn giận, tranh công: "*Hai bàn tay em/ Có lúc cãi nhau/ Và cơm viết chữ/ Tay mặt công lao/ Tay mặt tự hào/ Gánh bao việc nặng/ Cả giơ tay chào/ Như măng mọc thẳng*". Giận dỗi nhưng chẳng được lâu: "*Tay trái nó dỗi/ Ngoảnh mặt quay lưng/ Nhưng rồi thương bạn/ Lại làm việc chung/ - Cùng khiêng chiếc ghế/ Ai nắm, ai đừng/ Chung bát cơm nhé/ Anh và tôi bưng*". Tuy không tả trực tiếp nhưng qua hình ảnh đôi bàn tay, Huy Cận đã khéo léo lột tả tình bạn trong thế giới trẻ thơ. Hai bàn tay cũng như hai người bạn nhỏ hồn nhiên, trong sáng, dễ giận nhưng cũng dễ quên. Bỏ qua tất cả, vẫn là những người bạn tốt ở bên nhau, giúp đỡ nhau: "*Rồi khi vui vầy/ Tay cùng vỗ tay*". Phải là người có con mắt quan sát tinh tế, có tấm lòng yêu thương trẻ thơ vô hạn mới có thể phát hiện ra điều giản dị mà có ý nghĩa sâu sắc như vậy.

Gắn bó với cội nguồn văn hóa làng quê, đồng dao có nhiều bài thể hiện tình cảm thân thiết, yêu thương dành cho những con vật gắn bó với công việc nhà nông, tiêu biểu như con cò, con trâu, con nghé. Trong thơ thiếu nhi, tình cảm đó vẫn được thể hiện vừa xúc động vừa dung dị, tự nhiên.

Nếu trong ca dao, con cò thường xuất hiện với bóng dáng lầm lũi, tội nghiệp thì trong đồng dao, con cò được "trẻ thơ hóa" thành "cái cò con", "cái cò vàng" thật đẹp đẽ, đáng yêu: "*Cái cò là cái cò vàng/ Mẹ bé yêu bé bé càng làm thơ*". Con cò từ câu hát đồng dao xưa hôm nay vẫn bay bổng trong lời ru của mẹ. Cánh cò trắng thanh khiết đến đậu vành nôi vỗ về trên hàng mi em bé đưa em vào giấc ngủ yên: *"Từ khi bé Hoa ra đời/ Con cò về đậu vành nôi dẻo mềm/ À ơi... lời mẹ cất lên/ Dẫu mưa gió với đêm đen kín trời/ Con cò vẫn đến vành nôi/ Chập chờn cánh trắng vỗ hoài trong mơ"* (Khi bé Hoa ra đời - Nguyễn Đức Mậu).

Từ môi trường diễn xướng trong lao động, trẻ mục đồng xưa có riêng cho mình một chùm đồng dao *Gọi nghé*. Những chú nghé con bé nhỏ được các em gọi với tình cảm thiết tha, trìu mến: *Con nghé nhà ta, Nghé ọ nghé ơi, Nghé bầu nghé bạn, Nghé bông nghé hoa, Nghé bổng nghé bông, Nghé đẹp nghé yêu, Nghé hành nghé hẹ...* Nghé được ví "như bông như hoa", "như ổi chín trên cành", "như mây chín chùm", "như chum đựng nước", "như lược chải đầu"... thật sinh động, ngộ nghĩnh, đúng "chất" trẻ thơ.

Trong thơ thiếu nhi, hình ảnh con trâu, con nghé xuất hiện cũng với tình cảm thương yêu như thế. Con nghé cũng như các em, cần bàn tay chăm sóc, chiều chuộng, vỗ về:*"O hò o hẹ/ Nghé đi theo mẹ/ Đừng có chạy rông/ Giẫm nát lúa đồng/ Về nhà mẹ giận"* (Bài ca gọi nghé - Võ Văn Trực). Võ Văn Trực mang đến cho bạn đọc cảm giác thân thuộc ngay từ nhan đề: *Bài ca gọi nghé*. Hình ảnh chú nghé trong bài thơ này mang bóng dáng của chú nghé bước ra từ khúc đồng dao:*"Nghé hành nghé hẹ/ Nghé chả theo mẹ/ Thì nghé theo đàn/ Nghé chớ đi càn/ Kẻ gian nó bắt..."*.

Hình ảnh *Con nghé* hiện lên qua trang thơ Võ Quảng với vẻ đẹp hồn nhiên, đáng yêu, phảng phất bóng dáng của những chú "nghé bông nghé hoa" thuở nào:*"Con nghé của ta/ Nghé bông nghé hoa/ Nhảy nhót kêu la:/ - Nghé ọ! Nghé ẹ!/ Ớ mẹ! Ớ mẹ!/ Mau đi gặm cỏ/ Mau đi uống sương!/ Mau đi ra nương!"*. Nhịp thơ nhanh, câu trước xô xuống câu sau với giọng điệu vui tươi khắc họa hình ảnh con nghé nghịch ngợm, hiếu động, thích chạy nhảy vui đùa như các em nhỏ nhưng chú ta cũng đầy trách nhiệm với công việc: *"Việc nghé thích nhất/ Là được kéo cày"*.

Con nghé là bạn tốt của con người nên khi mùa đông đến, em bé thương nghé chịu lạnh đứng co ro: "*Bé chợt trông/ Kìa chú nghé/ Đứng run run/ Nhìn mãi bé*" (Ấm cả hai - Định Hải). Tâm hồn trẻ thơ thật hồn nhiên mà cũng thật đẹp. Thương nghé không có áo ấm, bé chạy vội lại che chắn chuồng nghé cho kín gió, lấy bao tải khoác cho nghé đỡ lạnh: "*Bé chạy ra mau/ Che chuồng kín lại/ Nghé khoác bao tải/ Đã ấm chưa nào*?" (Ấm cả hai - Định Hải).

Con trâu đen lông mượt trong thơ Trần Đăng Khoa được khắc họa với vẻ đẹp khỏe khoắn:*"Con trâu đen lông mượt/ Cái sừng nó vênh vênh/ Nó cao lớn lênh khênh/ Chân đi như đập đất"*. Từ chỗ thấu hiểu nỗi vất vả cũng như công lao to lớn của con trâu với công việc đồng áng nhà nông, Khoa ân cần chăm sóc cho nó như chăm sóc một người thân:*"Trâu ơi ăn cỏ mật/ Hay là ăn cỏ gà.../ Trâu ơi uống nước nhá/ Đây rồi nước mương trong.../ Bờ mương xanh mướt cỏ/ Của trâu đấy, tha hồ"*.

Cách xưng hô "trâu ơi" xuồng xã như lối nói dân gian mà chứa đựng trong đó biết bao tình cảm yêu thương thân thiết, ấm áp tình người. Giọng thơ thân mật khiến bạn đọc có cảm giác như Khoa đang trò chuyện với người bạn thân thiết. Hai câu

cuối cùng kết thúc bài thơ vừa cho thấy tình cảm gắn bó vượt khỏi ranh giới người - vật vừa thể hiện tư duy ngộ nghĩnh của một em bé làm thơ: *"Hiểu ý ta, trâu cười/ Nhe cả hàm răng sún"*.

Trong thế giới tình bạn, các nhà thơ luôn để vạn vật đứng bên nhau, cùng tôn vinh, làm đẹp cho nhau. Có thể dẫn chứng một số bài thơ như *Rong và cá*, *Hoa và bướm*, *Tre* (Phạm Hổ), *Hoa mơ* (Ngô Quân Miện), *Vườn em* (Trần Đăng Khoa), *Hoa bìm bìm* (Nhược Thủy)... Trong những bài thơ này, sự vật thường được đặt trong quan hệ tương tác hai chiều, tạo thành những cặp phạm trù không thể tách rời. Bông hoa và cánh bướm gắn kết vẽ nên bức tranh đẹp mắt: *"Hoa ngẩng cao đầu/ Suốt ngày không mỏi/ Bướm bay! bướm bay/ Như nhờ gió thổi"* (Hoa và bướm - Phạm Hổ). Tre và bóng là cặp tri âm thấu hiểu nhau: *"Tre cho bóng dỡn/ Trên lưng bò vàng/ Bây giờ tre mệt/ Bóng nằm ngủ ngoan"* (Tre - Phạm Hổ). Đặc biệt, với bài thơ *Rong và cá*, Phạm Hổ giúp chúng ta thấm thía hơn về mối quan hệ biện chứng của các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống.

Bài thơ mở đầu bằng hình ảnh cô rong khoác trên mình chiếc áo xanh "như tơ nhuộm" thật đẹp và lãng mạn: *"Có cô rong xanh/ Đẹp như tơ nhuộm/ Giữa hồ nước xanh/ Nhẹ nhàng uốn lượn"*.

Khổ thơ đầu là chuyện về cô rong, khổ thứ hai là chuyện về đàn cá: *"Một đàn cá nhỏ/ Đuôi đỏ lụa hồng"*. Nếu sự mượt mà của rong được so sánh với "tơ nhuộm" thì sự mềm mại của cá được ví với "lụa hồng". Rong xanh - cá hồng cân đối, hài hòa. Vẻ đẹp của rong thực sự hấp dẫn đàn cá nhỏ nhưng chính vẻ đẹp của cá cũng góp phần làm rạng rỡ cho rong: *"Một đàn cá nhỏ/ Đuôi đỏ lụa hồng/ Quanh cô rong đẹp/ Múa làm văn công"*.

Bài thơ ngắn nhưng vẽ nên bức tranh sinh động với đủ màu sắc, đường nét. Một hồ nước trong có rong xanh, cá hồng quấn quýt bên nhau, làm tôn vẻ đẹp cho nhau. Rõ ràng, rong và cá chỉ đẹp khi chúng đứng cạnh nhau và cùng ở trong một hồ nước.

Hoa mơ - gà vàng tưởng như chẳng liên quan đến nhau, vậy mà Ngô Quân Miện đã "sắp xếp" hai đối tượng này trong bài thơ giàu tính hội họa và âm nhạc, đậm chất đồng dao: "*Gốc mơ già/ Hoa nở trắng/ Con gà vàng/ Nằm sưởi nắng/ Cơn gió đến/ Rung cành cây/ Hoa bay bay/ Trận mưa trắng/ Gà nằm lặng/ Nghe hoa rơi/ Nghe hương mật/ Thơm bầu trời/ Lưng phủ đầy/ Hoa trắng xóa/ Gà vàng hóa/ Gà*

hoa mơ/ Nhặt hạt ngô/ Em bước nhẹ/ Tặng hoa mơ/ Ăn chóng để" (Hoa mơ). Bài thơ vẽ ra hoạt cảnh chị gà vàng đang nằm im sưởi nắng bỗng có một trận mưa trắng của những cánh hoa mơ rơi xuống, đắp lên lưng. Trong phút chốc, chị mái vàng đã thành một chị hoa mơ. Những màu sắc: trắng (hoa mơ), vàng (của nắng), vàng (chị gà) đan xen tạo ra sự chuyển động, biến hóa (gà vàng thành gà hoa mơ) thật lôi cuốn, hấp dẫn. Chị gà vàng được cây mơ già tặng cho trận mưa hoa, để làm đẹp thêm bộ cánh, được em bé nhặt ngô đem cho ăn. Bức tranh gà này vừa tạo ra sự tình cờ nên thơ vừa chan hòa tình yêu thương giữa cây cỏ, loài vật, con người.

Nhược Thủy trong bài *Hoa bìm bìm* cũng khắc họa mối quan hệ tương giao đáng yêu như thế. Sự vật đứng bên nhau, tô điểm cho vẻ đẹp của nhau. Hoa bìm bìm khoe màu tím đẹp nhưng phải nhờ cánh bướm đến đậu mới trở nên sống động "rung rinh". Ngược lại, nhờ có hoa mà màu vàng cánh bướm càng thêm nổi bật giữa khu vườn: *"Có dây bìm bìm/ Mọc bên bờ dậu/ Bướm vàng đến đậu/ Hoa tím rung rinh"*.

Nói tóm lại, thế giới vạn vật bằng hữu trong thơ thiếu nhi được thể hiện thật hồn nhiên, trong sáng, góp phần làm giàu có tâm hồn trẻ thơ. Thế giới bao quanh các em không chỉ được nhân hóa để trở nên sống động như người mà các tác giả còn hướng các em đến ý nghĩa nhân văn hơn của tình bạn: vạn vật đáng yêu, đáng mến, đáng để các em kết bạn, đáng được đối xử bằng tấm lòng trân trọng, nhân ái, bao dung của con người với con người. Xét đến cùng, "thơ văn sẽ chẳng là gì, nếu không phải là sự cất tiếng của yêu thương để bồi đắp cái gốc yêu thương cho con người" [128].

3.2. Thế giới kiến tạo từ nguyên tắc ngẫu hứng, tự do

Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: Ngẫu hứng là "cảm hứng ngẫu nhiên mà có" [120, 874]. Ngẫu hứng là cái không có chủ ý trước, không xuất hiện theo logic lí tính thông thường. Đây là trạng thái tâm lí con người vẫn trải qua trong cuộc sống đời thường dựa trên cơ chế liên tưởng, tưởng tượng của tư duy. Trong sáng tạo nghệ thuật, trạng thái này gắn liền với cảm hứng sáng tác của chủ thể, có thể đến bất chợt, ngẫu nhiên mà "chớp" được, nảy ra được. A. Xâytlin khẳng định cảm hứng bất chợt có "liên hệ hữu cơ với sức mạnh của trí tuệ, nó chính là một hành động tư duy nghệ thuật" [172, 180]. Nhà nghiên cứu Phương Lựu gọi đó là "logic đa trị mơ hồ" trong tư duy nghệ thuật đồng thời khẳng định đây là đặc trưng của văn thơ.

Theo chúng tôi, ngẫu hứng là sản phẩm của liên tưởng bất chợt nhưng nó phải được bắt đầu từ hiện tượng hay câu chuyện, tình huống nào đó. Gọi là ngẫu hứng

nhưng thực ra bắt nguồn từ hai phía: phía khách quan đưa đến cho người cầm bút; cũng là ngẫu hứng, bất định ấy còn nằm trong chính mạch tư duy, xúc cảm nghệ thuật của chủ thể sáng tạo, chi phối của qui luật sáng tạo nghệ thuật... Nghiêm Vũ đời Tống ở Trung Quốc cho rằng: "Đạo thơ ở chỗ diệu ngộ... Chỗ kì diệu của nó trong suốt lung linh, không thể nắm bắt được, như thanh âm giữa trời, sắc đẹp trong dung nhan, ánh trăng dưới đáy nước, hình ảnh trong gương..." (Thương lượng thi thoại) [Dẫn theo 82, 277]. Như vậy, ngẫu hứng còn là sự tự do, phóng túng trong sáng tác, hiện hữu khá rõ ở đồng dao. Trong một sáng tác đồng dao, mạch thơ không bị ràng buộc bởi một chủ đề, một đối tượng nào đó xác định. Các qui định do mạch cảm xúc lại bị sự cuốn hút của vần điệu. Nếu không lấy vần điệu làm điểm tựa, đồng dao sẽ là chuỗi rời rạc, lộn xộn dẫn đến mơ hồ, tối nghĩa.

Tìm hiểu đồng dao, chúng tôi nhận thấy hình tượng trong đồng dao thường sắp xếp theo lối chắp vá, ý nọ xọ ý kia. Đặc điểm này hoàn toàn phù hợp với cách cảm nhận đời sống tản mạn, chắp vá như một đặc tính bản nhiên của trẻ. Trẻ tiếp thu ngoại cảnh bằng tưởng tượng ngây ngô hơn là luận lý logic như người lớn. Trẻ có thể đang nói chuyện "cậu", "mợ" đột nhiên chuyển sang chuyện "dê", "gà", từ chuyện lễ nghi nghiêm túc chyển sang nghịch ngợm (*Dung dăng dung dẻ*). Giữa "cái cống nằm trong", "con ong nằm ngoài", "củ khoai chấm mật" và "Phật ngồi Phật khóc", "con cóc nhảy ra", "con gà tú hụ"... tất cả chẳng có mối liên hệ gì với nhau nhưng vẫn được xếp đặt bên nhau trong một chuỗi ngôn từ (*Nu na nu nống*). Sự ngẫu hứng, bất định, tự do có thể xem như một nguyên tắc tạo lập nên thế giới đồng dao. Đây là một trong những đặc điểm tư duy đồng dao ảnh hưởng tới tư duy thơ thiếu nhi hiện đại.

Từ nguyên tắc này, đối chiếu thơ thiếu nhi với thơ người lớn, chúng tôi nhận thấy có một số điểm khác biệt sau: Thơ người lớn do "áp lực" phải tạo ra thông điệp nên biên độ của sự bất chợt bị thu hẹp lại, cái ngẫu hứng bị kiểm soát bởi tính duy lí nên có thể xuất hiện không nhiều. Ngược lại, thơ thiếu nhi không đặt mục đích truyền thông điệp quá nặng nề bởi sẽ gây nhàm chán nên liên tưởng, tưởng tượng được mở rộng biên độ ra đến vô cùng, cái ngẫu hứng xuất hiện với mật độ dày hơn.

Nhà văn Văn Hồng nhận xét: "Thế giới tâm hồn của thiếu nhi có cái gì giống như thế giới tâm hồn của nhân loại trong buổi bình minh lịch sử" [35, 10]. Thật vậy,

vì vốn sống, vốn hiểu biết, trải nghiệm thực tiễn chưa nhiều nên trẻ em nhìn mọi thứ như thể lần đầu tiên. Thế giới vạn vật bao quanh các em đều quá mới mẻ, lạ lẫm, kích thích khát khao hiểu biết luôn tiềm tàng trong tâm lí trẻ thơ. Dựa trên đặc điểm này, thơ thiếu nhi muốn được các em đón nhận và yêu thích, cần phải chú ý khai thác cái nhìn tươi mới, cái nhìn đầu tiên, chưa có dấu vết của kinh nghiệm lí tính từ đó phát hiện được nhiều sự bất ngờ, nhiều khía cạnh mới lạ. Nguyên tắc ngẫu hứng - một biểu hiện của tư duy đồng dao đã được một số nhà thơ thiếu nhi vận dụng cũng nhằm mục đích đó, biểu hiện cụ thể trên hai phương diện sau:

3.2.1. Phi logic trong cái nhìn trực quan về thế giới

Để viết cho thiếu nhi, tác giả cần sử dụng "điểm nhìn trẻ thơ", đặt mình vào vị trí của một đứa trẻ để nhìn thế giới. Nếu như tác giả không thể nhập thân vào một đứa trẻ "ẩn" bên trong mình thì khó có thể có những sáng tác hay. Mặt khác, nhà thơ phải học cách lí giải thế giới theo cách nhìn của trẻ thơ, mang đến cho các em những khám phá bất ngờ, thú vị.

Trong quá trình khám phá thế giới khách quan, trẻ em thường bắt đầu bằng sự quan sát trực tiếp nhưng do kinh nghiệm sống còn ít ỏi nên không tránh khỏi những nhầm lẫn, thắc mắc, những suy luận dựa trên trực giác phi lí tính. Nghĩa là khi quan sát sự vật, hiện tượng, trẻ thấy được, nhận biết được một cách trực tiếp, không cần phải gián tiếp thông qua phân tích chứng minh của lí trí. Nguyễn Khắc Viện nhận xét: "Trẻ con không bao giờ có ý kiểm tra xem ý nghĩ của mình có hợp với sự thực không, ý nghĩ là sự thực. Trong trí chúng, kinh nghiệm và tình cảm ghi lại những loại hình, nghĩa là mỗi loại vật có nhiều biểu tượng chung, chúng thấy các loại hình ấy, chứ không nhận ra được một cách rõ ràng sự thực trước mắt, tức là những đặc tính của mỗi vật. Những ý nghĩ luôn luôn lấn át lên sự thực" [170, 86]. Sự lầm lẫn giữa ý nghĩ và sự thực ấy được các nhà tâm lí học Pháp gọi là "ngộ nhận ý nghĩ sự thực". Đặc điểm này trùng hợp với đặc điểm của trực quan trong tư duy nghệ thuật: "Logic dù là logic đa trị hay là logic mơ hồ vẫn là logic, nghĩa là vẫn hàm chứa nhân tố lí tính, nhưng tư duy nghệ thuật không đối lập mà còn dung hợp thêm với những yếu tố trực giác phi lí tính" [82, 280]. Những bài thơ như *Thỏ con* (Võ Quảng), *Chú bò tìm bạn*, *Bê hỏi mẹ*, *Ngựa con*, *Rình xem mặt trời*, *Giặt sách*, *Thỏ con và mặt trăng* (Phạm Hổ), *Chổi rơm thần kì*, *Chú ếch ăn trăng*, *Sủa bóng* (Dương Thuấn)... có thể minh họa rõ nét cho tính phi logic đặc thù này trong tâm lí trẻ em.

Hình ảnh chú thỏ láu táu, hoảng hốt kêu mẹ, kêu cha, kêu họ hàng chạy trốn trong một đám cháy lớn nếu không sẽ "chết queo râu" trong bài thơ *Thỏ con* của Võ Quảng đem đến cho bạn đọc tiếng cười sảng khoái. Thỏ con không nhìn kĩ để nhận ra đó là những cây bàng trong tiết trời mùa thu, lá bàng chuyển thành màu đỏ: *"Thỏ con run rẩy/ Hoảng hốt kêu la/ Ối mẹ! Ối cha!/ Ôi kìa , cháy lớn!/ Ôi! Quá ghê rợn/ Lửa cháy lan trần/ Mau mau họ hàng/ Phải lo chạy trốn/ Những người ngồi rốn/ Sẽ chết queo râu..."*. Chú thỏ này cũng như bao em bé khác, do vốn kinh nghiệm sống còn ít ỏi nên nhận thức về thế giới xung quanh hay bị nhầm lẫn. Lá bàng đỏ khiến thỏ con tưởng rằng đó là ngọn lửa đang cháy và nhà thơ đã giúp thỏ con cũng là giúp các em "sửa" lại nhận thức lầm lẫn đó: *"Con của tôi ơi/ Phải nhìn cho rõ/ Lửa kia rực đỏ/ Là những rừng bàng/ Tiết thu vừa sang/ Nhuốm thành màu lửa"*.

Nét thơ ngây, ngộ nghĩnh trong tính cách của chú thỏ gợi liên tưởng đến chú ngựa con hốt hoảng tưởng nhầm chân ngựa cha bị cháy: *"Ngựa cha đi móng sắt/ Bật lửa đá dưới chân/ Ngựa con thấy kêu ầm/ "Bố ơi chân bố cháy!"* (Ngựa con - Phạm Hổ). Hay một chú bê luôn thắc mắc về bầu sữa của mẹ mà hàng ngày chú bú: *"- Mẹ uống sữa lúc nào/ Mà sữa đầy vú mẹ?/ Còn con uống nhiều thế/ Sữa lại chạy đi đâu?"* (Bê hỏi mẹ - Phạm Hổ).

Đây là một chú bò hiền lành, dễ mến, thật thà đến ngốc nghếch: *"Bò ra sông uống nước/ Thấy bóng mình ngỡ ai/ Bò chào: "Kìa anh bạn/ Lại gặp anh ở đây!"* (Chú bò tìm bạn - Phạm Hổ). Nhan đề bài thơ là *Chú bò tìm bạn* nhưng điều thú vị là chú bò đi tìm chính bản thân mình mà chú ta không hề hay biết. Sự nhầm lẫn đến ngờ nghệch của chú bò làm nên nét ngộ nghĩnh của bài thơ, mang đến tiếng cười vui cho trẻ nhỏ. Chú bò ngốc nghếch nhưng rất đáng yêu bởi chú ta cũng như các em, thích kết bạn, khát khao có bạn. Sự nhầm lẫn của chú bò thật giống chú chó bực mình "sủa bóng" chỉ vì chú ta tưởng rằng đang có một con chó khác trêu ghẹo mình: "*Cái con cún con/ Tự sủa bóng mình/ Nó càng giận dữ/ Cái bóng dưới đất/ Càng chạy linh tinh*" (Sủa bóng - Dương Thuấn).

Khác với người lớn, trẻ em nghiêng về năng lực tư duy cảm tính, trực giác, chúng tư duy bằng hình ảnh cụ thể và hiện tượng nhiều hơn bằng bản chất trừu tượng. Văn Hồng từng chia sẻ: "Khi xem tranh các em thích những màu tươi nguyên, khi nghe nhạc các em thích những âm thanh lảnh lót" [145, 461]. Do tư duy trừu tượng

và tư duy khái quát chưa phát triển nên với trẻ, không có bài học nào gây ấn tượng tốt hơn bằng trực quan. Xoay quanh câu hỏi *Mắt để làm gì?*, Bê con cho rằng mắt chỉ để ngủ, Bò mẹ có một yêu cầu: "*Bò mẹ cả cười/ - Thế con nhắm mắt/ Thử đi mấy bước/ Mẹ xem tí nào!*". Từ tình huống trực quan sinh động thú vị, bò mẹ giúp bê con hiểu: *"- Mắt chính để nhìn/ Chắc con đã thấy"* (Mắt để làm gì - Phạm Hổ).

Còn đây là cuộc trò chuyện quá chừng ngộ nghĩnh của ếch và cá rô: "*Một đêm mùa hạ/ Trời đầy trăng sao/ Có một chú ếch/ Ngồi ở bờ ao/ Mồm luôn đớp đớp/ Uống bóng trăng vào/ Cá rô thấy lạ/ Mới hỏi làm sao/ Ếch bảo cố đớp/ Ăn hết trăng vào/ Cho trời tối lại/ Thành cơn mưa rào*" (Chú ếch ăn trăng - Dương Thuấn). Bài thơ gợi nhớ âm hưởng vui tươi của đồng dao: "*Ếch ở dưới ao/ Vừa ngớt mưa rào/ Nhảy ra bì bọp/ Ếch kêu ộp ộp/ Ếch kêu oạp oạp...*". Dương Thuấn đã dựa trên đặc điểm sinh học có thật của loài ếch là hô hấp bằng da, thích thời tiết ẩm ướt để sáng tạo thành hình ảnh chú ếch mong mưa nên ngây thơ suy luận, tưởng rằng mình có thể uống hết cả bóng trăng "*Cho trời tối lại/ Thành cơn mưa rào*". Sự suy luận ấy gần gũi với cách nghĩ của em bé với niềm tin ngây thơ về sự thần kì của chiếc chổi rơm: "*Có lần bị bụi bay vào mắt/ Bà lại bảo đem chổi làm gối/ Lúc ngủ say chổi sẽ quét bụi đi...*" (Chổi rơm thần kì - Dương Thuấn).

Tính phi logic trong cách suy nghĩ, nhìn nhận về thế giới của trẻ thơ còn biểu hiện trong sự nhầm lẫn giữa bản chất và hiện tượng. Đặc điểm này hoàn toàn khác biệt với tư duy người lớn. Người lớn khi đứng trước một sự vật "thoạt tiên có một cảm giác bao gồm cả toàn bộ, nhưng còn mơ hồ. Rồi ta chia sẻ, phân tích ra thành từng phần, từng miếng, từng cảnh, từng đoạn, từng hàng lối, từ những bộ phận ấy lại gom góp thành lại một toàn thể có hệ thống, nhận ra những tương quan giữa các bộ phận với nhau và giữa các bộ phận với toàn thể. Trí ta đã phân tích, rồi tổng hợp những tiểu tiết và đại cương: trực giác hỗn hợp lúc đầu đã thành một tổng thể, có một tổ chức, cấu tạo" [170, 93]. Trẻ con không tư duy theo lối phân tích tổng hợp ấy. "Trí chúng nó "chụp" (theo nghĩa chộp một cách rất nhanh, chụp ảnh) một sự vật hay một tình thế trong một trực giác bao quát cả toàn bộ. Nhưng trong trực giác hỗn hợp, những chi tiết - bộ phận và tương quan không nhận rõ" [170, 93]. Chính vì thế mà mỗi ý nghĩ của trẻ em đều kèm theo lòng tin mạnh mẽ. Chúng không bao giờ cho rằng ý nghĩ của mình có thể không đúng sự thực. Kiểu tư duy đặc trưng này được phản ánh trong những bài thơ dí dỏm như *Ngủ rồi, Gà trống đẻ trứng, Bê, Thỏ*

dùng máy nói, *Sen nở* (Phạm Hổ), *Lời con* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Truyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh), *Một cuộc du lịch* (Nguyễn Hoàng Sơn)... Qua đó, ta nhận ra hình bóng các em bé ngây thơ, đáng yêu, dễ mến.

Bê con chỉ nhìn lướt qua màu sắc "xanh xanh" nên nhầm ao bèo là bãi cỏ. Chú ta nhanh nhảu đoảng, ham chơi đến nỗi ngã cả xuống ao: *"Đám đất phẳng phiu/ Cỏ xanh xanh biếc/ "Nhảy vào đây chơi/ Em vui phải biết!"/ Bỗng bê "Ối chết!"/ Uống nước một hồi/ Lên bờ nhìn lại/ "Đúng ao bèo rồi!"* (Bê - Phạm Hổ). Đọc bài thơ, các bé có thể bật cười trước hành động của chú bê nhưng qua đó cũng rút ra được bài học cho chính bản thân mình. Lần này bê nhầm nhưng chắc rằng lần sau chú ta không nhầm thế nữa vì đã nhận được một bài học trực quan rồi. Trẻ em cũng như vậy, ấn tượng trực quan là bài học sinh động nhất, giúp các em bé nhớ lâu nhất, lần này sai nhưng lần sau sẽ biết để mà tránh.

Chú gà con hồn nhiên khoe với gà mẹ phát hiện ra... bố đẻ trứng: "*Gà con mách mẹ/ - Ô này mẹ ơi/ Con vừa thấy bố/ Đẻ được trứng rồi!/*". Gà con tưởng vậy vì chú ta còn nhỏ, chưa hiểu điều bí ẩn của cuộc sống, chưa phân biệt được đâu là quả trứng và đâu là quả bóng bàn: *"Đến chỗ gà trống/ Gà mẹ phì cười:/ Cạnh chân gà bố/ Đang nằm rỉa đuôi/ Bóng bàn một quả/ Ai đã ném rơi!"* (Gà trống đẻ trứng - Phạm Hổ).

Nhầm lẫn và thắc mắc tạo ra thế giới trẻ thơ vận động theo một logic riêng, không nhất thiết phải trùng khít với logic thực tế: "*Gà mẹ hỏi gà con:/ - Đã ngủ chưa đấy hả?/ Cả đàn gà nhao nhao/ - Ngủ cả rồi đấy ạ*" (Ngủ rồi - Phạm Hổ). Đọc bài thơ, ta như thoáng thấy lại hình bóng mình thời thơ ấu. Vẻ hồn nhiên, ngây thơ của đàn gà con rất giống các cô, cậu bé. Trên thực tế, ngủ có nghĩa là không nghe không nói, nhưng vì muốn chứng tỏ mình là những đứa con ngoan nên đàn gà con lại đáp "nhao nhao". Đúng là kiểu "nói dối" của trẻ con, vừa vô lí vừa buồn cười nhưng lại hoàn toàn có lí - đó là chân lí của trẻ thơ, người lớn không bắt bẻ được.

Theo nghiên cứu của nhà tâm lí Thụy Sĩ Piagie, tư duy trẻ em là hình thái tư duy duy kỉ (hay tự kỉ trung tâm) nghĩa là trẻ chỉ biết phương diện của mình, không thể đứng vào phương diện của người khác. Có hiện tượng này bởi các em "chưa phân rõ TA với VẬT, chỉ biết *ta* mà không biết vật, trẻ con cũng phân biệt được *TA* với người, mà chỉ biết *ta*, chứ không biết đến *người*" [170, 89]. Chính vì thế, trẻ em thường lấy chính bản thân mình làm trung tâm, coi mình là trục qui chiếu mà suy luận mọi vấn đề trong cuộc sống, đồng hóa mình với các đối tượng ngoài mình.

Bài thơ *Lời con* của Phan Thị Thanh Nhàn gồm một chuỗi đối thoại bộc lộ suy nghĩ ngây thơ, hồn nhiên dựa trên quan sát trực quan hàng ngày của chính các em: "*Con bảo: / - Chùm bàng thân nhau quá/ Chẳng ai chịu ở một mình/ - Bố mặc quần dài nhanh lên/ Cô ti vi sắp ra chào đấy/.../ - Báo của mẹ là Hà Nội mới/ Hôm qua là Hà Nội cũ phải không?/ - Mẹ bận không lên chơi bác Ngân/ Hay mẹ dán tem gửi con đi vậy*". Có thể thấy, mọi sự vật, hiện tượng đều được em nhỏ lí giải theo nhãn quan trẻ thơ. Với các em, cô ti vi cũng như các cô khác đến nhà, con tem giúp cái thư đi đến nơi thì cũng giúp mình đi đến nơi. Lối suy nghĩ trong veo ấy người lớn khó có thể có được nữa. Phan Thị Thanh Nhàn tâm sự bà viết bài thơ này hoàn toàn là những câu nói của trẻ: "Cháu bé của tôi hễ cứ có các cô đến nhà chơi thì bố cháu lại không dám mặc quần đùi nữa mà vội đi mặc thêm quần dài, nên buổi tối sắp đến giờ ti vi, cháu giục: Bố mặc quần dài đi, cô ti vi sắp ra chào đấy. Cháu xin đi lên thăm bác ở Lạng Sơn, chúng tôi bận không đi được, cháu bảo: Hay là mẹ dán tem gửi con ra bưu điện vậy (vì cháu thấy bố mẹ vẫn thường chỉ dán một con tem vào góc thư là cái thư tự đi lên với bác). Gặp một bà còng trên đường, cháu băn khoăn: Mẹ ơi, thế thì tối bà ấy ngủ thế nào?. Những câu nói bâng quơ ấy làm chúng tôi cười nhưng rồi cũng không giải thích cho cháu được đến nơi đến chốn" [145, 785]. Điều này cho thấy, muốn hiểu cách cảm, cách nghĩ của trẻ thì phải đặt mình ngang hàng với trẻ, nghe các em nói, trò chuyện với các em nhiều hơn.

Trước *Ông trăng*, Ngô Thị Bích Hiền tự đặt ra cho mình biết bao câu hỏi: *"Ông trăng ơi!/ Cháu đi/ Sao ông lại đi?/ Cháu đứng/ Sao ông lại đứng?/ Cháu vào nhà/ Sao ông chẳng vào?/ Mẹ cháu đi làm/ Sao ông chẳng ra?/ Mẹ cháu về nhà/ Sao lại gặp ông?/ Sao ông to thế?/ Mẹ ông tên gì?"*. Hiền nhầm tưởng rằng trăng có thể di chuyển hay đứng lại theo hoạt động, trạng thái của con người. Đây cũng là nhầm lần mà có lẽ ai đã từng đi qua tuổi thơ đều một lần hoài nghi, thắc mắc. Khát khao lí giải tất cả những điều trái ngược đó khiến em có đề nghị: "*Nói cho cháu biết/ Để cháu lên chơi"*. Trong đồng dao, trẻ em đã từng mời trăng xuống vui chơi cùng mình nhưng Hiền táo bạo hơn, bày tỏ ước muốn lên chơi với trăng để tìm câu giải đáp.

Nhìn chung, những bài thơ có chứa đựng yếu tố phi logic đã đưa người đọc đến thế giới của những người bạn nhỏ nhầm lẫn và thắc mắc nhưng cũng hết sức đáng yêu, mang lại tiếng cười vui vẻ, sảng khoái. Cười nhưng không phải để mỉa

mai, chế giễu mà để các em nhỏ tự rút ra bài học nhận thức đúng đắn cho mình. Nét hấp dẫn của tác phẩm được tạo ra từ cái nhìn ngộ nghĩnh, trong đó "logic của sự ngây thơ" đã "hòa nhập vào thế giới thơ", "với thế giới trẻ thơ làm một" [111, 142].

3.2.2. Liên tưởng phóng túng, bất ngờ

Lao động nhà văn là lĩnh vực sáng tạo đặc thù, đòi hỏi người nghệ sĩ phải có năng lực tưởng tượng, liên tưởng - hai thành tố quan trọng của tư duy hình tượng. M. Gorki từng nói: "Nghệ thuật là dựa vào trí tưởng tượng mà tồn tại" [Dẫn theo 150, 199]. Fêđin cũng nhấn mạnh rằng "chỉ nhờ có tưởng tượng sáng tạo, sự thật của cuộc sống mới có thể được truyền đạt trong tác phẩm nghệ thuật", tưởng tượng là "khí cụ mạnh mẽ nhất của người nghệ sĩ viết văn..." [Dẫn theo 172, 178]. Nói như vậy nghĩa là nếu thiếu tưởng tượng, nghệ thuật có thể chỉ là sự sao chép cuộc sống hời hợt và buồn tẻ giống như một bức ảnh chụp vô hồn. Ngoài ra, tưởng tượng còn có vai trò quan trọng khác, đó là đặt nền móng cho thao tác liên tưởng. Tưởng tượng càng dồi dào, phong phú thì càng có cơ hội tạo ra những liên tưởng độc đáo, bất ngờ. Trên đôi cánh tưởng tượng, nghệ sĩ tạo nên những sợi dây gắn kết các hiện tượng riêng rẽ, tưởng như không liên quan đến nhau thành mạch tư duy thống nhất. Qua liên tưởng, nghệ sĩ giúp bạn đọc phát hiện ra các quan hệ, các đặc điểm bản chất của sự vật, hiện tượng, làm cho nó trở nên nhiều tầng ý nghĩa. Nói cách khác, liên tưởng là "đem nhích gần lại, trộn lẫn vào nhau hai sự vật vốn xa lạ với nhau, càng xa càng gây được thích thú" [59, 235]. Liên tưởng phóng túng tạo điều kiện cho cảm xúc nghệ thuật tự do thăng hoa, tạo ra được những hình ảnh mang tính chất "đột phá", mới lạ trên nền mĩ cảm phong phú.

Soi chiếu vào đồng dao, chúng tôi nhận thấy đặc điểm nổi bật nhất của liên tưởng đồng dao là sự tự do, phóng túng như vậy (vấn đề này đã được trình bày ở mục 2.1.3). Nguyên tắc ngẫu hứng của tư duy đồng dao thể hiện qua kiểu mô tả nhảy cóc do sự chi phối của vần vè hay do một liên tưởng bất chợt. Ở phương diện này, tư duy đồng dao gặp gỡ với tư duy trẻ em và bản chất văn học nghệ thuật. A. Xâytlin cho rằng: "Quá trình tư duy nghệ thuật hoàn toàn không phải bao giờ cũng phát triển bằng những con đường có trình tự logic" [172, 197].

Vì có sự gặp gỡ, trùng hợp như vậy nên trong thơ thiếu nhi, phương thức liên tưởng phóng túng, tự do - một biểu hiện của tư duy đồng dao đã được các tác giả vận dụng nhằm mang đến hứng thú tiếp nhận cho bạn đọc nhỏ tuổi. Đặc điểm này được

thể hiện qua những tác phẩm tiêu biểu như *Sao, Kể chuyện chim, Chuyện vui về cá* (Quang Huy), *Kể chuyện quả, Truyện cổ tích về loài người, Con yêu mẹ* (Xuân Quỳnh), *Cây hoa quỳ vườn em, Hoa vừa đi vừa nở* (Trần Mạnh Hảo), *Hoa giấy* (Đặng Hấn), *Trông trăng, Trăng ơi từ đâu đến* (Trần Đăng Khoa), *Từ sáng hôm nay* (Chu Hồng Quý), *Trung thu nhớ Bác* (Nguyễn Hồng Kiên), *Đồng dao trông trăng* (Vi Thùy Linh), *Ai đã từng, Thích, Tắc đường, Êm, Biển* (Nguyễn Thế Hoàng Linh)...

Liên tưởng có thể dựa vào sự giống nhau về tên gọi của sự vật mà mở ra ý nghĩa mới. Tác giả từ tên gọi của sự vật cụ thể này mà liên tưởng đến một sự vật khác, từ đó khái quát lên một cái gì đó cao hơn. Với *Sao*, Quang Huy mở ra trước mắt các em thế giới các tinh tú từ sao Hôm, sao Mai, sao Thần nông, sao Đại hùng đến sao Thiên cầm, sao Vệ nữ, sao Bánh lái, sao Chiến sĩ... với muôn ngàn dáng vẻ sống động. Bài thơ giống như cuốn phim tư liệu giới thiệu cho bạn đọc tuổi thơ biết bao điều thú vị ẩn chứa trong thế giới tự nhiên để cuối cùng phát hiện ra vì sao đẹp nhất: "*Ngôi sao đẹp nhất đời này/ Là sao trên lá cờ bay rực hồng*". Từ ngôi sao thiên nhiên nghĩ đến "sao trên lá cờ bay rực hồng" là liên tưởng tự nhiên mà đầy ý nghĩa, bất ngờ và sáng tạo.

Kết thúc bài *Kể chuyện chim, Chuyện vui về cá*, Quang Huy có những liên tưởng thú vị, khắc họa cách nghĩ của thiếu nhi trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt: *"Bay vòng bay liệng/ Dọc ngang bầu trời/ Quật Mĩ tả tơi/ Là ông bạn Mích"* (Kể chuyện chim) hay *"Còn em thích nhất/ Là con cá măng/ Bền bỉ siêng năng/ Thật thà dũng cảm/ Như măng mọc thẳng/ Huy hiệu em đeo/ Lời Bác kính yêu/ Suốt đời ghi nhớ"* (Chuyện vui về cá).

Trong *Kể chuyện quả*, Xuân Quỳnh cùng các em tìm hiểu và khám phá các loại quả với hương vị, cấu tạo đặc trưng khác nhau: *"Quả me có vị chua/ Làm ô mai ngon tuyệt/ Nắng ở trong quả mít/ Mùi thơm trong quả mơ/ Xù xì cái quả na/ Mà ngọt ơi là ngọt..."*. Từ những loại quả cụ thể, tác giả liên tưởng đến thứ quả khác: quả đất. Quả đất không "ăn" được nhưng chứa đựng trong lòng nó tất cả những hương vị hấp dẫn kia: *"Đất có ăn được đâu/ Nhưng đất có bao nhiêu/ Quả ngon và quả lạ"*.

Liên tưởng có thể dựa trên những sự vật, hiện tượng khác nhau, cách xa nhau nhưng được các tác giả phát hiện ra mối quan hệ giữa chúng. Trần Đăng Khoa khi miêu tả vẻ đẹp của trăng đã có nhiều phát hiện thú vị, đậm dấu ấn trẻ con. Người

trưởng thành có thể sẽ nhìn trăng từ cảm hứng lãng mạn, ví trăng là liềm vàng, đĩa bạc, "trăng vú mộng của muôn đời thi sĩ", nhưng với tâm hồn đứa trẻ, chúng liên tưởng trăng với những gì gần gũi, thân thương nhất xung quanh cuộc sống của mình: "*Trăng nở vàng như xôi*" (Trông trăng), "*Trăng tròn như mắt cá/ Không bao giờ chớp mi*", "*Trăng bay như quả bóng/ Bạn nào đá lên trời*" (Trăng ơi... từ đâu đến). Nhà thơ Xuân Diệu đánh giá: "Tôi vốn sinh ra và lớn lên trên bờ biển Quy Nhơn miền Nam Trung Bộ, từ nhỏ đã ra bãi biển ngắm trăng rằm mọc nhô từ dưới biển lên, đúng là mắt của một con cá bể chứ gì nữa! Tới hình tượng thứ ba thì chỉ có một trẻ em nghĩ ra trong thơ (...) mới đá được quả bóng sáng lên thành mặt trăng như vậy" [196, 163].

Hoàng Dạ Thi liên tưởng táo bạo giữa "cái chuông vú" của mẹ với cái chuông "kreng" của người bán kem thường ngày vẫn đi qua nỗi thèm thuồng của em: "*Hai cái vú của mẹ là hai cái chuông/ Con sờ vào/ Nó kêu: kreng, kreng, kreng/ Con mượn hai cái chuông vú/ Con đi bán kem/ Ai nghe tiếng chuông vú cũng đi đến mua/ Kem vú ngọt lắm/ Kreng, kreng, kreng...*" (Cái chuông vú). Những câu thơ rất gần với phong vị đồng dao, thể hiện tâm hồn trong trẻo, vừa ngộ nghĩnh vui tươi vừa dạt dào cảm xúc của đứa trẻ khi nghĩ về bầu vú huyền diệu của mẹ.

Hay liên tưởng đầy mẫu tính trong thơ Vi Thùy Linh, các hiện tượng tự nhiên được nhìn nhận trong quan hệ với cuộc sống sinh hoạt của bé thơ: *"Mặt trời ngủ quên/ Vì Xù chưa dậy/ Mặt trăng tròn đầy/ Bánh Xù cầm tay"* (Đồng dao trông trăng).

Liên tưởng có thể dựa trên những suy nghĩ đi ngược lại trật tự logic thông thường, tạo nên sự "lạ hóa". Vưgôtxki cho rằng: "trong nghệ thuật trẻ em thật là to lớn biết dường nào cái vai trò của những thứ ngớ ngẩn mà chẳng ngớ ngẩn, những thứ vô nghĩa đầy vui vẻ mà thường có trong một bài thơ nhỏ của trẻ em bằng cách đặt đảo các hiện tượng thông thường nhất của cuộc sống" [171, 345]. Bài thơ *Truyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh) có hình thức tương tự lối liên tưởng ngược trong đồng dao: *"Bong bóng thì chìm/ Gỗ lim thì nổi/ Đào ao bằng chổi/ Quét nhà bằng mai..."*. Xuân Quỳnh đã mang đến cho các em một câu chuyện kể đầy bất ngờ, thú vị. Không chỉ mang dáng dấp đồng dao, cách dựng cảnh, dựng việc trong bài thơ rất giống với cách dựng cảnh, dựng việc trong truyện cổ tích. Tưởng tượng phóng khoáng tạo đà cho nhiều liên tưởng thú vị, đi ngược lại tư duy lí trí

thông thường. Theo cách lí giải đó, trẻ em là chúa tể của muôn loài, trẻ em là kết tinh của sự sáng tạo đầu tiên của thiên nhiên, vũ trụ: "*Trời sinh ra trước nhất/ Chỉ toàn là trẻ con"*. Lối nói phi lí này làm nên điều thú vị của bài thơ. Từ những nhu cầu của trẻ thơ, thế giới mới lần lượt được sáng tạo, có thêm mặt trời, cây cỏ màu xanh, các loại hoa màu đỏ, chim chóc cất tiếng hót truyền đi trong gió và sông cho trẻ con tắm mát, biển cho trẻ cá tôm, cánh buồm đưa các em đi chơi, đám mây thì xuất hiện để tạo bóng mát: *"Mắt trẻ con sáng lắm/ Nhưng chưa thấy gì đâu/ Mặt trời mới nhô cao/ Cho trẻ con nhìn rõ/ Màu xanh bắt đầu cỏ/ Màu xanh bắt đầu cây..."*. Chuyện phi lí nhưng hấp dẫn vì cách liên tưởng ngược đó rất phù hợp với cách nghĩ, cách cảm hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em. Cái phi lí bỗng trở nên có lí khi tất cả được đặt trên nền tảng tình yêu thương con trẻ. Trẻ em cần được chăm sóc, nâng niu như thế vì chính các em là tương lai của gia đình, quê hương, đất nước. Sự tồn tại của cuộc sống bắt đầu từ sự chăm sóc trẻ thơ, từ nhu cầu vì trẻ thơ. Sự tồn tại chung của loài người cũng vì lẽ ấy.

Cách triển khai tứ thơ độc đáo như vậy cũng có trong *Con yêu mẹ*. Bài thơ được xây dựng theo cấu trúc đối đáp dựa trên qui luật liên tưởng: *"Con yêu mẹ bằng ông trời/ Con yêu mẹ bằng Hà Nội/ Con yêu mẹ bằng trường học/ Con yêu mẹ bằng con dế"*. Sau mỗi lần so sánh, người mẹ lại có một câu trả lời khéo léo, tự nhiên khiến đứa trẻ phải tiếp tục suy nghĩ và cuối cùng phát hiện ra "*Con yêu mẹ bằng con dế*". Kích thước các đối tượng so sánh nhỏ dần nhưng tình yêu dành cho mẹ thì được nhân lên gấp bội. Với đứa trẻ, tình yêu mẹ không xa vời mà tồn tại trong những điều bình dị nhất. Một sự so sánh trẻ con thực thụ, đứa trẻ trở về cách nghĩ của chính nó. Xuân Quỳnh đã nắm bắt và thấu hiểu được kiểu tư duy của trẻ em để đưa ra được những nhận xét thích hợp với tâm lí tuổi thơ, những cảm xúc tràn đầy của một tâm hồn tinh tế. Sự chân thành trong tình cảm kết hợp với những suy đoán thông minh, bất ngờ đặt trong hình thức đối đáp cân đối khiến bài thơ có một sức sống lâu bền.

Tập thơ *Ra vườn nhặt nắng* của Nguyễn Thế Hoàng Linh khắc họa hình ảnh một thế giới trong veo được phóng chiếu qua lăng kính trẻ em với những liên tưởng ngẫu hứng đầy ngộ nghĩnh như khủng long lót đệm vào chân, gõ kiến đeo cao su vào mỏ, con gián bị sâu răng, que kem khóc nhè, cây cối hát bè, cây bàng đứng tè,

buổi chiều dài hơn buổi sáng, ông mặt trời bị ốm, hình chữ nhật đẹp trai, nước cũng là nôi, mùa hè là chó nhỏ... Có những khái niệm tưởng như quen thuộc (chiều dài, chiều rộng, hình chữ nhật, nước nôi) trở nên mới mẻ nhờ cách lí giải thú vị: "*Buổi chiều dài hơn buổi sáng/ Người ta mới nói "chiều dài"/ Rồi lại nói thêm "chiều rộng"/ Của hình chữ nhật đẹp trai*" (Buổi chiều), *"Còn một điều hay lắm/ Bé sẽ thấy nhanh thôi/ Hơi thở mình thanh thoát/ Vì nước cũng là nôi"* (Thích). Có những khái niệm trừu tượng, bình thường thật khó giải thích với trẻ con (yêu thương, bắt nạt), Nguyễn Thế Hoàng Linh biến nó thành cụ thể, dễ hiểu hơn: *"Yêu thương là đốm nắng vàng/ Trên lưng chú chó lang thang chiều hè"* (Êm), "*Bạn nào bắt nạt bạn/ Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu cần bắt nạt/ Thì đến gặp tớ ngay/ Cứ đến bắt nạt tớ/ Bị bắt nạt quen rồi/ Vẫn không thích bắt nạt/ Vì bắt nạt rất hôi*" (Bắt nạt). Thậm chí hoạt động rửa bát qua liên tưởng hồn nhiên của trẻ, có thể biến thành một trò chơi trên... biển. Những vật dụng như bát, đũa, thìa, muôi được hình dung trong vai thuyền trưởng, thủy thủ, cướp biển hay phút chốc biến thành buồm trắng, mái chèo, bạch tuộc: *"Bát sứ là buồm trắng/ Đũa là những mái chèo/ Bát to ôm bát nhỏ/ Là thuyền ôm thuyền theo/ Thìa nhỏ là thủy thủ/ Thuyền trưởng là thìa to/ Muôi là con bạch tuộc/ Người trên thuyền đều lo/ Nhưng cả nhà lo nhất/ Là khi bé cho rằng/ Đĩa là tàu cướp biển/ Sắp bắn nhau pằng pằng"* (Biển).

Nhìn chung, trên cơ sở tiếp thu liên tưởng đồng dao, các nhà thơ thiếu nhi hiện đại đã có sự vận dụng sáng tạo riêng, mang đến cho các em những cảm nhận phong phú, mới lạ từ cuộc sống gần gũi xung quanh. Qua đó, các em được gia nhập vào thế giới hồn nhiên, sống trọn vẹn tuổi thơ của mình trong đó.

3.3. Thế giới kiến tạo từ mô hình trò chơi

Trò chơi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đời sống con người. Johan Huizinga, sử gia người Hà Lan, trong một công trình kinh điển khảo cứu về trò chơi đã đưa ra nhận định: "[nền văn minh nhân loại] đã nảy sinh trong trò chơi, như trò chơi và chưa bao giờ rời bỏ nó" [Dẫn theo 48, 1]. Theo quan niệm của Huizinga, trò chơi không đơn thuần là một hoạt động cơ bản của con người, "nó xuyên thấm vào tất cả các hoạt động khác, trở thành nguyên mẫu của các mô hình tổ chức đời sống. các hình thái ý thức, đi vào trong tư duy của con người như một hệ hình để suy nghĩ, nhận thức về thế giới và về chính mình" [48, 1].

Với tuổi thơ, vui chơi là nhu cầu không thể thiếu. Về tâm sinh lí, trò chơi "đánh dấu những giai đoạn trên con đường sinh trưởng (...). Cũng vì sức sinh trưởng mà các trò chơi cứ luôn luôn biến đổi theo lứa tuổi và trong chơi đùa luôn luôn sẵn có xu hướng mình vượt quá mình, bước lên một cấp cao hơn" [170, 58]. Về giáo dục, qua vui chơi, các em có thể học hỏi và phát hiện thế giới vì thế "cần giúp cho trẻ con chơi" [170, 62]. Vui chơi lành mạnh không những giúp các em nâng cao sức khỏe, có đôi mắt tinh tường, đôi tay, đôi chân khéo léo, nhanh nhẹn mà còn giúp các em thêm sảng khoái tâm hồn, minh mẫn trí óc. Đồng dao do ông cha sáng tạo trong xã hội xưa trước hết cũng để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ, góp phần "giữ cho các em vẻ hồn nhiên, tươi tắn, không đánh mất tuổi thơ dù trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ" [202, 49]. Trò chơi trong đồng dao là trò chơi tập thể, có luật chơi, tạo môi trường cho trẻ thơ giao tiếp, hòa đồng với nhau, từ đó dần hình thành ý thức về bản thân mình trong mối quan hệ với tập thể, biết tôn trọng tổ chức kỷ luật.

Trong mục *2.1.3*, khi xác lập các đặc điểm của tư duy đồng dao, chúng tôi đã chỉ ra: đồng dao không chỉ là một yếu tố của trò chơi mà bản thân đồng dao cũng là một trò chơi: trò chơi gieo vần, tạo nhịp. Hơn thế, đồng dao với tư cách là "lời nói vần" còn có chức năng cầm nhịp cho cuộc chơi, "tổ chức và đệm theo hoạt động của trò chơi" [108, 241], tạo nên sự hưng phấn ở trẻ nhỏ. Về vấn đề này, Trucôpxki cũng từng phát biểu: "... khi đánh giá một cuốn sách dành cho các trẻ nhỏ tuổi, các nhà phê bình nhiều khi quên vận dụng tiêu chuẩn trò chơi vào các cuốn sách ấy, trong khi ấy thì đa số các bài hát trẻ em còn được lưu truyền trong nhân dân lại không những đã nảy sinh từ trò chơi, mà bản thân chúng còn là trò chơi: trò chơi không lời, trò chơi bằng nhịp điệu, bằng âm thanh..." [Dẫn theo 171, 346]. Khảo sát một số trường hợp, chúng tôi thấy có những bài đồng dao nội dung của nó không diễn đạt một ý hướng gì cụ thể mà vận động theo tiến trình của bản thân trò chơi như *Nu na nu nống*, *Rồng rắn lên mây*, *Tay tí tay tiên*... Sự kết hợp hài hòa ba yếu tố ứng tác - ứng khẩu - hành động có thể xem là đặc điểm nổi bật của trò chơi trong thơ ca dân gian nói chung, trong đồng dao nói riêng.

Thơ thiếu nhi hiện đại không sinh ra từ hành động diễn xướng giống đồng dao. Tuy nhiên, nhận thức được vai trò to lớn của vui chơi giải trí đối với trẻ, các tác giả đã kế thừa ở đồng dao cách cấu trúc bài thơ thành một "trò chơi". Trò chơi không

bó hẹp trong một hoạt động cụ thể mà có ý nghĩa như một phương thức sáng tạo nhằm mang đến cho các em những phút giây thư giãn vui vẻ, thoát ly được tính chất duy lí, giáo huấn. Trong lời tựa *Nhi đồng lạc viên* (1936), Nguyễn Văn Ngọc đã bày tỏ ý muốn "tập cho các em lấy học làm vui, muốn mong cho các em vui học như vui ăn, vui chơi, vui nói, vui cười..." [Dẫn theo 145, 465]. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn các cán bộ phụ trách thiếu nhi "... lúc học cũng cần vui, lúc vui cũng cần học" [Dẫn theo 145, 465]. Vân Thanh cho rằng: "Thơ cho các em không phải chỉ bay bổng mà còn phải thật vui, sống động, phải có một cái gì đó cựa quậy... Thơ của các em còn có thể trở thành trò chơi" [98, 68]. Nói cách khác, đó là xu hướng "trò chơi" hóa thế giới.

Xu hướng "trò chơi" hóa thế giới đặt ra ba yêu cầu: có bạn chơi, có đồ chơi, có luật chơi. Với nhãn quan vạn vật bằng hữu, trẻ có khả năng biến tất cả thành bạn, bạn chơi có thể là con người, có thể là những sự vật, hiện tượng không phải là người... Đồ chơi của trẻ có thể hữu hình (bập bênh, cá ngựa…), có thể vô hình (vần, nhịp, ngôn ngữ). Luật chơi do trẻ đặt ra có tính hồn nhiên, ngẫu hứng, trò chơi do hứng cuốn theo. Nhìn chung, tất cả những gì trang nghiêm, nặng nề, nghiêm túc đều trở nên nhẹ nhàng, có thể trở thành thế giới chơi của trẻ nhỏ: "Vừa hát vừa bày trò, là chơi. Và, lang thang trong vần điệu, là chơi. Lang bang trong tiết tấu, là chơi. Lông bông trong liên tưởng, là chơi. Phiêu lưu trong tưởng tượng, là chơi. Tinh nghịch, đùa giỡn trong chữ nghĩa, là chơi. Trêu tròng, quậy quấy trong giọng điệu, là chơi... Thơ phải là cuộc chơi hồn nhiên của mĩ cảm" [Xem 128]. Theo chúng tôi, thơ thiếu nhi hiện đại vận dụng xu hướng này của tư duy đồng dao qua việc thiết kế, tạo lập một số mô hình trò chơi như trò chơi vận động, trò chơi trí tuệ, trò chơi từ ngữ.

3.3.1. Trò chơi vận động

Xét ở phương diện chức năng, đồng dao và trò chơi dân gian trước hết chính là một cách rèn luyện thân thể để trẻ khỏe mạnh, hoạt bát. Nhiều trò chơi đòi hỏi trẻ mạnh mẽ, nhanh chân, nhanh mắt, nhanh miệng. Trẻ phải có sức khỏe mới có thể vui chơi và ngược lại, các trò chơi khiến cho trẻ thêm mạnh khỏe và năng động như *Rồng rắn lên mây, Bịt mắt bắt dê, Chi chi chành chành, Thả đỉa ba ba, Nu na nu nống*... Trò chơi dân gian bao giờ cũng đòi hỏi trẻ vận động tối đa năng lực của chúng, vì vậy nó chính là đòn bẩy để tăng cường thể lực, giúp trẻ trở thành người lao động khỏe và giỏi.

Trong thơ thiếu nhi, bạn đọc có thể bắt gặp mô hình trò chơi vận động như thế trong những bài thơ tiêu biểu như *Nhảy dây*, *Chơi ú tim*, *Thả diều* (Phạm Hổ), *Đánh trận giả*, *Nhảy dây*, *Đu quay*, *Chồng nụ chồng hoa*, *Cờ tướng*, *Trốn tìm*, *Đu bay*, *Đi trốn đi tìm*, *Bầy ngựa nhà mẫu giáo* (Định Hải), *Mời chơi* (Lữ Huy Nguyên), *Trò chơi trận đánh* (Trần Ngọc Tảo), *Chơi cá ngựa* (Nguyễn Hồng Kiên), *Trò chơi*, *Đánh yến*, *Tung còn*, *Con quay* (Dương Thuấn), *Bập bênh* (Nguyễn Lãm Thắng)...

Trong số các nhà thơ thiếu nhi, Định Hải là một trong những cây bút vận dụng mô thức trò chơi của đồng dao khá nhuần nhụy. Ông thực sự đã hóa thân thành trẻ nhỏ, cùng các em *Đánh trận giả*, *Nhảy dây*, *Đu quay*, *Chồng nụ chồng hoa*, *Trốn tìm*... Những trò chơi cũng là những kỉ niệm của thời thơ ấu hồn nhiên, sẽ đi theo các em trong suốt cuộc đời.

Đây là trò đánh trận giả vô cùng hấp dẫn: *"Trận đánh đã bắt đầu/ Quân ta ào lên trước/ Một tên giặc ngã nhào/ "Chết" rồi không dậy được"*. Trò chơi kết thúc thật bất ngờ như sự hồn nhiên, đáng yêu con trẻ: *"Thằng giặc cuống cả chân/ Nhăn nhó kêu rối rít:/ Đồng ý là tao "chết"/ Nhưng đây... tổ kiến vàng"* (Đánh trận giả - Định Hải).

Trò chồng nụ chồng hoa cũng khiến trẻ tham gia thích thú không kém: *"Chồng chồng nụ/ Chồng chồng hoa/ Cao cao là/ Ai nhảy nhỉ?/ Chồng chồng hoa/ Chồng chồng nụ/ Cao cao lắm/ Cũng vượt qua"* (Chồng nụ chồng hoa - Định Hải). Thể thơ ba chữ kết hợp biện pháp điệp ngữ, nhịp thơ nhanh, mạnh, khỏe khoắn gợi nhắc lời đồng dao vui nhộn *"Giã chày một/ Hột gạo vàng/ Giã chày đôi/ Dôi thóc mẩy..."*. Trong vui chơi, phải chăng lời thơ, nhịp thơ cũng đã chắp cánh thêm cho niềm vui tâm hồn, cho trí tưởng tượng của các bé thăng hoa cùng với sự phát triển tư duy, ngôn ngữ.

Hình ảnh chiếc dây quay từng vòng, những đứa trẻ với đôi chân nhịp nhàng và tiếng cười vang giòn giã đã trở thành hình ảnh đẹp của tuổi thơ. Nhìn các em bé vui vẻ nhảy dây, ta như bắt gặp lại thời thơ ấu của mình: *"Nào cầm dây/ Quay từng vòng/ Em vào trong/ Cùng bạn nhảy/ Một hai ba/ Năm sáu bảy/ Đều chân nhảy/ Dẻo tay quay"* (Nhảy dây - Định Hải).

Mời chơi của Lữ Huy Nguyên gồm mười khổ thơ, tái hiện chín trò chơi hấp dẫn. Bằng lời mời gọi thân tình, Lữ Huy Nguyên dẫn dắt trẻ thơ đến với từng trò chơi cụ thể trong niềm vui náo nức: *"Này trò đi trốn/ Là phải nhanh chân/ Nấp xa*

nấp gần/ Cốt sao cho kín/ Bây giờ giao hẹn/ Sang trò nhảy dây/ Rún ra rún rẩy/ Nhớ đều tay quay...”. Còn biết bao trò chơi dân gian nữa như kéo co, bịt mắt bắt dê, nu na nu nống... lần lượt hiển hiện trên trang giấy với không khí sôi nổi, rộn rã tiếng cười. Thế giới trò chơi ấy sẵn sàng mở rộng cánh cửa đón chờ thêm nhiều người bạn: *“Còn nhiều trò nữa/ Bạn đến cùng chơi/ Ai lại từ chối/ Khi được chào mời”*.

Nhân ngày tết đến xuân về, Nguyễn Hồng Kiên mời gọi các bạn nhỏ cùng mình tham gia *Chơi cá ngựa*. Bài thơ với nhịp nhanh, thể thơ ba chữ ngắn gọn đặc trưng của đồng dao cuốn hút bạn đọc hòa nhập vào không khí sôi nổi khiến cuộc chơi hứng khởi, quyết liệt như đang hiển hiện trước mắt: *“Đủ bốn cửa/ Ngựa sóng hàng/ Đứng dậm chân/ Chờ đến lượt.../ Đỏ ra trước/ Chạy như bay/ Trắng đuổi ngay/ Vàng bám riết/ Xanh cáu tiết/ Đá lung tung/ Đỏ càng hăng/ Phi càng khỏe...”*.

Là người thể hiện thành công mảng đề tài miền núi, Dương Thuấn cũng góp cho vườn thơ thiếu nhi bức tranh sinh động về cuộc sống vùng cao. Đẹp nhất là khi mùa xuân đến, bản làng tạm gác sự bận rộn của công việc đời thường, dành thời gian cho những trò chơi dân gian thú vị như đánh yến, tung còn, chơi quay: *“Tết đến rồi! Mùa xuân/ Nhiều trò chơi vui quá/ Đám chơi bịt mắt bắt dê/ Đám thì chơi đánh yến/ Đám cùng thi bắn nỏ/ Đám ngồi chơi lày cỏ/ Đám thì chơi đánh quay/ Đám thì chơi bập bênh/ Người lên thì núi xuống”* (Trò chơi). Một thế giới trò chơi phong phú, hấp dẫn, đậm sắc màu văn hóa xứ Tày Bắc Kạn được Dương Thuấn khéo léo giới thiệu, khơi gợi sự tò mò, thích thú cho mọi người.

Trong nhận thức của các em nhỏ miền núi, trò chơi dân gian luôn gắn liền với những lễ hội tưng bừng, rộn rã. Đặc biệt, Tết đầu năm là những ngày họ chào đón xuân mới trong không khí náo nức, rộn ràng trong tiếng hò reo của đám đánh quay, ném pao, ném còn, đánh yến, múa khèn... Đó là những trò chơi mà người tham gia chủ yếu là thanh niên và người lớn. Các em nhỏ tham gia với tư cách người xem, người cổ vũ. Riêng chơi quay, các em được thỏa thích thể hiện sự nhanh nhẹn, khéo léo, linh hoạt và niềm vui trọn vẹn của mình: *“Con quay trong cổ tích/ Quay.../ Lệch bầu trời/ Tiếng cười nghiêng ngả/ Con quay trong tay em/ Quay...* (Con quay). Nghệ thuật điệp từ góp phần diễn tả niềm say sưa bất tận, thể hiện sức hấp dẫn đặc biệt và sự thu hút của trò chơi: *“Người tụm đông như lá/ Niềm vui đầy hai tay”*.

Dương Thuấn còn miêu tả trò *Đánh yến*, *Tung còn*, *Bubi... chichooc...* với tất cả yêu thương, trân trọng những kỉ niệm, những khoảnh khắc của tuổi thơ. Mỗi bài

thơ là một bức tranh vẽ mỗi trò chơi dân gian bằng đôi mắt thuần khiết và tinh thần nâng niu những giá trị văn hóa truyền thống. Trẻ thơ đến với những trò chơi đó đồng nghĩa với việc các em bắt đầu gia nhập vào cuộc sống chung rộng lớn, vào những sinh hoạt cộng đồng của quê hương một cách tự nhiên.

Trẻ em luôn giàu có về tưởng tượng. Bởi vậy, trò chơi vận động còn có một ý nghĩa tích cực khác, đó là giúp các em phát huy trí tưởng tượng, sự khéo léo của bản thân. Nội dung này được thể hiện trong một số bài thơ như *Thuyền giấy, Những món đồ chơi* (Phạm Hổ), *Trâu lá đa* (Lữ Huy Nguyên), *Củ khoai nghệ* (Trần Nguyên Đào)...

Phạm Hổ tái hiện không gian những năm tháng chiến tranh sơ tán với những đồ chơi tự tạo từ sự khéo léo của đôi tay trẻ thơ: "*Một ống tre con/ Kéo làm xe chạy/ Chiếc lá mít vàng/ Buộc làm cá quẫy/ Nhìn xe nhìn cá/ Em cười vỗ tay/ Yên lòng cha mẹ/ Đào hầm đánh Tây*" (Những món đồ chơi).

Từ chiếc lá đa quen thuộc, trẻ em có thể mang đến niềm vui cho chính mình: "*Lá đa rụng/ Bên bờ ao/ Em biến chúng/ Thành đàn trâu/ Trâu lá đa/ Bé tí tẹo/ Cuống xỏ sẹo/ Sợi rơm mùa*" (Trâu lá đa - Lữ Huy Nguyên). Chỉ là trò chơi nhưng tâm hồn các em vô cùng hòa nhập, tưởng tượng mình là bác nông dân đang điều khiển đàn trâu thật trên cánh đồng: "*Em lật đật/ Vực trâu cày/ Cỏ may dày/ Chớ rối mắt/ Sang luống cày/ Vắt! Vắt! Vắt!*" (Trâu lá đa - Lữ Huy Nguyên). Củ khoai nghệ cũng được sáng tạo, biến hóa thành đàn trâu ngộ nghĩnh: "*Củ khoai nghệ/ Mập mập ghê/ Cắm bốn que/ Thành con nghé/ Em yêu thế/ Chẳng ăn đâu/ Nuôi thành trâu/ Cày giúp mẹ*" (Củ khoai nghệ - Trần Nguyên Đào). Với những vật liệu thông thường, trẻ em đã tự sáng tạo ra thế giới trò chơi của riêng mình, người lớn khó mà tưởng tượng được.

Mô hình trò chơi vận động không chỉ gắn với mục đích phát triển thể chất mà còn góp phần làm giàu có tâm hồn trẻ thơ. Hình thức này khiến trò chơi có sự kết hợp giữa nét ngây thơ, hồn nhiên với những ý tứ sâu sắc của bài học làm người. Hạt nhân hát và chơi của đồng dao vận động trong một cấu trúc mới. Ví dụ: *Mẹ, mẹ ơi, cô bảo* (Phạm Hổ), *Rồng rồng rắn rắn* (Định Hải), *Bé thành phi công* (Vũ Duy Thông), *Nu na nu nống* (Vi Thùy Linh), *Nu na nu nống* (Phạm Xuân Nguyên)...

Qua trò chơi dung dăng dung dẻ, Định Hải đã đưa đến cho các em bài học bổ ích về an toàn giao thông: *"Dung dăng dung dẻ/ Vui vẻ đi chơi/ Đèn đỏ báo rồi/*

Bạn chờ tí nhé!/ Dung dăng dung dẻ/ Vui vẻ đi chơi/ Đèn xanh đã mời/ Bạn ơi, đi nhé!" (Đèn đỏ, đèn xanh - Định Hải).

Trò nu na nu nống vui nhộn gắn bó với tuổi thơ của biết bao đứa trẻ nhưng qua thơ Vi Thùy Linh bỗng trở nên mới lạ bởi ý nghĩa cao đẹp đan cài trong đó: *"Nu na nu nống/ Trái Đất nằm trong/ Trẻ em quay vòng/ Nối liền thế giới/ Mùa đông thật ấm/ Noel cho em/ Noel lung linh/ Bính boong náo nức/ Xoa dịu đớn đau/ Vỗ về thiếu thốn/ Xua tan tủi sầu..."* (Giáng sinh con). Có thể nói, cảm xúc thơ ở đây đã lựa chọn được một hình thức biểu hiện thật phù hợp. Vi Thùy Linh mượn trò chơi đồng dao, kín đáo mang đến cho trẻ suy nghĩ về một khát vọng nhân văn: khát vọng về thế giới hòa bình, hạnh phúc cho trẻ em trên toàn thế giới.

Tương tự Vi Thùy Linh, trò chơi *Nu na nu nống* trở thành cảm hứng để Phạm Xuân Nguyên viết *Đồng dao biển cả*. "Chơi" nhưng cũng chính là để biết yêu mến, trân trọng, giữ gìn và bảo vệ biển đảo quê hương. Một vấn đề tưởng trừu tượng, khó diễn đạt với đối tượng trẻ thơ nhưng qua lời thơ mộc mạc, dung dị đặt trong hình thức trò chơi đã trở nên dễ thấm, dễ hiểu hơn rất nhiều: *"Nu na nu nống/ Đánh trống phất cờ/ Biển cả xa bờ/ Có hai quần đảo/ Hoàng Sa, Trường Sa/ Tên gọi thiết tha/ Trong lòng dân Việt/ Từ bao đời qua/ Thuyền ai đi qua/ Tàu ai đi lại/ Tất cả mãi gọi/ Hoàng Sa, Trường Sa/ Nu na nu nống/ Nu nống nu na"*.

Nhìn chung, những bài thơ trong dạng thức mô tả trò chơi vận động vừa mang đến cho các em niềm vui hoạt động, rèn luyện thể chất vừa đan cài ý nghĩa mới mẻ được gài lồng trong những hình ảnh đẹp, trong cách nói nhẹ nhàng.

3.3.2. Trò chơi trí tuệ

Đồng dao gắn với khát vọng hiểu biết, học hỏi, mở mang trí tuệ của trẻ em. Trong đồng dao, có một bộ phận đặc biệt, mang tính chất khoa học thường thức rất phù hợp và cần thiết đối với sự phát triển tư duy trẻ nhỏ. Loại đồng dao này tương đối dài, mỗi bài hàng hai, ba mươi câu như những bài kể chuyện chim, cá, hoa, quả... Có những bài đồng dao gắn với trò chơi nhưng không phải chỉ để chơi mà còn để học. Từ xưa, ông cha ta đã biết khéo léo xen cài tư tưởng giáo dục trong những trò chơi của trẻ. Bên cạnh việc dạy trẻ nhận thức chính xác sự vật, những câu đồng dao nói ngược còn thử thách sự năng động trí tuệ, chẳng hạn*: "Non cao đầy nước/ Đáy biển đầy cây/ Dưới đất lắm mây/ Trên trời có cỏ..."*. Nhiều bài đồng dao là

những bài dạy trẻ tập đếm, làm tính cộng, trừ như *Rềnh rềnh ràng ràng*, *Chuyền thẻ*, *Đếm sao*... Tâm lí học hiện đại cũng chỉ ra rằng: "Đối với trẻ em, phân biệt chơi và làm là một sai lầm. Phương pháp giáo dục hoạt động noi theo luật sinh trưởng tự nhiên của tâm thể, dựa vào những trò chơi, bày ra những *trò dạy*, biến trò chơi thành bài học, làm cho sự học tập vừa vui thú, vừa có kết quả" [170, 64]. Như một cuộc chạy tiếp sức, sự trở lại quen mà lạ của hình thức *chơi mà học, học mà chơi* này vẫn tiếp tục tạo nên một sức sống trong thơ thiếu nhi hiện đại.

Nhà thơ Hoài Khánh cho rằng: "Thơ mang hình thức càng giống đồng dao càng tốt" [Dẫn theo 161]. Kiểu kết cấu lặp, kết cấu vòng tròn, đối đáp... cùng cấu trúc câu thơ ngắn chỉ có hai, ba, bốn, chữ một dòng... là những đặc trưng của dạng thức thơ thiếu nhi in đậm dấu ấn đồng dao. Thậm chí ở một số bài, dấu ấn đó thể hiện ngay từ cách đặt tên tác phẩm như *Đồng dao về củ* (Vương Trọng), *Đồng dao* (Lê Thị Năm), *Đồng dao* (Đặng Huy Giang), *Đồng dao về quả* (Nguyễn Thị Thủy)...

Mượn hình thức trò chơi, thơ thiếu nhi truyền tải hiệu quả đến trẻ những kiến thức cơ bản về tự nhiên - xã hội. Trong âm điệu vui tươi quen thuộc của trò chơi dung dăng dung dẻ, Đặng Huy Giang gây ấn tượng đặc biệt hứng thú: *"Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ đi chơi/ Mở cửa tìm người/ Thuở nao thuở nào/ Hỏi thăm cây gáo/ Cây gáo rắc hoa/ Hỏi thăm tre ngà/ Tre ngà đỏ lá/ Tháng ba mưa gió/ Cái rét nàng Bân…"* (Đồng dao).

Lời thơ gần gũi, mộc mạc thể hiện thái độ ân cần của một người lớn đang muốn chỉ cho các em thấy muôn điều kì diệu của tự nhiên từ *Cây gáo rắc hoa, Tre ngà đỏ lá* đến cái rét tháng ba đặc trưng của đồng bằng Bắc Bộ. Kết cấu vòng tròn gợi cảm giác mọi vật trong thế giới này không có gì là tuyệt đối mà tất cả đều có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng tồn tại và phát triển, nối kết nhau trong nụ cười ngộ nghĩnh của bé thơ.

Trong âm điệu vui tai rềnh rềnh ràng ràng của đồng dao thuở nào, Nguyễn Thị Thủy lại mở ra trước các em thế giới của biết bao loại quả: *"Rềnh rềnh ràng ràng/ Đi chợ mua hàng/ Tìm các loại quả/ Quả dứa, quả xoài/ Quả mai, quả mận/ Ăn thì chua chua/ Ngọt mát cũng vừa/ Là quả đu đủ/ Vỏ xanh ruột đỏ/ Là quả dưa hấu/ Đem mang xào nấu/ Là trái su su..."* (Đồng dao về quả).

Ẩn trong trò chơi mua bán hàng quen thuộc, *Đồng dao về quả* giúp các em nhận biết được rất nhiều loại quả qua đặc điểm phổ biến dễ nhận dạng của chúng.

Thật thú vị khi các em phát hiện sự đa dạng của tự nhiên: cùng là quả nhưng thứ thì ngọt, thứ lại chua, có quả để xào nấu nhưng có quả lại để làm rau ghém canh chua… Bằng lối liệt kê và mô tả của đồng dao, những tri thức khoa học đơn giản đã được truyền đạt một cách dễ hiểu, có hiệu quả nhất đến trẻ.

Các loại củ cũng nhờ đồng dao mà đi vào nhận thức của trẻ thật sinh động: *"Ngồi chơi trên đất/ Là củ su hào/ Tập bơi dưới ao/ Đen sì củ ấu/ Không cần phải nấu/ Củ đậu mát lành/ Lợn thích củ hành/ Chó đòi riềng sả…"* (Đồng dao về củ - Vương Trọng).

Cái hay của bài thơ là những liên tưởng thật bất ngờ, kích thích trí tò mò, ưa khám phá của trẻ em. Cách diễn đạt gần gũi, dí dỏm với lớp từ tượng hình khiến sự vật được miêu tả tồn tại trong trạng thái động thật vui mắt: củ chơi trên đất, củ bơi dưới ao… tinh nghịch, hồn nhiên như trong một cuộc chơi đầy tiếng reo cười. Đọc những bài thơ trên, ta thấy phảng phất bóng dáng của những bài vè rau, vè quả trong đồng dao dân gian.

Như vậy, sự kết hợp tự nhiên giữa yếu tố *chơi* và *học* không những giúp trẻ có những phút giây thư giãn mà còn mang đến những hiểu biết thú vị, thúc đẩy trẻ say mê khám phá thế giới kì diệu xung quanh. Hình thức trò chơi của đồng dao khiến kiến thức được truyền đến trẻ không nặng nề theo kiểu áp đặt mà dễ hiểu, dễ nhớ. Nói như M. Gorki thì "cái khuynh hướng đó như là một phương tiện, một sự bảo đảm chống lại tính chất nguy hiểm làm cho trẻ con khô khan bởi tính nghiêm nghị" [95, 58]. Ngay kiến thức toán học vẫn bị coi là khô cứng cũng trở nên linh hoạt hơn trong hình thức này. *Từ không (0) đến mười (10)* (Phạm Hổ), *Làm quen với số* (Vương Trọng), *Bé học toán (*Thu Huyền), *Tập đếm (*Vương Đình Sâm)… có thể xem là những dẫn chứng tiêu biểu. Vần điệu nhịp nhàng giúp trẻ vừa nô đùa vừa học:*"**Một** cái kéo/ **Hai** cái ca/ Thìa có **ba**/ Mũ **bốn** cái/ Bé lại đếm/ **Năm** con chim/ Bé đếm tìm/ Con số **sáu**/ **Bảy** dưa hấu/ **Tám** ô tô/ Bé tập tô/ Tập viết số/ Có ai đố/ **Chín** quả xoài/ Đếm không sai/ **Mười** con vịt/ Thật là thích/ Mười số thôi/ Mà đồ chơi/ Nhiều vô kể"* (Bé học toán - Thu Huyền).

Những con số một, hai, ba, bốn… dường như không còn vô tri vô giác nữa mà xúm xít đùa vui trong nhịp điệu rộn ràng của thể vãn ba. Những món đồ gắn bó với trò chơi con trẻ bỗng chốc gắn kết lại thành bài học đếm thật vui và bổ ích giống

như không khí vui tươi của trò chuyền thẻ ngày xưa: *"Cái **mốt**/ Cái mai/ Con trai/ Con hến/.../ Chuột chít/ Lên bàn đôi/ **Đôi** tôi/ **Đôi** chị/ **Đôi** cái bị/ **Đôi** cành hoa..."*. Khai thác hình thức *chơi mà học, học mà chơi* qua mô hình trò chơi trí tuệ của đồng dao, thơ thiếu nhi hiện đại đã có nhiều tác phẩm thành công nhờ biết cấu trúc linh hoạt theo nội dung cảm xúc và tư tưởng của con người hiện đại.

Trẻ thơ luôn có nhu cầu khám phá thực tế và lí giải hiện thực xung quanh. Nhưng khác với người lớn, cái các em thực sự cần là thứ tri thức được đúc rút từ linh hồn sống động của hiện thực chứ không phải những tri thức khô khan, giáo điều. *Nắm bắt được tâm lí đó, nhiều nhà thơ đã tìm cách nâng nội dung giáo dục trên đôi cánh của hình thức chơi mang tầm trí tuệ.*

Bài học chữ Y của Đặng Hấn được gửi gắm trong hình ảnh cây cầu quen thuộc của quê hương: *"Cầu nào cũng chữ I/ Nhưng chỉ là I ngắn/ Cầu quê em lạ lắm/ Giống hệt chữ Y dài"* (Cầu chữ Y). Bài thơ giúp trẻ có một phát hiện thú vị về cây cầu quê mình qua một liên tưởng bay bổng: *"Ôi! Người đi trên chữ/ Chữ nâng người lên cao"*. Trẻ thơ tuy bé bỏng nhưng tâm hồn chúng là bể rộng mênh mông. Có thể từ một trò chơi, một cái nhìn cũng lóe sáng lên một bài học đầy ý tưởng.

Qua phân tích ở trên, có thể thấy thơ thiếu nhi hiện đại đã có sự học tập và làm mới hình thức *chơi mà học, học mà chơi* vốn là ưu thế của đồng dao. Đây không chỉ là sự phát huy nguồn cội văn học dân tộc mà còn có ý nghĩa như một sự thức nhận: làm sao đưa thơ về gần hơn với tuổi thơ. Với hình thức này, trí tưởng tượng của trẻ, nhận thức của trẻ được nâng đỡ bằng niềm hưng phấn chơi đùa thoải mái. Mỗi bài thơ như một trò vui để các em "chơi với nó mà không chán, không sợ nó" (Trần Quốc Toàn).

3.3.3. Trò chơi từ ngữ

Đồng dao do trẻ em trực tiếp lưu truyền và diễn xướng. Bên cạnh những bài đồng dao phục vụ "trẻ em chơi", có một bộ phận đồng dao để "trẻ em hát" (không kèm trò chơi). Nhưng ngay khi không có trò chơi đi kèm, những bài hát ấy vẫn mang đến không khí sôi nổi, vui vẻ, được trẻ yêu thích. Ví dụ: *"Con gà cục tác lá chanh/ Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi/ Con chó khóc đứng khóc ngồi/ Bà ơi đi chợ mua tôi đồng riềng"*. Rõ ràng, bài đồng dao này không phải để tổ chức một trò chơi cụ thể nào nhưng nhờ ngôn ngữ miêu tả sinh động, vẫn cuốn hút các em. Các con vật hiện

lên ngộ nghĩnh, đáng yêu với những âm thanh sống động, hội tụ đầy đủ tính cách của trẻ thơ: khóc đòi, giận dỗi... Hay những bài vè về các loài chim, loài cá, loài hoa... dù không "chơi" nhưng vẫn mang đến niềm vui hứng khởi. Theo chúng tôi, đây là hình thức chơi đặc biệt bởi nó dựa trên sự linh hoạt, gợi hình của ngôn ngữ, âm điệu. Trong trường hợp này, ngôn từ hay nhịp điệu có thể coi là thứ "đồ chơi" vô hình của trẻ.

Thơ thiếu nhi hiện đại cũng có nhiều bài được sáng tác theo hình thức này. Trong chừng mực nhất định, các tác giả cố gắng "vượt khỏi cấu trúc chuẩn mực của ngôn ngữ để đi vào những kết hợp mới, tự do, mang tính thẩm mĩ" [Dẫn theo 48, 6]. Có thể khảo sát nội dung này qua một số bài thơ tiêu biểu như: *Mời vào* (Võ Quảng), *Lời*, *Chuyện vui về cá*, *Chân nào tài nhất*, *Chẳng phải chuyện đùa* (Quang Huy), *Kể em nghe chuyện cá* (Nguyễn Duy Quế), *Hay hát đồng dao* (Nguyễn Lãm Thắng), ...

Trò chơi từ ngữ có thể được cấu trúc dựa trên hiện tượng từ đồng âm. Chẳng hạn, trong *Chẳng phải chuyện đùa*, Quang Huy dựa vào hiện tượng từ đồng âm khác nghĩa giúp rèn luyện tư duy ngôn ngữ cho các em từ những phản đề: *"Cái chai không đầu/ Mà sao có cổ/ Bảo rằng ngọn gió/ Thì gốc ở đâu/ Răng của chiếc cào/ Làm sao nhai được/ Mũi thuyền rẽ nước/ Thì ngửi cái gì/ Cái ấm không nghe/ Sao tai lại mọc/ Ở trong chiếc bút/ Lại có ruột gà..."*. Thể bốn chữ quen thuộc, nhịp kể đều như hình thức đồng dao nhưng ý tưởng của nhà thơ lại rất mới mẻ. Từng câu thơ gối lên nhau như những câu hỏi không bao giờ dứt, hé mở cho trẻ em bao điều kì thú từ những sự vật tưởng như đã quá quen thuộc với mình. Và rất tự nhiên, lời thơ có tác dụng như chất men kích thích, thôi thúc các em đến với sự say mê tìm hiểu lí do của những sự thực tưởng như trái ngược kia.

Trò chơi từ ngữ có thể dựa trên hiện tượng chơi chữ bằng phương tiện cùng âm. Một số bài thơ như *Chuyện vui về cá* (Quang Huy), *Kể em nghe chuyện cá* (Nguyễn Duy Quế) sử dụng hình thức này. Các tác giả dựa vào tên gọi của sự vật, hiện tượng để đưa ra cách định nghĩa độc đáo, dễ hiểu với trẻ em. Tác giả căn cứ vào một thành tố cùng âm trong cấu trúc tên gọi của sự vật với một hiện tượng của cuộc sống nhằm tạo ra liên tưởng bất ngờ. Chẳng hạn:

-*"...Sạn ngấm sạn ngầm/ Là con cá Nhám/ Giúp người chống hạn/ Là con cá Mương/ Vuông như cái rương/ Là con cá Tráp/ Bay trước lớp học/ Là con cá cờ..."* (Chuyện vui về cá - Quang Huy).

- *"...Học hành chẳng thích/ Là tụi cá Chuồn/ Chặt cây phá vườn/ Là con cá Rựa/ Trình bày nham nhở/ Là chú cá Bôi/ Chẳng chịu vâng lời/ Là thằng cá Ngạnh.."*. (Kể em nghe chuyện cá - Nguyễn Duy Quế).

Lời thơ gợi nhớ đến đồng dao: *"Vừa đi vừa cúi/ Là con cá còm/ Hay nói làm nhàm/ Là con cá gáy/ Vừa trốn vừa chạy/ Là con cá chuồn/ Cứ viết lách luôn/ Là con cá chép"*.

Thể thơ bốn chữ kết hợp lối kể "xâu chuỗi" tạo âm hưởng vui vẻ, rộn ràng, nôm na, ngộ nghĩnh khi đọc hoặc hát bài ca lên thành lời. Đó là cách thể hiện rất gần với khẩu ngữ tự nhiên, gần gũi với đời sống, với sinh hoạt hằng ngày và cách "bi bô tập nói" của trẻ em đồng thời dễ thuộc dễ nhớ, phù hợp tâm lí trực quan sinh động của tuổi thơ.

Xét về phương diện ngữ nghĩa, hầu hết tên cá được giới thiệu trong hai bài thơ trên đều chứa đựng hơn một nghĩa hoặc gợi nên một nghĩa gì đó khác. Chẳng hạn, tính lười học, trình bày nham nhở... là đặc điểm của con người, không liên quan đến đặc điểm của các loài cá nhưng lại được đem ra gán cho cá. Con cá cờ không thể bay, con cá tráp cũng không có hình vuông... Như vậy, tiêu chí lựa chọn ở đây không phải là cá gì mà là ở ý nghĩa và âm hưởng của mỗi tên cá, từ ngữ để gọi tên loài cá ấy gợi điều gì đó thú vị và điều thú vị này được coi như mục đích quan trọng số một. Các từ ngữ chỉ tên cá đều được liên hệ với sự vật, hiện tượng được gọi bằng từ ngữ đồng âm với chúng. Điều được liên hệ đến này biến thành một lời giới thiệu ngộ nghĩnh, đặt vào cấu trúc ngữ pháp thống nhất. Ở đây, chưa bàn đến vấn đề đúng sai của nội dung, quan trọng hơn, cho ta thấy sự phong phú, đa dạng của Tiếng Việt. Bài thơ vừa giống bài hát vui giúp trẻ mở rộng nhận thức vừa là trò chơi thú vị kích thích trí tuệ, phát triển tư duy logic, khả năng liên tưởng, khả năng sử dụng từ ngữ cho trẻ.

Trò chơi từ ngữ cũng có thể dựa trên cách cấu trúc bài thơ giàu vần nhịp, trẻ có thể vừa đọc vừa vui chơi nhảy múa. Với các em, có lẽ không gì hấp dẫn hơn là được vừa hát vừa chơi để không khí thêm vui vẻ, tưng bừng, chơi hoài không chán. Một số bài thơ của Phạm Hổ như *Na*, *Ổi*, *Củ cà rốt*, *Bắp cải xanh*... có âm hưởng như một bài hát đồng dao trong cuộc chơi: "*Na non xanh*/ *Múi loắt choắt*/ *Na mở mắt*/ *Múi na to*/ *Na vào vò*/ *Đua nhau chín*..." (Na), "*Bắp cải xanh*/ *Xanh mát mắt*/ *Lá cải sắp*/ *Sắp vòng tròn*/ *Búp cải non*/ *Nằm ngủ giữa*" (Bắp cải xanh)...

Dựa trên âm điệu rộn rã của bài đồng dao "*Xỉa cá mè/ Đè cá chép …*", bài thơ *Mời vào* được Võ Quảng đan dệt từ những hình ảnh sinh động nghe thật vui tươi:

Cốc, cốc, cốc	*- Cốc, cốc, cốc*	*- Cốc, cốc, cốc*
- Ai gọi đó?	*- Ai gọi đó*	*- Ai gọi đó*
- Tôi là Thỏ	*- Tôi là Nai?*	*- Tôi là Vạc?*
- Nếu là Thỏ	*- Thật là Nai*	*- Đúng là Vạc*
- Cho xem tai	*Cho xem gạc*	*Cho xem chân*

Ba khổ thơ nối tiếp như những phân cảnh trong trò chơi ú tim, ngắt nhịp tương ứng với nhịp của động tác, qua đó các em có thể vừa nghe vừa hình dung ra các con vật với những hình ảnh tiêu biểu nhất của nó: con Thỏ thì vểnh cái tai, con Nai thì vênh bộ gạc, Vạc khoe chân dài. Tất cả hợp lại tạo nên bức tranh cuộc sống sinh động, kích thích sự tìm tòi, khám phá của các em.

Trong *Hay hát đồng dao* (Nguyễn Lãm Thắng), các con vật bình thường vô tri vô giác bỗng trở thành anh em, bạn bè, cùng hát, cùng vui với các em. Thế giới được hình dung như một cuộc chơi của các hiện tượng, cá thể ở trong đó. Các em có thể nắm tay nhau chạy vòng quanh vừa vui đùa vừa hát như cách diễn xướng đồng dao thuở xưa: *"Hay ưa gặm cỏ/ Là bò với trâu/ Hay tắm ao sâu/ Mẹ con nhà vịt/ Hay kêu ríu rít/ Là chú chim non/ Hay khoe mắt tròn/ Là anh mèo mướp/ Hay đi đến lớp/ Là bạn sáo nâu..."*. Thiết nghĩ, những trò chơi dưới vỏ ngôn từ và kết cấu dân gian như thế này nên được chú ý hơn nữa trong đời sống tinh thần trẻ thơ.

Xuất phát từ đối tượng tiếp nhận đặc thù là trẻ em nên người lớn không thể lấy mĩ cảm của mình làm thước đo chúng. Điều này thắt buộc người viết phải tìm được hình thức thể hiện sao cho hấp dẫn để tác phẩm văn học không phải ông thầy thuyết giáo mà như người bạn đồng hành với bạn đọc nhỏ tuổi. Việc kiến tạo thế giới từ "trò chơi", như "trò chơi" kế thừa từ đồng dao phần nào đáp ứng được yêu cầu đó, giúp người sáng tác tránh được lối viết sống sượng, gò ép. Các em đến với mỗi bài thơ như đến với một trò vui hấp dẫn. Thông qua trò vui đó, các em có thể làm giàu tri thức, ngôn ngữ, phát triển óc tưởng tượng mà không làm mất đi nét hồn nhiên, dí dỏm của tuổi thơ.

Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở tiếp thu cái nhìn, thế giới quan của đồng dao, thơ thiếu nhi hiện đại đã khắc họa nên bức tranh thế giới phong phú, nhiều màu vẻ. Trong thế giới đó, tất cả vạn vật đều được nhân cách hóa, có tiếng nói, có tâm hồn. Chúng đứng bên nhau, tương tác với nhau trên tinh thần bè bạn, trở thành bạn của trẻ thơ. Đặc biệt, trong khi miêu tả, các tác giả đã chuyển hóa đặc điểm nhận thức cũng như những nét tâm lý của trẻ em vào các đối tượng, mở ra cảm quan về thế giới trong sự gần gũi, đa dạng. Đó là thế giới vạn vật bằng hữu mang hơi thở ấu nhi, chưa bị chi phối bởi những quan niệm nhân sinh như người lớn. Thế giới ấy không tồn tại định kiến, sự phân biệt thứ bậc rạch ròi. Tất cả đều bình đẳng, gắn bó với nhau bằng tình thân ái.

Nguyên tắc ngẫu hứng, tự do vận dụng từ đồng dao đã giúp các tác giả tạo dựng thế giới trẻ thơ hồn nhiên, vô tư bằng chất liệu ngôn từ giản dị, hóm hỉnh và nhiều liên tưởng phong phú. Qua đó, đưa các em đến với những nhận thức mới mẻ về các sự vật, hiện tượng cũng như cuộc sống xung quanh một cách tự nhiên, hồn nhiên, không bị gò ép trong nội dung duy lý, giáo huấn.

Để tăng sức hấp dẫn và hiệu quả tiếp nhận của bạn đọc nhỏ tuổi, các mô thức trò chơi đồng dao đã được làm mới trong thơ thiếu nhi. Các em vừa được gia nhập vào không khí của cuộc chơi vừa được mở mang trí tuệ, bồi dưỡng tình cảm đạo đức cao đẹp thông qua các hình thức "chơi" hấp dẫn như trò chơi vận động, trò chơi trí tuệ, trò chơi từ ngữ. Có thể nói, các tác giả đã quan sát, miêu tả thế giới bằng chính đứa trẻ "ẩn" trong mình, sáng tạo nên những bài thơ gần gũi với đặc điểm tâm lí, tình cảm và tư duy của thiếu nhi.

Chương 4
TƯ DUY ĐỒNG DAO NHÌN TỪ SỰ KIẾN TẠO HÌNH THỨC NGHỆ THUẬT TRONG THƠ THIẾU NHI

Trên phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật, dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi được biểu hiện qua sự vận dụng một số yếu tố nổi bật như *thể thơ, vần, nhịp, kết cấu, ngôn ngữ*. Nếu thơ dành cho người lớn thường có khuynh hướng hàm ngôn, tạo sự đa nghĩa hay "khả giải bất khả giải" thì trong thơ viết cho thiếu nhi, những yếu tố nghệ thuật trên càng phải giản dị, gần gũi, giúp trẻ thơ dễ dàng hòa nhập vào thế giới hình tượng được miêu tả trong tác phẩm.

4.1. Thể thơ ngắn và trò chơi vần nhịp

Đại bộ phận đồng dao được làm theo thể thơ ngắn, xưa gọi là thể *vãn*, gồm *vãn hai* (hai chữ), *vãn ba* (ba chữ), *vãn bốn* (bốn chữ), *vãn sáu* (sáu chữ) và thể lục bát, phổ biến nhất là *vãn bốn* (bốn chữ). Về cơ bản, các câu trong bài đồng dao liên kết với nhau khá lỏng lẻo về nghĩa nhưng lại rất chặt chẽ về vần và nhịp. Đối với đồng dao, vần, nhịp giữ vai trò vô cùng quan trọng, vừa biểu thị cho đặc trưng nghệ thuật của thể thơ đồng dao vừa là phương tiện hỗ trợ đắc lực trong quá trình diễn xướng đồng dao. Trong thơ thiếu nhi hiện đại, thể thơ cùng cách gieo vần, ngắt nhịp của đồng dao rất được ưa chuộng. Đó không phải là biểu hiện của sự dễ dãi mà là sự tự ý thức sáng suốt của các nhà thơ: "Không phải các nhà thơ lớn tuổi hay các em không có thể, không biết sáng tạo các hình thức thơ khác cho mới lạ hơn mà chính tâm lí, sinh lí, cách tư duy thơ của các em đòi hỏi kiểu tổ chức bài thơ, nhịp thơ như vậy" [98, 57]. Nhà thơ Võ Quảng lại nhấn mạnh: "Thơ cho các em có thể có nhiều hình thức (…), mỗi câu từ hai chữ cho đến năm mười chữ (…). Nhưng điều cần chú ý là hình thức thơ cho các em nên dựa trên những hình thức vốn có của dân tộc" [145, 726]. Ở đây, chúng tôi xin đi vào ba thể thơ nổi bật nhất là thể hai chữ, ba chữ, bốn chữ cùng cách gieo vần, ngắt nhịp cụ thể.

4.1.1. Thể hai chữ

Xung quanh thể vãn hai, vãn ba của đồng dao còn tồn tại nhiều tranh cãi. Trong cuốn *Các thể thơ ca và sự phát triển của hình thức thơ ca trong văn học Việt Nam* [111], Bùi Văn Nguyên nhận xét câu thơ dân gian có hiện tượng "tổ hợp thể này với thể khác để hình thành ra một thể mới, rồi thể mới này lại tổ hợp một lần

nữa với một thể khác, để trở thành một thể mới hơn" [111, 31]. Vì thế, tác giả cho rằng thể hai chữ, ba chữ không phải là những thể thơ độc lập mà chỉ đóng vai trò tạo nên sự tổ hợp ở bậc thấp: hai chữ với hai chữ thành thể bốn chữ (ví dụ: *Bồ cu, bồ các/ Tha rác lên cây/ Gió đánh lung lay*...), ba chữ với ba chữ thành thể sáu chữ (ví dụ một số câu tục ngữ: *Ăn cơm mới, nói chuyện cũ* hay *Đói cho sạch, rách cho thơm*...). Thực tế này có thể hiểu được, nhất là thể hai chữ và thể bốn chữ dễ hòa lẫn vào nhau do cùng ngắt nhịp 2/2, cùng gieo vần chân và vần lưng. Thể ba chữ có tính độc lập cao hơn, dù có trường hợp được tổ hợp lại tạo thành thể sáu chữ thì cũng có nhiều bài đồng dao sáu chữ có thể đứng độc lập do các bài này ngắt nhịp 2/4, không ngắt nhịp 3/3 như *Con cò chết rũ trên cây, Con mèo mà trèo cây cau, Bồ các là bác chim ri*... Trên cơ sở đó, chúng tôi cho rằng thể *vãn hai, vãn ba* tuy xuất hiện không nhiều và đôi khi có độ "nhòe" ranh giới nhất định nhưng các thể này mang vẻ độc đáo riêng biệt, chỉ tồn tại duy nhất ở đồng dao (không có ở ca dao).

Theo nguồn tư liệu chúng tôi khảo sát, thể vãn hai xuất hiện trong đồng dao rất ít (7/567 ≈ 1,23 %), chủ yếu đan xen trong lời một số trò chơi như *Chuyền thẻ, Trồng chanh* hay trong những lời hỏi đáp vui nhộn, ví dụ: *"Bông chi?/ Bông bác/ Bác chi?/ Bác hùm...."*. Trong thơ thiếu nhi, thể thơ hai chữ được sử dụng khá rộng rãi. Chúng tôi thống kê được 33/600 bài (≈ 5,5 %) sử dụng thể thơ này. Xét về mặt tâm lý tiếp nhận, câu thơ ngắn tạo ngữ điệu đơn giản, dễ nhớ, dễ thuộc; giữa các câu có nhiều dịp nghỉ, phù hợp với nhịp nghỉ sinh lý khi thở của trẻ, giúp cho tư duy không mệt mỏi, các em có thể đọc liên tục, đọc đi đọc lại nhiều lần. Xét về mặt cấu tạo, thể hai chữ có hình thức ngắn gọn, nhịp thơ co giãn linh hoạt theo dòng cảm xúc, các câu thơ có tính tạo hình cao, bắt vần ôm quyện trong một dòng liên tưởng, phù hợp với việc thể hiện những dụng ý nghệ thuật khác nhau.

Một số tác giả khai thác ưu thế nhịp đôi trải đều nhằm miêu tả cụ thể trạng thái của sự vật, hiện tượng. Những bài thơ như *Tàu dài, Mưa* (Phạm Hổ), *Bài ca của gió* (Văn Biển), *Bươm bướm* (Lê Anh Sơn), *Tiếng ve* (Quang Huy), *Tiếng hót* (Vũ Ngọc Bình), *Giọt mưa* (Nguyễn Lãm Thắng)... tiêu biểu cho hình thức này.

Là người đặc biệt chú ý tới âm thanh, nhịp điệu trong thơ viết cho các em, Phạm Hổ thường mô phỏng tiếng kêu của những vật được miêu tả, tạo không khí vui tươi, rộn rã, giúp các em hình dung được nhiều động tác, hành động được miêu tả. Phạm Hổ từng tâm sự: "Tôi chú ý trong trò chơi chuyền của các em có một yếu

tố rất gợi cảm trong khi chơi. Đó là âm nhạc. Đó là nhịp điệu. Tiếng các que thẻ kêu lên khe khẽ khi được trải ra, khi reo lên ranh rách, vui vẻ, khi được các em múa, chuyền, nghe sao mà vui, mà hay. Nó gợi một cái gì thật náo nức, thật sôi nổi..." [145, 741]. Ví như, bài *Tàu dài* nhịp hai mô phỏng nhịp chạy đều đặn của đoàn tàu. Mặt khác, hình thức thơ hai chữ cũng rất giống một đoàn tàu kéo dài nhiều toa: *"Hai toa/ Ba toa/ Bốn toa/ Bé đếm/ Đếm mãi/ Tàu còn/ Trôi qua/ Bé đếm/ Còn đếm/ Đầu tàu/ Đã xa/ Đuôi tàu/ Rồng rắn/ Toa tàu/ Níu toa/ Kìa đạn/ Kìa gạo/ Ghé mắt/ Nhìn ra..."*. Hay bài *Mưa*, nhịp 2/2 kết hợp từ láy tượng thanh giúp ông tạo ra tính nhạc, gợi tả âm thanh tiếng mưa rơi cũng như sự quan sát thích thú của em nhỏ: *"Bé xòe/ Tay nhỏ/ Thò ra/ Ngoài trời/ Chanh chách!/ Chanh chách!/ Mát mát/ Êm êm/ Bao nhiêu/ Là hạt/ Đậu lòng/ Tay em!..."*.

Nguyễn Lãm Thắng vận dụng thể hai chữ gợi tả sinh động hình ảnh giọt mưa tinh nghịch trong những trạng thái khác nhau:*"...giọt mưa/ giọt múa/ nhảy trên/ cánh đồng/ giọt lội/ qua sông/ giọt trèo/ qua núi/ giọt băng/ qua suối/ giọt luồn/ qua bưng..."*. Nhịp thơ đều, chậm khiến các trạng thái của tuổi thơ và cảnh vật tương hợp nhau trong không gian êm đềm, thơ mộng: "*giọt mưa/ giọt hát/ tí tách!/ rào rào!/ giọt trước/ giọt sau/ giọt cao/ giọt thấp/ giọt ngà/ giọt ngọc/ cứ nối/ đuôi nhau...*" (Giọt mưa).

Một số tác giả mượn thể hai chữ của đồng dao nhưng lồng ghép trong đó hình ảnh mới của cuộc sống hôm nay nhằm cung cấp cho các em hiểu biết về một số sự vật, hiện tượng hoặc đưa đến cho trẻ nhận thức mới mẻ từ những điều giản dị hàng ngày. Có thể kể tới những bài thơ như *Củ cà rốt* (Phạm Hổ), *Đồng cỏ* (Võ Văn Trực), *Hạt mưa*, *Cái hôn* (Lâm Thị Mĩ Dạ), *Gốc mùa xuân* (Mai Ngọc Uyển), *Hạt thóc* (Nguyễn Đức Mậu), *Cây mít* (Vũ Ngọc Phác), *Tiếng gọi vịt* (Nguyễn Văn Chương), *Cái đuôi* (Đặng Hấn), *Chú dế đàn* (Trúc Chi)... Chẳng hạn, bài *Hạt thóc* của Nguyễn Đức Mậu đã tái hiện sống động đặc điểm cũng như quá trình sinh trưởng của những hạt thóc đồng thời gợi ra ý nghĩa sâu sắc: cây mạ bé nhỏ nhưng hàng triệu cây mạ bé nhỏ ấy tập hợp lại sẽ đủ sức phủ kín cả cánh đồng mênh mông: *"Thóc thành/ Cây mạ/ Màu xanh/ Kín đồng"*. Hay trong bài thơ *Cái hôn*, Lâm Thị Mỹ Dạ cấu trúc tứ thơ trên thể hai chữ ngắn gọn, nghe như lời nói tâm tình từ đó gợi tình cảm kín đáo, sâu xa. Bắt đầu từ câu hỏi của em bé: *"Trên má/ Của bé/ Có bao/ Cái hôn?"* tưởng

dễ mà rất khó trả lời. Bởi vì từng cái hôn thì đếm được: *"Cái hôn/ Của chị/ Cái hôn/ Của bà/ Cái hôn/ Của mẹ/ Cái hôn/ Của cha"* nhưng đếm rộng ra mãi thì không đếm xuể: *"Làm sao/ Đếm được/ Tình thương/ Con ơi!"*. Sự bao la của tình thương được thể hiện bằng nhịp điệu ngắn gọn, dồn dập của phép liệt kê.

Bên cạnh đó, thể hai chữ, nhịp thơ chậm rãi như lời kể chuyện tâm tình cũng rất phù hợp với việc thể hiện những chiêm nghiệm, suy tư một cách nhẹ nhàng. Bài thơ *Sen nở* của Phạm Hổ tiêu biểu cho dạng thức này: *"- Con ơi/ Sen nở/ Không như/ Cửa sổ/ Tay người/ Mở ra/ Dịu dàng/ Sen nở/ Nhẹ hơn/ Hơi thở/ Chậm hơn/ Trăng đi/ Mà sen/ Nở đầy/ Ao kia/ Hồ nọ..."*. Rồi từ chuyện nụ nở thành hoa, ông nghĩ đến sự trưởng thành của mỗi con người theo năm tháng cuộc đời: *"- Con ơi/ Sen nở/ Như con/ Lớn lên/ Ngồi rình/ Mà xem/ Nào ai/ Thấy rõ/ Chỉ biết/ Sen nở/ Và con/ Lớn lên!"*.

Sen nở là một trong những bài thơ Phạm Hổ tâm đắc trong sự nghiệp sáng tác của mình. Góp phần làm nên thành công của bài thơ, không thể không nói đến thể thơ, nhịp thơ: thể hai chữ, nhịp đều đều gợi nhịp đập của con tim vừa mãnh liệt vừa khiêm tốn lặng im. Nhịp đập ấy phải chăng cũng là những nhịp thời gian của cuộc đời mà qua đó, các em thấu hiểu hơn ý nghĩa về sự lớn lên của mình qua từng ngày, từng giờ.

Gần gũi với *Sen nở* (Phạm Hổ), bài thơ *Bàn tính cầu thang* của Phan Cung Việt mô phỏng nhịp 2/2 của đồng dao diễn tả bước đi của đứa trẻ trên từng bậc cầu thang: *"Bậc một/ Bậc hai/ Bước dài/ Bậc bốn"* để rồi đến với chân trời cao rộng, phấn đấu làm nên sự nghiệp trong đời. Phan Cung Việt có sự liên tưởng thật thú vị khi ví cầu thang là một bàn tính cộng, trừ: *"Tính cộng/ Bước lên/ Tính trừ/ Bước xuống"*. Theo những bậc cầu thang ấy, tương lai rạng rỡ hiện dần trước mắt em: *"Cầu thang/ Lên đều/ Từng bậc/ Như em/ Lớp một/ Rồi lên/ Lớp hai/ Lên chắc/ Từng bậc/ Học chắc/ Từng bài/ Lên cao/ Cao mãi..."*.

Thì ra, lên cầu thang cũng giống như chuyện đi học (hết lớp một lên lớp hai, ba...), chuyện leo núi, càng lên cao, càng nhìn xa: *"Lên cao/ Cao mãi/ Nhìn xa/ Xa vời"*. Hình ảnh thơ được tạo dựng bởi sự liên tưởng thú vị: từ cái cầu thang để đi lên các tầng nhà cao, tác giả còn muốn đề cập đến "cái cầu thang" đưa con người lên những đỉnh cao của học thức, văn hóa.

Cách ngắt nhịp trong những bài thơ trên gợi liên tưởng đến nhịp đệm trong trò chơi chuyền:

- "*Chống cột/ Một đôi/ Chống khoai/ Hai đôi/ Chống cà/ Ba đôi/ Chống từ/ Tư đôi...*"

- "*Tỉa một/ Đặt một/ Tỉa hai/ Đặt hai/ Tỉa ba/ Đặt ba/ Tỉa tư/ Đặt tư..*".

So sánh với thơ viết cho người lớn, chúng tôi nhận thấy dạng thức thơ hai chữ xuất hiện rất ít, chỉ lác đác trong một số tác phẩm, ví dụ *Sạch* của Trần Dần: "*mây mài/ lai bùn/ chun quần/ thăn mần/ gương trần/ mâm đùi/ mưa chùi/ mui nhài/ co xài/ xoong nồi...*". Hình thức đồng dao ở đây cho thấy sự phá cách, không hướng đến truyền thông điệp, ý tưởng cụ thể mà biểu hiện "một kiểu tư duy về văn bản thơ, lấy ngôn từ làm trung tâm, đặt logic của thanh, của vần, của nhịp lên trước logic của ngữ nghĩa, cú pháp" [48, 140]. Thơ thiếu nhi, ngược lại, do tính ràng buộc về đối tượng nên không thể siêu hình, khó hiểu. Thể hai chữ, nhịp ngắn đã giúp ích không nhỏ giúp các tác giả truyền đạt tư tưởng hay những kiến thức, nhận thức một cách giản dị, hồn nhiên và dễ hiểu, phù hợp với tư duy trẻ. Bản thân người viết cũng thể hiện được năng lực sáng tạo cá nhân trên thể thơ đặc biệt và có thể nói là không dễ sáng tác này.

4.1.2. Thể ba chữ

Tương tự thể *vãn hai*, thể *vãn ba* trong đồng dao xuất hiện không nhiều (23/567 ≈ 4,05%), phần lớn tồn tại trong phần lời của những bài ca vui chơi (như *Xỉa cá mè, Nhắc cò cò, Giã chày một...*) hay những bài ca tập làm người lao động (như *Trồng cây dừa, Bàn tay đẹp, Út tiên...)*. Thể *vãn ba* thường ngắt nhịp nhanh, thường là nhịp 1/1/1 hoặc nhịp 1/2, mỗi câu một nhịp, diễn tả trọn vẹn một ý, có thể gieo vần chân hoặc gieo vần theo quy luật tiếng cuối câu thứ nhất hiệp vần với tiếng đầu câu thứ hai. Thể *vãn ba* được sử dụng khi mô phỏng các động tác, hành động trong trò chơi của trẻ, tạo âm điệu vui tươi, náo nức, cầm nhịp cho cuộc chơi.

Trong thơ người lớn, thể ba chữ cũng xuất hiện rất ít, nó góp mặt trong dòng thơ tượng trưng, gợi cảm giác về thế giới được dựng lên bằng ám thị, ví dụ: *"Người xới sáng/ Người bới sáng/ Người tưới sáng/ Người lưới sáng/ Người vin sáng/ Người vun sáng..."* (Ao ta - Trần Dần). Với thơ thiếu nhi, các nhà thơ đã nắm bắt thế mạnh của thể ba chữ nhằm khắc họa nét hồn nhiên, nhí nhảnh trong đời sống tâm hồn trẻ thơ. Chúng tôi thống kê được 102/ 600 bài (≈ 17 %) sử dụng thể thơ này.

Thể thơ ba chữ với nhịp chắc, mạnh được các nhà thơ vận dụng trong miêu tả khiến bài thơ mang âm hưởng vui tươi như một trò chơi. Trong một số bài, chúng tôi nhận thấy các tác giả không chỉ láy lại thể thơ, những yếu tố khuôn hình như vần, nhịp mà ngay cả hình thức diễn đạt cũng in bóng đồng dao rõ nét. Chẳng hạn, một đoạn thơ trong bài *Một ông trăng* (Phạm Hổ), *Chuồn chuồn kim* (Xuân Hoài) khi so sánh với đồng dao:

Trăng trên sông	*Ông đếm cát*
Trăng trên lúa	*Ông tát bể*
Trăng giữa cửa	*Ông kể sao*
Trăng sau cây	*Ông đào sông*
Trăng đón thầy	*Ông trồng cây*
Trăng tiễn bạn	*Ông xây rú*
Trăng mẹ vắng...	*Ông trụ trời*
(Một ông trăng - Phạm Hổ)	(Đồng dao)

Đầu ngọn cỏ	*Trồng cây dừa*
Gió rung rinh	*Chừa cây mận*
Rất dễ tìm	*Tấn cây đào*
Kim trắng muốt	*Cây nào cao*
Kim vàng ong	*Cây nào thấp*
Kim hồng hồng	*Cây nào rậm*
Kim xanh biếc…	*Chặt bớt đi*
(Chuồn chuồn kim - Xuân Hoài)	(Đồng dao)

Hai bài đồng dao trên ngắt nhịp 1/1/1 gắn với những động tác mô phỏng trong trò chơi rất rõ, khác với tính chất tĩnh của thơ thiếu nhi. Tuy nhiên, nhờ vận dụng nhịp hành động, sự đan xen thanh trắc, thanh bằng tạo ra nhạc tính, các em có thể biến những bài thơ này thành một trò chơi, vừa chạy nhảy, vui chơi vừa đọc như cách diễn xướng đồng dao. Chu Thị Hà Thanh nhận định những bài thơ như trên khiến bạn đọc "khó mà phân biệt được đâu là đồng dao, đâu là thơ thiếu nhi" [149, 159].

Bắp cải xanh (Phạm Hổ) cũng có nhiều điểm gần gũi với cách gieo vần, ngắt nhịp của đồng dao: "*Bắp cải* ***xanh***/ ***Xanh*** *mát mắt*/ *Lá cải* ***sắp***/ ***Sắp*** *vòng tròn*/ *Búp*

cải non/ Nằm ngủ giữa". Chữ cuối của câu thứ nhất (xanh) được lặp lại trong chữ đầu của câu thứ hai, chữ cuối của câu thứ ba (sắp) được lặp lại ở chữ đầu của câu thứ tư khiến bài thơ có âm điệu vui nhộn, gợi tả hình dáng cây bắp cải với những lá xanh xen kẽ, cuộn vòng tròn.

Trong lớp nhà thơ trẻ, Nguyễn Lãm Thắng là người vận dụng thành công hình thức thơ ba chữ cùng cách gieo vần, ngắt nhịp đặc trưng của đồng dao. Khảo sát tập *Giấc mơ buổi sáng*, chúng tôi thống kê được 11/ 333 bài (≈ 3,3%) viết theo thể thơ này, tiêu biểu như: *Anh xe lu*, *Bác chổi chà*, *Bé cưng*, *Cho bé*, *Chuồn kim*, *Con chó bông*, *Ông trăng ơi*...

Bằng hình thức vần vè, "nhại" đồng dao, chú chuồn kim chao cánh trên trang thơ Nguyễn Lãm Thắng trong tiết tấu đều đặn: *"Chú chuồn kim/ Mang áo đỏ/ Đôi cánh nhỏ/ Lướt thật* ***êm/*** *Chú đi t****ìm/*** *Loài hoa đỏ/ Trên lối c****ỏ/*** *Đầy nắng mai..."* (Chuồn kim). Ý thơ hồn nhiên, thể ba chữ kết hợp gieo vần chân rất gần với cách gieo vần của đồng dao: *"Xỉa cá mè/ Đè cá ch****ép****/ Chân nào đ****ẹp****/ Đi rao m****en****/ Chân nào đ****en****..."*.

Bài thơ *Cho bé* vận dụng nhịp đồng dao vui tươi, tiết tấu nhanh, có điệu thức, nhí nhảnh, gieo vần theo quy luật tiếng cuối câu thứ nhất hiệp vần với tiếng đầu câu thứ hai nghe thật rộn ràng: *"Quả mướp x****anh/*** *X****anh*** *nho nh****ỏ/*** *Quả bí đỏ/ Đỏ xinh xinh/ Mẹ nấu c****anh/*** *C****anh*** *rất ngọt/ Con chim h****ót/*** *H****ót*** *trên cành/ Bông hoa x****inh/*** *X****inh*** *mới nở..."*. Nhịp thơ tương ứng nhịp hành động, gợi nhớ âm hưởng của trò chơi: *"Giã chày m****ột****/ H****ột*** *gạo vàng/ Giã chày đ****ôi****/ D****ôi*** *thóc mẩy..."*. Nhìn chung, thơ thiếu nhi Nguyễn Lãm Thắng được bạn đọc yêu mến một phần bởi anh đã hấp thụ khá "nhuyễn" đồng dao, vượt qua được logic vị nghĩa thông thường hay vì vần ép nghĩa để làm chủ tâm hồn và ngôn ngữ thi ca một cách tự nhiên, hồn nhiên. Vẻ đẹp truyền thống và hiện đại hòa quyện chặt chẽ trong một chỉnh thể ngôn từ.

Với một số tác giả, thể thơ ba chữ kết hợp với nhịp vận động của trò chơi là phương thức nhằm khắc họa rõ nét hơn một khung cảnh gây ấn tượng đặc biệt hay để chuyển tải một thông điệp nhẹ nhàng mà sâu sắc. Chẳng hạn, bài thơ *Ai dậy sớm* (Võ Quảng) kế thừa phong cách đồng dao với thể thơ ba chữ, nhịp điệu nhanh, dồn dập, giọng vui tươi mở ra bức tranh thiên nhiên buổi sớm với biết bao điều đẹp đẽ đang chờ đợi mọi người: "*Ai dậy sớm/ Bước ra nhà/ Cau ra hoa/ Đang chờ đón!/ Ai dậy sớm/ Đi ra đồng/ Cả vừng đông/ Đang chờ đón!/ Ai dậy sớm/ Chạy lên đồi/ Cả*

đất trời/ Đang chờ đón!". Nhịp thơ khỏe khoắn kết hợp hệ thống thanh trắc mô phỏng hoạt động tăng dần của con người (bước, đi, chạy) trong một không gian mở rất nhanh (sân nhà, cánh đồng, đồi núi). Theo đó phần thưởng dành cho người dậy sớm cũng lớn dần: từ hương hoa đến ánh bình minh, đến tất cả đất trời mênh mông buổi sáng. Qua bài thơ, Võ Quảng muốn giáo dục các em ý nghĩa của việc dậy sớm. Tuy nhiên, tính triết lí của bài thơ thì hướng tới tất cả mọi người, không phân biệt độ tuổi: nếu ta bỏ thời gian nhiều hơn, lao động nhiều hơn thì kết quả đạt được cũng lớn lao hơn. Bài học ý nghĩa nhưng không hề khô khan, giáo điều một phần chính bởi nó được nâng trên đôi cánh nghệ thuật đồng dao.

Chim chích bông của Nguyễn Viết Bình vận dụng thể thơ ba chữ ngắt nhịp 1/1/1, gieo vần chân gợi tả sinh động hình ảnh chú chim xinh xắn chuyền cành, nhảy nhót, hát ca và đôi mắt em bé đang dõi theo thích thú: "*Chim chích bông/ Bé tẻo t**eo**/ Rất hay tr**èo**/ Từ cành n**a**/ R**a** cành bưởi/ Sang bụi duối/ Em vẫy gọi*/ Chích *bông ơi...*". Âm điệu bài thơ vui, giàu tính nhạc, có giá trị gợi hình cao. Qua đó, giúp các em nhỏ biết yêu quí, bảo vệ loài chim có ích này: "*Luống rau xanh/ Sâu đang phá/ Chim xuống nhé/ Bắt sâu cùng/ Chim chích bông/ Liền sà xuống/ Và luôn mồm/ Thích!/ Thích!/ Thích!*".

Nguyễn Khoa Đăng mượn thể ba chữ, gieo vần chân với những câu gối nhau nhịp nhàng nhằm khắc họa vẻ đẹp của cánh đồng làng với hình ảnh "biển vàng" đã trở thành biểu tượng thân thương trong tiềm thức nhiều người:*"Vây quanh l**àng**/ Một biển v**àng**/ Như tơ kén.../ Hương lúa chín/ Thoang thoảng b**ay**/ Làm say s**ay**/ Đàn ri đá/ Lúa biết đ**i**/ Chuyện rầm r**ì**..."* (Mùa lúa chín). Nhịp thơ khơi gợi niềm vui trong trẻo, ngọt ngào qua thủ pháp của một cây bút tài tình và cảm nhận của một tâm hồn trẻ thơ. Cái nhìn hồn nhiên hòa trong niềm vui hân hoan, tình yêu thiên nhiên quê hương thơ ngây, trong sáng: *"Nghe mênh mang/ Đồng lúa hát..."*.

Nhìn chung, thể thơ ba chữ với nhịp vận động của trò chơi trong đồng dao gần như không xuất hiện trong thơ người lớn nhưng được sử dụng rộng rãi trong sáng tác thơ thiếu nhi vì nó rất thích hợp với tâm lý vui tươi, rộn ràng của các em nhỏ. Hình thức thơ này chúng ta còn bắt gặp trong nhiều bài thơ khác như: *Bắp cải xanh* (Phạm Hổ), *Chiếc mo cau* (Định Hải), *Ông và cháu (*Tú Mỡ), *Con rùa* (Ngô Quân Miện), *Con lật đật* (Đặng Hấn), *Hoa cải vàng* (Phạm Đức), *Cầu bập bênh trên sông*

(Trần Quốc Toàn), *Con bướm vàng* (Trần Đăng Khoa)... Các tác giả am hiểu sâu sắc nhu cầu thưởng thức của trẻ, trên cơ sở đó sáng tác những tác phẩm vừa giàu ý nghĩa vừa đậm chất thơ, mang phong vị đồng dao hồn nhiên, trong trẻo, được các em yêu thích. Mỗi bài thơ như một trò chơi, một khúc hát dẫn dắt các em vào thế giới sinh động, đa dạng của thiên nhiên, vạn vật và con người.

4.1.3. Thể bốn chữ

Thể thơ bốn chữ còn gọi là *vãn bốn* chiếm đại đa số trong tổng số 567 bài đồng dao mà chúng tôi khảo sát (252/567 ≈ 44%). "Thể vãn bốn với nhịp 2/2 rất phù hợp với cách hát của trẻ em, có thể nói cũng được mà hát theo sáng tạo riêng của từng em cũng được, nghĩa là không cần theo một cách xướng âm có sẵn. Vãn bốn cũng phù hợp với nhịp thở vừa phải của trẻ, hát không cần ngân nga, kéo dài, láy, luyến, lên bổng xuống trầm như những điệu dân ca trữ tình của người lớn" [113, 75]. Đáng lưu ý là những bài đồng dao làm theo thể *vãn bốn* thường không phân thành khổ thơ mà các câu liên hoàn nối nhau bởi yếu tố vần. Theo nghiên cứu của tác giả Triều Nguyên trong cuốn *Tìm hiểu đồng dao người Việt*, đồng dao theo kiểu *vãn bốn* thường sử dụng bốn kiểu gieo vần, ngắt nhịp trong đó đặc trưng nhất là hai kiểu sau:

- Kiểu 1, về vần: gồm vần chân kết hợp vần lưng, tiếng cuối dòng đầu vần với tiếng thứ hai dòng liền sau, tiếng cuối của dòng liền sau này vần với tiếng thứ hai của dòng tiếp sau nó, thường theo cách đổi bằng trắc một cách đều đặn và liên tục như vậy cho đến hết bài; về nhịp: ngắt vào vị trí của vần, khiến dòng thơ có nhịp đôi. Ví dụ:

"Ù à/ ù ***ập****//*
Bắt ***chập****/ lá* ***tre****//*
Bắt ***đè****/ lá* ***muống****//*
Bắt ***cuống****/ lên* ***hoa****//*
Bắt ***gà****/ mổ* ***thóc****"*

- Kiểu 2, về vần: vần chân, tiếng cuối của mỗi dòng đều mang vần theo từng cặp, thường các vần bằng trắc nối tiếp nhau một cách đều đặn cho đến hết bài; về nhịp: có thể dựa vào hành động hay dựa vào nghĩa mà ngắt nhịp, phổ biến nhất vẫn là ngắt nhịp đôi. Ví dụ:

"Thứ ở/ hỗn hào//
Là rau/ ngành ***ngạnh//***
Trong lòng/ không ***chánh//***
Vốn thiệt/ tâm ***lang//***
Đất rộng/ bò ***ngang//***
Là rau/ muống biển...".

Theo khảo sát của chúng tôi, thể thơ bốn chữ cùng cách gieo vần, ngắt nhịp của đồng dao không chỉ hấp dẫn thơ thiếu nhi mà còn xuất hiện rất nhiều trong thơ người lớn. Nhiều người chủ trương cách tân thơ như Hoàng Cầm, Trần Dần cũng thường xuyên vận dụng thể thơ này. Hoàng Cầm mượn thể bốn chữ, ngắt nhịp đôi của đồng dao để diễn tả ấn tượng về cơn mưa Thuận Thành làm hiện lên vẻ đẹp người con gái Kinh Bắc: "*Nhớ mưa Thuận Thành/ Long lanh mắt ướt/ Là mưa ái phi/ Tơ tằm óng chuốt/ Ngón tay trắng muốt/ Nâng bồng thiên thai/ Mưa chạm ngõ ngoài/ Chùm cau tóc xõa/ Miệng cười kẽ lá/ Mưa nhòa gương soi*" (Mưa Thuận Thành). Âm hưởng thơ gần gũi âm hưởng đồng dao, hòa trộn thực - ảo, khát khao - ẩn ức - hoài niệm. Với Trần Dần, dấu ấn khuôn hình đồng dao hiện rõ trên bề mặ:*"Đi chởi! Đi chơi!/ Đầu trọc bình vôi!/ Hai tay hòn sỏi!/ Đi chơi! Đi chởi!/ Hai tay hòn sỏi!/ Đầu trọc bình vôi/ Đi chởi! Đi chơi!"* (Bài hát người lớn). Trong một số bài thơ khác, Trần Dần dựa vào đồng dao nhưng mục đích làm lại văn bản nên ông thường thử thách người đọc trong những cuộc "chơi" vần độc vận, độc thanh, chú ý "con âm" hơn bề mặt nghĩa. Sự cách tân theo hướng này phản ánh "một quá trình nội tâm nhiều ẩn ức muốn được giải tỏa" [48, 144]. Ví dụ:*"Ngoài trời lá b**ứt**/ Chín cản gió l**ốc**/ Chín dây đàn - đ**ứt**/ Chín bông cúc- ng**ứt**/ Chín tờ giấy - v**ứt**/ Chín nông nỗi - nh**ứt**/ Chín khúc - lay l**ứt**/ Chín mảnh chai s**ứt**.../ Chín ngọn đèn - th**ức**/ Chín khuy áo - t**ức**/ Chín bình hoa - n**ứt**/ Chín bức thư - l**ạc**/ Chín trang mưa nhòe..."* (Chín bức thư mưa).

Trong thơ thiếu nhi, chúng tôi thống kê có 260/600 bài (≈43,3 %) viết theo thể bốn chữ. Tuy nhiên, do sự quy định của tâm lý tiếp nhận, không đặt mục tiêu "làm chữ", "chơi" thơ nên thơ thiếu nhi ít gieo vần khó mà chủ yếu mượn thể thơ, vần, nhịp của đồng dao để bộc lộ cảm xúc hoặc giúp trẻ mở rộng nhận thức một cách vui vẻ. Giai đoạn đầu, thơ thiếu nhi có hình thức gieo vần, ngắt nhịp tương tự như đồng dao ở kiểu 1, ví dụ:

*"Xúc xắc/ xúc **xẻ**//*
*Bọn **trẻ**/ hát **ca**//*
*Chúc ông/ chúc **bà**//*
*Tuổi **già**/ vui **vẻ**..."*

(*Xúc xắc xúc xẻ* - Thi ca bình dân [201, 640]).

Ở giai đoạn sau, khi yêu cầu đổi mới trở nên mạnh mẽ, thơ thiếu nhi hiện đại chủ yếu được viết theo mô hình của kiểu thứ hai và có nhiều sáng tạo. Có những nhà thơ sử dụng thể thơ này với tỉ lệ cao như Võ Quảng, Quang Huy. Theo thống kê của chúng tôi, căn cứ vào phần *Thơ* in trong *Tuyển tập Võ Quảng, tập II* [198], số bài thơ viết theo thể bốn chữ là 46/ 76 bài (≈ 60,5%), tập *Gió từ đâu* (Quang Huy) có 10/ 25 bài (≈40%). Các nhà thơ khai thác triệt để thế mạnh của thể bốn chữ với nhịp 2/2 vui tươi, nhẹ nhàng, vần nối tiếp nhau, trẻ dễ nhớ, dễ thuộc. Câu thơ ngắn gọn, ý thơ khúc chiết kết hợp với kết cấu chuỗi sự vật, sự việc cho phép lắp ghép các mô hình câu, có thể mở rộng tùy thích mà không ảnh hưởng đến đề tài, chủ đề. Thể thơ cũng như cách gieo vần, ngắt nhịp như vậy phù hợp với việc biểu đạt tri thức đơn giản. Ví dụ: *Mười quả trứng tròn* (Phạm Hổ), *Chim gọi mùa*, *Chuyện vui về cá*, *Họ nhà mưa*, *Chẳng phải chuyện đùa* (Quang Huy), *Mè hỏa mè hoa* (Thạch Quỳ), *Chuyện vui về cá* (Nguyễn Duy Quế), *Đồng dao cây* (Nguyễn Lãm Thắng)...

Bài thơ *Mười quả trứng tròn* của Phạm Hổ vận dụng thể bốn chữ, vần lưng đan xen vần chân giúp trẻ em lí giải một hiện tượng thú vị: quá trình hình thành cuộc sống của chú gà con từ quả trứng. Phạm Hổ từng tâm sự: "Khi tôi viết *Gà con và quả trứng* hay *Sen nở* tôi đã soát kĩ và đúng là tôi đã viết lại những điều tôi ngạc nhiên từ bé. Sao cái trứng nằm im như hòn đá kia bỗng dưng lại biến thành con gà, sao những trái mít con sau vườn nhà tôi nó lớn nhanh như vậy, những bông hoa lan nở nhanh như vậy, nhưng mà tôi rình xem vẫn không nhìn thấy..." [145, 768]. Vần và nhịp nối kết các câu gợi cảm giác điều kì diệu đang được mở ra dần trước sự tò mò, háo hức của mỗi em bé: "*Mười quả trứng tr**òn**/ Mẹ gà ấp **ủ**/ Mười chú gà c**on**/ Hôm nay ra đ**ủ**/ Lòng trắng lòng đ**ỏ**/ Thành m**ỏ** thành chân/ Cái mỏ tí hon/ Cái chân bé xíu...*".

Nhìn chung, những bài thơ như thế không những giúp trẻ thơ mở mang nhận thức mà còn góp phần bồi đắp tâm hồn, hình thành ở các em tình yêu quê hương xứ

sở, niềm tự hào về đất nước trù phú, đẹp giàu. Quen mà vẫn lạ, lạ mà như quen có lẽ là ấn tượng đặc biệt của bạn đọc khi cầm trên tay hai tập thơ này.

Với *Cánh*, *Trái chín*, Đặng Hấn lại mang đến cho các em những bất ngờ khác. Trong thể vãn bốn quen thuộc, Đặng Hấn có sáng tạo riêng về chất liệu, nhịp 2/2 xen nhịp 1/3. Bằng sự liên tưởng phóng túng, Đặng Hấn dẫn dắt tư duy trẻ thơ khám phá từ những sự vật cụ thể đến trừu tượng. Mỗi sự vật lại được gắn với một đặc điểm tính cách nên không khô khan mà vô cùng sinh động. Cùng là *Cánh* nhưng bên cạnh cánh cửa, cánh phản, cánh cổng, cánh cung... các bé vẫn quen thuộc còn có cả "cánh tâm hồn" bay cao những ước mơ. Nhịp thơ được ngắt linh hoạt: *"Tạo ra/ của báu// Là bạn/ cánh tay//Lười biếng/ ngủ ngày// Là chàng /cánh phản//.../ Vui bầu/ vui bạn//Là em/ cánh diều//...// Cánh chim/ báo bão// Xé trời/ bão giông// Bay vút/ vô cùng// Cánh/ tâm hồn cháu*".

Cùng là *Trái chín* nhưng mỗi loại lại chín một cách khác nhau. Nhà thơ giúp các em phân biệt được đặc tính này của cây trái không chỉ qua màu sắc mà còn qua hình dáng. Các câu thơ tạo nhịp co giãn theo nghĩa, khắc họa hình ảnh khu vườn tràn trề nhựa sống trong muôn vàn hình sắc: *"Sù sì/ da cóc// Mít chín/ trên* ***cành//*** *Dưa hấu/ chín* ***xanh//*** *Nhãn:/ cà phê* ***sữa//*** *Chín/ như ngọn* ***lửa//*** *Là ớt// chỉ thiên/ Chín tựa// than đen// Ô môi/ bồ kết…"*

Khi con người trưởng thành, có nhiều kinh nghiệm và tri thức phổ thông trong cuộc sống, những kiến thức trên có thể không lạ, không mới nhưng trẻ thơ với khát khao tìm hiểu thế giới xung quanh thì những tri thức khoa học đơn giản như thế có lẽ không bao giờ đủ. Điểm thú vị là những tri thức ấy không hề sống sượng, gò ép mà được thể hiện qua cách nói vần vè, dễ hiểu phù hợp với tâm lí tiếp nhận của các em. Nhìn chung, những bài thơ như thế không những giúp trẻ thơ mở mang nhận thức mà còn góp phần bồi đắp tâm hồn, hình thành ở các em tình yêu quê hương xứ sở, niềm tự hào về đất nước trù phú, đẹp giàu.

Vi Thùy Linh trong *Như là đồng dao* cũng mượn hình thức thơ bốn chữ, ngắt nhịp 2/2 nhưng sáng tạo khi chọn gieo vần cách để khắc họa bức tranh thôn dã thanh bình. Thể thơ bốn chữ, câu đầu nối với câu hai buông xuống câu ba, chậm rãi, nhịp nhàng, tứ thơ trôi theo dòng liên tưởng rộng và sâu. Thể thơ cùng cách ngắt nhịp quen thuộc trở nên mới mẻ nhờ hình thức diễn đạt vừa biểu cảm vừa khúc chiết:

*"Đụn rơm chất ngất/ Dập dềnh gái tr**ai**/ Gà con theo mẹ/ Thập thò luống kh**oai**/ Lũ sáo láu táu/ Đua nhau học b**ài**/ Lẳng lơ giàn mướp/ Đợi nấu cua đ**ồng**/ Một bầy thiếu nữ/ Chờ chiều tắm **sông**..."*. Cách diễn đạt của Vi Thùy Linh không hoàn toàn láy lại mô hình liệt kê sóng đôi quen thuộc của đồng dao mà nổi hình nổi sắc hơn nhờ cách sử dụng hệ thống từ láy tượng hình kết hợp bộc lộ cảm tưởng trong miêu tả. Có ấn tượng như vậy bởi tính chất liệt kê, vần vè, truyền khẩu của đồng dao truyền thống đã được chuyển hóa thành ngôn ngữ thơ súc tích, giàu tính biểu cảm. Xu hướng này ta còn có thể bắt gặp trong một số bài thơ khác như *Mè hỏa mè hoa* (Thạch Quỳ), *Tuổi ở đâu* (Dương Huy), *Vè cái kẹo* (Nguyễn Hoàng Sơn). Chẳng hạn, Thạch Quỳ trong bài *Mè hoa lượn sóng* sử dụng thể thơ bốn chữ, ngắt nhịp 2/2 với cách gieo vần chân luân phiên từng cặp để miêu tả cuộc sống dưới nước của các loài cua, tôm, cá, tép. Thạch Quỳ làm mới hình thức cũ qua lối đan xen câu cảm thán. Phạm Hổ nhận xét: "Bài thơ làm tôi nhớ đến những bài vè về các loài chim, các loài cá mà cha ông ta đã để lại. Đây cũng nói về cá nhưng không phải là vè mà là thơ. Vì vậy mới có những đoạn: *Con tép lim dim/ Trong chùm rễ cỏ/ Con cua áo đỏ/ Cắt cỏ trên bờ/ Con cá múa cờ/ Đẹp ơi là đẹp!* hoặc *Tôm cài ngọn giáo/ Mê mải đi tuần/ Gặp bóng trăng tròn/ Thì đi giật lại*" [188, 49].

Thể bốn chữ ngắt nhịp 2/2 mô phỏng động tác đi, đứng, chạy, nhảy của trẻ được sử dụng trong nhiều bài thơ mô phỏng trò chơi, như: *Dung dăng dung dẻ* (Nhược Thủy), *Bịt mắt bắt dê, Xúc xắc xúc xẻ, Thả đỉa, Cướp cờ* (Thi ca bình dân), *Thả diều* (Phạm Hổ), *Đèn đỏ, đèn xanh, Rồng rồng rắn rắn, Đu quay* (Định Hải), *Thả diều* (Trần Đăng Khoa)... Nhịp thơ tương ứng với nhịp của hành động khi chơi. tạo cảm giác gần gũi, quen thuộc đã từng gặp trong đồng dao: *"Thả đỉa/ ba b**a**// Làm ngỗng,/ làm g**à**// Làm voi,/ làm g**ấu**// Làm anh/ cá s**ấu**// Làm chị/ ễnh **ương**// Làm bác/ cầy h**ương**// Làm con/ đỉa đói"* (Thả đỉa - Thi ca bình dân [201, 641]. Nhược Thủy mô phỏng nhịp bước chân của đoàn em bé vui vẻ dung dăng dung dẻ với mong ước kết đoàn: *"Dung dăng/ dung dẻ// Đàn trẻ/ Bắc Nam// Múa hát/ kết đoàn// Vui cười/ khúc khích"* (Dung dăng dung dẻ). Trong bài *Rồng rồng rắn rắn*, qua thể thơ, nhịp thơ, Định Hải lại giúp bạn đọc hình dung cụ thể động tác những đứa trẻ nối đuôi nhau chạy nhảy, tưởng tượng mình là toa tàu chất đầy hàng hóa: *"Rồng rồng/ rắn rắn// Toa đỏ,/ toa vàng// Toa xanh,/ toa trắng// Nối nhau/ rộn ràng"*.

Thể bốn chữ với cách ngắt nhịp đôi, gieo vần lưng, vần chân từ đồng dao đến thơ thiếu nhi còn được các tác giả làm mới bằng cách lồng ghép những thi liệu hiện đại bên trong hình thức truyền thống. "Chúng ta thấy những chất liệu mới đã nhập vào hơi thơ dân dã này một cách tự nhiên" [201, 758]. Không khí sôi động, náo nhiệt của đời sống công nghiệp hóa được các tác giả khéo léo lồng vào hình thức biểu đạt dân gian, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, góp phần nâng cao nhận thức cho trẻ thơ,tiêu biểu như *Một đường dây điện*, *Trong một nhà máy*, *Ông cần trục*, *Câu chuyện học lái tàu* (Võ Quảng), *Kể cho bé nghe* (Trần Đăng Khoa), *Hay hát đồng dao* (Nguyễn Lãm Thắng)... Đây là ông cần trục đại diện cho sức mạnh cơ giới hiện đại trong bức kí họa linh hoạt, hóm hỉnh: "*Riêng có một ông/ Tên là Cần Trục/ Cổ dài cao vút/ Giống chú Cò Nhang/ Qua lại hiên ngang/ Chăm lo trật tự/ Bê tông loại bự/ Nặng trịch ù lì/ Ông ta tức thì/ Gắp lên nhẹ bỗng!/ Rõ thật kinh khủng!/ Rõ thật phi thường!/ Khỏe vậy đâu nhường/ Thạch Sanh, Ông Gióng*" (Ông Cần Trục - Võ Quảng). Đây là nhịp lao động khẩn trương của một nhà máy sửa chữa ô tô:*"Cái quay ro ro/ Cái luôn thụt thụt/ Cái kêu huýt huýt/ Cái thét ào ào/ Rộn ràng, xôn xao/ Nhịp nhàng, răm rắp"* (Trong một nhà máy).

Tương tự, bài *Kể cho bé nghe* của Trần Đăng Khoa sáng tác bằng thể bốn chữ, gợi nhớ về khúc đồng dao*"Hay chạy lon ton/ Là gà mới nở/ Cái mặt hay đỏ/ Là con gà mào..."* nhưng từ kể về những gì quen thuộc tồn tại xung quanh thế giới trẻ thơ như con vịt bầu, con chó vện, con nhện con, cối xay lúa... Trần Đăng Khoa đã tái hiện lại được không khí dựng xây đất nước: *"Không thèm cỏ non/ Là con trâu sắt/ Rồng phun nước bạc/ Là chiếc máy bơm..."*. Những nội dung của cuộc sống hiện đại được khơi ra nhưng không khô khan mà vẫn tươi tắn, hồn nhiên, phù hợp với trí liên tưởng kì thú ở trẻ thơ.

Có thể thấy, thể bốn chữ đặc trưng của đồng dao đã được các nhà thơ thiếu nhi hiện đại vận dụng thật nhuần nhụy và sáng tạo. Bên cạnh những bài thơ in bóng đồng dao rõ nét về thể thơ, vần, nhịp cũng có không ít bài phá cách khi mượn lối nói tự nhiên, dân dã của đồng dao để phả vào đó hơi thở của cuộc sống mới. Những bài thơ đó không chỉ mở mang nhận thức cho trẻ mà còn hướng các em đến những suy nghĩ sâu sắc, giàu tính nhân văn.

4.2. Tái lặp những dạng thức kết cấu quen thuộc

Kết cấu là "sự phân chia và bố trí các phần, các chương mục theo một hệ thống nhất định để thể hiện nội dung của tác phẩm" [120, 631], là "kết quả của nhận thức thẩm mĩ, phản ánh những liên hệ bề sâu của thực tại" [102, 715], là "sự liên kết bên trong, là nghệ thuật kiến trúc nội dung tác phẩm" [32, 156].

Như vậy, kết cấu chính là một phương diện cơ bản của hình thức tác phẩm văn học, là sự tổ chức, sắp xếp, biểu hiện của nội dung văn học. Đây là khái niệm có ý nghĩa kép: kết cấu vừa là phương tiện cơ bản của sáng tác nghệ thuật vừa là phương tiện biểu đạt ý nghĩa nhằm truyền tải những nội dung nhất định. Kết cấu ra đời cùng với ý đồ nghệ thuật của tác phẩm, được cụ thể hóa cùng sự phát triển của hình tượng.

Về vấn đề kết cấu đồng dao, cho đến nay, chưa có nhiều công trình khoa học đi sâu nghiên cứu. Vấn đề hoặc được bàn đến trong các nghiên cứu chung về thể loại văn học dân gian như *Thi pháp ca dao* (Nguyễn Xuân Kính), *Những thế giới nghệ thuật ca dao* (Phạm Thu Yến)… hoặc góp mặt như một tiểu mục nhỏ trong các công trình, bài viết của một số tác giả nghiên cứu sâu về đồng dao như "Thi pháp đồng dao" (Vũ Ngọc Khánh), "Hát ru và hệ thống diễn xướng đồng dao" (Nguyễn Hữu Thu), *Đồng dao và ca dao cho trẻ em* (Nguyễn Nghĩa Dân), *Tìm hiểu đồng dao người Việt* (Triều Nguyên), *Thi pháp đồng dao và mối quan hệ với thơ thiếu nhi* (Chu Thị Hà Thanh)… Việc khái quát các mô hình kết cấu đồng dao gặp phải không ít khó khăn xuất phát từ đặc trưng thể loại. Theo nghiên cứu của Chu Thị Hà Thanh, sự khó khăn ấy xuất phát từ ba nguyên nhân: "Thứ nhất, không phải tác phẩm đồng dao nào cũng mang một nội dung ngữ nghĩa cụ thể, xác định (...). Thứ hai, đồng dao nổi bật như là tác phẩm thơ ca thuộc phương thức tự sự (...), tham gia vào hình thức kết cấu của đồng dao có những yếu tố vừa thuộc tác phẩm tự sự như hành động, sự kiện, sự việc, sự vật, lời kể... lại vừa thuộc tác phẩm thơ ca như khổ thơ, đoạn thơ, câu thơ, hình tượng, hình ảnh, vần, nhịp... Vì vậy, quan niệm yếu tố nào là đơn vị nòng cốt, đơn vị cơ bản tổ chức nên kết cấu tác phẩm đồng dao không phải là vấn đề bao giờ cũng thống nhất. Thứ ba, tham gia vào kết cấu đồng dao có cả hình thức diễn xướng. Nó là một thể nguyên hợp, không thể tách rời" [149, 104].

Trong số các công trình đã kể trên, ba chuyên luận *Đồng dao và ca dao cho trẻ em* (Nguyễn Nghĩa Dân), *Tìm hiểu đồng dao người Việt* (Triều Nguyên), *Thi*

pháp đồng dao và mối quan hệ với thơ thiếu nhi (Chu Thị Hà Thanh) đã có những khái quát giá trị về kết cấu đồng dao.

Tiếp thu ý kiến của các tác giả đi trước, đối sánh với thơ thiếu nhi hiện đại, chúng tôi nhận thấy có những mô hình kết cấu đồng dao được các tác giả "tái sử dụng" khá phổ biến và ít nhiều làm nó thêm "nhuận sắc". Trong phần này, chúng tôi đi sâu phân tích một số hình thức kết cấu chịu ảnh hưởng trực tiếp của kết cấu đồng dao, đó là dạng thức kết cấu đối đáp, kết cấu vòng tròn, kết cấu trùng điệp cú pháp.

4.2.1. Kết cấu đối đáp

Đối đáp nôm na là hỏi và trả lời. Đối đáp thường phải có các cặp nhân vật, có lời thoại trao đổi giữa nhân vật phát và nhân vật nhận. Đây là hình thức mà ta thường gặp trong ca dao. Ca dao thường xây dựng các cặp nhân vật trữ tình đối đáp như chàng trai - cô gái, mẹ - con, người dân - người dân... trao lời, đáp lời rất nhịp nhàng, hòa nhập. Tuy về số lượng, hình thức kết cấu này không nhiều nhưng lại là hình thức kết cấu đặc thù của thơ ca truyền thống dân gian, liên quan đến hình thức diễn xướng, môi trường thực hành, sinh hoạt của tác phẩm văn học dân gian. Người dân đối đáp, thử tài, vui đùa trong cuộc sống, trong hội hè. Trong đồng dao, kết cấu đối đáp thường được sử dụng trong đồng dao trẻ em hát lúc chơi trò chơi như *Xỉa cá mè, Rồng rắn lên mây, Dê và hổ xám, Ù à ù ập*… Đối đáp có chức năng tập cho các em thói quen ứng đối kịp thời, phản xạ nhanh, hoạt bát. Theo thống kê, có 32/ 567 bài đồng dao chứa lời đối đáp, chiếm 5,64 %. Ví dụ, lời đối đáp trong trò chơi *Dê và hổ xám*:

"Đàn dê lên rừng
Thấy hang hổ xám
Thì dừng lại ngay
- Hổ xám có nhà không?
- Hổ xám đang rình mồi
- Hổ xám rình mồi gì?
- Rình bắt dê đầu đàn
Dê đầu đàn húc lại...".

Quan sát ví dụ trên, có thể thấy, đối đáp trong đồng dao mang ý nghĩa là một khâu của trò chơi vận động để tăng sự vui tươi, hứng khởi, hướng đến chức năng

chính là rèn luyện thân thể. Tuy nhiên, ở giai đoạn sau, hình thức nói trên được chuyển hóa thành mô hình kết cấu đối đáp trong thơ viết cho các em và trở thành một thủ pháp nghệ thuật đặc sắc. Chúng tôi thống kê được 82/600 bài thơ kết cấu theo hình thức này, chiếm 13,6 %, gồm hai dạng: kết cấu đối đáp hai vế và kết cấu đối đáp một vế ẩn.

4.2.1.1. Kết cấu đối đáp hai vế

Tương tự đồng dao, những bài thơ xây dựng kết cấu đối đáp cũng thường gồm hai vế, vế hỏi và vế đáp sắp xếp đan xen để cùng thực hiện một chức năng thẩm mĩ, hướng về một chủ đề nhất định. *Thông qua những lời trò chuyện trực tiếp bằng thơ ca, các tác giả không chỉ tái hiện vẻ đẹp của thế giới trẻ thơ hồn nhiên, khát khao hiểu biết mà còn góp phần làm giàu có vốn tri thức đời sống cho các em*. Đúng như Phong Lê nhận xét: "Đối với văn học thiếu nhi (...), sáng tác phải sao cho vừa tầm, có nghĩa là phải phù hợp với cách nói, cách nghĩ hàng ngày của các em, đồng thời lại phải góp phần nâng cao và làm giàu thêm cho cách nghĩ, cách nói đã quen thuộc ấy" [145, 790].

Trong các nhà thơ viết cho thiếu nhi, Phạm Hổ là người vận dụng hình thức kết cấu này với tỉ lệ cao nhất. Khảo sát qua mười tập thơ, chúng tôi nhận thấy có tới một phần tư số bài được viết theo lối kết cấu hỏi - đáp như *Hoa hồng, Hoa sen, Hoa đào, Chim sáo, Lúa và gió, Gà con và quả trứng, Ngủ rồi, Thỏ dùng máy nói, Bê đòi bú, Bê hỏi mẹ, Bướm em hỏi chị, Soi gương, Rình xem mặt trời, Đất và hoa*... Mỗi bài thơ là một thắc mắc, một tình huống tranh luận với những đối đáp ngộ nghĩnh, thơ ngây. Qua đó, Phạm Hổ vừa khơi gợi tư duy và nhận thức của trẻ về thế giới xung quanh vừa khéo léo đan cài những bài học giáo dục tình cảm tinh tế. Chỉ bằng một lời đáp *"Một đứa khóc đủ rồi/ Soi chi thành hai đứa"* (Soi gương), người cha đã dạy con mình không nên khóc nhè, khóc nhè là rất xấu.Hay bài học về tình yêu thương, về sự quan tâm bè bạn được thể hiện qua những tình huống thú vị. Đó là sự ngạc nhiên của bướm em khi nhìn thấy những giọt sương long lanh trên cánh hoa hồng:*"- Chị ơi vì sao/ Hoa hồng lại khóc?"* (Bướm em hỏi chị) hay sự băn khoăn của cua con khi thấy cây lúa đang rì rào bỗng đứng lặng im:*"- Cô lúa đang hát/ Sao bỗng lặng im?"* (Lúa và gió).

Câu hỏi của bướm em, của cua con cũng là những câu hỏi thường thấy ở các cô bé, cậu bé giàu tình cảm, biết quan tâm đến xung quanh, đồng thời cũng cho thấy sự ngây thơ, giản đơn trong cách nhìn cuộc sống của các em. Chúng đánh đồng

cuộc sống của bản thân mình với các sự vật, hiện tượng ngoài mình và lấy chính bản thân mình làm hệ quy chiếu để nhìn nhận, suy luận mọi vấn đề trong cuộc sống. Phạm Hổ đã hóa thân vào trẻ thơ để trả lời những điều băn khoăn của các em một cách thú vị theo logic tư duy trẻ thơ. Trước sự nhầm lẫn của bướm em, bướm chị giải thích bằng hình ảnh thật lãng mạn:*"- Không phải đâu em/ Đấy là hạt ngọc/ Người gọi là sương/ Sao đêm gửi xuống/ Tặng cô hoa hồng"* (Bướm em hỏi chị). Hay câu trả lời của cua mẹ đã "xâu chuỗi" mọi vấn đề, vừa có tình vừa triết lí:*"Chú gió đi xa/ Lúa buồn không hát"* (Lúa và gió).

Những bài thơ không chỉ giúp các em làm quen với thế giới xung quanh: giọt sương, lúa, gió...mà lời hỏi - đáp còn giúp các em cảm nhận được tình bạn bè gắn bó thắm thiết và sự quan tâm lẫn nhau giữa "sao đêm" và "hoa hồng", giữa "chị lúa" và "chú gió".

Có những câu hỏi - đáp gắn thiên nhiên với cuộc sống của các em. Thuộc về lối hỏi - đáp này thường là những bài thơ có câu hỏi chính là lời thắc mắc trực tiếp của trẻ như *Hoa sen, Hoa đào, Chim sáo, Áo mưa*... Bài thơ *Hoa sen, hoa đào* giúp các em nhận ra sở dĩ mọi người có thể thưởng thức hoa đẹp suốt bốn mùa là nhờ các loài hoa đã biết "phân công" nhau để nở. Đó chính là sự kì diệu của cuộc sống: *"- Sao hoa sen, hoa đào/ Không nở cùng một lúc/ - Hoa chia nhau trực mùa/ Như các con trực lớp"*.

Có khi lời hỏi - đáp gắn với sự hồn nhiên, đầy nhầm lẫn và thắc mắc của trẻ thơ. Phạm Hổ từng tâm sự: "Lứa tuổi bạn đọc mà tôi yêu và thích viết nhất là lứa tuổi nhi đồng". Bằng tấm lòng yêu thương và sự am hiểu logic rất riêng trong nhận thức và suy nghĩ của trẻ, ông đã tái hiện cả một thế giới trẻ thơ trong sáng với những nụ cười hồn nhiên đến mê hoặc.

Đọc bài thơ *Thỏ dùng máy nói*, ai cũng phải bật cười trước sự đa nghi của một chú thỏ: *"- Thỏ đây! Ai nói đấy?/Mèo à? Mèo thế nào/ - Mình không trông thấy cậu/ Nhỡ đứa khác thì sao?"*. Thỏ gọi điện cho bạn nhưng nhất định chưa chịu tin đó là bạn Mèo của mình vì nó không nhìn thấy trực tiếp. Hay cách nghĩ hồn nhiên của em bé khi cho rằng mía ngọt vì được... ngâm trong đường: "*- Con mà trả lời được/ Vì sao mía lại ngọt/ Bố sẽ thưởng cho con/ Một đốt mía thật ngon!/ - Vì mía là cây gỗ/ Được ngâm trong nước đường!!!*" (Vì sao).

Nhìn chung, tái hiện những mẩu đối thoại này, "Phạm Hổ đã mở ra trước mắt các em biết bao điều kì lạ, nhằm giúp các em vươn tới những nhận thức mới mẻ. Đó

cũng là những bài học thường thức đầu tiên của bé về thế giới tự nhiên, môi trường xung quanh" [88, 99].

So với một số cây bút khác, Xuân Quỳnh đến với thơ thiếu nhi muộn hơn nhưng bà đã tạo được dấu ấn cho riêng mình. Đọc thơ bà, có thể thấy thế giới được khúc xạ, lí giải qua lăng kính tình mẹ con. Đặc biệt, thế giới ấy luôn được bà quan sát bằng đôi mắt và mĩ cảm của trẻ thơ nên bà thấu hiểu được những nỗi băn khoăn, thắc mắc thường trực trong tâm hồn con trẻ. Trẻ thơ luôn tò mò, đòi hỏi cắt nghĩa về thế giới chung quanh. Theo năm tháng, thế giới ấy càng mở rộng dần biên độ từ nhỏ đến lớn, từ gần đến xa, từ cụ thể đến trừu tượng. Bằng những lời hỏi - đáp hồn nhiên, dí dỏm, bà giúp các em lí giải vô vàn câu hỏi *vì sao?* Trên phương diện hình thức, nếu Phạm Hổ thường mượn lời của các loài vật ngộ nghĩnh, đáng yêu để xây dựng nên những bài thơ có kết cấu hỏi đáp và thường là một câu hỏi - một câu đáp như các câu đố vui dân gian thì Xuân Quỳnh có những sáng tạo riêng khi chọn cách "nhập vai" để cùng hỏi và trả lời với trẻ.

Thế giới trong đôi mắt trẻ thơ luôn lạ lẫm, diệu kì và bí ẩn. Có lẽ vì vậy mà mọi đứa trẻ đều thích khám phá và tò mò về cuộc sống xung quanh. Có những thắc mắc của trẻ con khiến người lớn bật cười nhưng cũng có không ít những câu hỏi hóc búa: *"- Má ơi, ai sinh cá/ Ai làm ra cái kem/ Đêm sao lại màu đen/ Ban ngày sao màu trắng"* (Cắt nghĩa). Câu hỏi không đơn giản nhưng Xuân Quỳnh đã hiểu trẻ và biết cách lí giải theo logic tư duy của trẻ, gắn sự vật với đặc tính nổi bật mà trẻ quan sát thấy hàng ngày: *"Ban ngày làm bằng nắng/ Màu xanh làm bằng cây/ Quả ớt làm bằng cay/ Tiếng ồn sinh tàu điện/ Gió trong con ốc biển/ Ghé tai nghe mà xem/ À lại còn cái kem/ Thì làm bằng mùa rét/ Bông hoa làm bằng Tết/ Tết làm cho hương thơm"* (Cắt nghĩa). Bài thơ ấn tượng bởi cách "cắt nghĩa" có phần phi lí, đảo nhân thành quả, vượt ra ngoài logic thông thường nhưng lại rất hợp lí, phù hợp với tư duy giản đơn của trẻ em.

Sự đáng yêu và ngộ nghĩnh của trẻ thơ thường nằm ở những thắc mắc tuy ngô nghê nhưng trong sáng, chân thực. Các em thắc mắc về chính bản thân mình, giống như em bé trong bài *Mẹ và con*. Từ câu hỏi của con về sự sở hữu: *"- Mẹ ơi bông hoa kia/ Là của ai hở mẹ?/ Cái màu xanh trên cửa/ Kia nữa là của ai?"*, người mẹ khẳng định: *"Của con đấy con ơi/ Đều của con tất cả"*. Kết thúc bài thơ là màn hội thoại bất ngờ: *"Con ôm mẹ con hôn/ - Của con sao nhiều thế/ Ừ của con nhiều quá/ Nhưng mẹ*

lại nhiều hơn/ Vì tất cả của con/ Mà con là của mẹ". Câu hỏi *"Của con sao nhiều thế"* thật thà, dễ thương, gợi cảm giác hạnh phúc tràn ngập không gian của tình mẫu tử.

Kết cấu đối đáp còn được Xuân Quỳnh vận dụng trong nhiều bài thơ khác như *Mùa đông nắng ở đâu*, *Còn lại gì cho mùa xuân*, *Con yêu mẹ*, *Chờ trăng*, *Muốn trăng luôn luôn tròn*... Đó thực sự là "món quà của một bạn nhỏ ngày xưa tặng các bạn nhỏ bây giờ" như bà từng tự bạch. Điều đáng nói là, những câu hỏi đáp ấy được diễn đạt bằng chính lời nói, suy nghĩ của trẻ, không cao đạo, lên giọng mà vẫn "ngụ vào đấy một triết lí hồn nhiên của sự sống, thứ triết lí mà mỗi lứa tuổi có thể hấp thụ một cách riêng" (Vân Thanh).

Bài *Bóc lịch* của Bế Kiến Quốc bắt đầu từ ý nghĩ ngộ nghĩnh, đáng yêu của em bé: *"Em cầm tờ* lịch *cũ/ - Ngày hôm qua đâu rồi?/ Ra ngoài sân hỏi bố/ Xoa đầu em bố cười"*. Vấn đề trừu tượng: đi tìm ngày hôm qua mà em bé tưởng không còn nữa trở nên thật dễ hiểu qua câu trả lời ấm áp của bố. Ngày hôm qua không mất đi mà gieo mầm cho ngày mai sắp tới, mở ra những ngày mới đẹp hơn: *"- Ngày hôm qua ở lại/ Trong vở hồng của con/ Con học hành chăm chỉ/ Là ngày qua vẫn còn"*.

Với một số tác giả khác, kết cấu đối đáp tuy không được sử dụng nhiều nhưng vẫn chứng tỏ được ưu thế của nó, tiêu biểu như *Gà con tìm bố* (Vương Trọng), *Để chi* (Võ Hồng), *Niềm vui* (Đặng Hấn), *Lời của than* (Trần Đăng Khoa)... Đối đáp trong thơ không chỉ giúp các em nhỏ được mở rộng tầm mắt về thế giới xung quanh mà còn giúp các em rèn khả năng tư duy, quan sát, phát hiện ra những điều mới mẻ trong cuộc sống.

4.2.1.2. Kết cấu đối đáp một vế ẩn

Bên cạnh những bài thơ có kết cấu hai vế hỏi - đáp rõ ràng, trong một số trường hợp nhà thơ chỉ xây dựng hình tượng thơ bằng cách ẩn đi một vế. Bài thơ có khi giống độc thoại của nhân vật, không xuất hiện lời của nhân vật thứ hai nhưng bạn đọc vẫn ngầm hiểu được câu trả lời. Tiêu biểu cho hình thức này là các bài *Ai cho em biết* (Võ Quảng), *Vì sao* (Xuân Quỳnh), *Hỏi lá, hỏi hoa* (Cao Xuân Sơn), *Lời con* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Trăng ơi từ đâu đến*, *Cháu nhìn trăng đầu tháng* (Trần Đăng Khoa)...

Bài thơ *Vì sao?* của Xuân Quỳnh là chuỗi liên hoàn những câu hỏi: *"Vì sao con cóc/ Nó hay nghiến răng?/ Vì sao con còng/ Nó không nhắm mắt?/ Không có chân có cánh/ Mà lại gọi con sông/ Không có lá có cành/ Mà gọi là ngọn gió..."*.

Tính chất đồng dao biểu lộ trước hết ở sự liệt kê đặc điểm của sự vật, sau đó là ở những chất vấn/ thắc mắc ngộ nghĩnh trẻ thơ:*"Con vịt con bé tí/ Không mẹ, nó không buồn/ Mà mẹ mới ra đường/ Vì sao con đã nhớ?"*.

Từ câu hỏi, bài thơ kết thúc bất ngờ. Tất cả những thắc mắc nhằm đưa đến nhận thức về tình mẹ con. Qua những bài thơ như thế, ta càng hiểu thêm những phẩm chất làm nên giá trị của thơ viết cho thiếu nhi: dịu dàng, tươi mát nhưngcũng không thiếu chất trí tuệ, khái quát. Đáng lưu ý là sự khái quát ấy thường bắt đầu từ những sự việc, ý tứ rất cụ thể nên đọc lên thấy gần gũi, nhẹ nhõm mà thấm thía.

Trong *Hỏi lá, hỏi hoa*, Cao Xuân Sơn cấu trúc bài thơ bằng một chuỗi câu hỏi: *"Không học hành, thi cử/ Sao hoa là Trạng nguyên?/ Chẳng là trăm là nghìn/ Hoa đồng tiền ai đặt?/ Tên Giấy mà hoa thật/ Hoa Mai sao nở đây?/ Chiếc lá mỏng thế này/ Che ai, kêu lá Lốt?..."*. Hình thức đối đáp một vế ẩn không đưa ra câu trả lời cuối cùng, tạo điều kiện cho các em được thỏa sức liên tưởng, sáng tạo, khám phá thế giới cỏ cây kì thú từ dấu hiệu tưởng chừng đơn giản nhất là tên gọi của chúng.

Trăng ơi từ đâu đến của Trần Đăng Khoa là cuộc độc thoại nội tâm của "thi sĩ mục đồng" đã dẫn dụ người đọc dịch chuyển liên tục từ không gian này sang không gian khác. Bài thơ gồm sáu khổ, đưa ra năm phán đoán. Mỗi lần câu hỏi *Trăng ơi từ đâu đến?* vang lên là mỗi lần mang lại cho người đọc cảm giác bất ngờ: *"Trăng ơi từ đâu đến/ Hay từ cánh rừng xa"*, *"Trăng ơi từ đâu đến/ Hay biển xanh diệu kì"*, *"Trăng ơi từ đâu đến/ Hay từ một sân chơi"*, *"Trăng ơi từ đâu đến/ Hay từ lời mẹ ru"*, *"Trăng ơi từ đâu đến/ Hay từ đường hành quân"*. Người đọc bắt gặp cuộc hội ngộ của nhiều vầng trăng tưởng tượng trong một vầng trăng hiện hữu để cuối cùng, bài thơ khép lại bằng một so sánh chất chứa niềm tự hào mà vẫn toát ra vẻ hồn nhiên con trẻ:*"Trăng từ đâu... từ đâu/ Trăng đi khắp mọi miền/ Trăng ơi có nơi nào/ Sáng hơn đất nước em!"*. Câu hỏi cuối cùng vẫn bỏ lửng, không có lời giải đáp nhưng chính sự im lặng ấy là câu trả lời đầy đủ và ý nghĩa nhất: không ở đâu đẹp như đất nước em.

Như vậy, đối đáp từ một khâu của trò chơi vận động trong đồng dao đã được nâng lên thành mô hình kết cấu trong thơ thiếu nhi hiện đại. Theo chúng tôi, các tác giả sử dụng rộng rãi kết cấu đối đáp trong sáng tác thơ thiếu nhi bởi một số lí do sau:

Trước hết, xuất phát từ đặc trưng tâm lí lứa tuổi: trẻ có thiên hướng thích hành động chủ động hơn là bị động, thiên về đối thoại hơn là độc thoại nội tâm. Bản tính

trẻ thơ vốn tò mò, thích tìm hiểu, khám phá những điều mới lạ xung quanh. Với các em, những thắc mắc, những câu hỏi tại sao thế này, tại sao thế kia dường như không bao giờ dứt. Phong Lê nhận xét: "Trước thế giới bao la ngày càng mở rộng lí thú, các em hăm hở và băn khoăn trước vô vàn câu hỏi, không thể tính cả cuộc đời có bao nhiêu câu hỏi" [145, 681]. Việc đặt câu hỏi cho thấy trẻ đang trong độ tuổi thích tìm hiểu về cuộc sống, ham mê thu nhận kiến thức và kinh nghiệm. Mặt khác, với tinh thần ham hiểu biết, hình thức hỏi đáp giúp các em có thể tự bộc lộ mình, tự nói lên băn khoăn của chính mình. Lời thơ không chỉ còn là lời trao đổi đơn thuần mà sinh động, có hồn vì nó là tiếng nói của chính các em.

Thứ hai, tái hiện những mẩu đối thoại trong thơ, các nhà thơ đã mở ra trước mắt các em biết bao điều kì lạ, giúp các em vươn tới những nhận thức mới mẻ. Qua đó, các em được rèn thói quen độc lập suy nghĩ , kích thích phát triển tư duy, bước đầu có khả năng khái quát, từ đặc điểm hình thức bên ngoài mà khám phá ra bản chất bên trong của sự vật, hiện tượng. Những khám phá mới ấy góp phần làm phong phú thêm tâm hồn của trẻ thơ, mang đến cho các em cái nhìn thú vị về cuộc sống.

Thứ ba, hình thức hỏi đáp khiến bài thơ ngắn gọn, chặt chẽ nhưng vẫn có tính biểu cảm, từ đó giúp các em trau dồi ngôn ngữ giao tiếp, nâng cao khả năng giao tiếp của mình trong cuộc sống.

Tóm lại, thông qua hình thức hỏi - đáp, trẻ em được khám phá bao điều bí ẩn, phát hiện ra *"Nhiều chuyện rất thật/ Mà lạ vô cùng"* (Phạm Hổ). Đặc biệt, những lời giải thích luôn gắn liền với đời sống hồn nhiên của chính các em nên không xa lạ, đao to búa lớn mà gần gũi, dễ hiểu, phù hợp với tư duy trẻ thơ, góp phần tăng thêm vốn tri thức cho trẻ.

4.2.2. Kết cấu vòng tròn

Kết cấu bài ca theo kiểu vòng tròn là biện pháp kết cấu đặc biệt, gần như cũng chỉ tồn tại duy nhất trong đồng dao (không có ở ca dao). Phạm Thu Yến nhận xét: "Kết cấu vòng tròn phù hợp với chức năng tổ chức trò chơi cho trẻ nhỏ. Trẻ em có thể chơi bao nhiêu lâu cũng được, trò chơi có thể kéo dài không dứt theo lối kết cấu đàn hồi này" [174, 37]. Đây cũng là vấn đề được B.M. Zurmunxki bàn tới: "Đặc điểm của cấu trúc này là câu cuối cùng trong bài ca nối vào với câu mở đầu của nó và do đó, bài ca vận động theo vòng tròn liên tục, không có kết thúc. Cấu trúc vòng tròn rất phù

hợp với các bài ca trò chơi..." [Dẫn theo 108, 319]. Kết cấu vòng tròn tạo cho trẻ sự hứng khởi, khi diễn xướng trẻ được thỏa mãn niềm tin: trò vui là vô tận và vị trí nào cũng bình đẳng. Về vấn đề này, Vũ Ngọc Khánh cũng có nhận xét xác đáng: "Ở đồng dao, từ ngôn ngữ đến điệu thức cho tới hành động, sự lặp đi lặp lại là bình thường, hình như lại là yêu cầu chủ yếu. Người lớn hát hay chơi như vậy sẽ thấy chán, song với trẻ em lại cần. Cùng một động tác trong trò chơi, một câu nói hay một tiếng hô trong bài hát được trở đi trở lại, càng trở lại các em càng thấy thích thú hơn, và chỉ chuyển đổi, thay thế tùy theo hứng khởi chứ không tuân theo quy tắc cấu trúc văn bản" [201, 777].

Kết cấu vòng tròn trong đồng dao cũng được biểu hiện dưới nhiều hình thức đa dạng. Theo thống kê, có 35/567 bài sử dụng kết cấu này, chiếm 6, 17%, tiêu biểu như *Chim ri là dì sáo sậu*, *Kì đà là cha cắc ké*, *Lúa ngô là cô đậu nành*, *Ba bà đi bán lợn con*, *Con kiến mà leo cành đa*, *Dung dăngdung dẻ*, *Nựng nựng nà nà*...

Trong thơ thiếu nhi hiện đại, mô hình kết cấu vòng tròn được tái sử dụng trong 47/ 600 bài, chiếm 7,83 %, chủ yếu theo hai phương thức sau:

4.2.2.1. Kết cấu vòng tròn lặp đầu cuối

Kết cấu vòng tròn lặp đầu cuối hay còn gọi là hình thức đầu cuối tương ứng có đặc điểm bài thơ mở đầu và khép lại bằng một câu hoàn toàn giống nhau, tạo cảm giác như một trò chơi vui nhộn, kéo dài không dứt. Đây là mô hình kết cấu của một số bài đồng dao như *Con hổ con hô*, *Rì rà rì rà*, *Dung dăng dung dẻ*, *Tùng tùng cắc cắc*, *Nựng nựng nà nà*... Ví dụ:

- *"**Rì rà rì rà/** Đội nhà đi chơi/ Gặp khi tối trời/ Úp nhà nằm ngủ/ Khi mặt trời tối/ Lại thò đầu ra/ **Rì rà rì rà**"*.

- *"**Cắc cắc tùng tùng**/ Tùng tùng cắc cắc/ Kẻ gian làng bắt/ Kẻ ngay làng tha/ Già trẻ đi ra/ **Tùng tùng cắc cắc**"*.

Trong đồng dao, chúng tôi nhận thấy sự lặp lại câu mở đầu và câu kết thúc có tác dụng như chiếc cầu nối kết chuỗi hình ảnh xuất hiện trong phần nội dung, chúng đứng ngoài khung cấu tạo của bài, có khi chỉ là lời đưa đẩy để trò chơi thêm vui vẻ. Với thơ thiếu nhi, những câu trùng lặp trong kết cấu như vậy có quan hệ chặt chẽ với khung cấu tạo chung của bài thơ, góp phần tô đậm cung bậc cảm xúc của nhân vật trữ tình. Dạng thức này được sử dụng trong những bài thơ như *Lượm* (TốHữu),

Chiếc xe lu (Trần Nguyên Đào), *Gửi lời chào lớp Một* (Hữu Tưởng), *Bài hát con kiến* (Trương Hữu Lợi), *Sang năm con lên bảy* (Vũ Đình Minh), *Hỏi lá hỏi hoa* (Cao Xuân Sơn), *Nu na nu nống* (Phạm Xuân Nguyên), *Tôi là chim chích* (Hoàng Minh Châu), *Kể cho bé nghe, Con bướm vàng, Tiếng võng kêu* (Trần Đăng Khoa), *Ông mặt trời óng ánh* (Ngô Thị Bích Hiền)... Trẻ có thể đọc đi đọc lại bài thơ nhiều lần theo lối quay vòng một cách thích thú.

Tuy không phải là nhà thơ chuyên sáng tác cho thiếu nhi nhưng Tố Hữu cũng có một số bài thơ viết về đề tài trẻ em để lại nhiều tình cảm xúc động cho độc giả. Trong số đó, ấn tượng nhất có lẽ là *Lượm*. Điểm đặc biệt của bài thơ là tác giả đã lặp lại hai đoạn thơ phần mở đầu và phần kết thúc để làm thành điệp khúc: *"Chú bé loắt choắt/ Cái xắc xinh xinh/ Cái chân thoăn thoắt/ Cái đầu nghênh nghênh/ Ca lô đội lệch/ Mồm huýt sáo vang/ Như con chim chích/ Nhảy trên đường vàng"*. Đoạn thơ có giá trị gợi hình cao xuất hiện đầu tác phẩm gợi tả hình ảnh chú bé liên lạc nhỏ nhắn, nhanh nhẹn, vui tươi, nhí nhảnh và nghịch ngợm. Kết thúc bài thơ, điệp khúc ấy lại vang thêm lần nữa như muốn khẳng định Lượm sẽ sống mãi cùng thời gian, trong lòng nhà thơ, trong tình thương nhớ, cảm phục của đồng bào Huế, trong chúng ta và các thế hệ mai sau.

Gửi lời chào lớp Một (Hữu Tưởng) viết về sự chia tay của các em nhỏ khi kết thúc năm học đầu tiên của bậc học phổ thông. Chia tay lớp một, các bạn có cái ngỡ ngàng, bâng khuâng vì phải xa lớp cũ, nơi có nhiều kỉ niệm gắn bó với mình. Đó là bảng đen, cửa sổ, là cô giáo kính mến... Bài thơ đầu tiên của cuộc đời, giản dị nhưng có sức mạnh đi thẳng vào trái tim non trẻ, đánh động được những tình cảm trong trẻo của tuổi học trò. Để tô đậm cảm xúc đặc biệt ấy, tác giả đã vận dụng tự nhiên kết cấu vòng tròn của đồng dao. Điệp khúc *Lớp Một ơi! Lớp Một* lặp lại đầu cuối bài thơ nghe vang vọng như tiếng đồng thanh tập thể: *"Lớp Một ơi! Lớp Một/ Đón em vào năm trước/ Nay giờ phút chia tay/ Gửi lời chào tiến bước"*. Âm điệu thơ nghe rộn ràng bởi đây là sự chia tay chứa chan hi vọng, chia tay để thấy mình đã trưởng thành hơn và gặp lại nhau trong niềm vui của năm học mới.

Kết cấu vòng tròn trong *Sang năm con lên bảy* giúp Vũ Đình Minh nói hộ nỗi lòng của những người cha khi chứng kiến sự trưởng thành hàng ngày của con cái. Mốc bảy tuổi như chiếc bản lề khép lại và mở ra hai quãng thời gian: Ngày hôm nay

con sống như trong cổ tích nhưng mai kia, lớn lên rồi, những hồn nhiên, tươi mát của tuổi thơ sẽ mất đi, nhường chỗ cho những lo toan về cuộc đời thật: "*Hạnh phúc khó khăn hơn/ Mọi điều con đã thấy"*. Cuộc đời muôn vàn khó khăn nhưng cũng có cái hay của nó: mỗi người sẽ cùng mọi người tạo nên cuộc sống, chẳng từ đâu xa mà "*Từ hai bàn tay con*". Điệp khúc *"Sang năm con lên bảy/ Cha sẽ đưa tới trường"* mở đầu và kết thúc bài thơ, đi trọn một dòng cảm xúc, vừa vui vừa thoáng lo âu: khi con đến trường là đã bắt đầu xa dần vòng tay yêu thương của bố, mẹ.

Kể cho bé nghe (Trần Đăng Khoa) là trường hợp tiêu biểu mang đậm dấu ấn tư duy đồng dao, kế thừa thành công bút pháp đồng dao trên nhiều phương diện, thậm chí có thể xem như khúc đồng dao mới. Về thể thơ, vần và nhịp: bài thơ sử dụng thể thơ bốn tiếng, ngắt nhịp chẵn đặc trưng của đồng dao, cứ hai dòng thơ tạo thành một đơn vị nghĩa. Về kết cấu: bài thơ cấu trúc theo lối điệp vòng tròn, mở đầu bằng câu *Hay nói ầm ĩ*, kết thúc quay lại bằng câu đó và tiếp tục theo lối hồi hoàn tái hiện bức tranh sinh hoạt thôn quê nhộn nhịp, đầy cảm xúc thân quen. Bài thơ cũng thể hiện được sức liên tưởng phóng túng của Trần Đăng Khoa. Mỗi loài vật, đồ vật trong bức tranh đó hiện ra với chức năng, âm thanh hay dáng điệu vui nhộn. Tuy không phải những kiến thức cao siêu nhưng vẫn được trẻ em yêu thích bởi nó mang dáng dấp một trò chơi đố vui, các em có thể nắm tay nhau vừa hát vừa chơi theo lối quay vòng vui vẻ: *"**Hay nói ầm ĩ**/ Là con vịt bầu/ Hay hỏi đâu đâu/ Là con chó vện/ Hay chăng dây điện/ Là con nhện con/ Ăn no quay tròn/ Là cối xay lúa/.../ Ríu ran cành khế/ Là cậu chích chòe/ Hay múa xập xòe/ Là cô chim trĩ/ **Hay nói ầm ĩ**...*".

Gần gũi với *Kể cho bé nghe* (Trần Đăng Khoa) là bài thơ *Ông mặt trời* (Ngô Thị Bích Hiền): "***Ông mặt trời óng ánh***/ *Tỏa nắng hai mẹ con*/ *Bóng con* và bóng mẹ/ *Dắt nhau đi trên đường*/ *Em nhíu mắt nhìn ông*/ *Ông nhíu mắt nhìn em*/ *Ông ở trên trời nhé*/ *Cháu ở dưới này thôi*/ *Hai ông cháu cùng cười*/ *Mẹ cười đi bên cạnh*/ ***Ông mặt trời óng ánh***". Kết cấu lặp đầu cuối cho ta thấy cái nhìn trong sáng, ngộ nghĩnh của trẻ thơ. Có lẽ chỉ có trẻ thơ mới có khả năng biến cái xa vời thành cái gần gũi, biến cái vô cùng của tự nhiên thành cái hiện hữu ngay trước mặt. Ngô Thị Bích Hiền đã "kéo" ông mặt trời ở trên cao xuống chơi với mình như một người bạn thân thiết bấy lâu. Cuộc sống thật đẹp, thật nên thơ qua cái nhìn của em bé: "*Hai ông cháu cùng cười*/ *Mẹ cười đi bên cạnh*/ *Ông mặt trời óng ánh*".

Nhìn chung, kết cấu vòng tròn lặp đầu cuối đã được các tác giả thơ thiếu nhi hiện đại sử dụng như một thủ pháp nghệ thuật hữu hiệu nhằm tô đậm cảm hứng chủ đạo của bài thơ, mang đến cho các em niềm vui khám phá như đang tham gia vào một trò chơi thú vị khi tiếp xúc với tác phẩm.

4.2.2.2. Kết cấu vòng tròn co giãn linh hoạt

Ngoài kết cấu vòng tròn lặp đầu cuối, mô hình kết cấu vòng tròn của đồng dao còn được biểu hiện dưới hình thức lặp đi lặp lại số lượng từ hoặc câu nhất định trong bài. Những bài đồng dao thuộc loại này thường được cấu thành trên thể lục bát hoặc thể bảy chữ, ít nhất có bốn câu, cứ hai câu tạo thành một hình ảnh, hình ảnh thứ hai là hình chiếu của hình ảnh thơ thứ nhất bằng cách đắp đổi luân phiên các vế trong câu cho nhau, mang đến cảm giác bài đồng dao kéo dài không hết. Ví dụ:

"Ba bà đi bán lợn con
Bán đi chẳng được lon ton chạy về
Ba bà đi bán lợn sề
Bán đi chẳng được chạy về lon ton"

Đến thơ thiếu nhi, hình thức kết cấu này được vận dụng kết hợp trong nhiều thể thơ khác nhau và được "biến tấu" linh hoạt tùy vào dụng ý nghệ thuật của tác giả. Có thể khái quát bằng hai công thức sau:

Thứ nhất, lặp lại những câu không giống nhau tuyệt đối về mặt từ ngữ nhưng chung dòng mạch ý tưởng để làm sáng tỏ hơn ý nghĩa của toàn bài. Lấy ví dụ bài *Thị* của Phạm Hổ: *"Lá xanh quả xanh/ Lặng im trên cành/ Lá xanh quả vàng/ Chim chuyền rung rinh"*. Sự đắp đổi các vế câu khiến bài thơ giống như bức họa giàu màu sắc, đường nét. Qua đó, bạn đọc hình dung cụ thể quá trình thay đổi của quả thị từ lúc đang xanh đến lúc chín thơm, mời gọi bầy chim đến.

Trần Nguyên Đào trong *Chiếc xe lu* mượn kết cấu vòng tròn thể hiện cái nhìn hóm hỉnh về hình dáng "to lù lù" của xe lu. Mở đầu tác giả giới thiệu: *"Tớ là chiếc xe lu/ Người tớ to lù lù"*. Kết bài có thay đổi một vài chữ cho thấy sự thay đổi trong quan niệm đánh giá thông thường, làm nổi bật sự cần cù, nhẫn nại đến quên mình, sự lù đù chậm rãi mà vẫn khẩn trương của xe lu: *"Tớ là chiếc xe lu/ Đừng chê tớ lù đù"*.

Thứ hai, lặp lại nguyên một câu ở đầu mỗi khổ thơ và cấu trúc ngữ pháp của từng đoạn thơ trong bài. Mô hình kết cấu này được Trần Đăng Khoa sử dụng nhuần nhuyễn trong nhiều bài thơ sáng tác từ thời kì niên thiếu, tiêu biểu như *Hạt gạo làng ta, Thả diều, Hà Nội, Ngắm hoa, Nói với con gà mái, Con cò trắng muốt...* Lấy ví dụ như trong bài *Hạt gạo làng ta*, câu thơ "Hạt gạo làng ta" mở đầu ở cả năm khổ thơ như "níu kéo người đọc phải theo suốt thời gian, đi đến tận cùng quá trình sinh thành ra hạt gạo." [91, 79]. Có thể nói, kết cấu vòng tròn học tập từ đồng dao đã góp phần giúp cho việc thể hiện những suy tư, cảm xúc khác nhau về hạt gạo được rõ ràng, tác động mạnh mẽ đến nhận thức và tình cảm của người đọc. Mỗi lần lặp lại là một lần bắt đầu một khám phá mới mẻ về hạt gạo. Khổ thứ nhất, khổ thứ hai, hạt gạo được nhìn từ sự vất vả, nhọc nhằn của người lao động. Khổ thứ ba, hạt gạo được nhìn từ phương diện thời đại: thời kì kháng chiến chống Mĩ. Khổ thứ tư, hạt gạo được khám phá từ công sức nhỏ bé của thế hệ trẻ thơ - một thế hệ trưởng thành trong chiến tranh, dũng cảm kiên cường để người lớn yên tâm ra tiền tuyến. Khổ cuối là sự khám phá trọn vẹn nhất về vẻ đẹp và sức mạnh mãnh liệt của hạt gạo, có ý nghĩa khái quát cao, mang đến cho tư duy trẻ thơ một sự cảm nhận thấm thía: những hạt gạo - "hạt vàng" nhỏ bé đó đã đồng hành suốt chiều dài lịch sử dân tộc, góp phần không nhỏ vào cuộc đấu tranh giải phóng đất nước. Từ đó khơi gợi ở các em tình cảm yêu thương, trân trọng đối với người lao động và trách nhiệm đối với Tổ quốc hôm nay.

Bài thơ *Cái con chìa vôi* của Nguyễn Lãm Thắng có kết cấu độc đáo do sự pha trộn của cả hai hình thức nói trên. Câu "Cái con chìa vôi" vừa mở đầu và kết thúc bài thơ vừa lặp lại ở đầu mỗi khổ tạo âm hưởng ngân nga, luyến láy đặc trưng. Qua kết cấu vòng tròn, hình ảnh chú chim chìa vôi tinh nghịch nhảy nhót chuyền cành trong không gian vườn tược thanh bình hiện lên sinh động, gieo vào lòng bạn đọc niềm vui náo nức: *"**Cái con chìa vôi**/ Đậu trên cành mít/ Nó kêu ríu rít/ Mít đã chín rồi/ **Cái con chìa vôi**/ Đậu trên cành quýt/ Nó kêu tíu tít/ Quýt vàng, quýt ơi!/ **Cái con chìa vôi**/ Đậu trên cành ổi/ Nó kêu í ới/ Ổi rụng mất rồi/ **Cái con chìa vôi**/ Đậu trên cành hót/ Giọng ca rất ngọt/ Như trái đầu mùa/ **Cái con chìa vôi**..."*. Lời thơ giản dị, không hoa mĩ nhưng nhờ lối nhân cách hoá kết hợp từ láy tượng hình nên vẫn có tính biểu cảm cao, khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống từ những vẻ đẹp bình dị nhất.

Nói tóm lại, việc vận dụng kết cấu vòng tròn với những hình thức khác nhau từ đồng dao đến thơ thiếu nhi không chỉ thể hiện sự dụng công của các tác giả trong quá trình sáng tạo mà còn phản ánh quá trình tư duy, vận động nghệ thuật của nhà thơ.

4.2.3. Kết cấu trùng điệp cú pháp

Trùng điệp là biện pháp kết cấu xuất hiện nhiều trong thơ ca dân gian để tô đậm chủ đề và làm tăng sức biểu hiện. "Kết cấu trùng điệp trong đồng dao là hình thức kết cấu trong đó có sự lặp lại của một số yếu tố tiêu biểu điển hình theo một quy tắc, quy luật nhất định để cấu trúc nên tác phẩm đồng dao. Các hình thức biểu hiện trùng điệp ở đây hoàn toàn thuộc về phương thức sáng tạo. Để tạo nên hình thức kết cấu cho tác phẩm đồng dao tác giả dân gian có thể sử dụng hình thức lặp ở các yếu tố như: điệp từ, ngữ, câu, đoạn, cú pháp... theo một khuôn mẫu nhất định, ở những vị trí khác nhau" [149, 112]. Theo chúng tôi khảo sát, thơ thiếu nhi hiện đại vận dụng nhiều nhất hình thức kết cấu trùng điệp cú pháp của đồng dao.

Kết cấu trùng điệp cú pháp thường xuất hiện trong các bài dưới dạng vè kể vật, kể việc.... Các câu trong bài liên kết với nhau nhờ yếu tố vần, giống nhau về cấu trúc ngữ pháp, cứ hai dòng thơ tạo thành một câu, diễn tả trọn vẹn một ý, nhằm miêu tả đặc điểm của sự vật, hiện tượng sao cho dễ nhớ nhất. Nguyễn Xuân Kính gọi đây là "các phán đoán tạo nên nội dung" [57, 270]. Chúng tôi thống kê được 60/567 bài sử dụng kết cấu này, chiếm 10,58 %. Ví dụ:

- *"...Dân yêu dân chuộng/ Là cá tràu ô/ Ăn nói hàm hồ/ Là con cá sứ/ Đày đi chốn xa/ Là con cá đẩy..."* (Họ nhà cá).

-*"...Hay la hay hát/ Là con bồ chao/ Hay bay bổ nhào/ Là con bói cá/ Hay đi thong thả/ Là bác cò ngàng..."* (Làng chim).

Nhìn vào hai ví dụ trên, có thể thấy mỗi cặp câu được cấu trúc theo dạng định danh: câu thứ nhất nêu đặc điểm sự vật + từ *là* + câu thứ hai nêu tên sự vật, cứ kéo dài như thế cho đến hết bài. Trùng điệp cú pháp như vậy tạo ra lối nói vui, vần vè, phục vụ nhu cầu hát và chơi của trẻ con, tạo nên âm hưởng vui vẻ, rộn ràng, nôm na, ngộ nghĩnh khi đọc hoặc hát bài ca lên thành lời đồng thời giúp trẻ dễ nhớ, dễ thuộc, dễ hình dung về sự vật, hiện tượng được miêu tả. Đây là biểu hiện của cách tư duy ngẫu hứng, ngộ nghĩnh theo kiểu trẻ con, nhiều khi không nhất thiết phải chính xác theo thực tế khách quan.

Trong thơ thiếu nhi, kết cấu trùng điệp cú pháp xuất hiện trong 75/600 bài, chiếm 12,5 %. Riêng tập *Gió từ đâu* của Quang Huy có 15/ 25 bài sử dụng hình thức này, chiếm 60%. Cách thức vận dụng hình thức kết cấu này cũng rất linh hoạt, cho thấy công phu sáng tạo của mỗi tác giả nhằm mang đến cho bạn đọc cảm giác mới mẻ, tránh sự lặp lại nhàm chán.

Để tạo sự dung dị, gần gũi, nhiều bài thơ láy lại hoàn toàn kết cấu trùng điệp cú pháp của đồng dao, toàn bài thơ sóng đôi từng cặp theo thể bốn chữ, mỗi cặp câu khái quát một đặc điểm của đối tượng được nói đến. Câu thứ nhất nêu lên định nghĩa bằng cách nói ví von, hình ảnh, nối với câu thứ hai bằng hệ từ "là". Có thể dẫn ra những bài thơ tiêu biểu như *Lời*, *Họ nhà mưa*, *Kể chuyện chim*, *Chuyện vui về cá*, *Chân nào tài nhất*, *Chẳng phải chuyện đùa* (Quang Huy), *Trái chín* (Đặng Hấn), *Kể cho bé nghe* (Trần Đăng Khoa), *Kể em nghe chuyện cá* (Nguyễn Duy Quế), *Đồng dao cây*, *Hay hát đồng dao* (Nguyễn Lãm Thắng)... Ví dụ:

- *"...Trái chín thành hoa/ Là bông nở trắng/ Càng chín càng đắng/ Là trái bồ hòn/ Chín khóc nỉ non/ Là thằng mít ướt..."* (Trái chín - Đặng Hấn).

- *"Mặc cho sóng dạt/ Là cậu cá Trôi/ Mặt trắng như vôi/ Là con Bạc Má/ Trả lời ấm ớ/ Là cá Lưỡi Trâu/ Chỉ dẫn vài câu/ Là con cá Trích..."* (Kể em nghe chuyện cá - Nguyễn Duy Quế).

- *"Thân mềm không trái/ Là ả Mía xanh/ Đẻ trứng trên cành/ Là cô Trứng Cá/ Suốt ngày khâu vá/ Là chị Cỏ May/ Tóc rũ thật dài/ Là o Dương Liễu..."* (Đồng dao cây - Nguyễn Lãm Thắng).

- *"Hay ưa gặm cỏ/ Là bò với trâu/ Hay tắm ao sâu/ Mẹ con nhà vịt/ Hay kêu ríu rít/ Là chú chim non..."* (Hay hát đồng dao - Nguyễn Lãm Thắng).

Kết cấu trùng điệp cú pháp học tập đồng dao mang đến cho các em nhỏ những tác phẩm thơ mộc mạc như lời nói hàng ngày nhưng cũng không kém phần sinh động. Mặt khác, bằng cách nói dân dã, hồn nhiên mà hóm hỉnh, các tác giả đã khéo léo lồng vào tác phẩm của mình nhiều kiến thức phong phú, góp phần mở rộng và nâng cao hiểu biết của các em về các lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống.

Bên cạnh đó, có những bài thơ dựa trên kết cấu trùng điệp cú pháp của đồng dao nhưng giản lược về hình thức diễn đạt để câu thơ súc tích, hiện đại hơn. Tiêu biểu như các bài *Những chiếc lá gặp nhau*, *Sao*, *Bao nhiêu thứ quả lạ kì*, *Từ cánh chim đến cánh*

tay, *Một trăm thứ hoa*, *Những con mắt* (Quang Huy), *Đỏ chon chót* (Đặng Hấn), *Bếp vui* (Nguyễn Hoàng Sơn), *Mỗi người mỗi việc* (Nguyễn Văn Chương)...

Có bài, tác giả lược bỏ hệ từ *là* giúp câu thơ ngắn gọn, gợi hình hơn trong thể ba chữ:

- *"Lá mía sắc/ Như lưỡi gươm/ Lá sen tròn/ Như nón hẹ/ Lá bông xẻ/ Như lông chim..."* (Những chiếc lá gặp nhau - Quang Huy).

- *"Đỏ chon chót/ Hoa mào gà/ Trắng ngà ngà/ Nõn cải bắp/ Tím ngăn ngắt/ Trái mồng tơi/ Sáng ngời ngời/ Đèn ngày hội*... (Đỏ chon chót - Đặng Hấn).

Có bài, tác giả sáng tác theo thể lục bát, lựa chọn hình thức diễn ý trọn vẹn trên một câu tương đương đơn vị một dòng thơ, tạo nên sự hàm súc, ví dụ:

- *"Cái rế nó bế cái nồi/ Thui thủi que cời đứng cạnh gắp than/ Đầu rau túm tụm họp bàn/ Hòn rấm nằm khàn đốt lửa chẳng đi..."* (Bếp vui - Nguyễn Hoàng Sơn).

- *"Cái chổi thấy rác quét nhà/ Cây kim sợi chỉ giúp bà vá may/ Quyển vở chép chữ cả ngày/ Ngọn mướp xòe lá, vươn "tay" leo giàn..."* (Mỗi người mỗi việc - Nguyễn Văn Chương).

Kết cấu trùng điệp cú pháp từ đồng dao đến thơ thiếu nhi còn được phát triển dưới nhiều phương thức khác, có thể là lặp lại một từ/ một cụm từ, lặp lại cấu trúc một câu/ một bộ phận của câu hoặc lặp cấu trúc cả khổ thơ. Ví dụ: *Một ông trăng*, *Vịt*, *Ý nghĩ đầu xuân* (Phạm Hổ), *Bận* (Trinh Đường), *Con mẻo con meo* (Phác Văn), *Bài hát trồng cây* (Bế Kiến Quốc), *Mùa thu của em* (Quang Huy), *Sắc màu em yêu* (Phạm Đình Ân), *Khi ta giở sách ra* (Thanh Quế), *Trò chơi*, *Dỗ em*, *Ơn thầy* (Dương Thuấn)...

Trong bài *Một ông trăng*, Phạm Hổ đã sử dụng hình thức lặp cấu trúc trên cấp độ câu đan để khắc họa những ấn tượng sâu đậm khác nhau về vầng trăng quê hương. Trăng không chỉ gắn với kỉ niệm tuổi thơ mà còn song hành cùng bước đi của lịch sử dân tộc: *"Trăng rước đèn/ Trăng thi hát/ Trăng thơ Bác/ Trăng bà ru/ Trăng thả diều/ Trăng gánh cỏ/ Trăng súng nổ/ Trăng giặc rơi/ Trăng nửa trời/ Trăng cả nước"*.

Hình thức này ta còn bắt gặp trong bài *Vịt*: "*Gà đẻ ban ngày/ Vịt đẻ ban đêm/ Gà đẻ: cục tác/ Vịt đẻ: lặng im*". Biện pháp lặp giúp Phạm Hổ lí giải gãy gọn, dễ hiểu sự khác nhau trong việc đẻ trứng của gà và vịt với trẻ thơ. Nhưng qua đó, ông còn muốn nói với các em điều có ý nghĩa lớn lao hơn: dù sinh đẻ theo cách nào,

những người mẹ cũng phải vắt kiệt sức mình để sinh thành nên những đứa con yêu. Bởi vậy, các em phải biết trân trọng công ơn sinh thành, dưỡng dục của người mẹ.

Bài thơ *Sắc màu em yêu* của Phạm Đình Ân sử dụng hình thức lặp lại cụm từ trong mỗi khổ để triển khai tứ thơ độc đáo. *Sắc màu em yêu* được phân thành tám khổ, nhịp 2/2 trong đó bảy khổ thơ đầu là bảy nét vẽ, bảy màu sắc tượng trưng cho những cảm xúc khác nhau, giản dị mà sâu sắc, chân thành mà thiêng liêng. Mỗi khổ mở đầu mà cụm từ "*Em yêu màu...*" kèm theo lời diễn giải. Các màu đỏ, xanh, vàng, nâu, trắng, đen, tím không còn là các màu sắc chung chung, nhàm chán mà trở nên gần gũi, thân thương, gợi cảm khi nó đi liền với những cảnh vật cụ thể ở các hoàn cảnh mà con người lưu tâm đến trong trạng thái có cảm xúc: màu xanh của *biển trời*, màu vàng của *cánh đồng*, màu nâu *vai áo mẹ*, màu trắng *trang giấy - tuổi thơ*, màu đen của đôi mắt, màu tím của *nét mực...* Tư duy trẻ thơ được nâng lên từng nấc để cuối cùng (khổ tám) "em" nhận ra rằng: *"Trăm nghìn cảnh đẹp/ Dành cho em ngoan/ Em yêu tất cả/ Sắc màu Việt Nam"*. Những màu sắc quý không chỉ làm đẹp thêm bức tranh Tổ quốc mà còn là khởi nguồn của niềm tự hào và tình yêu quê hương đất nước.

Dương Thuấn cũng sử dụng hình thức lặp lại cụm từ ở mỗi câu góp phần xây dựng nên những bài thơ đậm đà tính chất đồng dao, vừa hóm hỉnh vừa sâu sắc. Chẳng hạn như bài *Dỗ em*: "*Ngỗng bé ơi, sao mà bé ti/ Gà bé ơi, sao mà bé ti/ Vịt bé ơi, sao mà bé ti/ Cái bé bé ti/ Sao mà không cố ăn đi/ Cho lớn nhanh bằng chị bằng dì*". Khúc ru dỗ em của người chị miền núi thật hồn nhiên, dung dị. Người chị gọi em bằng những tên gọi thân mật của những con vật gần gũi trong nhà. Tình yêu của chị dành cho em không trừu tượng mà cụ thể qua ước muốn em lớn nhanh "bằng chị bằng dì". Bài thơ *Ơn thầy* lặp liên tiếp cụm từ "*Thầy dạy em chữ/ Thầy dạy cách nói/ Thầy dạy lời ăn/ Thầy cho tri thức*" để ca ngợi công ơn to lớn của thầy cô giáo.

Thơ thiếu nhi hiện đại phổ biến hình thức lặp cấu trúc cả khổ thơ. Khác với đồng dao thường là những câu liền mạch từ đầu đến cuối, thơ thiếu nhi nhiều bài được chia tách thành thành từng khổ, mỗi khổ biểu đạt trọn vẹn một ý nhưng cùng hướng về tư tưởng chung của tác phẩm. Với hình thức lặp này, câu mở đầu ở mỗi khổ thơ là giống nhau, cấu trúc cú pháp các câu trong mỗi khổ giống nhau, nhịp thơ lặp lại đều đặn. Tác dụng của biện pháp này là tạo âm hưởng nhịp nhàng, cân đối cho bài

thơ, trẻ dễ tiếp nhận bề mặt vỏ ngôn từ và nội dung ý nghĩa. Có thể kể những bài thơ tiêu biểu như *Ai dậy sớm* (Võ Quảng), *Bài hát trồng cây* (Bế Kiến Quốc), *Mùa thu của em* (Quang Huy), *Khi ta giở sách ra* (Thanh Quế)...

Bài thơ *Mùa thu của em* (Quang Huy) gồm bốn khổ thơ sáng tác theo thể bốn chữ, cấu tứ ba khổ đầu đều lặp lại câu mở đầu (cũng là tiêu đề của bài) gợi giọng điệu, cấu trúc những bài đồng dao. Mùa thu vốn là đề tài muôn thuở của văn học. Nhưng có lẽ ít ai lại "chủ quan hóa" mùa thu như Quang Huy. Không phải mùa thu của đất trời, của muôn người, của muôn đời mà là *Mùa thu của em* - của tuổi thơ. Quang Huy đã lựa chọn được giọng điệu trẻ thơ cũng như cách nói rất "nhi đồng": *"Mùa thu của em/ Là vàng hoa cúc"*, *"Mùa thu của em/ Là xanh cốm mới"*, *"Mùa thu của em/ Rước đèn họp bạn"*.

Với hình thức hai câu nối nhau bằng hệ từ "là" quen thuộc ta vẫn gặp trong đồng dao, Quang Huy đưa ra ba định nghĩa về *Mùa thu của em*, gói trong đó bao thân thương, trìu mến của tuổi thơ đối với mùa thu. Qua đó, gợi trong chúng ta một điều mới mẻ: các em không chỉ là người thưởng ngoạn, coi mùa thu như tài sản đất trời hào phóng ban tặng con người mà các em còn có quyền được làm chủ tài sản quý giá ấy. Khổ thơ kết với cách diễn đạt độc đáo cho thấy nét đẹp của tâm hồn tuổi thơ: các em không chỉ biết "nhận" mà còn biết "cho" để mùa thu đẹp thêm lên: *"Lật trang vở mới/ Em vào mùa thu"*.

Bài hát trồng cây (Bế Kiến Quốc) được viết trong một cuộc vận động sáng tác lời bài hát cho thiếu nhi do đó hình thức của bài thơ rất gần với lời một bài hát. Nhịp thơ nhanh, tiết tấu 3/5 nhí nhảnh gợi nhớ nhịp điệu của những bài đồng dao. Bốn trên năm khổ thơ sử dụng cấu trúc lặp làm chỗ dựa: *"Ai trồng cây/ Người đó có tiếng hát..."*, *"Ai trồng cây/ Người đó có ngọn gió..."*, *"Ai trồng cây/ Người đó có bóng mát..."*. Từng phân cảnh hiện ra lần lượt qua tiếng hát trong trẻo, ngây thơ của các em nhỏ trong tiết tấu 3/5 độc đáo. Bài thơ khép lại bằng ba câu thơ liền nhịp 3/3/3: *"Ai trồng cây/ Em trồng cây/ Em trồng cây..."* làm tăng thêm chất nhí nhảnh, gợi hình ảnh lũ trẻ dang tay nhau, cùng nhảy hát bên hàng cây mới trồng. Hai dòng thơ đều điệp lại *Em trồng cây* với ba dấu chấm lửng như tiếng reo vui kiêu hãnh của các em nhỏ. Nó khiến chúng ta liên tưởng đến tiếng reo cười sảng khoái *Ù à ù ập* trong những trò chơi trẻ thơ để rồi sau đó tất cả lại hào hứng, bắt tay vào cuộc chơi mới, cuộc làm mới hăng say và náo nhiệt.

Nhìn chung, kết cấu trùng điệp tiếp thu, vận dụng từ đồng dao đã được các nhà thơ thiếu nhi vận dụng uyển chuyển trong từng trường hợp nhằm tăng độ "kết dính" giữa các câu thơ, ý thơ từ đó khắc sâu ý tưởng mà tác giả muốn truyền đạt.

4.3. Vay mượn mô thức ngôn ngữ đồng dao

Văn học là nghệ thuật dùng ngôn từ làm hình thức biểu đạt. Là loại hình nghệ thuật mang tính nguyên hợp, đồng dao gắn liền với hình thức diễn xướng nên ngôn ngữ đồng dao có những đặc trưng riêng biệt, nổi bật nhất là tính chất kể (trần thuật). Khảo sát thơ thiếu nhi, chúng tôi nhận thấy rất nhiều tác phẩm chịu ảnh hưởng từ đặc điểm, mô thức ngôn ngữ đồng dao. Sau đây là một số khía cạnh nổi bật:

4.3.1. Mô thức kể

So với thơ ca trữ tình trong văn học viết, thơ ca trữ tình dân gian nói chung, ngôn ngữ đồng dao mang tính chất kể đậm hơn. Theo nghiên cứu của Chu Thị Hà Thanh, đặc điểm kể của ngôn ngữ đồng dao thể hiện ở hai phương diện: thứ nhất, lời kể được thực hiện "thông qua vai trò người kể chuyện" [149, 121], thứ hai, "kể được coi là hình thức biểu diễn nhằm thực hiện chức năng diễn xướng đồng dao" [149, 122]. Trong quá trình sáng tác, phương diện thứ nhất như Chu Thị Hà Thanh đã chỉ ra được các nhà thơ thiếu nhi vận dụng với mục đích cung cấp cho trẻ nhiều kiến thức phong phú hoặc mang đến cho trẻ những bài học ứng xử cần thiết trong cuộc sống dưới dạng thức kể chuyện bằng thơ.

4.3.1.1. Kể dưới hình thức liệt kê đơn giản

Hình thức này ta thường bắt gặp trong những bài đồng dao về các loài chim, các loài hoa/ quả/ rau... cung cấp cho các em nhiều kiến thức về tự nhiên, xã hội phong phú. Tuy nhiên, đó không phải là kiến thức hệ thống như tư duy người lớn mà là trình bày liệt kê, dừng lại ở những nét bề ngoài dễ nhớ, dễ phân biệt, kích thích trí tò mò, óc tưởng tượng, sáng tạo của trẻ. Nắm bắt được ưu thế này, nhiều tác phẩm thơ thiếu nhi hiện đại cũng chịu ảnh hưởng ngôn ngữ tự sự (kể) như vậy của đồng dao. Tuy nhiên, đây là lối kể bằng thơ nên không khô khan mà vẫn đảm bảo tính hình tượng, tính biểu cảm, đặc biệt là rất giàu nhịp điệu. Bài thơ không phân khổ, không có cốt truyện, nhân vật, sự kiện mà xây dựng từng cặp câu nối tiếp nhau kể vật, kể việc theo hướng liệt kê đặc điểm, tính chất. Người "kể" thuộc ngôi thứ ba, đảm bảo nội dung kể có tính khách quan. Tiêu biểu cho hình thức này là

những bài thơ trong tập *Chim gọi mùa, Gió từ đâu* của Quang Huy, *Mè hoa lượn sóng* của Thạch Quỳ, *Chợ chim* của Hữu Thỉnh, *Cánh*, *Trái chín* của Đặng Hấn, *Kể cho bé nghe* của Trần Đăng Khoa, *Kể em nghe chuyện cá* của Nguyễn Duy Quế, *Đồng dao cây*, *Hay hát đồng dao* của Nguyễn Lãm Thắng... Ngôn ngữ kể luôn kết hợp chặt chẽ với sự quan sát, liên tưởng thú vị tạo nên những bức tranh sống động về các loại cây, hoa, quả, các loài chim, cá nhằm mở rộng nhận thức cho các em. Ví như, một bài *Chuyện vui về cá* (Quang Huy) gồm hơn 70 câu thơ, giúp các em biết đến ba mươi lăm loại cá, từ cá mương, cá bống, cá trê, cá giếc... quen thuộc nơi đồng ruộng đến những loại cá lạ hơn như cá cháo, cá ngỗng, cá lim dim, cá lẹp, cá cào, cá trống... Bài thơ khá dài, toàn bài sử dụng cách kể theo lối liệt kê tuần tự nhưng dễ thuộc, dễ nhớ, không gây cảm giác nhàm chán bởi cách gieo vần chân kết hợp ngôn ngữ kể pha màu sắc hài hước. Tác giả đã cố gắng quan sát và tìm ra mối liên hệ giữa tên gọi của mỗi loại cá với từ miêu tả hành động, tính cách của chúng khiến bạn đọc có được hình dung thú vị: *"Hay nhìn ra nắng/ Là con cá Nheo/ Ương bướng khó chiều/ Là con cá Ngạnh/ Trực nhật hay tránh/ Là con cá Chuồn/ Ốm phải nhịn cơm/ Là con cá Cháo..."*.

Hay với hai mươi câu thơ trong *Chợ chim* (Hữu Thỉnh), các em có thể biết tới mười hai loại chim với mười hai động tác, hình ảnh khác nhau. Thể lục bát giúp ngôn ngữ kể trở nên uyển chuyển, gợi tả sắc nét hình ảnh mỗi loài chim qua một nét tính cách cụ thể. Những tu hú, sẻ con, chào mào, anh vũ... dường như đang hiển hiện sinh động trước mắt người đọc trong không khí rộn ràng, náo nức:

"*Đầu têu tu hú bay lên*
Sẻ con giục mẹ bỏ quên cả giày
Chào mào chưa nếm đã say
Chim sâu bận mọn nửa ngày mới sang
Anh vũ mua bán đàng hoàng
Ăn xong múa lộn cả làng cùng xem..."

Trong một số bài, bên cạnh lối kể khách quan, tác phẩm đan xen thêm lời bình luận, phát biểu cảm xúc của người viết. Hình thức này khiến lối kể vần vè truyền thống trở nên biểu cảm. Chẳng hạn, bài *Vè cái kẹo* của Nguyễn Hoàng Sơn vừa miêu tả cụ thể đặc điểm từng loại kẹo vừa có lời nhận xét, đánh giá: "*Kẹo vàng kẹo*

đỏ/ Kẹo cứng kẹo mềm/ Kẹo tròn làm em/ Kẹo vuông làm chị/ Mỗi người một vẻ/ Nhưng đều hiền sao/ Ăn nói ngọt ngào/ Rất yêu bạn trẻ".

Nhìn chung, cách thức cấu trúc bài thơ dưới dạng kể liệt kê, không có cốt truyện như một số bài đồng dao vẫn phát huy được ưu điểm của nó: giúp cho việc biểu đạt tri thức trong cuộc sống được mạch lạc, phù hợp với tư duy trực cảm của trẻ em.

4.3.1.2. Kể dưới hình thức thuật lại "mẩu chuyện nhỏ"

Nhà nghiên cứu thơ ca dân gian Nga T.M. Akimôva từng nhận định: "Trong bài hát trữ tình dân gian bao giờ cũng có cốt truyện cho dù cốt truyện có nhỏ và kém phát triển tới đâu chăng nữa" [Dẫn theo 174, 26]. Nhận định của T.M. Akimôva tuy có phần cực đoan nhưng đã phần nào nói lên được đặc điểm của một bộ phận bài ca trữ tình dân gian là có sự tham gia của yếu tố trần thuật (cốt truyện).

Khảo sát cuốn *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, chúng tôi thống kê được 12/ 567 (≈ 2,11%) bài đồng dao mang dáng dấp mẩu chuyện nhỏ. Những "mẩu chuyện" này cũng có bối cảnh, sự việc, diễn biến, kết quả như các bài *Thằng Bờm có cái quạt mo, Vè thằng nhác*... Mô thức kể chuyện bằng thơ khiến tác phẩm đạt đến sự hoàn chỉnh, chặt chẽ trong cấu trúc, phù hợp với tư duy trẻ thơ, các em có thể "kể" lại một cách dễ dàng. Với ưu thế đó, mô thức này cũng được một số nhà thơ thiếu nhi vận dụng. Nhiều tác phẩm vận dụng tính chất kể của ngôn ngữ đồng dao để thuật lại một câu chuyện hoàn chỉnh, có nội dung cốt truyện với đầy đủ tuyến nhân vật, sự kiện, tình huống hoặc kể lại một sự tích. Đây chính là điểm tạo nên nét khác biệt giữa thơ viết cho thiếu nhi và thơ viết cho người lớn. Nếu thơ viết cho người lớn, hầu hết là thơ tâm trạng bao gồm hệ thống cảm xúc, nỗi niềm, suy tưởng thì thơ viết cho các em có thể "kể" lại được, tạo nên tính chất "truyện trong thơ" độc đáo. Ngoài những truyện thơ như *Mèo đi câu cá* (Thái Hoàng Linh), *Nàng tiên ốc* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Bồ Câu và Ngan* (Phạm Hổ)..., những bài thơ ngắn cũng đều kể lại một sự việc, một hiện tượng như *Chú bò tìm bạn* (Phạm Hổ), *Gọi bạn* (Định Hải), *Ong và bướm* (Nhược Thủy), *Dán hoa tặng mẹ* (Khải Minh), *O tròn như trứng vịt* (Nguyễn Duy Quế)...

Trẻ em vốn lạc quan, yêu đời nên thường chúng sẽ thích những bài thơ vui, mang lại tiếng cười. Bài thơ *Mèo đi câu cá* của Thái Hoàng Linh mượn mô thức kể của đồng dao thuật lại câu chuyện vui vẻ, hài hước về anh em mèo trắng, mở đầu bằng sự kiện: "*Anh em mèo trắng/ Vác giỏ đi câu/ Em ngồi bờ ao/ Anh ra sông cái*".

Nhưng buổi đi câu đã không diễn ra như dự tính vì sự ỉ lại của hai anh em: mèo anh nghĩ đã có em nên thản nhiên nằm ngủ, mèo em lại nghĩ mình anh câu chắc cũng đủ rồi nên nhập vào bầy thỏ, hớn hở vui chơi. Kết thúc bài thơ, đôi mèo đành ôm bụng đói trở về: "*Lúc ông mặt trời/ Xuống núi đi ngủ/ Đôi mèo hối hả/ Quay về lều gianh/ Giỏ em, giỏ anh/ Không con cá nhỏ/ Cả hai nhăn nhó/ Cùng khóc meo meo*". Bên cạnh hình thức thuật chuyện có đầu có cuối, bài thơ gần gũi bởi cách sử dụng thể bốn chữ, ngắt nhịp 2/2 quen thuộc của đồng dao. Tính cách đôi mèo trong bài thơ phần nào có nét giống tính cách trẻ thơ ở ngoài cuộc sống, đôi khi cũng ham vui, quên việc. Bài thơ với những chi tiết dí dỏm có thể khiến các em cười khúc khích, thú vị nhưng qua đó, các em tự rút ra được bài học bổ ích cho mình.

Bằng trí tưởng tượng bay bổng, Nguyễn Duy Quế "kể" với bạn đọc về một lớp học đặc biệt. Lớp của học sinh vịt, cô giáo ngan nhưng lại đưa ra một khái niệm lạ lẫm khiến học trò ngơ ngác: "*Lớp vịt ngồi yên lặng/ Mé cầu ao sau nhà/ Cô ngan say sưa giảng/ O tròn như trứng gà/ Vịt nghe như nghe sấm/ Vừa học trước quên sau/ Giảng hoài mà chẳng thấm/ Như nước đổ lên đầu/ Cô giáo ngan nhanh trí/ Vội sửa lại giáo trình/ Và cả lớp đồng tình/ O tròn như trứng vịt*" (O tròn như trứng vịt). Bài thơ mượn hình thức kể chuyện vui để phản ánh một đặc điểm của tư duy trẻ thơ: trẻ em tiếp nhận vấn đề một cách cụ thể, cảm tính qua những gì gần gũi, thân thuộc nhất với chúng, không lí trí, trừu tượng, công thức như người lớn. Với các em, chữ O không nhất thiết chỉ có thể giống trứng gà mà chữ O còn có thể tròn như trứng vịt nữa. Thật hồn nhiên, giản dị, dễ hiểu, giúp các em nhớ lâu. Câu chuyện trong bài thơ không chỉ mang đến tiếng cười sảng khoái cho trẻ em mà thực sự còn là bài học có ý nghĩa cho các bậc cha mẹ cũng những người làm công tác giáo dục trẻ em.

Một số bài thơ hấp thụ mô thức kể của đồng dao xen lẫn yếu tố cổ tích, ngụ ngôn như *Ngỗng và Vịt*, *Bồ Câu và Ngan*, *Chuột anh và Chuột em* (Phạm Hổ), *Nàng tiên ốc* (Phan Thị Thanh Nhàn), *Gọi bạn* (Định Hải)...

Nàng tiên ốc của Phan Thị Thanh Nhàn là bài thơ có sức hấp dẫn đặc biệt với độc giả nhỏ tuổi, bởi bà đã kết hợp nhuần nhuyễn hai phương thức: phương thức kể của đồng dao và phương thức kể đan xen yếu tố kì ảo của truyện cổ tích. Giọng thơ tâm tình ngọt ngào, khơi gợi hứng thú, đưa các em đến với không gian vừa thần tiên vừa gần gũi: "*Xưa có bà già nghèo/ Chuyên mò cua bắt ốc/ Một hôm bà bắt được/*

Một con ốc rất xinh/ Vỏ nó biêng biếc xanh/ Không giống như ốc khác/ Bà thương không muốn bán/ Bèn thả vào trong chum". Pau- tôp - xki từng nói: "Trong thời thơ ấu, tất cả đều khác. Chúng nhìn thế giới bằng đôi mắt trong sáng và tất cả đối với chúng dường như đều rực rỡ hơn..." [Dẫn theo 87, 20]. Chính bởi nhìn thế giới bằng cặp mắt ngây thơ và tâm hồn trong sáng, trẻ em rất dễ tin tưởng về mọi điều kì diệu. Với các em, phép màu là có thật. X. Mác- sắc cũng cho rằng: "Độc giả nhỏ tuổi dễ tin nhiều hơn *người lớn*" [94, 65]. Chính vì vậy, văn học viết cho thiếu nhi cần đến trí tưởng tượng bay bổng, tạo nên những hình ảnh rực rỡ, thu hút các em. Dựa trên nét tâm lí ấy, Phan Thị Thanh Nhàn đã sáng tạo chi tiết biến hóa kì diệu: con ốc là nàng tiên đến với trần gian để giúp bà lão nghèo tốt bụng. Bài thơ kết thúc có hậu, phù hợp với tình cảm và tư duy trẻ thơ: "*Bà già thấy chuyện lạ/ Bèn cố ý rình xem/ Thì thấy một nàng tiên/ Bước ra từ chum nước/ Bà già bèn bí mật/ Đập vỡ vỏ ốc xanh/ Rồi ôm lấy nàng tiên/ Không cho chui vào nữa?/ Hai mẹ con từ đó/ Rất là thương yêu nhau*".

Ngoài ra, mô thức kể dưới hình thức thuật lại "mẩu chuyện nhỏ" của đồng dao còn có trong nhiều tác phẩm khác như: *Đốm sáng đêm mùa hạ*, *Chuyện ông già làm thuốc và con hổ bị thương*, *Bài học giữa rừng* (Quang Huy), *Bầu trời trong quả trứng*, *Chuyện kể về những dòng nước* (Xuân Quỳnh), *Chuyện bác rùa biết bay*, *Một cuộc du lịch* (Nguyễn Hoàng Sơn)... Nhìn chung, với phương thức kể, các tác giả đã mang đến cho thiếu nhi nhiều câu chuyện lí thú. Kể chuyện vật nhưng nội dung tác phẩm xoay quanh những vấn đề trong xã hội và sinh hoạt của con người. Sự kiện được kể theo thời gian tự nhiên, hình ảnh phong phú, sống động, phù hợp với tư duy cụ thể của trẻ, giúp trẻ dễ hiểu nội dung, ý nghĩa tác phẩm. Những câu chuyện bằng thơ được kể hấp dẫn không chỉ mang đến niềm vui mà còn ngân vang trong tâm hồn các em những điều có ý nghĩa, theo các em trong suốt cuộcđời.

4.3.2. Mô thức cải dạng lời đồng dao

Nhà thơ Tú Mỡ cho rằng: "Học tập ở vốn cũ dân tộc để làm thơ cho các em là một việc rất tốt, có thể giúp ta khá nhiều để tìm từ đặt câu cho thơ giữ vẻ dân tộc thuần túy" [145, 716]. Trên tinh thần này, nhiều nhà thơ hiện đại đã dựa vào lời đồng dao để cải biên, phóng tác, mang đến cho các em những tác phẩm hài hòa giữa vẻ đẹp truyền thống và tinh thần hiện đại. Chúng tôi gọi đó là mô thức cải dạng lời đồng dao, biểu hiện cụ thể như sau:

4.3.2.1. Cải dạng trên cơ sở lặp lại câu mở đầu của đồng dao

Về cấu tạo, nhiều bài đồng dao có những câu mở đầu như *Nu na nu nống, Chi vi chi vít, Chi chi chành chành*... (đồng dao Việt), *Ống áng ơi bươn đao* (đồng dao Thái), *U xú ề xề, mế tấm hề, mế tấm be* (đồng dao Mường)… đọc lên có thể không có nghĩa nhưng vẫn cần thiết bởi đó là những lời dẫn gây hứng thú cho trẻ em. Theo Vũ Ngọc Khánh, những lời dẫn này không phải được sáng tác một cách vô ý thức mà căn cứ trên hai quy tắc. Thứ nhất, cách đặt câu như vậy chứng tỏ người xưa hiểu tâm lí trẻ em và đã bắt chước cách diễn đạt của trẻ em trong giai đoạn tiền ngôn ngữ. Thứ hai, tác giả dân gian căn cứ vào động tác của một trò chơi, một hành động nào đó được nói đến rồi dùng phương pháp cấu tạo từ lấp láy, cấu tạo tiếng đệm mà phát triển thành một ngữ.

Trong thơ thiếu nhi hiện đại, người đọc có thể bắt gặp nhiều tác phẩm mà câu thơ mở đầu chính là sự vọng về của âm điệu đồng dao thân thiết thuở nào. Các tác giả giữ nguyên câu mở đầu, giữ nguyên hình thức kết cấu của đồng dao, phần lời còn lại có sự cải dạng. Hình thức này phổ biến với những bài thơ trong tập *Thi ca bình dân*. Khảo sát *Thi ca bình dân*, chúng tôi thấy có hiện tượng một bài đồng dao được cải dạng nhiều lần thành nhiều bài thơ khác nhau. Chẳng hạn, bài đồng dao *Dung dăng dung dẻ* ít nhất được cải dạng thành ba bài thơ: *Dung dăng dung dẻ* [201, 620], *Dung dăng* [201, 646], *Dung dăng* [201, 648], bài đồng dao *Chi chi chành chành* được cải dạng thành hai bài thơ cùng tên: *Chi chi* [201, 634], *Chi chi* [201, 640]. Theo chúng tôi, những bài thơ này có ưu điểm giữ được tính chất vui nhộn, đùa chơi của đồng dao, câu mở đầu quen thuộc của đồng dao xuất hiện mang tính chất đưa đẩy dẫn đến sự việc có tính hài hước, ví dụ: *"Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ đi chơi/ Đến hỏi ông Trời/ Xin vài cái bánh/ Gặp xe thì tránh/ Đội mũ trên đầu/ Đi chậm đi mau/ Lâu lâu lại hụp"* (Dung dăng - Trích *Thi ca bình dân* [201, 646]).

Tuy nhiên, ở giai đoạn sau, hình thức này có phần nhuần nhuyễn hơn với nội dung phản ánh mang chở tinh thần thời đại, tiêu biểu như những bài thơ trong tập *Trâu lá đa* của Lữ Huy Nguyên.

Mượn âm điệu của lời hát mở đầu trong trò chơi, Lữ Huy Nguyên tái hiện tinh thần quyết chiến của quân dân ta trong những năm chống Mĩ, khơi dậy tình yêu quê hương đất nước của thế hệ trẻ thơ: *"Chi chi/ Chành chành/ Trời xanh/ Nổi lửa/ Đóng cửa/ Nhà trời/ Chiếc nào/ Tới nơi/ Bắn rơi/ Chiếc ấy/ Cái thì/ Bốc cháy/ Cái nhào/ Lăn quay/ Bao nhiêu/ Máy bay/ Rơi đầy/ Mặt đất"* (Chi chi chành chành).

Tác giả có sự sáng tạo khi ngắt câu đồng dao bốn chữ thành thể hai chữ, gợi tả nhịp bước chân của trẻ trong trò chơi.

Trò chơi thả đỉa ba ba của những đứa trẻ sống dưới thời kì mưa bom bão đạn cũng đầy hào hứng trong tinh thần quyết tâm vào hang tối, trèo núi cao, qua rừng sâu tìm bắt Mỹ: *"Thả đỉa ba ba/ Kéo cả đội ta/ Vào rừng bắt Mỹ/ Nhớ tìm cho kĩ/ Đừng sót nơi nào..."* (Thả đỉa ba ba).

Với *Tập tầm vông*, qua lời đố vui "có - không" quen thuộc, các em được tiếp thêm ý thức chăm chỉ học hành để có những bông hoa điểm tốt: *"Tập tầm vông/ Vở nào không?/ Vở nào có?/ Tập tầm vó/ Vở nào có/ Lắm điểm mười?/ Ai học lười/ Bị điểm một/ Ai học tốt/ Được điểm mười"* (Tập tầm vông).

Đến *Đồng dao* của Hoài Khánh, bạn đọc lại có cảm giác như nhà thơ đã hóa thân thành trẻ nhỏ, cùng nhịp bước chân đưa trẻ thơ dạo qua những không gian vừa quen thuộc vừa kì diệu. Điệp khúc *"Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ đi chơi"* dẫn dắt các khổ thơ tạo âm điệu vui tươi của cuộc chơi, theo đó không gian trước mắt các em được mở rộng dần, từ cổng trường mẫu giáo ra phố xá đông vui, đến những cánh đồng lúa chín vàng và mùa xuân lan tỏa hương thơm ngày tết. Qua trò dung dăng dung dẻ, bé không chỉ cảm nhận trường học thân thiết, phố xá đông vui, hạt lúa là "hạt vàng" thơm dẻo mà còn biết thêm một điều thiêng liêng và cao quý: bé được sinh ra từ rất nhiều thương yêu của mẹ: *"Dung dăng mới biết/ Bé được sinh ra/ Từ trong lòng mẹ/ Dung dăng dung dẻ"*.

4.3.2.2. Cải dạng trên cơ sở lặp cấu trúc hoặc một đoạn lời đồng dao

Trong thơ thiếu nhi hiện đại, có hiện tượng một số bài đặt lại lời mới trên cơ sở cấu trúc bài đồng dao sẵn có. Sự rập khuôn cấu trúc mang đến cảm giác na ná đồng dao. Tiêu biểu cho hình thức này là *Mấy vần tươi sáng* (khuyết danh), một số bài thơ của Quang Huy, Phan Trung Hiếu.

Trong *Mấy vần tươi sáng* (khuyết danh, 1952), bài thơ *Dung dăng dung dẻ* hoàn toàn lặp lại cấu trúc đồng dao, thuật lại buổi đi chơi thú vị của trẻ thơ. Trong cấu trúc quen thuộc, tác giả (khuyết danh) lồng vào khá nhiều chi tiết gắn với đời sống trẻ thơ thời hiện đại: "*Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ đi "tua"/ Vãng cảnh đền chùa/ Những nơi thắng tích*", "*Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ chơi quanh/ Phong cảnh Hà Thành/ Hồ Tây, Trúc Bạch", "Dung dăng dung dẻ/ Dắt trẻ lên xe/ Từ biệt ra về/ Lòng ta hoan hỉ..."*.

Trong hai tập thơ gây được tiếng vang thời kì đầu đổi mới *Chim gọi mùa, Gió từ đâu*, Quang Huy khai thác triệt để mô hình cải dạng này. Những bài thơ như *Kể chuyện chim , Chuyện vui về cá, Họ nhà mưa*... dễ gợi liên tưởng đến những bài vè chim, vè cá... ngày xưa. Vậy mà những kiến thức Quang Huy truyền đạt không hề gây cảm giác tẻ nhạt, cũ kĩ hay khô khan như những bản "sưu tầm" thuần túy mà vẫn rất hấp dẫn nhờ cách "kể" có duyên và cái nhìn dí dỏm về vạn vật. Hình ảnh chim, cá mang đến sự bất ngờ vừa thật vừa lạ bởi được gán cho những đặc điểm, tính cách của con người:

- *"Hay đẻ trứng rơi/ Là nàng Tu hú/ Hay bắt sâu bọ/ Là chú Bã trầu/ Suốt ngày cãi nhau/ Là bầy Liếu điếu/ Õng à õng ẹo/ Là chị Chìa vôi..."* (Kể chuyện chim).

- *"Hay nhìn ra nắng/ Là con cá Nheo/ Ngày Tết thường treo/ Là con cá Đối/ Thắp đèn học tối/ Là con cá Dầu*... (Chuyện vui về cá).

Hay bài *Con chim chích chòe* của Phan Trung Hiếu:"*Con chim chích chòe/ Đậu ở vồng khoai/ Bảo mày học bài/ Mày kêu nhức óc/ Bảo mày xay thóc/ Mày la mỏi tay/.../ Lười làm nhác học/ Dốt đặc cán mai/ Chỉ thuộc mỗi bài/ Chích chòe chích chòe*".

Trong khu vườn tuổi thơ, *Con chim chích chòe* của Phan Trung Hiếu gợi nên thật nhiều suy nghĩ, đùa chơi nhưng chính là để mang đến cho bản thân mỗi em nhỏ bài học quý. Âm điệu vui nhộn đặc trưng của đồng dao xuyên suốt toàn bài mang lại cảm giác thư thái cho trẻ đồng thời nhắc nhở các em suy ngẫm để tránh được tính lười nhác đáng chê ấy. Có thể thấy mô hình cấu trúc bài thơ này lặp lại gần như nguyên vẹn từ bài đồng dao: *"Con chim chích chòe/ Mày ngồi đầu hè/ Mày nhá gạo rang/ Bảo mày vào làng/ Mày kêu gai góc/ Bảo mày gánh thóc/ Mày kêu đau vai/ Bảo mày ăn khoai/ Mày kêu khoai ngứa/ Bảo mày ăn dứa/ Mày kêu dứa chua..."*.

Ngoài ra, có một số tác phẩm thơ thiếu nhi sử dụng lại một đoạn lời của bài đồng dao nhưng vẫn hấp dẫn bởi nội dung hiện đại lồng trong đó như *Chi chi chành chành* (Lữ Huy Nguyên), *Chơi chuyền* (Thái Hoàng Linh). Ví dụ, một đoạn thơ trong bài *Chi chi chành chành* của Lữ Huy Nguyên: "**Chi chi/ Chành chành/ Cái đanh/ Thổi lửa/ Con ngựa/ Chết trương/** Hết đường/ Mĩ chạy". Nét mới mẻ, độc đáo ở đây là trò chơi trẻ thơ vốn quen thuộc với trẻ em bỗng mang ý nghĩa một sự thức nhận mới, cổ vũ tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm.

4.3.2.3. Cải dạng trên cơ sở kế thừa ý từ lời đồng dao

Trong thơ thiếu nhi có hiện tượng một số tác phẩm kế thừa cảm hứng, ý tứ từ phần lời của đồng dao nhưng để sáng tạo hình tượng mới. Ví như bài *Mọi thứ cần* của Định Hải: "*Mượn anh Công/ Bộ áo diện/ Mượn Gõ Kiến/ Chiếc mỏ già/ Mượn Sơn Ca/ Câu hát ngọt/ Mượn chú Cuốc/ Cả đôi chân/ Mọi thứ cần/ Không nên mượn/ Xin các bạn/ Lấy lại giùm/ Trả anh Công/ Bộ áo diện/ Trả Gõ Kiến/ Chiếc mỏ già/ Trả Sơn Ca/ Câu hát ngọt/ Trả chú Cuốc/ Cả đôi chân/ Mọi thứ cần/ Tôi sẽ có*". Bài thơ lấy ý từ một số bài đồng dao nói chuyện vay - trả những thứ đặc trưng nhất của mỗi đối tượng, ví dụ: "*Chú bé bắt được con công/ Đem về biếu ông/ Ông cho con gà/ Đem về biếu bà/ Bà cho quả thị/ Đem về biếu chị/ Chị cho quả chanh/.../ Buồng cau trả chú/ Tu hú trả anh/ Quả chanh trả chị/ Quả thị trả bà/ Con gà trả ông/ Con công phần tôi*". Kế thừa ý từ đồng dao, qua cách nói vay - trả vui vẻ kết hợp thể thơ ba chữ quen thuộc, Định Hải muốn truyền tải thông điệp ý nghĩa về tinh thần tự lập, tránh lối sống tầm gửi, tất cả mọi thứ phải do chính hai bàn tay mình làm ra.

Một số bài thơ trong tập *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa cũng được gợi ý từ đồng dao truyền thống như *Con cò trắng muốt, Đám ma bác Giun, Trăng sáng sân nhà em*. Bài *Con cò trắng muốt* lấy ý từ bài đồng dao *"Con cò đi đón cơn mưa/ Tối tăm mù mịt ai đưa cò về"*. Cũng là con cò dũng cảm "đi đón cơn mưa" nhưng nó không còn vẻ bé nhỏ, côi cút, tội nghiệp như câu hát cũ mà khỏe khoắn, mạnh bạo, tự do: *"Khi cơn mưa đen rầm đằng đông/ Khi cơn mưa đen rầm đằng tây/ Khi cơn mưa đen rầm đằng nam đằng bắc/ Em vẫn thấy/ Con cò/ Trắng muốt/ Bay ra đón cơn mưa"*. Bài *Đám ma bác Giun* phảng phất hình bóng bài đồng dao *Con cò chết rũ trên cây* với những suy nghĩ về thế sự, nhân tình. Hình ảnh đám ma trong thế giới loài vật một mặt phản ánh lối sống tình nghĩa ở nông thôn, một mặt cho thấy bóng dáng những hủ tục lạc hậu, chè chén mỗi khi có giỗ chạp, ma chay: *"Kiến Đen uống rượu la đà/ Bao nhiêu Kiến Gió bay ra chia phần"*. Mượn ý từ đồng dao nhưng với tinh thần sáng tạo nghiêm túc, Trần Đăng Khoa đã "biến cái tinh hoa văn hóa truyền thống thành cái của mình" [88, 162].

Như là đồng dao của Vi Thùy Linh mang bóng dáng của lời đồng dao khẩn nguyện *"Lạy trời mưa xuống/ Lấy nước tôi uống/ Lấy ruộng tôi cày/ Lấy đầy bát*

cơm...” khắc họa niềm vui giản dị, hồn nhiên của con người và cảnh vật khi ngóng đợi đón mưa về: *“Bà thì chăm khấn/ Trời mưa tôi nhờ!/ Cóc thì nghiến răng/ Thế là mưa xuống/ Trận mưa thật lớn/ Nước về xum xuê/ Ào ào từng bụi/ Bõ công chờ ghê!/ Mưa đưa cá về/ Mưa cho mùa đầy/ Mưa tuôn điện sáng...”*.

Như vậy, mô thức cải dạng lời đồng dao với những hình thức biểu hiện phong phú đã mang đến cho thơ thiếu nhi vẻ đẹp của sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Sự sáng tạo trên mô thức này vừa giúp các tác giả bảo lưu tính hồn nhiên đặc trưng vừa thể hiện thuyết phục những nội dung mang chiều sâu mới, đầy tính nhân văn.

Tiểu kết chương 4

Nhìn từ phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật, dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi biểu hiện một cách phong phú và đa dạng qua các yếu tố điển hình như thể thơ, vần và nhịp, kết cấu, ngôn ngữ.

Để trẻ dễ nhớ, dễ thuộc, các nhà thơ hiện đại thường vận dụng thể hai chữ, ba chữ, bốn chữ cùng cách gieo vần, ngắt nhịp của đồng dao. Khác với thơ viết cho người lớn, nhiều khi vần không phải yếu tố thật quan trọng thì trong thơ viết cho thiếu nhi, vần là yếu tố không thể thiếu. Thơ không chỉ có vần mà còn phải có cách gieo vần phù hợp với sự tiếp nhận của các em. Nhận thức được điều này, cách gieo vần chân, vần lưng cùng nhịp điệu chắc khỏe của đồng dao đã được nhiều nhà thơ vận dụng thành công, thậm chí nhiều bài thơ thiếu nhi có thể gọi là đồng dao mới. Tuy nhiên, có thể thấy, khi chuyển hóa vào thơ thiếu nhi, những yếu tố hình thức bên ngoài như thể thơ, vần, nhịp vẫn được bảo lưu nhưng tính chất “trò diễn” ngôn từ gắn liền với chức năng sinh hoạt thực hành đặc trưng của đồng dao gần như không còn nữa. Có sự khác biệt này bởi đồng dao gắn với trò chơi, phục vụ nhu cầu vui chơi của trẻ nên thường nương vào vần, nhịp, bỏ qua nghĩa trong khi thơ thiếu nhi không phải để “chơi” nên thường được qui về một ý nghĩa nhất định tùy theo ý đồ sáng tạo của người nghệ sĩ. Đây cũng là điểm hạn chế của thơ thiếu nhi hôm nay, khó có thể đạt đến tính hồn nhiên nhi nhiên như đồng dao xưa.

Kết cấu đồng dao là vấn đề còn nhiều phức tạp. Trong quá trình tìm hiểu, chúng tôi thấy thơ thiếu nhi chịu ảnh hưởng ba hình thức kết cấu từ đồng dao là kết cấu đối đáp, kết cấu vòng tròn và kết cấu trùng điệp cú pháp. Kết cấu đối đáp giúp

các tác giả phản ánh chân thực, sinh động những suy nghĩ, cảm nhận hồn nhiên của trẻ từ đó hướng các em đến với những khám phá bất ngờ, thú vị về cuộc sống xung quanh. Kết cấu vòng tròn mang đến cảm giác vui vẻ, bài thơ được cấu trúc giống như một trò chơi kéo dài không dứt, trên cơ sở đó, tư tưởng tác phẩm được khắc họa đậm nét hơn. Kết cấu trùng điệp cú pháp được vận dụng sáng tạo, mang đến cho bạn đọc cảm giác vừa gần gũi vừa mới mẻ.

Ngôn ngữ đồng dao là ngôn ngữ mang tính chất kể. Thơ thiếu nhi cũng chịu ảnh hưởng khá đậm nét tính chất kể của ngôn ngữ đồng dao. Bên cạnh hình thức bài thơ không phân khổ, kể liệt kê sự vật, sự việc đơn giản giúp trẻ có thêm những tri thức phong phú từ cuộc sống, một số nhà thơ lại vận dụng hình thức thuật lại một câu chuyện có cốt truyện, sự kiện, nhân vật. Đến với những câu chuyện bằng thơ, trẻ vừa được thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ vừa được đến với những bài học có ý nghĩa nhân sinh một cách nhẹ nhàng.

KẾT LUẬN

1. Văn học thiếu nhi nói chung và thơ thiếu nhi nói riêng là một bộ phận không thể tách rời của nền văn học Việt Nam hiện đại. Đề tài của chúng tôi nhằm mục đích đi sâu tìm hiểu và nhận diện dấu ấn tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi từ 1945 đến nay, với mong muốn ghi nhận sự tương tác giữa văn học dân gian và văn học viết, nhất là văn học viết cho thiếu nhi, sự kế thừa - tiếp nhận, sáng tạo - cách tân trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật khởi nguồn từ tư duy đồng dao. Từ đó cho thấy thành tựu của mảng thơ thiếu nhi từ sau 1945 đến nay cùng đóng góp của nó trong tiến trình vận động và phát triển của văn học thiếu nhi nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.

2. Xung quanh khái niệm đồng dao, cho đến nay, vẫn còn nhiều ý kiến luận bàn chưa thống nhất. Dựa trên quá trình tìm hiểu, khảo sát tư liệu, chúng tôi quan niệm đồng dao là một phức thể có ý nghĩa đặc biệt trong sinh hoạt nhi đồng. Đó là những lời hồn nhiên, mộc mạc, dành cho trẻ em hát và chơi, do trẻ em trực tiếp lưu truyền, diễn xướng. Căn cứ vào đặc điểm tâm lí lứa tuổi, vào cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ của thế giới trẻ thơ qua đồng dao, luận án xác định tư duy đồng dao là tư duy trẻ thơ biểu hiện qua sáng tác, dựa trên cơ chế tưởng tượng, liên tưởng đặc biệt. Tư duy đồng dao có một số đặc điểm như: tư duy ngây thơ, hồn nhiên, ngộ nghĩnh; tư duy trực cảm, hồn nhiên, trong trẻo, tư duy thể hiện nhãn quan bè bạn, tư duy mang tính ngẫu hứng, bất định, tự do, gắn với tính trò chơi.

Thơ thiếu nhi vừa là một bộ phận của văn học dân tộc vừa là một bộ phận của văn học thiếu nhi. Thơ thiếu nhi có thể do trẻ em sáng tác hoặc do người lớn sáng tác cho các em từ nhãn quan trẻ thơ. Dù xoay quanh đề tài nào, thơ thiếu nhi cũng cần phù hợp với tâm lí trẻ em, tức là cần sự hồn nhiên, ngây thơ, ngộ nghĩnh. Nắm bắt được đặc điểm này, thơ thiếu nhi đã tìm về đồng dao với cách tư duy đặc biệt của nó như tìm về một phương pháp sáng tác nhằm mang đến cho các em những bài thơ trong trẻo, vượt thoát khỏi sự nhàm chán của kinh nghiệm, lí tính. Qua đó, bản thân người cầm bút cũng được thỏa mãn khát vọng sáng tạo thơ ca, định hình cho mình một nét phong cách. Mối quan hệ giữa tư duy đồng dao và thơ thiếu nhi nằm

trong mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết, phản ánh một qui luật tất yếu trong nghệ thuật và được xây dựng trên nền móng cơ sở vững chắc.

3. Với đề tài này, chúng tôi đi vào giải quyết vấn đề nghiên cứu trên hai bình diện lớn là: dấu ấn tư duy đồng dao nhìn từ phương diện kiến tạo bức tranh thế giới trong thơ thiếu nhi và dấu ấn tư duy đồng dao nhìn từ phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật trong thơ thiếu nhi. Qua đó, cho thấy sự tiếp nhận văn hóa, văn học dân gian với thơ viết cho thiếu nhi đã tăng thêm giá trị thẩm mĩ, thu hút bạn đọc nhỏ tuổi với những nguyên tắc kiến tạo riêng của nó.

3.1. Trên phương diện kiến tạo bức tranh thế giới trong thơ thiếu nhi, chúng tôi nhận thấy dấu ấn tư duy đồng dao được phản chiếu trong cách nhìn thế giới vạn vật và thế giới trẻ thơ đầy màu sắc, sinh động, thể hiện tình bằng hữu, hướng thiện, làm giàu tâm hồn và tình cảm của trẻ thơ trong quan hệ giữa con người với vạn vật, với môi trường sinh thái. Đặc biệt, sự vận dụng linh hoạt yếu tố ngẫu hứng, tự do trong tưởng tượng, liên tưởng đã đem đến cái nhìn mới mẻ, muôn màu về thế giới xung quanh, phù hợp với tâm lí hiếu kì, thích tìm hiểu, khám phá của trẻ thơ khiến các em được sống, được "trò chơi hóa" trong thế giới của chính mình. Đó là thế giới đầy tình thân ái, tương giao, chưa mang nặng nỗi niềm hay bị chi phối bởi những quan niệm nhân sinh như người lớn.

3.2. Trên phương diện kiến tạo hình thức nghệ thuật trong thơ thiếu nhi, dấu ấn tư duy đồng dao nổi bật ở thể thơ ngắn và trò chơi vần nhịp: thể hai chữ, ba chữ, bốn chữ; ở sự tái lặp các dạng kết cấu quen thuộc: đối đáp, vòng tròn, trùng điệp cú pháp; ở sự vay mượn các mô thức ngôn ngữ đồng dao: mô thức kể, mô thức cải dạng lời đồng dao. Trên cơ sở những mô thức đồng dao quen thuộc, các tác giả thơ thiếu nhi đã nỗ lực tìm tòi, sáng tạo, đan xen hình ảnh hoặc ý tưởng mới cho phù hợp với tâm lí thiếu nhi hôm nay. Từ đó, cho thấy sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và cách tân, mang ý nghĩa nhân văn, thỏa mãn thị hiếu của lứa tuổi măng non. Tất cả nhằm hướng đến tiêu chí "sáng về nhận thức và trong về nghệ thuật" [84].

4. Theo dõi tiến trình phát trình phát triển của thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay, chúng tôi nhận thấy ý thức tiếp nhận đồng dao của thơ thiếu nhi phát triển

theo hai khuynh hướng. Khuynh hướng thứ nhất, rập khuôn mô hình đồng dao cả về ngôn ngữ, diễn đạt, hình thức biểu hiện, tiêu biểu như các sáng tác trong tập *Thi ca bình dân* hay thơ Quang Huy, Thạch Quỳ, Lữ Huy Nguyên... Khuynh hướng thứ hai, kết hợp hài hòa các yếu tố truyền thống và hiện đại, dấu ấn tư duy đồng dao có khi không hiển lộ ở bề mặt câu chữ mà ẩn trong cách nhìn, cách khám phá, lí giải thế giới từ điểm nhìn trẻ thơ, tiêu biểu như thơ Phạm Hổ, Định Hải, Xuân Quỳnh, Cao Xuân Sơn, Nguyễn Hoàng Sơn, Vi Thùy Linh, Nguyễn Lãm Thắng, Nguyễn Thế Hoàng Linh... Tuy nhiên, dù theo khuynh hướng nào, cũng không thể phủ nhận rằng, kho tàng đồng dao phong phú đã để lại cho thế hệ nhà thơ hôm nay một bài học sáng tác quí giá: thơ muốn đi vào đời sống tinh thần của các em, để được các em yêu thích cần có sự hồn nhiên, tươi mát, dí dỏm, không nên biến bài thơ thành bài học giáo dục đạo đức khô cứng, sống sượng. Mọi sự sáng tạo về nhạc điệu, hình ảnh, ngôn ngữ phải bắt nguồn từ chính đời sống và tâm lí của các em. Nhà thơ phải nhìn trẻ em như một chủ thể bình đẳng, không nên gò ép mà cần kích thích trí tưởng tượng của trẻ phát triển tự nhiên. Vấn đề đặt ra là, để đáp ứng nhu cầu của thế hệ thiếu nhi trong thời đại vi tính hôm nay, các tác giả phải tiếp tục đào sâu thêm những mảng đề tài mới, tìm thêm những hình thức biểu đạt mới trên nền mĩ cảm truyền thống của cha ông.

5. Đề tài của chúng tôi đi sâu nghiên cứu những biểu hiện cụ thể của tư duy đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam từ 1945 đến nay song do điều kiện còn hạn chế nên chúng tôi mới chỉ khảo sát được bộ phận đồng dao người Việt và đi sâu vào một số tác giả - tác phẩm thơ thiếu nhi tiêu biểu, trong đó có nhữngtác giả đã quen thuộc, ổn định về mặt phong cách nên có thể độ bao quát chưa phủ rộng được hết. Các vấn đề thuộc về tư duy đồng dao có thể còn những phương diện chúng tôi chưa khai thác được triệt để. Hi vọng rằng vấn đề nghiên cứu này còn có điều kiện nâng cao, bổ sung, hoàn thiện để có cái nhìn sâu sắc, thấu đáo hơn về tư duy đồng dao cũng như dấu ấn của nó với thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thị Minh, *Thế giới trẻ thơ trong tập thơ "Bài ca trái đất" của Định Hải*, Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 19/ 2012.

2. Trần Thị Minh, *Hình thức chơi mà học, học mà chơi trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại (Qua cái nhìn đối sánh với bộ phận đồng dao gắn với trò chơi)*, Tạp chí Khoa học, Trường ĐHSP Hà Nội 2, số 32/ 2014.

3. Trần Thị Minh, *Các mô thức đồng dao trong thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại*, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 6 (103) - 2016.

4. Trần Thị Minh, *Thể vãn hai, vãn ba từ đồng dao đến thơ thiếu nhi*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 384, tháng 6/ 2016.

5. Trần Thị Minh, *Thể thơ bốn chữ từ đồng dao đến thơ thiếu nhi Việt Nam hiện đại*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số tháng 09 (40)/ 2016.

6. Trần Thị Minh, *Kết cấu đối đáp trong thơ viết cho thiếu nhi*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 388, tháng 10/ 2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách nghiên cứu - Giáo trình - Tạp chí

1. Aristôt (1999), *Nghệ thuật thi ca*, (Lê Đăng Bảng, Thành Thế Thái Bình, Thành Thế Yên Bái dịch), Nxb. Văn học (tái bản), Hà Nội.

2. M. Arnauđôp (1978), *Tâm lý học sáng tạo văn học* (Hoài Lam và Hoài Ly dịch), Nxb Văn học, Hà Nội.

3. Lại Nguyên Ân (biên soạn) (2004), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Vũ Ngọc Bình (1993), "Văn học thiếu nhi trong tiến trình đổi mới", Tạp chí *Văn học*, số 5.

5. Trần Lê Bảo (1997), "Về những bài đồng dao trong *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 2.

6. Trần Lê Bảo (2009), "Về tư duy nghệ thuật của thơ Đường", Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 8 (96).

7. Nguyễn Thị Bình (2008), "Tư duy thơ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 5.

8. Trần Hòa Bình (1989), "Từ những bài đồng dao đến thơ cho các em hôm nay", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1.

9. Vũ Ngọc Bình (1987), *Đồng thoại qua ngòi bút của Võ Quảng*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

10. Huy Cận (1966), "Không ngừng thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của tuổi trẻ", Báo *Văn nghệ*, số 159.

11. Nguyễn Phan Cảnh (2006), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

12. Trúc Chi (2000), *Thơ và tuổi thơ*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.

13. Mai Ngọc Chừ (1999), *Vần thơ Việt Nam dưới ánh sáng ngôn ngữ học*, Nxb. Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.

14. Nguyễn Nghĩa Dân (2006), "Tìm hiểu về hệ thống đồng dao Việt Nam", Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 1.

15. Nguyễn Nghĩa Dân (2007), *Đồng dao và ca dao cho trẻ em*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

16. Nguyễn Văn Dân (1999), *Nghiên cứu văn học - Lí luận và ứng dụng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

17. Chu Xuân Diên (2001), *Văn hóa dân gian - mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

18. Vũ Dũng (2000), *Từ điển tâm lí học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

19. Cao Huy Đỉnh (1976), *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

20. Hà Minh Đức (1974), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

21. Hà Minh Đức (1987), *Thời gian và trang sách*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

22. Hà Minh Đức (1998), *Đi tìm chân lí nghệ thuật*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

23. Hà Minh Đức (chủ biên) (2001), *Lí luận văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

24. Hà Minh Đức (2012), *Một thế kỷ thơ Việt Nam (1900 - 2000)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

25. Nguyễn Xuân Đức (2000), *Những vấn đề thi pháp văn học dân gian*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

26. V.E. Guxep (1999), *Mỹ học folklore* (Hoàng Ngọc Hiến dịch), Nxb. Đà Nẵng.

27. Raxun Gamzatốp (1984), *Đaghetxtan của tôi, Quyển I* (Phan Hồng Giang, Bằng Việt dịch), Nxb. Cầu vồng, Matxcơva.

28. Nguyễn Bích Hà (2008), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

29. Phạm Minh Hạc (1992), *Một số vấn đề tâm lý học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

30. Phạm Minh Hạc (tuyển chọn, chủ biên) (1996), *Tuyển tập tâm lý học Piaget* (Nguyễn Ánh Tuyết dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

31. Phạm Minh Hạc (1997), *Tâm lý học Vưgôtxki*, Nxb. Giáo dục, 1997.

32. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2009), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

33. Nguyễn Văn Hạnh - Huỳnh Như Phương (1995), *Lí luận văn học vấn đề và suy nghĩ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

34. Nguyễn Đức Hạnh (2002), *Ảnh hưởng của thơ ca dân gian trong thơ ca Việt Nam hiện đại*, Luận án Tiến sĩ Văn học, Viện Văn học, Hà Nội.

35. Văn Hồng (1986), *Hoa trái mùa đầu*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

36. Văn Hồng (1997), *Mười năm ghi nhận*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

37. Văn Hồng (2012), *Văn học thiếu nhi - Nửa thế kỉ, một con đường*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

38. Nguyễn Quang Hồng - Phan Diễm Phương (2017), *Âm tiết Tiếng Việt và ngôn từ thi ca (Chuyên luận thi học)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

39. Nguyễn Văn Hòa (2012), "Đọc tập thơ *Giấc mơ buổi sáng* của Nguyễn Lãm Thắng". Nguồn: vanthoviet.com ngày 31/05/2012.

40. Tô Hoài (1960), *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

41. Tô Hoài (1977), *Sổ tay viết văn*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội.

42. Tô Hoài (2000), "Đôi điều về văn học cho thiếu nhi hiện nay", Tạp chí *Văn nghệ quân đội*, số 200.

43. Nguyễn Trọng Hoàn (2001), *Rèn luyện tư duy sáng tạo trong dạy học tác phẩm văn chương*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

44. Nguyễn Trọng Hoàn (2003), *Nhà văn trong mắt nhà văn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

45. Hoàng Ngọc Hiến (1994), "Về bản sắc dân tộc và cộng sinh văn hóa, về tính dân tộc và tính thời đại", Tạp chí *Văn học* (11).

46. Hoàng Ngọc Hiến (1999), *Năm bài giảng về thể loại*, Nxb. Giáo dục,Hà Nội.

47. Trần Ngọc Hiếu (2009), "Từ đồng dao đến thơ hiện đại: Trường hợp Trần Dần", in trong *Nghiên cứu văn học Việt Nam - Những khả năng và thách thức*, Nxb. Thế giới.

48. Trần Ngọc Hiếu (2012), *Lý thuyết trò chơi và một số hiện tượng thơ Việt Nam đương đại*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học Sư phạm Hà Nội.

49. Lưu Hiệp (1999), *Văn tâm điêu long* (Phan Ngọc dịch), Nxb. Văn học (tái bản), Hà Nội.

50. Nguyễn Thị Huế (2003), "Đồng dao về trăng và trung thu của trẻ em các dân tộc Việt Nam", Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, số 3 (8).

51. Đoàn Trọng Huy (2007), *Tinh hoa văn thơ thế kỷ XX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

52. Bùi Công Hùng (1983), *Góp phần tìm hiểu nghệ thuật thơ ca*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

53. Bùi Công Hùng (1989), "Vài ý kiến sơ bộ về mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết hiện nay", Tạp chí *Văn hóa dân gian* (1).

54. Bùi Công Hùng (2000), *Quá trình sáng tạo thơ ca*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

55. Châu Minh Hùng - Lê Nhật Ký (2007), Chuyên đề *Hệ thống thể loại văn học cho thiếu nhi*, Bộ giáo dục và đào tạo - Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Hà Nội.

56. Đỗ Thị Thu Huyền (Tuyển chọn và giới thiệu) (2009), *Dương Thuấn - Hành trình từ bản Hon*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

57. Nguyễn Xuân Kính (2004), *Thi pháp ca dao*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

58. Nguyễn Kiên (1986), "Về sức tưởng tượng của đồng thoại", Báo *Văn nghệ*, số ra ngày 5/ 4/ 1986.

59. Lê Đình Kỵ (1999), *Phê bình nghiên cứu văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

60. Lê Nhật Ký (2009), "Đặc điểm truyện đồng thoại của Võ Quảng", Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, 3/2009.

61. Phạm Khải (2006), *Bình thơ cho học sinh tiểu học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

62. Nguyễn Khải (1998), "Cặp mắt trong veo của trẻ thơ", Tạp chí *Thế giới mới*, số 6.

63. Đinh Gia Khánh (chủ biên) - Chu Xuân Diên - Võ Quang Nhơn (2008), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

64. Lê Kinh Khiên (1980), "Một số vấn đề lý thuyết chung về mối quan hệ văn học dân gian - văn học viết", Tạp chí *Văn học* (1).

65. Nguyễn Xuân Lạc (1998), *Văn học dân gian trong nhà trường*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

66. Đinh Trọng Lạc (2001), *99 phương tiện và biện pháp tu từ Tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

67. Đinh Trọng Lạc (chủ biên) - Nguyễn Thái Hòa (2009), *Phong cách học TiếngViệt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

68. Thạch Lam (1988), *Tuyển tập Thạch Lam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
69. Mã Giang Lân (2000), *Tìm hiểu thơ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
70. Mã Giang Lân (2004), *Thơ - hình thành và tiếp nhận*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
71. Mã Giang Lân (2004), *Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội
72. Mã Giang Lân (2011), *Những cấu trúc của thơ*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
73. Nguyễn Lân (2003), *Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
74. Phong Lê (1995), "Đi tìm đặc trưng của văn học thiếu nhi", Tạp chí *Văn học*, số 5.
75. Phong Lê - Vũ Văn Sỹ - Bích Thu - Lưu Khánh Thơ (2002), *Thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
76. Đặng Thanh Lê (1983), "Từ một kiệt tác văn học - suy nghĩ về mối quan hệ ảnh hưởng giữa văn học dân gian và văn học viết", Tạp chí *Văn học (*1).
77. D.X. Likhachep (2010), *Thi pháp văn học Nga cổ* (Phan Ngọc dịch), Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Nxb. Văn học, Hà Nội.
78. Nguyễn Văn Long (2002), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
79. Nguyễn Văn Long (chủ biên) - Nguyễn Thị Bình - Lã Thị Bắc Lý - Mai Thị Nhung - Trần Đăng Suyền, *Giáo trìnhVăn học Việt Nam hiện đại, tập II* (từ sau Cách mạng tháng Tám 1945), Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
80. Đặng Văn Lung (1989), "Vai trò của văn học dân gian trong sự phát triển văn học dân tộc", Tạp chí *Văn học* (2).
81. Phương Lựu (1989), *Tinh hoa lí luận văn học cổ điển Trung Quốc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
82. Phương Lựu (chủ biên) - Nguyễn Nghĩa Trọng - La Khắc Hòa - Lê Lưu Oanh (2002), *Lí luận văn học, tập I: Văn học, nhà văn, bạn đọc*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
83. Phương Lựu - Trần Đình Sử - Nguyễn Xuân Nam - Lê Ngọc Trà - La Khắc Hòa - Thành Thế Thái Bình (2006), *Lí luận văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
84. Lê Phương Liên (2009), "Viết cho thiếu nhi là viết cho tương lai", Báo *Văn nghệ*, số 40.

85. Lã Thị Bắc Lý (1988), "Bước đầu tìm hiểu đồng dao trong hệ thống thơ cho nhi đồng", Tạp chí *Văn học*, số 2.

86. Lã Thị Bắc Lý (1993), "Truyện đồng thoại với giáo dục mẫu giáo", Tạp chí *Văn học*, số 6.

87. Lã Thị Bắc Lý (2008), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ mầm non*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

88. Lã Thị Bắc Lý (2011), *Giáo trình Văn học trẻ em*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

89. Lã Thị Bắc Lý (2011), "Thơ viết cho thiếu nhi của Dương Thuấn - Khúc ca cao nguyên", Tạp chí *Khoa học*, Trường ĐHSP Hà Nội, số 2.

90. Lã Thị Bắc Lý (2012), *Giáo trình Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

91. Lã Thị Bắc Lý (chủ biên) (2015), *Văn học thiếu nhi trong nhà trường*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

92. Lã Thị Bắc Lý (2016), *Văn học thiếu nhi Việt Nam thời kỳ hội nhập*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

93. Nguyễn Đăng Mạnh (2002), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

94. X. Mác - sắc (1954), *Vấn đề sáng tác cho thiếu nhi*, Nxb. Văn nghệ.

95. Nhiều tác giả (1960), *Kinh nghiệm viết cho các em*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

96. Nhiều tác giả (1982), *Vì trẻ thơ*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.

97. Nhiều tác giả (1982), *Văn học và trẻ em*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

98. Nhiều tác giả (1983), *Bàn về văn học thiếu nhi*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

99. Nhiều tác giả (1993), "Nghĩ và viết cho các em", Tạp chí *Văn học*, số 5.

100. Nhiều tác giả (1993), "Văn học thiếu nhi trên thế giới", Tạp chí *Văn học*, số 5.

101. Nhiều tác giả (2005), *Thông báo Văn hóa dân gian 2005 (Kỷ yếu hội nghị khoa học, Viện nghiên cứu Văn hóa tổ chức)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

102. Nhiều tác giả (2007), *Từ điển văn học (bộ mới)*, Nxb. Thế giới.

103. Nhiều tác giả (2009), Kỉ yếu hội thảo *Những ảnh hưởng của văn học thiếu nhi đến sự phát triển nhân cách trẻ em trong thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

104. Nhiều tác giả (2009), Kỉ yếu hội thảo *Mối quan hệ giữa văn học dân gian và văn học viết*, Đại học Sư phạm Hà Nội.

105. Vũ Tú Nam (1996), *Văn miêu tả và kể chuyện*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

106. Lạc Nam (1996), *Tìm hiểu các thể thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

107. A.M. Nôvicôva (1983), *Sáng tác thơ ca dân gian Nga, tập I* (Đỗ Hồng Chung - Chu Xuân Diên dịch), Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

108. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên) (2003), *Văn học dân gian những công trìnhnghiên cứu*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

109. Vũ Nho (2000), *Trần Đăng Khoa - thần đồng thơ ca*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

110. Trần Đức Ngôn - Dương Thu Hương (2008), *Giáo trình Văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

111. Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức (1971), *Các thể thơ ca và sự phát triển của hình thức thơ ca trong văn học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

112. Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức (2003), *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

113. Triều Nguyên (2009), *Tìm hiểu về đồng dao người Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

114. Lê Lưu Oanh (2006), *Văn học và các loại hình nghệ thuật*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

115. K. Pautôpxki (2001), *Bông hồng vàng* (Kim Ân dịch), Nxb.Văn hóa - thông tin, Hà Nội.

116. G.N. Pôspêlốp (chủ biên) (1985), *Dẫn luận nghiên cứu văn học, tập I* (Trần Đình Sử - Lại Nguyên Ân - Nguyễn Nghĩa Trạng dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

117. G.N. Pôspêlốp (chủ biên) (1985), *Dẫn luận nghiên cứu văn học, tập II* (Trần Đình Sử - Lại Nguyên Ân - Lê Ngọc Trà dịch), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

118. J. Piaget (2016), *Sự hình thành biểu tượng ở trẻ em: bắt chước, trò chơi và giấc mơ, hình ảnh và biểu trưng* (Nguyễn Xuân Khánh, Hoàng Hưng dịch), Nxb. Tri thức, Hà Nội.

119. Lê Trường Phát (2000), *Thi pháp văn học dân gian*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
120. Hoàng Phê (chủ biên) (2014), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
121. Võ Quảng (1968), "Làm thơ cho thiếu nhi", Tạp chí *Văn học*, số 12.
122. Võ Quảng (1973), "Đến với các em như thế nào", Báo *Văn nghệ*, số 449, 25/ 5/ 1973.
123. Võ Quảng (1982), "Một số ý nghĩ xung quanh vấn đề sách viết cho thiếunhi", Tạp chí *Học tập*, 4/1982.
124. Võ Quảng (1988), *Đồng thoại cho thiếu nhi*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
125. Phan Quế (1999), "Đừng bắt trẻ con làm đồng niên với mình", Tạp chí *Vì trẻ thơ*, số 1022, tháng 7.
126. Lê Chí Quế (1998), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
127. Chu Văn Sơn (2007), *Thơ - điệu hồn cấu trúc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
128. Chu Văn Sơn (2016), "Ra vườn nhặt nắng và giọt sương thơ", Báo *Văn nghệThái Nguyên*, bản điện tử, ngày 5/7/2016.
129.Trần Đình Sử (1995), *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
130. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
131. Trần Đình Sử (2003), *Lý luận và phê bình văn học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
132. Trần Đăng Suyền (2003), "Thế giới nghệ thuật thơ Trần Đăng Khoa thời kì niên thiếu", Tạp chí *Văn học*, số 4.
133. Trần Đăng Suyền (2014), *Phương pháp nghiên cứu và phân tích tác phẩm văn* học, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
134. Nguyễn Thanh Tâm (2015), *Loại hình thơ mới Việt Nam (1932 - 1945)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
135. Nguyễn Ánh Tuyết (1992), *Điều cần biết về sự phát triển của trẻ thơ*, Nxb. Sự thật.
136. Nguyễn Ánh Tuyết (chủ biên) - Nguyễn Thị Như Mai - Đinh Thị Kim Thoa (2014), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
137. Vũ Anh Tuấn (chủ biên) - Phạm Thu Yến - Nguyễn Việt Hùng - Phạm Đặng Xuân Hương (2012), *Giáo trình Văn học dân gian*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
138. Hoàng Tiến Tựu (1990), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam, tập II*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

139. Hoàng Tiến Tựu (1999), *Bình giảng ca dao*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

140. Vân Thanh (1974), "Tìm hiểu đặc điểm của đồng thoại", Tạp chí *Văn học*, số 4.

141. Vân Thanh (1984), "Thơ Trần Đăng Khoa", Tạp chí *Văn học*, số 2.

142. Vân Thanh (1997), *Nghĩ về đội ngũ viết cho các em hôm nay*, Tác phẩm mới, 6/1997.

143. Vân Thanh (1999), *Phác thảo văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

144. Vân Thanh - Nguyên An (2002), *Bách khoa thư Văn học thiếu nhi Việt Nam, Tập một: Tổng quan*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.

145. Vân Thanh (2003), *Văn học thiếu nhi Việt Nam (nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận - tư liệu), tập I*, Nxb. Kim Đồng.

146. Vân Thanh (2003), *Văn học thiếu nhi Việt Nam (nghiên cứu, lý luận, phê bình, tiểu luận - tư liệu), tập II*, Nxb Kim Đồng.

147. Vân Thanh (2006), *Tác giả văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.

148. Chu Thị Hà Thanh (2003), "Ảnh hưởng của đồng dao đối với thơ thiếu nhi hiện đại", Tạp chí *Nguồn sáng dân gian*, 4/2003.

149. Chu Thị Hà Thanh (2015), *Thi pháp đồng dao và mối quan hệ với thơ thiếu nhi*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

150. Khâu Chấn Thanh (2001), *Lý luận văn học nghệ thuật cổ điển Trung Quốc*, (Mai Xuân Hải dịch), Nxb. Văn học, Hà Nội.

151. Nguyễn Bá Thành (1996), *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

152. Nguyễn Quang Thân (1993), "Văn học - hành trang đường đời của trẻ thơ", Tạp chí *Văn học*, số 5.

153. Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

154. Bích Thu (1998), *Theo dòng văn học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

155. Trần Hữu Thung (1978), "Từ trong nguồn văn học dân gian", Tạp chí *Văn học*, số 5.

156. Lê Ngọc Trà (2007), *Văn chương, thẩm mỹ và văn hóa*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

157. Võ Quang Trọng (1998), *Vai trò của văn học dân gian trong văn xuôi hiện đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Việt Nam.

158. Đỗ Bình Trị (1989), "Mấy ý kiến về vấn đề nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học với văn học dân gian", Tạp chí *Văn học*, số 1.

159. Đỗ Bình Trị (1991), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam, tập Một*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

160. Đỗ Bình Trị (1995), *Phân tích tác phẩm văn học dân gian*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

161. Bùi Thanh Truyền - Trần Thị Quỳnh Nga (2010), "Đặc trưng của thơ viết cho thiếu nhi sau 1986", Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2.

162. Bùi Thanh Truyền (2015), *Nẻo vào văn học thiếu nhi*, Nxb. Văn học, Hà Nội

163. Nguyễn Định Trung (1997), "Vè nói ngược - một kiểu đồng dao độc đáo", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 1 (57).

164. Coocnây Trucôpxki, *"Những bí quyết làm thơ hay cho trẻ em"*, Tạp chí *Văn học*, 5/1993.

165. Nguyễn Quang Uẩn (2010), *Tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

166. Phạm Thị Việt (2012), *Hướng dẫn sử dụng các bài đồng dao trong giáo dục mầm non*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

167. Hồ Sĩ Vịnh (1986), *M.Gorki với văn nghệ dân gian*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.

168. Nguyễn Khắc Viện (1974), *Ngây thơ - Một số suy nghĩ về tâm lý và giáo dục trẻ em*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

169. Nguyễn Khắc Viện (1991), *Tâm lý trẻ em hiểu theo phân tâm học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

170. Nguyễn Khắc Viện (1992), *Lòng con trẻ*, Nxb. Phụ nữ, Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em, Hà Nội.

171. L.X. Vưgốtxki (1981), *Tâm lý học nghệ thuật* (Hoài Lam dịch), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

172. A. Xâytlin (1967), *Lao động nhà văn, tập I*, (Hoài Lam và Hoài Ly dịch), Nxb. Văn học, 1967.

173. Ngân Xuyên (1993), "Hội nghị khoa học quốc tế về văn học thiếu nhi ở Ba Lan", Tạp chí *Văn học*, số 5.

174. Phạm Thu Yến (1998), *Những thế giới nghệ thuật ca dao*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

175. http:// www.thuvien - ebook.com.

II. Tác phẩm

176. Phan Tuy An (2001), *Trái Đất và mặt trăng*, Nxb. Phụ nữ, 2001.

177. Long An (tuyển chọn, giới thiệu), (2011), *Thơ thiếu nhi chọn lọc*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

178. Phạm Đình Ân (2007), *Đất đi chơi biển*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

179. Nguyễn Viết Bình (2008), *Mặt trời xanh của tôi*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

180. Huy Cận (1967), *Hai bàn tay em*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

181. Ngô Viết Dinh (1974), *Mầm bé*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

182. Mai Văn Hai (1990), *Bờ ve ran*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

183. Định Hải (1976), *Hươu cao cổ*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

184. Định Hải (2005), *Bài ca Trái đất*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

185. Nguyễn Hạnh (sưu tầm, tuyển chọn), *100 bài đồng dao phổ biến*, Nxb. Trẻ.

186. Đặng Hấn (tuyển chọn) (2003), *Thơ nhớ từ thơ*, Nxb. Văn học, Hà Nội

187. Phạm Hổ (1996), *Chú bò tìm bạn*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

188. Phạm Hổ - Nguyễn Nghiệp (tuyển chọn) (1997), *Những bài thơ em yêu*, Nxb. Giáo dục.

189. Ngô Thị Bích Hiền (1980), *Ông mặt trời*, Nxb. Hà Nội.

190. Phùng Ngọc Hùng (1989), *Bé Hương và mèo con*, Nxb. Hà Nội.

191. Quang Huy (1976), *Gió từ đâu*, Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh xuất bản.

192. Quang Huy (1977), *Chim gọi mùa*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

193. Nguyễn Trọng Hoàn (2011), *Cánh diều khao khát*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

194. Nguyễn Hồng Kiên - Cẩm Thơ - Trần Đăng Khoa (1971), *Em kể chuyện này*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

195. Trần Đăng Khoa (1968), *Góc sân và khoảng trời*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

196. Trần Đăng Khoa (1996), *Góc sân và khoảng trời*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

197. Trần Đăng Khoa - Hà Huy Tuyết - Phạm Sông Hồng - Phạm Sông Đông (1999), *Tuyển tập Phạm Hổ*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

198. Phong Lê (tuyển chọn và viết lời bạt) (1998), *Tuyển tập Võ Quảng, tập II*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
199. Cao Hoàng Long (sưu tầm, biên soạn) (2012), *999 bài đồng dao ba miền*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
200. Nguyễn Tấn Long - Phan Canh (biên soạn) (1998), *Thi ca bình dân ViệtNam*, tập 4, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
201. Nguyễn Thúy Loan - Đặng Diệu Trang - Nguyễn Huy Hồng - Trần Hoàng (1997), *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
202. Trần Gia Linh (tuyển chọn và giới thiệu) (2007), *Kho tàng đồng dao ViệtNam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
203. Vi Thùy Linh (2011), *Chu du cùng ông nội*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
204. Nguyễn Thế Hoàng Linh (2016), *Ra vườn nhặt nắng*, Nxb. Thế giới.
205. Tú Mỡ (2000), *Thơ Tú Mỡ*, Nxb. Kim Đồng.
206. Nguyễn Thị Mai (2003), *Vầng trăng trước nhà*, Nxb. Phụ nữ.
207. Đỗ Nhật Nam (2015), *Đường xa con hát*, Nxb. Lao động.
208. Đỗ Nhật Nam (2015), *Hát cùng những vì sao*, Nxb. Lao động.
209. Nhiều tác giả (1966), *Hai ngôi sao đỏ*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
210. Nhiều tác giả (1974), *Mặt trời xanh*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
211. Nhiều tác giả (1976), *Cây trong vườn* (Tuyển tập văn học thiếu nhi Nghệ Tĩnh), Hội văn nghệ Nghệ Tĩnh xuất bản.
212. Nhiều tác giả (1986), *Tuyển tập thơ thiếu nhi 1945 - 1985*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
213. Nhiều tác giả (1995), *Văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám - Văn học cho thiếu nhi* (phần thơ), Nxb. Văn học, Hà Nội.
214.Nhiều tác giả (1999), *Tuyển tập thơ hay dành cho thiếu nhi, tập 1*, Nxb. Trẻ.
215. Nhiều tác giả (1999), *Tuyển tập thơ hay dành cho thiếu nhi, tập 2*, Nxb. Trẻ.
216. Nhiều tác giả (1999), *Tuyển tập thơ hay dành cho thiếu nhi, tập 3*, Nxb. Trẻ.
217. Nhiều tác giả (1999), *Tuyển tập thơ hay dành cho thiếu nhi, tập 4*, Nxb. Trẻ.
218. Nhiều tác giả (1999), *Tuyển tập thơ hay dành cho thiếu nhi, tập 5*, Nxb. Trẻ.
219. Nhiều tác giả (2000), *Thơ thiếu nhi chọn lọc*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
220. Nhiều tác giả (2005), *Cái sân chơi biết đi*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

221. Nhiều tác giả (2009), *Thơ thiếu nhi*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
222. Nhiều tác giả (2009), *Em như chồi nụ*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
223. Nhiều tác giả (2010), *Tuyển tập những bài thơ thiếu nhi*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
224. Nhiều tác giả (2011), *Sắc màu em yêu*, Nxb. Văn học.
225. Nhiều tác giả (2012), *Thơ thiếu niên Việt Nam và thế giới chọn lọc*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
226. Nhiều tác giả (2017), *Thơ thiếu nhi*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
227. Hoàng Hiếu Nhân (2016), *Quả địa cầu*, Nxb. Kim Đồng.
228. Phan Thị Thanh Nhàn (2016), *Con muốn mặc áo đỏ đi chơi*, Nxb. Kim Đồng.
229. Lữ Huy Nguyên (1975), *Trâu lá đa*, Nxb. Kim Đồng.
230. Trần Thị Ngân - Nguyễn Thị Thu (sưu tầm, biên soạn) (2009), *Đồng dao và trò chơi trẻ em*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
231. Triều Nguyên (tuyển chọn, bình giải) (2008), *Đồng dao người Việt*, Nxb. Thuận Hóa.
232. Vũ Ngọc Phan (1997), *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
233. Xuân Quỳnh (1996), *Bầu trời trong quả trứng*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
234. Đặng Thu Quỳnh (2008), *Tuyển chọn truyện, thơ, câu đố mẫu giáo*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
235. Cao Xuân Sơn (2007), *Mèo khóc chuột cười*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
236. Cao Xuân Sơn (2010), *Con chuồn chuồn đẹp nhất*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
237. Cao Xuân Sơn (2016), *Hỏi lá, hỏi hoa*, Nxb. Kim Đồng.
238. Nguyễn Hoàng Sơn (1987), *Lời chào đi trước*, Nxb. Thanh Hóa
239. Nguyễn Hoàng Sơn (2007), *Dắt mùa thu vào phố*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.
240. Lê Thị Ánh Tuyết (chủ biên) (2008), *Tuyển tập truyện, thơ, câu đố mầm non*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
241. Nguyễn Lãm Thắng (2012), *Giấc mơ buổi sáng*, Nxb. Đại học Huế.
242. Dương Thuấn (2010), *Tuyển tập Dương Thuấn, tập 3, Thơ viết cho thiếu nhi*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội.
243. Dương Thuấn (2014), *Ngựa đen ngựa đỏ*, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội.

PHỤ LỤC TÁC PHẨM KHẢO SÁT

STT	TÊN BÀI THƠ	TÊN TÁC GIẢ	NGUỒN DẪN (tên tập thơ/ sách/ nguồn internet)
1	Dung dăng dung dẻ	Khuyết danh	"Mấy vần tươi sáng", 1952 (Trích từ *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1997)
2	Cò sạch sẽ	Bài hát trẻ con Nam Hương	"Thơ ca mẫu giáo", 1961 (Trích từ *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, 1997)
3	Trâu chăm chỉ		
4	Dung dăng dung dẻ	Nhược Thủy	
5	Lên sáu		
6	Dậy đi		
7	Đi nắng		
8	Tết Nguyên đán	Nguyễn Văn Tiến	
9	Ngày 15-8	Phương Hoa	
10	Ngày 1-6		
11	Con mèo		
12	Hai chị em	Anh Vũ	*Hai ngôi sao đỏ*, Nxb Kim Đồng, 1966
13	Bài ca gọi nghé	Võ Văn Trực	
14	Thi nghé	Huy Cận	*Hai bàn tay em*, Nxb Văn học, 1967
15	Hai bàn tay em		
16	Mỗi sáng mai về		
17	Buổi trưa hè		
18	Gió		
19	Chong chóng		
20	Con tôm		
21	Con sóc		

22	Con bướm vàng	Trần Đăng Khoa	*Góc sân và khoảng trời*, Nxb Kim Đồng, 1968
23	Trông trăng		
24	Trăng sáng sân nhà em		
25	Góc sân và khoảng trời		
26	Con trâu đen lông mượt		
27	Đánh thức trầu		
28	Ò ó o...		
29	Buổi sáng nhà em		
30	Sao không về Vàng ơi?		
31	Mưa		
32	Tiếng võng kêu		
33	Trăng ơi... từ đâu đến		
34	Thả diều		
35	Hương nhãn		
36	Đánh tam cúc		
37	Kể cho bé nghe		
38	Hạt gạo làng ta		
39	Con cò trắng muốt		
40	Lời của than		
41	Nói với con gà mái		
42	Tiếng đàn bầu và đêm trăng		
43	Hương đồng		
44	Đồng chiều		
45	Cháu nhìn trăng đầu tháng		
46	Hỏi đường		
47	Cây dừa		
48	Rồng rắn	Khuyết danh	
49	Chi chi (bài 1)		

50	Thìa la		
51	Nu na		
52	Dung dăng dung dẻ		
53	Bịt mắt bắt dê		
54	Hội Chuột		
55	Xúc xắc xúc xẻ		
56	Chi chi (bài 2)		
57	Thả đỉa		
58	Ông sao		
59	Rồng rắn		
60	Tập tầm vông	Khuyết danh	*Thi ca bình dân*, 1969 (Trích từ *Đồng dao và trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, 1997)
61	Dung dăng (bài 1)		
62	Chim chích chòe		
63	Con chó đảm đang		
64	Cóc đi xe đạp		
65	Thể thao		
66	Kéo gỗ		
67	Gà, vịt		
68	Khỉ ăn trộm		
69	Cam, quýt, mít, hồng		
70	Chuột và mèo		
71	Hồ khoan		
72	Xay lúa		
73	Đi theo phương hướng		
74	Pháo tập tàng		
75	Ếch ộp		
76	Cướp cờ		
77	Dung dăng (bài 2)	Trung Phương	

78	Tết đang vào nhà	Nguyễn Hồng Kiên	*Em kể chuyện này*, Nxb Kim Đồng, 1971
79	Đốt pháo		
80	Chơi cá ngựa		
81	Chiếc xe lu	Trần Nguyên Đào	*Mặt trời xanh*, Nxb Kim Đồng, 1974
82	Đất bãi	Ngô Quân Miện	
83	Lò rèn	Võ Văn Trực	
84	Trưa hè	Thế Hưng	
85	Bài ca của gió	Văn Biển	
86	Nhảy dây	Ngô Viết Dinh	*Mầm bé*, Nxb Kim Đồng, 1974
87	Bìm bìm		
88	Cái vỏ chuối		
89	Dải sú		
90	Trăng tròn		
91	Mời chơi	Lữ Huy Nguyên	*Trâu lá đa*, Nxb Kim Đồng, 1975
92	Chơi lò cò		
93	Tập tầm vông		
94	Lái tàu hỏa		
95	Trâu lá đa		
96	Thuyền lá tre		
97	Thăm bệnh búp bê		
98	Chơi ô ăn quan		
99	Chi chi chành chành		
100	Thả đỉa ba ba		
101	Cái tàu điện		
102	Về quê		
103	Hạt bí ngô		
104	Sao	Nguyễn Trọng Tạo	*Cây trong vườn*, (Tuyển tập văn học thiếu nhi Nghệ Tĩnh), Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh xuất bản, 1976

105	Bà ơi	Nguyễn Xuân Phầu	*Cây trong vườn*, (Tuyển tập văn học thiếu nhi Nghệ Tĩnh), Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh xuất bản, 1976
106	Cửa sổ nhỏ	Quốc An	
107	Cái chậu men	Hồ Uyên	
108	Bươm bướm	Lê Anh Sơn	
109	Cây phi lao	Trần Tĩnh	
110	Dỗ em	Thạch Quỳ	
111	Me ò me ọ		
112	Nhặt cỏ Lào		
113	Bắt chuồn	Xuân Hoài	
114	Đốm sáng đêm mùa hạ	Quang Huy	*Gió từ đâu*, Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh xuất bản, 1976
115	Chuyện ông già làm thuốc và con hổ bị thương		
116	Bài học giữa rừng		
117	Lời		
118	Họ nhà mưa		
119	Tiếng ve		
120	Kể chuyện chim		
121	Chuyện vui về cá		
122	Một trăm thứ hoa		
123	Những chiếc lá gặp nhau		
124	Chân nào tài nhất		
125	Bao nhiêu thứ quả lạ kì		
126	Chẳng phải chuyện đùa		
127	Ông mặt trời	Ngô Thị Bích Hiền	*Ông mặt trời*, Nxb Hà Nội, 1980
128	Ông trăng		
129	Mưa		
130	Hoa sen		
131	Trăng		
132	Nặn đồ chơi	Nguyễn Ngọc Ký	*Bàn tay của bé*, 1985 (Trích từ *Đồng dao và*
133	Bé xếp nhà	Trần Nguyên Đào	

134	Bập bênh	Trần Nguyên Đào	*trò chơi trẻ em người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, 1997)
135	Con nghé		
136	Ô tô ơi	Trần Quốc Anh	
137	Cột điện	Nguyễn Thụy Kha	
138	Tiếng hót	Vũ Ngọc Bình	*Tuyển tập thơ thiếu nhi* (1945 - 1985), Nxb Kim Đồng, 1986
139	Quả bàng đen		
140	Mùa lúa chín	Nguyễn Khoa Đăng	
141	Bận	Trinh Đường	
142	Chiếc lá bàng	Tô Hà	
143	Mưa bóng mây	Tô Đông Hải	
144	Hoa mào gà	Thanh Hào	
145	Lượm	Tố Hữu	
146	Chơi chuyền	Thái Hoàng Linh	
147	Hạt thóc	Nguyễn Đức Mậu	
148	Sang năm con lên bảy	Vũ Đình Minh	
149	Chim bồ câu	Ngô Quân Miện	
150	Hoa mơ		
151	Mè hoa lượn sóng	Thạch Quỳ	
152	Chú mèo đi học	Nguyễn Trọng Tạo	
153	Để lại cho em	Hữu Thỉnh	
154	Chợ chim		
155	Bé thành phi công	Vũ Duy Thông	
156	Gió từ tay mẹ	Vương Trọng	
157	Ra đồng cỏ	Võ Văn Trực	
158	Màu xuân	Xuân Tửu	
159	Cây dây leo		
160	Gốc mùa xuân	Mai Ngọc Uyển	

161	Con mẻo con meo	Phác Văn	*Tuyển tập thơ thiếu nhi* (1945 - 1985), Nxb Kim Đồng, 1986
162	Bàn tính cầu thang	Phan Cung Việt	
163	Sóng	Tạ Hữu Yên	
164	Bàn tay em	Anh Tuấn	*Lời chào đi trước* (in chung), Nxb Thanh Hóa, 1987
165	Đu quay		
166	Mưa xuân		
167	Chú nhện vàng		
168	Mèo con		
169	Mặt trời	Phùng Ngọc Hùng	*Bé Hương và mèo con*, Nxb Hà Nội, 1989
170	Thầm thì		
171	Cái bảng đen		
172	Gió		
173	Chim chìa vôi	Mai Văn Hai	*Bờ ve ran*, Nxb. Kim Đồng, 1990
174	Ngọt như ổi chín		
175	Trái bưởi		
176	Con huơu		
177	Vườn trăng	Nguyễn Liên Châu	*Tuyển thơ thiếu nhi*, Nxb Trẻ, 1995
178	Đi học mùa thu		
179	Đoàn tàu thơ ngây	Lưu Duy Thanh	
180	Hai chàng gà trống	Đoàn Vị Thượng	
181	Bầu trời nhỏ	Hồ Thi Ca	
182	Đôi chân		
183	Chùm thơ làng quê	Phạm Minh Dũng	
184	Dàn nhạc ve	Dương Kỳ Anh	*Văn học cho thiếu nhi*, Nxb Văn học, 1996
185	Mèo con đi học	Phan Thị Vàng Anh	
186	Sắc màu em yêu	Phạm Đình Ân	
187	Bông hoa và mặt trời	Lâm Thị Mĩ Dạ	
188	Cầu chữ Y	Đặng Hấn	

189	Củ khoai nghệ	Trần Nguyên Đào	*Văn học cho thiếu nhi*, Nxb Văn học, 1996
190	Chiếc xe lu		
191	Số 0 tinh nghịch	Dương Huy	
192	Trăng	Thy Ngọc	
193	Bài hát con kiến	Trương Hữu Lợi	
194	Bầu trời trong quả trứng	Xuân Quỳnh	*Bầu trời trong quả trứng*, Nxb Kim Đồng, 1996
195	Cây bàng		
196	Mùa đông nắng ở đâu		
197	Chuyện kể về những dòng nước		
198	Truyện cổ tích về loài người		
199	Tuổi ngựa		
200	Con yêu mẹ		
201	Tại sao gà con sinh ra		
202	Chùm thơ xuân cho ba con nhỏ		
203	Mẹ và con		
204	Quả		
205	Anh Đom Đóm	Võ Quảng	*Tuyển tập Võ Quảng, tập II*, Nxb Văn học, 1998
206	Mời vào		
207	Chị chổi tre		
208	Con bê lông vàng		
209	Xe cút kít		
210	Mời xuống đây chơi		
211	Con nghé		
212	Thỏ con		
213	Chú Chẫu Chàng		
214	Chân mưa		

215	Kêu rét	Võ Quảng	*Tuyển tập Võ Quảng, tập II*, Nxb Văn học, 1998
216	Ai cho em biết		
217	Những khúc gỗ		
218	Chăm học		
219	Phải chung màu lại		
220	Báo mưa		
221	Được! Được!		
222	Gà mái hoa		
223	Một đường dây điện		
224	Những nghệ sĩ		
225	Trong một nhà máy		
226	Ông Cần Trục		
227	Điểm hai		
228	Ngàn sao làm việc		
229	Một chú chó vàng		
230	Ai dậy sớm		
231	Câu chuyện học lái tàu		
232	Con trâu mộng		
233	Con trâu vành đai		
234	Trồng cây		
235	Chú bò tìm bạn	Phạm Hổ	*Tuyển tập Phạm Hổ*, Nxb Văn học, 1999
236	Ngựa con		
237	Sáo đậu lưng trâu		
238	Bê đòi bú		
239	Mèo và tro bếp		
240	Mười quả trứng tròn		
241	Thả diều		
242	Nhảy dây		

243	Bắp cải xanh	Phạm Hổ	*Tuyển tập Phạm Hổ*, Nxb Văn học, 1999
244	Củ cà rốt		
245	Hoa và bướm		
246	Tre		
247	Rong và cá		
248	Lúa và gió		
249	Đất và hoa		
250	Ngủ rồi		
251	Chơi ú tim		
252	Bê hỏi mẹ		
253	Bê đòi bú		
254	Thỏ dùng máy nói		
255	Xe chữa cháy		
256	Ngỗng và Vịt		
257	Thị		
258	Khế		
259	Na		
260	Dứa		
261	Ổi		
262	Sung		
263	Mía		
264	Roi		
265	Đôi dép thần kì		
266	Kim đồng hồ		
267	Hoa sen, hoa đào		
268	Soi gương		
269	Áo mưa		
270	Từ không đến mười		
271	Nước		
272	Mắt		

273	Vui	Phạm Hổ	*Tuyển tập Phạm Hổ*, Nxb Văn học, 1999
274	Vịt		
275	Dưa		
276	Đinh		
277	Kính		
278	Thước		
279	Chổi		
280	Dao và kéo		
281	Rế		
282	Cầu chì		
283	Đôi que đan		
284	Ghế đá		
285	Bàn là		
286	Dây phơi		
287	Cầu		
288	Bảng chỉ đường		
289	Sen nở		
290	Một ông trăng		
291	Máy bay		
292	Trực thăng		
293	Loa truyền thanh		
294	Mưa		
295	Bí bò mặt đất		
296	Con quay		
297	Chuồn chuồn		
298	Cơm		
299	Chim sáo		
300	Vì sao		
301	Thuyền và cá		
302	Bướm em hỏi chị		

303	Sú	Trần Tâm	*Tuyển tập thơ hay dành cho thiếu nhi* (bộ 5 tập), Nxb Trẻ, 1999
304	Phi ngựa	Xuân Tửu	
305	Đường và chân		
306	Hoa sữa	Nguyễn Văn Thắng	
307	Chó mèo kết bạn	Trần Ngọc Tảo	
308	Xiếc	Dương Kỳ Anh	
309	Tên than	Nguyễn Châu	
310	Ông trăng	Phạm Đông Hưng	
311	Tháng ba	Đặng Vương Hưng	
312	Mưa tạnh rồi		
313	Chị ti vi	Nguyễn Thụy Kha	
314	Mùa hạ đi đâu	Hữu Thỉnh	
315	Chuyện rừng	Trương Vĩnh Tuấn	
316	Bé đếm		
317	Bé kể chuyện này		
318	Hoa gạo	Võ Văn Trực	
319	Mèo mẹ ôm con	Trần Lê Văn	
320	Sông đi	Trúc Chi	
321	Mùa thu chín	Nguyễn Hoa	
322	Chạc bảy chạc ba	Thanh Kim	
323	Chuyện nhảy chuyện chơi		
324	Ông và cháu	Tú Mỡ	*Thơ Tú Mỡ*, Nxb Kim Đồng, 2000
325	Ngoan bằng ai		
326	Thương ông		
327	Một trò chơi không thành		
328	Một trò chơi thích thú		
329	Dung dăng dung dẻ		

330	Quả bóng bay	Phan Tuy An	Trái Đất và mặt trăng, Nxb Phụ nữ, 2001
331	Trăng thương		
332	Trăng khuyết		
333	Mặt trời		
334	Gió mùa hạ		
335	Con kênh nho nhỏ		
336	Cái hôn	Lâm Thị Mỹ Dạ	*Thơ nhớ từ thơ*, Nxb Văn học, 2003
337	Khi bé Hoa ra đời	Nguyễn Đức Mậu	
338	Quạt cho bà ngủ	Thạch Quỳ	
339	Con rùa	Ngô Quân Miện	
340	Để chi	Võ Hồng	
341	Trò chơi trận đánh	Trần Ngọc Tảo	
342	Khi ta giở sách ra	Thanh Quế	
343	Bác Trâu	Phi Tuyết Ba	
344	Con trâu	Cao Xuân Thái	
345	Trâu kềnh	Mai Văn Hai	
346	Chim gõ kiến	Nguyễn Như Mai	
347	Quả vải		
348	Ngày hôm qua	Bế Kiến Quốc	
349	Bài hát trồng cây		
350	Chú dế đàn	Trúc Chi	
351	Chuồn chuồn kim	Xuân Hoài	
352	Cây bè bạn	Trần Mạnh Hảo	
353	Cây hoa quỳ vườn em		
354	Cây nhóm lửa	Nguyễn Thái Dương	
355	Dạ lan	Quang Huy	
356	Mùa thu của em		

357	Trống trường	Đặng Hấn	*Thơ nhớ từ thơ*, Nxb Văn học, 2003
358	Đỏ chon chót		
359	Hoa giấy		
360	Con lật đật		
361	Con ve sầu		
362	Vườn cây của ba	Nguyễn Duy	
363	Hoa học thầm	Hoàng Tá	
364	Tuổi ở đâu	Dương Huy	
365	Giọng Bác	Tạ Hữu Yên	
366	Quê hương	Đỗ Trung Quân	
367	Cái giếng	Bùi Tiến Đạt	
368	Bầu trời ca dao	Nguyễn Thị Mai	*Vầng trăng trước nhà*, Nxb. Phụ nữ, 2003
369	Xỉa cá mè, đè cá chép		
370	Cái võng	Định Hải	*Bài ca về Trái Đất*, Nxb Kim Đồng, 2005
371	Đèn đỏ đèn xanh		
372	Con chó và con mèo		
373	Cái nụ		
374	Hươu cao cổ		
375	Chú lợn con		
376	Nhảy dây		
377	Đu quay		
378	Chồng nụ chồng hoa		
379	Cờ tướng		
380	Mưa		
381	Ấm cả hai		
382	Bầy ngựa nhà mẫu giáo		
383	Gọi bạn		
384	Chim non tập chuyền		

385	Cần trục và mặt trăng	Định Hải	*Bài ca về Trái Đất*, Nxb Kim Đồng, 2005
386	Đánh trận giả		
387	Chiếc mo cau		
388	Đu bay		
389	Một mái nhà chung		
390	Mọi thứ cần		
391	Quạt cho quạt	Phạm Đình Ân	*Đất đi chơi biển*, Nxb Văn hóa thông tin, 2007
392	Cây đa già		
393	Bếp vui	Nguyễn Hoàng Sơn	*Dắt mùa thu vào phố*, Nxb Kim Đồng, 2007
394	Vè cái kẹo		
395	Cưỡi ngựa dạo chơi		
396	Cô rùa đỏng đảnh		
397	Nguồn gốc cú đá hậu kinh hồn của họ hàng nhà ngựa		
398	Rượu Thạch Nam		
399	Chuyện vui đêm rằm		
400	Những câu hỏi		
401	Múa rối		
402	Mưa		
403	Đố chữ		
404	Gà mái xanh		
405	Chơi đồ hàng		
406	Dê Ngựa bàn giao		
407	Sự tích rước đèn trung thu		
408	Chuyện ở bờ ao		
409	Một cuộc du lịch		
410	Chuyện bác rùa biết bay		
411	Túi chín gang		

412	Mặt trời xanh của tôi	Nguyễn Viết Bình	*Mặt trời xanh của tôi*, Nxb Giáo dục, 2008
413	Chim chích bông		
414	Hoa kết trái	Thu Hà	*Tuyển chọn truyện, thơ, câu đố mẫu giáo*, Nxb. Giáo dục, 2008
415	Hoa đào, hoa mai	Lệ Bình	
416	Hoa cúc vàng	Nguyễn Văn Chương	
417	Gió từ tay mẹ	Vương Trọng	
418	Giữa vòng gió thơm	Quang Huy	
419	Chiếc cầu mới	Thái Hoàng Linh	
420	Cái bát xinh xinh	Thanh Hòa	
421	Mùa xuân	Tú Mỡ	
422	Hoa hồng và giọt sương	Lương Thùy Diệu	
423	Đàn kiến nó đi	Định Hải	
424	O tròn như trứng vịt	Nguyễn Duy Quế	
425	Hỏi mẹ	Nguyễn Xuân Bồi	*Em như chồi nụ*, Nxb Văn học, 2009
426	Tôi là chim chích	Hoàng Minh Châu	
427	Ao làng	Nguyễn Thị Thanh	
428	Bé thành phi công	Vũ Duy Thông	
429	Bubi... chichooc	Dương Thuấn	*Tuyển tập Dương Thuấn*, tập III, Nxb Hội nhà văn, 2010
430	Những con đường		
431	Trò chơi		
432	Tung còn		
433	Đánh yến		
434	Cuội hát		
435	Hái củi		
436	Nai con		
437	Hươu con		
438	Chú ếch ăn trăng		

439	Chổi rơm thần kì	Dương Thuấn	*Tuyển tập Dương Thuấn*, tập III, Nxb Hội nhà văn, 2010
440	Cây dâu da		
441	Vè rẻo cao		
442	Bà lão và chích chòe		
443	Rùa bị câm		
444	Cá sứt mũi		
445	Cóc thắng trời		
446	Sự tích hồ Ba Bể		
447	Trăng Mã Pí Lèng		
448	Gia Nêm hóa cáo		
449	Ông trăng qua núi		
450	Mở sách ra là thấy	Cao Xuân Sơn	*Con chuồn chuồn đẹp nhất*, Nxb. Kim Đồng, 2010
451	Nhất mẹ, nhì bà...		
452	Hỏi lá, hỏi hoa		
453	Hội diều		
454	Mùa xuân của nghé con		
455	Bánh trăng		
456	Chuyện cu Ròn		
457	Bốn mùa ở đâu		
458	Ăn		
459	Như hươu cao cổ		
460	Con chuồn chuồn đẹp nhất		
461	Đồng hồ nhạc		
462	Sao không nhiều Tết hơn?		
463	Mèo khóc chuột cười		
464	Giọt sương kiêu kì	Nguyễn Trọng Hoàn	*Cánh diều khao khát*, Nxb Giáo dục Việt Nam

465	Mặt trăng và mặt trời	Nguyễn Trọng Hoàn	*Cánh diều khao khát*, Nxb Giáo dục Việt Nam
466	Bình minh tuổi thơ		
467	Yêu lắm trường ơi		
468	Bàn tay cô giáo		
469	Mỗi ngày		
470	Hạt sương		
471	Tâm sự với cây phượng		
472	Khen		
473	Biển trời của bé	Vi Thùy Linh	*Chu du cùng ông nội*, Nxb Kim Đồng, 2011
474	Giáng sinh con		
475	Đồng dao trông trăng		
476	Như là đồng dao		
477	Sấm	Hoài Khánh	*Dắt biển lên trời*, Nxb Kim Đồng, 2012
478	Bí mật		
479	Chú bê láu táu		
480	Trông mưa		
481	Đồng dao		
482	Anh xe lu	Nguyễn Lãm Thắng	*Giấc mơ buổi sáng*, Nxb Đại học Huế, 2012
483	Bác chổi chà		
484	Bạn trong vườn xanh		
485	Cái con chìa vôi		
486	Cái nắng đi chơi		
487	Chăn trâu		
488	Cho bé		
489	Chuồn kim		
490	Con cóc		
491	Con chó bông		
492	Con chuột máy tính		

493	Con quay	Nguyễn Lãm Thắng	*Giấc mơ buổi sáng*, Nxb Đại học Huế, 2012
494	Có một mẹ thôi		
495	Đánh răng		
496	Đồng dao cây		
497	Đồng hồ báo thức		
498	Gạo tắm		
499	Giọt mưa		
500	Giọt sương đêm		
501	Hai chị em		
502	Hay hát đồng dao		
503	Mùa xuân vui		
504	Ông trăng ơi		
505	Ông trăng đêm rằm		
506	Quạt bà, quạt bố		
507	Thả diều		
508	Ti vi		
509	Trò chuyện cùng mèo con	Đỗ Nhật Nam	*Đường xa con hát*, Nxb Lao động, 2015
510	Khúc ru cho bố		
511	Ru bố		
512	Dặn mèo		
513	Tôi gieo nụ cười		
514	Bình yên		*Hát cùng những vì sao*, Nxb Lao động, 2016
515	Làm anh	Phan Thị Thanh Nhàn	*Con muốn mặc áo đỏ đi chơi*, Nxb Kim Đồng, 2016
516	Lời con		
517	Nàng tiên ốc		
518	Học tập	Hoàng Hiếu Nhân	*Quả địa cầu*, Nxb Kim Đồng, 2016
519	Biển		
520	Trăng		

521	Thế giới ru	Nguyễn Thế Hoàng Linh	*Ra vườn nhặt nắng*, Nxb Thế giới, 2016
522	Ai đã từng		
523	Mỗi ngày dậy sớm		
524	Mùa hè sáu tuổi		
525	Thích		
526	Gọi mặt trời		
527	Bạn có biết mùa hè		
528	Con bọ dừa		
529	Tắc đường		
530	Ông mặt trời bị ốm		
531	Bắt nạt		
532	Biển		
533	Facebook		
534	Êm		
535	Ra vườn nhặt nắng		
536	Cộng trừ		
537	Bánh mì		
538	Bé thổi cơm	Võ Thanh An	*Thơ cho thiếu nhi*, Nxb Văn học, 2017
539	Nước mắt cá sấu	Thụy Anh	
540	Anh gà trống		
541	Gà và vịt	Trâm Anh	
542	Giờ chơi của bé	Phạm Thụy Quỳnh Anh	
543	Bé yêu trăng	Lệ Bình	
544	Lời chào	Nguyễn Tiến Bình	
545	Tập gấp máy bay	Lê Bính	
546	Tay ngoan	Võ Thị Như Chơn	
547	Cây nhãn	Kim Chuông	

548	Bé xem tranh		*Thơ cho thiếu nhi*, Nxb Văn học, 2017
549	Em làm thợ xây	Hoàng Dân	
550	Mưa	Nguyễn Diệu	
551	Bé và mèo	Nguyễn Bá Đan	
552	Mẹ và con		
553	Đèn giao thông	Thái Hà	
554	Lá khóc		
555	Hoa nở	Thu Hà	
556	Yêu mẹ	Nguyễn Bao	
557	Chú ngựa bay	Trần Hoạt	
558	Bão	Vũ Thế Hùng	
559	Bé gọi là	Chu Huy	
560	Bé tập đi xe đạp	Cao Thúy Hưng	
561	Cây thược dược	Ngô Quân Miện	
562	Các cô thợ	Thy Ngọc	
563	Quả bóng tròn	Phan Ngọc Quang	
564	Gia đình gà		
565	Mèo con	Phùng Phương Quý	
566	Đồng dao tặng mẹ, tặng ba	Nguyễn Trọng Tạo	
567	Kiến nâu và đoàn tàu		
568	Cuốn chiếu đi tìm bạn		
569	Chuyện con cá đối		
570	Tàu hỏa		
571	Cu Tốp đeo mặt nạ		
572	Bống đi chợ hoa		
573	Gọi nghé	Thanh Thảo	
574	Chú thỏ bông	Thanh Thản	

575	Làng em buổi sáng	Nguyễn Đức Hậu	
576	Kể em nghe chuyện cá	Nguyễn Duy Quế	
577	Đồng dao		
578	Nói với con	Vũ Quần Phương	
579	Bóc lịch	Bế Kiến Quốc	
580	Trăng sáng	Nhược Thủy	
581	Hồ sen		
582	Hảy hày hay		
583	Hoa bìm bìm		
584	Ong và bướm		
585	Ngôi nhà	Tô Hà	
586	Bé quét nhà	Yên Giang	
587	Tiếng ve	Chu Huy	
588	Đồng dao biển cả	Phạm Xuân Nguyên	*Nguồn: Thivien.net*
589	Đồng dao	Lê Thị Năm	
590	Đồng dao	Đặng Huy Giang	
591	Đồng dao về quả	Nguyễn Thị Thủy	
592	Đồng dao về củ	Vương Trọng	
593	Làm quen với số		
594	Bé học toán	Thu Huyền	
595	Tập đếm	Vương Đình Sâm	
596	Cái chuông vú	Hoàng Dạ Thi	
597	Bác gấu đen và hai chú thỏ	Hoàng Hà	
598	Gửi lời chào lớp 1	Theo Hữu Tưởng	
599	Chú bộ đội hành quân trong mưa	Vũ Thùy Hương	
600	Cá vàng	Nguyễn Bao	